



TẠP CHÍ  
*Nghiên cứu*  
**Triết học**

**SỐ 8**  
(17)2024

ISSN 2734 - 990X



**GIÁ TRỊ  
TRUYỀN THỐNG**

**CÔNG BẰNG XÃ HỘI  
TRONG GIÁO DỤC**

**SÁNG TẠO VÀ  
TRÁCH NHIỆM**

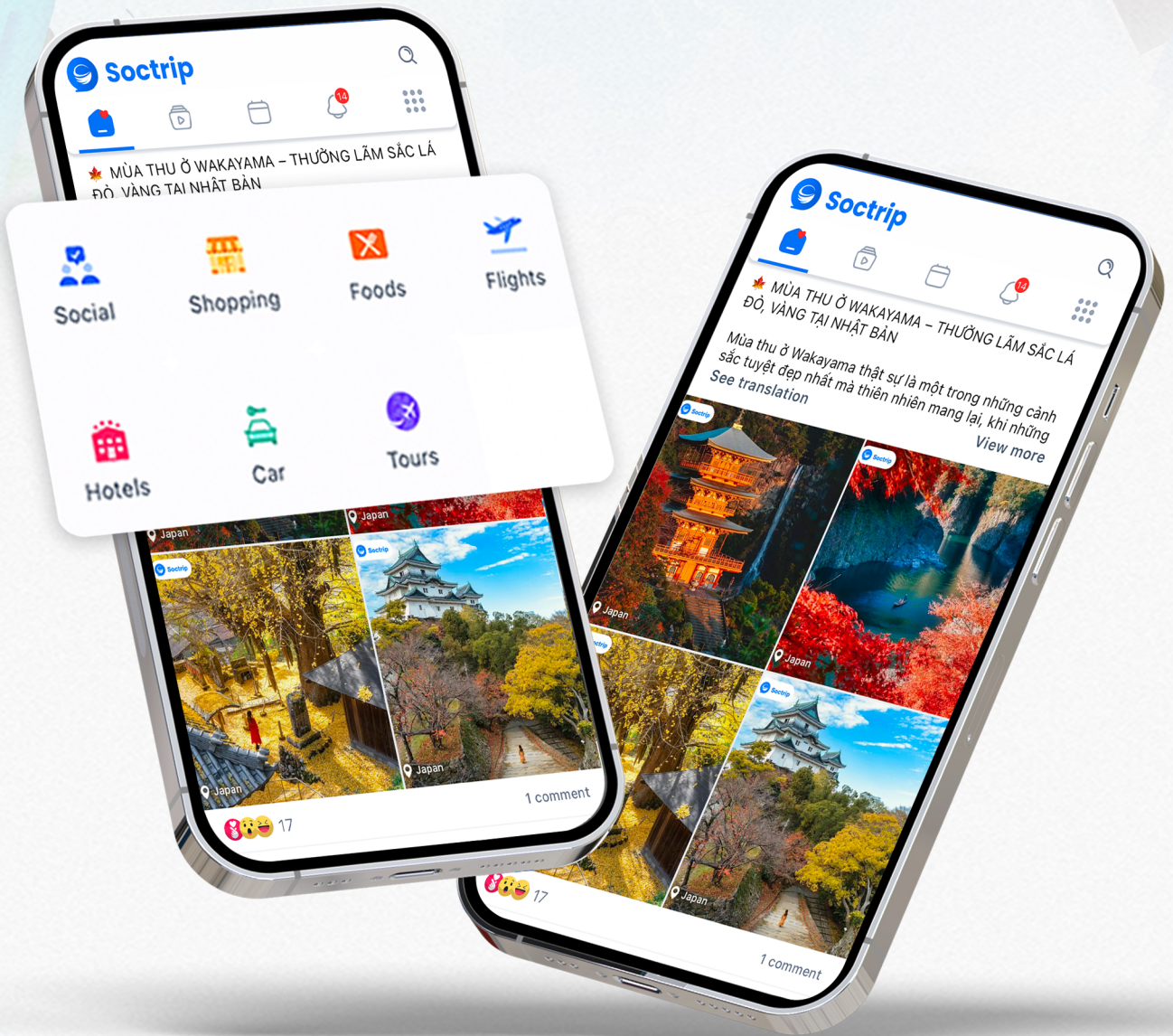
**ĐÊM NHẠC  
"NGƯỜI CON ĐẠO HIẾU"**

**HỘI TRIẾT HỌC VIỆT NAM  
VIETNAM PHILOSOPHICAL ASSOCIATION**

THỎA SỨC XÊ DỊCH, DU LỊCH SIÊU DỄ CÙNG SIÊU ỨNG DỤNG DU LỊCH



# Soctrip



TẢI APP NGAY



TẠP CHÍ  
NGHIÊN CỨU  
TRIẾT HỌC

SỐ 8  
(17) 2024

ISSN: 2734-990X

TẠP CHÍ XUẤT BẢN  
MỖI THÁNG MỘT KỶ

TỔNG BIÊN TẬP  
GS. TS. NGUYỄN TRỌNG CHUẨN

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP  
CHỦ TỊCH

GS. TS. LÊ HỮU NGHĨA

ỦY VIÊN

GS. TS. NGUYỄN TRỌNG CHUẨN

GS. TS. PHẠM VĂN ĐỨC

GS. TS. TRƯƠNG GIANG LONG

GS. TS. TRẦN VĂN PHÒNG

GS. TS. HỒ SĨ QUÝ

PGS. TS. NGUYỄN TÀI ĐÔNG

PGS. TS. NGUYỄN AN LỊCH

PGS. TS. TRƯƠNG NGỌC NAM

PGS. TS. NGUYỄN ANH TUẤN

TS. NGUYỄN THỊ LUYẾN

BAN BIÊN TẬP

TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢNG CÁO  
HALOTIMES

Số 39 đường 37, khu phố 1,  
Phường An Khánh, Thành phố Thủ Đức,  
Thành phố Hồ Chí Minh

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI HÀ NỘI:  
Biệt thự số 34 Lô N07A, Khu đô thị Dịch Vọng,  
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0902 446 140  
Email: info@halotimes.com

GIÁ: 96.000 VNĐ

# MỤC LỤC

<b>I. XÂY DỰNG HỆ GIÁ TRỊ QUỐC GIA</b>		<b>05</b>
PGS.TS. Vũ Hoàng Công	Một số ý kiến có tính lý luận về giá trị và hệ giá trị	05
TS. Nguyễn Thị Thu Hương	Tác động của giá trị truyền thống yêu nước đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý Việt Nam trong điều kiện hiện nay	13
TS. Phạm Đình Khuê	Ảnh hưởng của truyền thống kỹ thuật số lên giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam - Thực trạng và giải pháp	21
<b>II. NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI</b>		<b>28</b>
TS. Phan Thành Nhâm TS. Lê Thị Vinh	Khai sáng dưới góc nhìn của Nikolai Berdyaev	28
TS. Đoàn Thị Quý TS. Vũ Kiều Oanh	Một số lý thuyết về công bằng xã hội trong giáo dục	38
TS. Đinh Quang Thành	Ảnh hưởng của không gian văn hóa xứ Nghệ đến sự hình thành nhân cách phò báng Nguyễn Sinh Sắc	47
ThS. NCS. Phạm Thị Thùy An	Từ quan niệm chung về văn hóa đến khái niệm văn hóa chính trị và cấu trúc, chức năng của nó	53
<b>III. TRAO ĐỔI VỀ TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG</b>		<b>63</b>
ThS. Bùi Thị Hương	Phát huy nguồn lực Islam giáo trong cộng đồng dân tộc Chăm ở Nam Bộ	63
TS. Nguyễn Hữu Thọ Nguyễn Quang Vinh	Quan niệm về thế giới và con người của đạo Cao Đài qua nghi lễ tang ma	70
<b>IV. PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA TRONG KỶ NGUYÊN MỚI</b>		<b>79</b>
TS. Nguyễn Khánh Ngọc TS. Nguyễn Thị Tuyết Nhung TS. Đặng Hà Chi	Nghệ thuật múa truyền thống dân tộc Chăm trong sự phát triển văn hóa và du lịch tại Ninh Thuận	79
TS. Nguyễn Thu Thủy	Phát triển du lịch biên giới Việt Nam - Trung Quốc ở Quảng Ninh trong xu thế hiện đại hóa	87
PGS. TS. Trịnh Hòa Bình	Nghệ sĩ cần cân bằng giữa sáng tạo và trách nhiệm	92
CEO Lê Văn Thương	Đêm nhạc "Người Con Đạo Hiếu": Bản hòa ca tình thân, lan tỏa giá trị gia đình Việt	97
Quách Ngọc	"Mẹ Việt Nam - Gia Đình Việt Nam" mở rộng cơ hội cho sản vật địa phương vươn tầm quốc tế	99
<b>V. CHÂN DUNG NHÀ TRIẾT HỌC</b>		<b>101</b>
TS. Trần Thị Thúy Ngọc	Khổng tử	101
Lương Hiền	Phỏng vấn GS.TS. Nguyễn Trọng Chuẩn	104
Hương Liên (Sưu tầm)	Triết lý cuộc sống	107
<b>VII. TÓM TẮT TIẾNG ANH</b>		<b>108</b>

# CONTENTS

	<b>BUILDING NATIONAL VALUE SYSTEM</b>	<b>05</b>
Assoc. Prof. Dr. Vu Hoang Cong	Some theoretical insights on values and value systems	05
Dr. Nguyen Thị Thu Huong	The impact of the traditional value of patriotism on leadership and management cadres in the current condition of Vietnam	13
Dr. Pham Dinh Khue	The impact of digital media on Vietnam's traditional cultural values: current situation and solutions	21
	<b>STUDY AND DISCUSSION</b>	<b>28</b>
Dr. Phan Thanh Nham Dr. Le Thi Vinh	The Enlightenment from Berdyaev's Perspective	28
Dr. Doan Thị Quy Dr. Vu Kieu Oanh	Some theoretical issues about social justice in education	38
Dr. Dinh Quang Thanh	The influence of Nghe cultural space on the formation of Junior Doctor Nguyen Sinh Sac's character	47
M.A. Pham Thi Thuy An	From the general concept of culture to the concept of political culture and its structure and functions	53
	<b>DISCUSSION ABOUT RELIGION AND BELIEF</b>	<b>63</b>
M.A. Bui Thi Huong	Promoting the islamic resources in the Cham ethnic community in the southern region	63
Dr. Nguyen Huu Thu Nguyen Quang Vinh	Explanation of the world and human beings in the funeral rituals of Cao Dai religion	70
	<b>DEVELOPMENT OF CULTURAL INDUSTRY IN THE NEW ERA</b>	<b>79</b>
Dr. Nguyen Khanh Ngoc Dr. Nguyen Thi Tuyet Nhung Dr. Dang Ha Chi	Traditional dance of the Cham ethnic group in the development of contemporary culture and tourism in Ninh Thuan	79
Dr. Nguyen Thu Thuy	Development of border tourism in Quang Ninh within the modernization trends: Vietnam - China	87
Assoc. Prof. Dr. Trinh Hoa Binh	Artists need to balance creativity and responsibility	92
CEO Le Van Thuong	The Music Night "Children of Filial Piety": Performances of Family Bond, Spreading the Values of Vietnamese Families	97
Quach Ngoc	"Vietnamese Mother - Vietnamese Family": to expand opportunities for local products to reach international prominence	99
	<b>PORTRAIT OF PHILOSOPHERS</b>	<b>101</b>
Dr. Tran Thi Thuy Ngoc	Khongtu	101
Luong Hien	Interview (with Professor Nguyen Trong Chuan)	104
Huong Lien (collected)	Philosophy of Life	107
	<b>ARTICLES' ABSTRACTS IN ENGLISH</b>	<b>108</b>

# XÂY DỰNG

# HỆ GIÁ TRỊ QUỐC GIA

## MỘT SỐ Ý KIẾN CÓ TÍNH LÝ LUẬN VỀ GIÁ TRỊ VÀ HỆ GIÁ TRỊ

PGS.TS. VŨ HOÀNG CÔNG \*

### TÓM TẮT

*Bài viết đặt ra nhiều câu hỏi liên quan đến khái niệm, đặc điểm và con đường hình thành giá trị và hệ giá trị. Sau khi nêu các cách tiếp cận khái niệm giá trị, con đường hình thành giá trị và các hệ giá trị, những đặc điểm quan trọng của giá trị và hệ giá trị như tính tương đồng và khác biệt, tính ổn định và biến đổi, bài viết nêu sự cần thiết phải sàng lọc, bổ sung cho các hệ giá trị và nêu vai trò của các chủ thể trong việc sàng lọc, bổ sung giá trị và hệ giá trị.*



**Từ khóa:** giá trị, hệ giá trị, lý luận về giá trị, lý luận về hệ giá trị.

**Nhận bài:** 09/2024; đưa vào quy trình biên tập: 15/10/2024; duyệt đăng: 25/10/2024.

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trước khi bàn về xây dựng hệ giá trị quốc gia, gia đình, văn hoá, con người...thì một loạt câu hỏi được đặt ra là giá trị và hệ giá trị là gì, nó được hình thành như thế nào? Chúng có vai trò, ý nghĩa gì đối với mỗi cá nhân, gia đình, cộng đồng, tập thể, quốc gia, dân tộc? Tại sao chúng ta phải quan tâm tới việc xác định giá trị và hệ giá trị vào thời điểm này? Vai trò của các chủ thể, nhất là Nhà nước đối với các giá trị và hệ giá trị ra sao?

Để góp phần trả lời các câu hỏi này, xin đề cập tới mấy vấn đề sau.



## 2. GIÁ TRỊ VÀ HỆ GIÁ TRỊ, CON ĐƯỜNG HÌNH THÀNH VÀ VAI TRÒ, Ý NGHĨA CỦA HỆ GIÁ TRỊ

Giá trị được hiểu từ những góc độ nhìn nhận (hay tiếp cận) khác nhau:

*Từ góc độ nhu cầu của con người, giá trị là những gì hữu ích, đáp ứng được nhu cầu của con người.* Và vì nhu cầu thì đa dạng, nhiều mức độ, do đó giá trị cũng sẽ đa dạng, nhiều mức độ: có giá trị vật chất, có giá trị tinh thần, có giá trị ở mức độ thấp (thoả mãn nhu cầu sinh tồn tối thiểu), có giá trị ở mức độ cao (thoả mãn nhu cầu hạnh phúc, sáng tạo, phát triển, hoàn thiện, khẳng định bản thân)

*Từ góc độ hoạt động thực tiễn của con người (lao động sản xuất, chiến đấu) giá trị là những gì con người phải tốn công sức, trí tuệ mới có, do vậy những gì càng mất nhiều mồ hôi, trí tuệ, thậm chí xương máu mới có được thì càng có giá trị hay giá trị càng cao.*

*Từ góc độ tín ngưỡng, tôn giáo, giá trị là những biểu tượng hoặc lời răn thánh thần mà các tín đồ tin theo suốt cuộc đời.*

*Từ góc độ hình thành, hoàn thiện ý thức của con người, giá trị là những gì con người coi là đúng đắn, tốt, đẹp (chân, thiện, mỹ).*

Nhưng dù từ góc độ nào, thì giá trị cũng là điều mà con người quý trọng, nâng niu, gìn giữ (nếu đã có), hoặc phấn đấu để đạt đến (nếu chưa có).

Do vậy, mọi sự xúc phạm tới giá trị - nhất là giá trị của mỗi tôn giáo sẽ luôn gặp phải phản ứng, có khi quyết liệt.

Việc xác định, hay nhận thức ra những điều quý báu, đáng trân trọng, gìn giữ hoặc phải phấn đấu đạt được (tức là các giá trị) là cả quá trình từ tự phát đến tự giác, quá trình trưởng thành, học tập và hoạt động thực tiễn của con người. Các cá nhân khi còn nhỏ chỉ

nhận thức được những giá trị đơn giản, mức độ thấp, gắn với nhu cầu vật chất và sinh tồn đơn giản, chỉ khi lớn lên, đã từng trải, thậm chí phải trả bằng mồ hôi, xương máu của mình thì mới nhận ra những giá trị cao hơn; có những điều ban đầu được coi là đơn giản vì nó luôn hiện diện trong cuộc đời, chỉ khi mất đi người ta mới thấy trân trọng, đáng quý, mới coi là giá trị. Do vậy, đối với mỗi người trưởng thành không chỉ có một mà nhiều giá trị, chúng hợp thành hệ giá trị cá nhân và sẽ ngày càng phong phú theo mức độ phát triển nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người, nên được phân định, sắp xếp, phân loại theo cách nào đó. Chẳng hạn, sắp xếp theo thang bậc, sẽ có giá trị được coi là cao nhất, tối thượng, có giá trị được coi là nền tảng; sắp xếp theo lớp trong, ngoài, thì có giá trị cốt lõi, có giá trị ngoại vi; sắp xếp theo quan hệ phụ thuộc thì có giá trị ban đầu, có giá trị phái sinh...

Các giá trị liên quan nhất định với nhau theo một lát cắt, một phương diện nào đó thì hợp thành hệ giá trị. Chẳng hạn, theo hình thái ý thức khoa học, hình thái ý thức đạo đức, hình thái ý thức thẩm mỹ của con người, thì có hệ giá trị Chân, Thiện, Mỹ. Trong mỗi hệ giá trị đó, có nhiều giá trị với thứ bậc khác nhau, được ưu tiên coi trọng khác nhau.

Cũng vì phụ thuộc vào nhu cầu và hoạt động thực tiễn của con người nên giá trị và hệ giá trị vừa có tính ổn định, vừa có tính biến động. Có những giá trị được trân trọng, đáng quý lâu dài, song có những giá trị được trân trọng, đáng quý trong khoảng thời gian nhất định, có những điều ở giai đoạn này là quý báu, sang giai đoạn kia thì không còn quý báu nữa. Những gì được coi là quý báu, nhưng chưa đạt được thì trở thành mục tiêu, tồn tại lâu dài cùng với quá trình phấn đấu, còn những gì đã đạt được thì dễ bị coi thường, dễ rơi vào quên lãng. Đó là tâm lý phổ biến của con người, nên để duy trì giá trị và hệ giá trị, rất cần sự nhắc nhở, ôn lại về quá khứ, lịch sử.

Các giá trị và hệ giá trị có ý nghĩa với mỗi người và xã hội, bởi lẽ, trước hết nó định hướng cho suy nghĩ và hành động, đem lại cho con người ý nghĩa của cuộc sống. Giá trị và hệ giá trị giúp cho con người phân biệt được đúng và sai, tốt và không tốt, đẹp và xấu, cái cần và nên làm với cái cần và nên tránh. Trong mọi hoạt động, mọi quan hệ xã hội, người ta đem hệ giá trị của mình để soi xét đối tượng, mục tiêu, theo đó có thái độ và hành vi tương ứng. Nói cách khác hệ giá trị giúp cho con người biết xử lý trong các quan hệ pháp lý, đạo đức, thẩm mỹ và cả chính trị, tôn giáo. Người nào không xác định được các giá trị (hệ giá trị) của mình thì sống không có mục đích, sống vô định, trôi nổi, không có tinh thần, không bản sắc. Những người do những cú sốc cuộc đời, rơi vào tình trạng khủng hoảng giá trị, thường không biết nên làm gì, đi đâu, về đâu.

Tương tự như vậy, một cộng đồng, một dân tộc, một quốc gia nếu không có hệ giá trị xác định, hoặc rơi vào trạng thái khủng hoảng giá trị thì sẽ trở nên vô hồn, thiếu bản sắc, thậm chí nguy hiểm vì có thể rơi vào tình trạng hỗn loạn, xung đột xã hội.

### 3. SỰ TƯƠNG ĐỒNG VÀ KHÁC BIỆT TRONG QUAN NIỆM VỀ GIÁ TRỊ

Cá nhân con người sống trong xã hội vừa có cái chung, vừa có cái riêng. Trong quan hệ này, môi trường này thì có điểm chung với những người này và khác với những người kia. Nhưng trong quan hệ kia, môi trường kia thì ngược lại. Các cá nhân sống trong những môi trường, hoàn cảnh xã hội giống nhau, có những nhu cầu giống nhau và có những hoạt động thực tiễn giống nhau thì về cơ bản có chung các giá trị và hệ giá trị, và ngược lại trong các môi trường và hoàn cảnh khác nhau thì có giá trị và hệ giá trị khác nhau. Do vậy, không có gì lạ, những người trong cùng gia đình, dòng họ, cộng đồng dân cư, tập thể, cơ quan... dù không hoàn toàn giống nhau, thậm chí có sự khác nhau về nhận thức giá trị do tính tình, chí hướng, động cơ cá nhân

khác nhau, song về cơ bản có những giá trị giống nhau.

Suy rộng ra, những cá nhân cùng thuộc một tầng lớp, giai cấp, dân tộc, tôn giáo, quốc gia nhất định cũng sẽ có chung hệ giá trị và có sự khác biệt với hệ giá trị của tầng lớp, giai cấp, dân tộc, quốc gia khác. Nếu các cá nhân xác định cho mình hệ giá trị biểu hiện qua ngôn ngữ, hành vi một cách chủ động, có ý thức, thì các giá trị, hệ giá trị chung của cộng đồng, dân tộc, quốc gia được biểu hiện thông qua văn bản và hành vi của những đại diện chính thức cho cộng đồng, dân tộc. Đối với quốc gia, đó là nhà nước với những khẩu hiệu, logo, mục tiêu chiến lược, tuyên ngôn, cương lĩnh của đảng cầm quyền và người cầm quyền... Nó còn được chia sẻ, truyền tải, lan toả bởi văn học, nghệ thuật kể cả chính thống và dân gian.

Nhưng cũng giống với cá nhân, các cộng đồng, tập thể, tầng lớp xã hội, giai cấp hay dân tộc, tôn giáo, quốc gia dù có những hệ giá khác nhau vẫn có những điểm chung nhất định, không bao giờ là hoàn toàn khác biệt. Do vậy, hình thành nên các giá trị chung của nhân loại. Các di sản thiên nhiên hay lịch sử, văn hoá dưới dạng vật thể hay phi vật thể của nhiều dân tộc, quốc gia ngày nay được UNESCO công nhận chính là bằng chứng về các giá trị chung nhân loại.

Sự giống nhau, thậm chí thống nhất về giá trị và ngược lại sự khác biệt về giá trị có tính hai mặt. Sự giống nhau mang tính khách quan, nghĩa là bắt nguồn từ hoàn cảnh giống nhau, nhận thức giống nhau thường đem lại những kết quả tích cực, vì dễ được cảm thông, chia sẻ, khiến mọi người có thể chung sức, đồng lòng trong các hoạt động thực tiễn lao động sản xuất, chiến đấu. Nhưng sự giống nhau mang tính chủ quan, bắt nguồn từ sự cưỡng ép, áp đặt một chiều thường không đem lại kết quả tích cực, rốt cục sẽ là sự phản ứng, chống đối, thậm chí dẫn tới xung đột. Điều này có thể thấy rõ qua các chính sách cưỡng ép, đồng hoá văn hoá, tôn giáo đã từng xảy ra ở nhiều nơi trên thế giới.

Sự khác biệt trong quan niệm về giá trị thường dẫn đến tình trạng khó gắn bó, chia sẻ, thậm chí dễ dẫn đến kỳ thị, thù địch như trong lịch sử đã từng thấy giữa tôn giáo này và tôn giáo kia, quốc gia này và quốc gia kia. Xung đột lại càng dễ xảy ra khi có những thế lực vì mục đích của mình mà lợi dụng sự khác biệt thậm chí cố tình khoét sâu sự khác biệt giá trị giữa các cộng đồng, dân tộc, tôn giáo. Ngược lại, nếu biết tôn trọng sự khác biệt giá trị, coi các hệ giá trị khác nhau bình đẳng với nhau, cố gắng tìm kiếm và phát huy tương đồng, bỏ qua khác biệt, thì không những tránh được xung đột, mà còn làm cho xã hội loài người, mỗi cộng đồng, dân tộc thêm phong phú, đa dạng, nhiều màu sắc. Vì vậy, ngày nay Liên Hợp Quốc đang khuyến khích, cổ vũ cho nền hoà bình dựa trên sự khoan dung, đa dạng văn hoá của các dân tộc, quốc gia.

#### 4. HỆ GIÁ TRỊ VÀ CHUẨN MỤC XÃ HỘI

Con người với tư cách cá nhân, hằng ngày tham gia vào nhiều hoạt động và quan hệ xã hội. Những hành vi của họ thường được định hướng bởi nhu cầu, lợi ích cá nhân và diễn ra trong một giới hạn nhất định (chuẩn mực), căn cứ trên quan niệm về lẽ phải và đạo đức của mỗi người. Trong trường hợp các cá nhân có sự tương đồng về giá trị thì hành động của họ không gây nên xung đột, ngược lại trong nhiều trường hợp dẫn đến xung đột với nhau vì khác nhau về quan niệm giá trị và chuẩn mực hành vi. Để tránh xung đột, Nhà nước thay mặt cho xã hội, căn cứ vào hệ giá trị của mình, sẽ xác định khuôn khổ chung (hay là chuẩn mực chung) cho mọi hoạt động, đưa nó thành quy định bắt buộc phải thực hiện hoặc khuyến khích thực hiện. Đó là các chuẩn mực xã hội. Các văn bản pháp luật được nhà nước ban hành là sự chuẩn mực hoá các hành vi của con người trong các lĩnh vực hoạt động khác nhau. Nó thể hiện sự thừa nhận của nhà nước, của xã hội về cái đúng,

cái tốt, cái đẹp trong hành vi của con người. Nhưng có một thực tế là dù cố gắng đến đâu, không một nhà nước nào có thể chuẩn mực hoá mọi hoạt động của con người. Xã hội càng tự do thì hoạt động của con người càng phong phú, đa dạng, nhà nước sẽ rất khó để quy định chuẩn mực cho mọi hành vi, cho mọi hoạt động của cá nhân. Vì thế các nhà nước sẽ làm theo cách khả thi hơn, là quy định những hành vi bị cấm, nếu vi phạm có thể bị phạt. Thay vì quy định “cần phải” và “nên” thế này hay thế kia cho mỗi hoạt động, nhà nước chỉ quy định “cấm” hoặc “không được” làm một số việc. Ngoài các hành vi bị cấm đó, cá nhân được tự do làm những điều mình muốn. Luật hình sự là ví dụ điển hình của cách này.

Do cách xác định chuẩn mực xã hội như vậy, nên mỗi cá nhân trong xã hội muốn được tự do, không bị vướng vào những rắc rối không cần thiết trong các hoạt động và quan hệ xã hội thì cần phải biết và tuân theo các chuẩn mực xã hội mà nhà nước quy định, trước hết cần biết những hành vi bị cấm, không được làm, sau nữa là những hành vi không nên làm. Hê ghen từng nói “tự do là nhận thức được cái tất yếu” là như vậy.



Ảnh: moitruong.net.vn

## 4. CHỦ THỂ CỦA CÁC HỆ GIÁ TRỊ VÀ SỰ CẦN THIẾT SÀNG LỌC, BỔ SUNG HỆ GIÁ TRỊ TRONG BỐI CẢNH MỚI

Trong 100 năm qua, Việt Nam là đất nước trải qua nhiều biến động, với những giai đoạn phát triển mang đặc điểm rất khác nhau. Ở mỗi giai đoạn, không chỉ lĩnh vực chính trị, kinh tế mà cả lĩnh vực văn hoá, không chỉ toàn xã hội mà cá nhân và gia đình cũng chịu những tác động từ bối cảnh trong và ngoài nước, chịu tác động từ các hệ tư tưởng khác nhau. Sau 30 năm phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, các hệ giá trị cũ và mới đan xen, có những giá trị cũ, lạc hậu nhưng chưa mất đi, có những giá trị mới, tiến bộ nhưng chưa kịp định hình, trở nên phổ biến đã đối diện với những thử thách, đặc biệt là thử thách của đồng tiền. Ngay từ những năm 90 khi kinh tế hàng hoá, thị trường phát triển, Đảng ta đã chỉ ra tình trạng chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng, phô trương, lãng phí, coi trọng đồng tiền ngày càng phát triển. Cùng với điều đó, nhiều giá trị đạo đức được xã hội thừa nhận bị lung lay, chẳng hạn phẩm chất trung thực, thẳng thắn. Ở công sở, cơ quan người ta nói với nhau “thật thà thẳng thắn thì thua thiệt”. Còn trong gia đình, nhiều bậc cha mẹ thay vì giáo dục con cái tinh thần thẳng thắn, trung thực thì dạy bảo con phải biết luồn lách, tận dụng cơ hội, thậm chí không đếm xỉa đến tình nghĩa. Mọi việc khó khăn đều có thể giải quyết bằng tiền theo phương châm “không có việc gì khó, chỉ sợ tiền không nhiều”. Tương tự như vậy, đã có thời tình đồng chí, đồng đội, tinh thần tập thể, cộng đồng “mình vì mọi người, mọi người vì mình” rất được coi trọng, giờ đây bị nhiều người xem xét lại, thậm chí quay lưng. Thay vào đồng chí là “đồng lợi”, thay vào đồng đội là “đồng bọn”. Nhiều người coi mệnh đề “mình vì mọi người” là điều vô lý, chỉ có “mọi người vì mình” mới có lý. Từ thực trạng hàng loạt cán bộ kể cả cấp cao bị phát hiện tham nhũng chứng tỏ trong thời gian dài vừa qua, những phẩm chất cần, kiệm, liêm, chính của người cán bộ, công chức đã bị coi nhẹ. Không ít cán bộ, công chức coi yêu cầu “đối với tự mình phải cần, kiệm,

liêm, chính, chí công vô tư” là không tưởng. Cũng như vậy, những yêu cầu “đối với nhân dân phải kính trọng lễ phép, đối với đồng sự phải thân ái giúp đỡ, đối với Chính phủ phải tuyệt đối trung thành, đối với công việc phải tận tụy” chỉ là khẩu hiệu không thực tế, không thực hiện được.

Nêu một vài ví dụ đó để khẳng định rằng xã hội Việt Nam hiện nay, trong giai đoạn phát triển mới, do sự chuyển đổi và phát triển của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất theo cơ chế thị trường, của hội nhập và giao lưu quốc tế nên *tất cả chủ thể* của các hệ giá trị đều cần phải sàng lọc lại các hệ giá trị của mình để nếu cần thì loại bỏ cái cũ và bổ sung thêm các giá trị mới, phù hợp hơn. Điều này đã từng được Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra ngay sau cách mạng tháng Tám và ra đời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trong cuộc họp của Chính phủ Lâm thời mấy ngày sau Tuyên ngôn Độc lập, Người nêu lên 6 nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trong đó có một nhiệm vụ thuộc về văn hoá: “Chế độ thực dân đã đầu độc dân ta với rượu và thuốc phiện. Nó đã dùng mọi thủ đoạn hòng huỷ hoại dân tộc chúng ta bằng những thói xấu, lười biếng, gian xảo, tham ô và những thói xấu khác. Chúng ta có nhiệm vụ cấp bách là phải giáo dục lại nhân dân chúng ta. Chúng ta phải làm cho dân tộc chúng ta trở nên một dân tộc dũng cảm, yêu nước, yêu lao động, một dân tộc xứng đáng với nước Việt Nam độc lập. Tôi đề nghị mở một chiến dịch giáo dục lại tinh thần nhân dân bằng cách thực hiện: Cần, Kiệm, Liêm, Chính” [1, tr. 7].

Năm 1947, trong bối cảnh chế độ mới còn non trẻ, lại đang bước vào cuộc kháng chiến lâu dài chống kẻ thù mạnh hơn gấp trăm lần. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra cần phải có một lối sống mới, một hệ giá trị và chuẩn mực mới, Người viết cuốn sách *Đời sống mới* với câu mở đầu “Trong lúc kháng chiến cứu quốc, chúng ta đồng thời phải kiến quốc. Thực hành đời sống mới là việc cần kíp

đối với công cuộc cứu quốc và kiến quốc”. Nhưng quan điểm của Hồ Chí Minh là

“Đời sống mới không phải cái gì cũ cũng bỏ hết, không phải cái gì cũng làm mới.

Cái gì cũ mà **xấu**, thì phải bỏ...;

Cái gì cũ mà không xấu nhưng phiền phức thì phải sửa đổi lại cho hợp lý...

Cái gì cũ mà **tốt**, thì phải phát triển thêm...

Cái gì **mới** mà **hay** thì ta phải làm”

[2, tr. 112- 113].

Đây cũng chính là phương châm ngày nay chúng ta cần tuân theo và vận dụng trong việc sàng lọc, bổ sung các hệ giá trị.

Năm 2022, tại Hội nghị toàn quốc về văn hoá, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã có bài phát biểu quan trọng đề cập tới nhiệm vụ phải xác định, xây dựng, phát triển hệ giá trị con người, gia đình, quốc gia. Điều này là rất cần thiết, vì đề cập tới 3 chủ thể quan trọng nhất của văn hoá, trong đó con người (với tư cách cá nhân) là chủ thể của mọi hoạt động và quan hệ xã hội, là nhân tố tạo nên sức sống vật chất, tinh thần của một đất nước, góp phần tạo nên hình ảnh một quốc gia; gia đình là tế bào của xã hội, là nơi mỗi cá nhân được sinh ra, nuôi dưỡng và giáo dục, đặc biệt trong giai đoạn đầu đời để hình thành nên tính cách, tài năng của mỗi người. Còn quốc gia là môi trường rộng lớn với đầy đủ thể chế, vừa ràng buộc, vừa cho phép mỗi cá nhân và gia đình tồn tại, phát triển lâu dài. Quốc gia cũng là chủ thể cơ bản của quan hệ quốc tế.

Song, theo tôi, cũng cần đề cập thêm các chủ thể khác của các hệ giá trị như cộng đồng, tổ chức, cơ quan, đơn vị. Cộng đồng có thể được hiểu là cộng đồng làng, xóm, vùng miền, dòng họ, tộc người hoặc tôn giáo. Tổ chức có thể là tổ chức đảng, Mặt trận, tổ chức chính trị-xã hội trong hệ thống chính trị, có thể là tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội-nghề nghiệp, tổ chức từ thiện, nhân đạo. Cơ quan có thể là hành chính, có thể là

sự nghiệp. Đơn vị có thể là đơn vị thuộc tổ chức dân sự, có thể là đơn vị thuộc tổ chức vũ trang.

Đây cũng là những chủ thể tham gia vào các hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước. Hệ giá trị mà các chủ thể đó tạo ra có ảnh hưởng nhất định đến sự phát triển nhận thức giá trị của các cá nhân, gia đình; góp phần đáng kể vào việc bảo vệ, duy trì hệ giá trị quốc gia, qua đó góp phần đáng kể vào việc tạo dựng hình ảnh, uy tín dân tộc, quốc gia.

Đồng thời, nhìn từ góc độ hoạt động của xã hội thì trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học, giáo dục...cũng cần phải sàng lọc, bổ sung các giá trị mới cho phù hợp với quy luật phát triển của mỗi lĩnh vực và thời đại, bảo đảm các hoạt động đạt được mục tiêu, hiệu quả. Do vậy, nếu nói tới xây dựng hệ giá trị văn hoá, cần phải xác định phạm vi rõ hơn, vì văn hoá theo nghĩa rộng không chỉ bao hàm tri thức, sự hiểu biết trên tất cả các lĩnh vực mà còn bao hàm cả phong tục, tập quán, thói quen; văn hoá cũng không chỉ là lĩnh vực sáng tạo văn học, nghệ thuật, mà còn nằm trong hoạt động chính trị, hoạt động kinh tế, hoạt động khoa học, giáo dục...là những lĩnh vực cũng có hệ giá trị của mình. Ví dụ, giá trị trong hoạt động nghiên cứu, phổ biến khoa học không phải chỉ là kết quả, mà còn là sự trung thực, dũng cảm, liêm chính của nhà khoa học. Nhưng với một số nhà khoa học, một số tổ chức, cơ quan khoa học, những giá trị này dường như bị bỏ qua. Trong lĩnh vực giáo dục cũng có tình hình tương tự. Bệnh chạy theo thành tích, nhằm đạt những con số mang tính chính trị của nhiều trường học, nhiều tập thể nhà giáo trong thời gian qua cũng để lại hậu quả tiêu cực cho giáo dục, làm xói mòn các giá trị vốn có của giáo dục chân chính. Còn trong kinh tế thì sự giả dối về chất lượng, tiêu chuẩn, gian lận về thuế, lừa lọc đối tác, người tiêu dùng...là hiện tượng không hiếm, thậm chí là phương châm của không ít doanh nghiệp và người kinh doanh.

**Liệu văn hoá của dân tộc Việt Nam, của đất nước Việt Nam có thể chấp nhận hệ giá trị lệch lạc của những chủ thể đó không?**

Vậy, các chủ thể của văn hoá có vai trò gì trong việc chấn chỉnh lại các hệ giá trị, các chuẩn mực xã hội? Cần khẳng định rằng, trong vấn đề này các chủ thể đều có vai trò nhất định.

Đối với việc sàng lọc, chấn chỉnh, bổ sung hệ giá trị quốc gia, Đảng, Nhà nước đóng vai trò quyết định, vì “hệ tư tưởng thống trị không thể nào khác là hệ tư tưởng của gia cấp thống trị”. Đương nhiên, trong xã hội dân chủ hiện nay, thực hiện điều này không phải theo cách độc đoán, mà phải bằng phương pháp dân chủ, nghĩa là hệ giá trị quốc gia mà Đảng, Nhà nước xác định, bảo vệ phải phù hợp với ý chí, nguyện vọng của đa số các tầng lớp nhân dân.

Đảng, Nhà nước có vai trò quyết định trong việc xác định, duy trì, bảo vệ hệ giá trị của các tổ chức chính trị, chính trị-xã hội, các tổ chức kinh tế nhà nước, các cơ quan công quyền, các đơn vị dân sự hoặc vũ trang, bởi lẽ đây là các tổ chức do Đảng, Nhà nước lập ra, sử dụng ngân sách nhà nước, thực hiện ý chí và mục tiêu của Đảng, Nhà nước.

Đảng, Nhà nước cũng có vai trò quyết định trong việc xác định hệ giá trị cho những lĩnh vực hoạt động liên quan đến vận mệnh và lợi ích quốc gia, chẳng hạn lĩnh vực quân sự, quốc phòng, an ninh, ngoại giao. Mọi cá nhân, tổ chức, cơ quan đơn vị tham gia vào các hoạt động này phải tuân theo các giá trị và chuẩn mực do Nhà nước định ra, mà không thể tùy theo ý chí, sở thích, nguyện vọng của riêng mình.

Với các lĩnh vực hoạt động lĩnh vực khác như kinh tế, văn hoá, đặc biệt là tín ngưỡng, tôn giáo, Nhà nước tuy không có vai trò quyết định, song có vai trò chi phối, ảnh hưởng nhất định, thông qua việc xác định ranh giới, chuẩn mực về mặt an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Các cá nhân, tổ chức, cơ quan,

đơn vị tham gia vào các hoạt động này, trong khi tuân theo và bảo vệ, gìn giữ các giá trị của riêng mình, phải bảo đảm tuân thủ chuẩn mực do nhà nước xác định.

Đối với hệ giá trị cá nhân, gia đình, cộng đồng, tổ chức xã hội, chỉ có bản thân các chủ thể đó mới quyết định được hệ giá trị của mình. Chỉ có mỗi cá nhân mới xác định cho mình những giá trị mà mình theo đuổi và giữ gìn. Cũng như vậy, chỉ có mỗi gia đình, mỗi cộng đồng, tổ chức dân sự mới tự xác định cho mình những giá trị cần trân trọng, nâng niu, giữ gìn, theo đuổi.

Trong quá trình nhận thức và xác định cho mình hệ giá trị cần theo đuổi, bảo vệ, phát huy, thì sự học tập lẫn nhau, chia sẻ kinh nghiệm của nhau là quan trọng. Nhà nước chỉ có ảnh hưởng nhất định, thông qua chính sách, pháp luật để định hướng, điều chỉnh khi cần và thông qua hệ thống báo chí, truyền thông để tuyên truyền, cổ vũ, động viên, khen ngợi những điển hình, những tấm gương tiêu biểu. Nhà nước cũng có thể tạo điều kiện vật chất để các cá nhân, gia đình, cộng đồng, tổ chức, đơn vị có những điển hình chia sẻ, trao đổi nhận thức, kinh nghiệm, qua đó sàng lọc, bổ sung hệ giá trị của mình.



Ảnh: Báo Dân tộc

## 5. KẾT LUẬN

*Giá trị và hệ giá trị có vai trò quan trọng đối với mỗi cá nhân, gia đình, cộng đồng, tổ chức, cơ quan, đơn vị. Nó cũng cần thiết cho mỗi hoạt động xã hội từ chính trị, đến kinh tế, văn hoá, an ninh, quốc phòng, đối ngoại. Làm sáng tỏ bản chất, biểu hiện, đặc điểm... của giá trị và hệ giá trị xứng đáng là vấn đề của triết học. Có thể khẳng định chủ trương của Đảng, Nhà nước ta xây dựng, phát triển hệ giá trị con người, hệ giá trị gia đình và hệ giá trị quốc gia trong thời điểm hiện nay là đúng đắn và rất cấp thiết. Song, từ góc độ phương pháp luận tiếp cận giá trị và hệ giá trị, xin đề nghị cần đi sâu và cụ thể hơn nữa về các chủ thể và vai trò của các chủ thể trong việc sàng lọc, bổ sung các hệ giá trị của con người Việt Nam, văn hoá Việt Nam.!*

## TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập, t.4*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

2. Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập, t.5*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.



# TÁC ĐỘNG CỦA GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC ĐỐI VỚI CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ VIỆT NAM TRONG ĐIỀU KIỆN HIỆN NAY

TS. NGUYỄN THỊ THU HƯỜNG (\*)

## TÓM TẮT

*Yêu nước là giá trị truyền thống quý báu của dân tộc ta, là phẩm chất đạo đức cơ bản của người cách mạng. Trong điều kiện hiện nay, khi đất nước đang trong giai đoạn phát triển nhanh chóng, hội nhập quốc tế sâu rộng, giá trị truyền thống yêu nước càng có ý nghĩa quan trọng đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý. Người cán bộ lãnh đạo, quản lý có lòng yêu nước sẽ luôn rèn luyện đạo đức cách mạng, có lối sống giản dị, gần dân và gắn bó với nhân dân. Lòng yêu nước thôi thúc họ làm việc hết mình, luôn đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên trên lợi ích cá nhân, luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc để xây dựng đất nước Việt Nam ngày càng giàu mạnh, văn minh.*

**Từ khóa:** yêu nước, truyền thống yêu nước, giá trị truyền thống yêu nước, cán bộ lãnh đạo, quản lý.

**Nhận bài:** 15/09/2024; đưa vào quy trình biên tập: 16/09/2024; duyệt đăng: 25/10/2024

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, cán bộ là “người đem chính sách của Đảng, của Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành. Đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ, để đặt chính sách cho đúng” [6, tr.269]. Ở Việt Nam, cán bộ lãnh đạo, quản lý là người đứng đầu các tổ chức đảng, chính quyền, các đoàn thể nhân dân trong hệ thống chính trị, tham gia định hướng chính trị và chịu trách nhiệm chính khi quyết định những vấn đề quan trọng có ảnh hưởng tới các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Là bộ phận quan trọng trong đội ngũ cán bộ, vai trò của người cán bộ lãnh đạo, quản lý thể hiện trong các mối quan hệ:

đường lối chính sách, tổ chức thực hiện và với dân chúng. Nói cách khác, trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo, quản lý bao hàm việc tham mưu hoạch định đường lối, chính sách, triển khai và tổ chức thực hiện. Với trọng trách to lớn như vậy, người cán bộ lãnh đạo, quản lý không chỉ phấn đấu để có tài năng và trí tuệ, mà còn phải trau dồi đạo đức cách mạng, bên cạnh việc giữ gìn những giá trị đạo đức truyền thống trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Giá trị đạo đức truyền thống, nhất là truyền thống yêu nước, đã tác động đến cán bộ lãnh đạo, quản lý và họ phải làm gì để kế thừa và phát huy giá trị truyền thống đó trong bối cảnh hiện nay?



## 2. NỘI DUNG

### 2.1 Một số khái niệm cơ bản

Khái niệm cán bộ được nêu cụ thể tại khoản 1 Điều 4 Luật Cán bộ, công chức năm 2008. Cán bộ là công dân Việt Nam, được bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ và đáp ứng các điều kiện sau đây: (1) Trong biên chế; (2) Hưởng lương từ ngân sách Nhà nước; (3) Được bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm giữ chức vụ, chức danh trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, cấp tỉnh, ở cấp huyện.

*Cán bộ lãnh đạo* là những người giữ vị trí quan trọng nhất, đứng đầu các tổ chức đảng, chính quyền, các đoàn thể nhân dân trong hệ thống chính trị, có vai trò tham gia định hướng chính trị, chịu trách nhiệm chính khi quyết định những vấn đề quan trọng có ảnh hưởng về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... phù hợp với pháp luật hiện hành.

*Cán bộ quản lý* là những người thực hiện các chức năng quản lý và nhiệm vụ quản lý nhất định trong bộ máy quản lý nhằm đảm bảo cho tổ chức đạt được những mục đích của mình với kết quả và hiệu quả cao. Một cán bộ quản lý được xác định bởi ba yếu tố sau: (1) Có vị thế trong tổ chức với những quyền hạn nhất định trong quá trình ra quyết định quản lý. (2) Có chức năng thực hiện những nhiệm vụ quản lý nhất định trong tổ chức. (3) Có nghiệp vụ để đáp ứng những đòi hỏi nhất định của công việc.

Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước cũng như hiệu quả hoạt động của từng cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị. Họ phải thực hiện ba vai trò cơ bản, bao gồm: vai trò liên kết con người, vai trò thông tin và vai trò quyết định. Do vậy, trách nhiệm đứng đầu và nêu gương của cán bộ lãnh đạo, quản lý là rất lớn.

Yêu nước là tình yêu và sự tận tâm với đất nước và lý tưởng của đất nước. Một niềm tin vững chắc vào sự hưng thịnh của đất nước,

vào một tương lai tươi đẹp của đất nước. Ở Việt Nam, yêu nước trở thành “động lực tình cảm lớn nhất của đời sống dân tộc, đồng thời là bậc thang cao nhất trong hệ thống giá trị đạo đức của dân tộc ta” [5, tr.74]; “Là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ lịch sử Việt Nam từ cổ đại đến hiện đại” [4, tr.100].

*Truyền thống yêu nước* của dân tộc Việt Nam là nét nổi bật trong đời sống văn hóa tinh thần của Việt Nam, là di sản quý báu của dân tộc được củng cố và phát triển qua hàng ngàn năm lịch sử. Đó là truyền thống đạo đức thiêng liêng, là sức mạnh cội nguồn giúp đất nước và cả dân tộc ta vượt qua hàng vạn những khó khăn, thử thách, chiến thắng mọi kẻ thù để tồn tại và phát triển. Biểu hiện của lòng yêu nước được thể hiện khác nhau qua từng thời kỳ lịch sử của dân tộc.

Trong thời kỳ chiến tranh, lòng yêu nước thể hiện ở tinh thần “quyết tử cho tổ quốc quyết sinh”, sẵn sàng lên đường ra trận khi Tổ quốc bị xâm lăng. Không ngại khó khăn, gian khổ thậm chí hi sinh tính mạng để giành độc lập cho dân tộc, thống nhất đất nước. Là hậu phương vững chắc trong tăng gia sản xuất, quyên góp lương thực, thực phẩm chi viện cho tiền tuyến. Sức mạnh của lòng yêu nước thời kỳ này vô cùng lớn lao, là động lực to lớn để đất nước ta có được độc lập, tự do.

Thời kỳ hòa bình, biểu hiện của lòng yêu nước thể hiện ở tinh thần yêu chủ nghĩa xã hội, quyết tâm xây dựng đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nỗ lực phát triển kinh tế - xã hội, chủ động hội nhập quốc tế. Luôn tin tưởng vào vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Không ngừng học tập, lao động để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Lòng yêu nước còn thể hiện qua tình yêu gia đình, tình yêu thương con người với nhau.

Truyền thống yêu nước tác động mạnh mẽ tới lý tưởng sống của mỗi người. Đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, giá trị của truyền thống yêu nước giúp hình thành thế giới quan khoa học và nhân sinh quan tích cực để họ xác định được mục tiêu, lý tưởng rõ ràng và có thái độ chuẩn mực trong công việc.

## 2.2 Những nội dung cơ bản của truyền thống yêu nước đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý hiện nay

### Một là, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, với nhân dân.

Tuyệt đối trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng đòi hỏi mỗi người cán bộ lãnh đạo, quản lý phải có bản lĩnh chính trị rõ ràng và vững vàng, tán thành con đường XHCN ở nước ta; kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, giữ vững sự lãnh đạo của Đảng; tán thành và tham gia tích cực vào công cuộc đổi mới, không mắc mưu các thủ đoạn diễn biến hòa bình của chủ nghĩa đế quốc; tỏ rõ lập trường kiên quyết chống bảo thủ, trì trệ và cơ hội, xét lại; luôn luôn gương mẫu đi đầu trong cuộc đấu tranh với những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống.

Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Người cán bộ lãnh đạo, quản lý không ngần ngại chấp nhận hy sinh bảo vệ con người, bảo vệ nhân dân, chống lại những hành vi “phi nhân tính”. Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với lý tưởng của Đảng, người cán bộ lãnh đạo, quản lý dám dứng cảm nhìn thẳng vào sự thật, đấu tranh bảo vệ cái đúng, chống lại cái sai, không vì lợi ích, địa vị cá nhân, không sợ hãi trước bất cứ sự ép buộc, hoặc áp đặt cá nhân, độc đoán.

### Hai là, nỗ lực học tập không ngừng, nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý

Công cuộc đổi mới của đất nước ta là sự nghiệp to lớn và khó khăn, đòi hỏi mọi cán bộ lãnh đạo, quản lý phải ra sức học hỏi để nắm vững kiến thức, mà trước hết là kiến thức trong lĩnh vực hoạt động của mình, nhằm khắc phục chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa kinh nghiệm. Nếu người cán bộ lãnh đạo, quản lý ngại học tập, tự thỏa mãn với những tri thức đã có sẽ dẫn đến sự lạc hậu, không tiên phong về trí tuệ, do đó, không đủ khả năng để lãnh đạo quần chúng nhân dân

vượt qua những thử thách trong thời kỳ mới. Do đó, đòi hỏi người cán bộ lãnh đạo, quản lý phải là người có kiến thức sâu rộng, hiểu được nhân tình thế thái, luôn chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm.

### Ba là, có ý thức bảo vệ, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

Người cán bộ lãnh đạo, quản lý yêu nước là phải có ý thức tôn trọng, bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Đồng thời, việc tiếp nhận tinh hoa văn hóa nhân loại là nhiệm vụ quan trọng của cán bộ lãnh đạo và quản lý. Điều này không chỉ giúp duy trì bản sắc dân tộc mà còn làm giàu thêm cho văn hóa Việt Nam, tạo điều kiện phát triển đất nước bền vững. Giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc đã được hình thành qua hàng ngàn năm lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, truyền thống văn hóa ấy không phải là cái bất biến mà chúng luôn thay đổi theo sự biến đổi của lịch sử, thay đổi sao cho phù hợp với yêu cầu của xã hội. Cho nên, việc cán bộ lãnh đạo, quản lý tôn trọng, bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc là rất quan trọng đặc biệt trong giai đoạn hiện nay khi đất nước đang tiến hành mở cửa, giao lưu, hội nhập quốc tế.

Trong quá trình giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống dân tộc phải có sự linh hoạt, không bảo thủ mà phải có sự tiếp thu, tiếp nhận có chọn lọc những cái hay, cái tiến bộ trong nền văn hóa của nhân loại. Giữ gìn nền văn hóa dân tộc phải đi liền với việc chống lại những phong tục, tập quán, lễ thói cũ đã lạc hậu và lỗi thời, đồng thời không làm suy giảm các giá trị văn hóa truyền thống mà ngược lại còn phải tạo lập cơ sở vật chất cho sáng tạo văn hóa.



Ảnh: tracuquyhoach.com

## **Bốn là, kiên quyết đấu tranh bảo vệ độc lập - chủ quyền - thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia.**

Lịch sử dân tộc Việt Nam trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, vì vậy mà tình yêu đất nước đã ngấm vào máu thịt của mỗi con người Việt Nam và trở thành truyền thống quý báu của dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết và cho rằng:

*“Dân tộc ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của dân tộc ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và cướp nước”*  
[7, tr. 269].

Như vậy, độc lập - chủ quyền - thống nhất toàn vẹn lãnh thổ là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của mọi quốc gia dân tộc. Là các thành tố hữu cơ không thể tách rời, tạo nên các quyền dân tộc cơ bản của mọi quốc gia. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc là một biểu hiện cao nhất của lòng yêu nước và là nghĩa vụ của mỗi cán bộ lãnh đạo, quản lý. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các cán bộ lãnh đạo và quản lý, những người giữ vai trò quyết định trong việc định hướng và triển khai các chính sách quốc phòng và an ninh

## **Năm là, luôn yêu dân, tin dân, gần dân, học dân và vì dân.**

Người cán bộ lãnh đạo, quản lý phải thật sự tôn trọng quyền làm chủ của dân, gần gũi dân. Họ nói cho dân nghe để tuyên truyền, giải thích các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và nghe dân nói, tiếp thu ý kiến, nguyện vọng chính đáng của dân. Họ thật sự quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của dân, phải đặt mình vào vị trí của dân để kịp thời giải quyết những khiếu nại, tố cáo của dân thuộc trách nhiệm và thẩm quyền của mình đồng thời kiểm tra, đôn đốc

cấp dưới giải quyết những vấn đề thuộc trách nhiệm và thẩm quyền của họ một cách dứt điểm, không để xảy ra tình trạng đùn đẩy trách nhiệm, dây dưa kéo dài, làm cho dân thất vọng và bất bình. Từ đó, làm cho dân tin, dân phục, dân yêu vì dân thấy rõ họ thật sự là công bộc của dân, vì dân mà phục vụ.

Nói cách khác, có yêu dân, có tin dân, có trọng dân, cán bộ lãnh đạo, quản lý mới hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, mới tìm mọi cách phát huy sức mạnh trí lực, nhân lực và tài lực của nhân dân, mới tích cực lắng nghe ý kiến của nhân dân, gặp việc khó phải bàn bạc với dân, kiên quyết đấu tranh với những người vi phạm quyền làm chủ của nhân dân. Có gần dân, cán bộ lãnh đạo, quản lý mới truyền đạt, giảng giải cặn kẽ cho dân về đường lối của Đảng, các chính sách và pháp luật của Nhà nước, chủ trương của địa phương; mới nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân để đề ra các chủ trương, biện pháp phù hợp. Đồng thời, có học hỏi dân, cán bộ lãnh đạo, quản lý mới mở mang, làm giàu thêm hiểu biết của mình bằng trí tuệ sáng tạo và kinh nghiệm phong phú của nhân dân.

### **2.3 Tác động của giá trị truyền thống yêu nước đến cán bộ lãnh đạo, quản lý ở Việt Nam hiện nay**

Lòng yêu nước là một giá trị đạo đức cao đẹp, là động lực thúc đẩy mạnh mẽ mọi hoạt động của con người, góp phần quan trọng vào sự phát triển của đất nước. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý lòng yêu nước có tác động tích cực vô cùng to lớn, thể hiện qua các mặt sau:

#### **Thứ nhất, nâng cao nhận thức về trách nhiệm, bổn phận của bản thân cán bộ lãnh đạo, quản lý.**

Cán bộ, khi được bồi đắp lòng yêu nước, sẽ luôn ý thức được trách nhiệm to lớn của bản thân đối với sự phát triển của đất nước. Họ sẽ nỗ lực học tập, rèn luyện, trau dồi đạo đức, phẩm chất để trở thành những cán bộ có đủ



năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu công việc, góp phần xây dựng đất nước ngày càng giàu mạnh. Cho nên việc, nâng cao nhận thức về trách nhiệm, bổn phận của bản thân cán bộ lãnh đạo, quản lý là một yêu cầu quan trọng trong công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là trong giai đoạn hiện nay. Đây là trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi cán bộ lãnh đạo, quản lý, thể hiện qua những nội dung sau:

**Một là,** nêu cao tinh thần trách nhiệm: Cán bộ lãnh đạo, quản lý cần phải nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của bản thân trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, đặt lợi ích của tập thể, nhân dân lên trên lợi ích cá nhân. Phải luôn gương mẫu về đạo đức, lối sống, ý thức chấp hành pháp luật, quy định của cơ quan, tổ chức.

**Hai là,** phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo: Cán bộ lãnh đạo, quản lý cần phải chủ động trong việc nghiên cứu, học tập, trau dồi kiến thức, kỹ năng để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Phải có tinh thần đổi mới, sáng tạo trong việc giải quyết công việc, có tư duy đột phá, dám nghĩ, dám làm.

**Ba là,** tăng cường rèn luyện phẩm chất đạo đức: Cán bộ lãnh đạo, quản lý cần phải rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, phẩm chất đạo đức của Hồ Chí Minh. Trong bối cảnh hiện nay, việc tăng cường rèn luyện phẩm chất đạo đức của cán bộ lãnh đạo, quản lý đóng vai trò vô cùng quan trọng, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ ngày càng trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

**Thứ hai, thúc đẩy tinh thần sáng tạo, đổi mới của cán bộ lãnh đạo, quản lý.**

Lòng yêu nước thôi thúc cán bộ không ngừng sáng tạo, đổi mới trong công việc,

tìm ra những giải pháp hiệu quả để nâng cao chất lượng công tác, góp phần xây dựng đất nước phát triển. Thúc đẩy tinh thần sáng tạo, đổi mới của cán bộ lãnh đạo quản lý là một nhiệm vụ quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức và phát triển đất nước.

**Thứ ba, tăng cường tinh thần đoàn kết.**

Tinh thần đoàn kết là phẩm chất đạo đức cao đẹp, là sức mạnh to lớn giúp cán bộ lãnh đạo, quản lý hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Trong bối cảnh hiện nay, khi đất nước đang trong giai đoạn phát triển nhanh chóng, hội nhập quốc tế sâu rộng, tinh thần đoàn kết càng có ý nghĩa quan trọng hơn bao giờ hết. Chính vì vậy, lòng yêu nước gắn kết cán bộ lại với nhau, tạo nên sức mạnh tập thể to lớn, giúp họ vượt qua mọi khó khăn, thử thách trong công việc.

**Thứ tư, nâng cao ý thức, trách nhiệm phòng chống tham nhũng, lãng phí.**

Cán bộ lãnh đạo quản lý đóng vai trò quan trọng trong công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí. Họ là những người có thẩm quyền, vị trí, ảnh hưởng lớn trong xã hội, do đó, hành vi của họ có tác động mạnh mẽ đến ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong công tác chống tham nhũng. Cán bộ, khi có lòng yêu nước, sẽ luôn đặt lợi ích của đất nước, của dân tộc lên trên lợi ích cá nhân và gia đình. Họ sẽ kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, góp phần xây dựng đất nước ngày càng liêm chính, văn minh. Do đó, nâng cao ý thức trách nhiệm chống tham nhũng, lãng phí của cán bộ lãnh đạo quản lý là trách nhiệm của mỗi cá nhân và tập thể. Cán bộ lãnh đạo

quản lý cần nêu cao tinh thần trách nhiệm, ý thức gương mẫu, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, góp phần xây dựng Đảng ta ngày càng trong sạch, vững mạnh.

### **Thứ năm, đấu tranh bảo vệ vững chắc Tổ quốc.**

Cán bộ lãnh đạo, quản lý đóng vai trò quan trọng trong việc góp phần bảo vệ Tổ quốc. Họ là những người có thẩm quyền, vị trí, ảnh hưởng lớn trong xã hội, do đó, ý thức trách nhiệm, gương mẫu của họ có tác động mạnh mẽ đến ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong công tác bảo vệ Tổ quốc. Khi Tổ quốc lâm nguy, cán bộ đã được bồi đắp lòng yêu nước, sẽ không ngại hy sinh bản thân để bảo vệ đất nước. Họ sẽ là những người đi đầu trong cuộc chiến đấu chống giặc ngoại xâm, bảo vệ độc lập, tự do cho Tổ quốc. Góp phần bảo vệ Tổ quốc là trách nhiệm của mỗi cán bộ lãnh đạo, quản lý. Cán bộ lãnh đạo, quản lý cần nêu cao tinh thần trách nhiệm, ý thức gương mẫu, kiên quyết đấu tranh chống mọi âm mưu, hành vi xâm phạm an ninh quốc gia, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

#### **2.4 Giải pháp phát huy giá trị truyền thống yêu nước đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý ở Việt Nam trong điều kiện hiện nay**

Lòng yêu nước là một giá trị đạo đức cao đẹp, là động lực to lớn thúc đẩy mỗi cá nhân, mỗi tập thể cống hiến sức mình cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý, lòng yêu nước càng có tầm quan trọng đặc biệt, bởi đây là những người có vai trò lãnh đạo, định hướng và dẫn dắt tập thể. Do đó, việc phát huy ảnh hưởng tích cực của giá trị lòng yêu nước đối với cán bộ là một nhiệm vụ quan trọng, cần thiết. Sau đây là một số giải pháp để phát huy ảnh hưởng tích cực của giá trị lòng yêu nước đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý:

### **Thứ nhất, tăng cường giáo dục lý tưởng, đạo đức cho cán bộ lãnh đạo, quản lý.**

Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng và đạo đức cho cán bộ lãnh đạo, quản lý là một nhiệm vụ quan trọng nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất đạo đức và tinh thần trách nhiệm cao. Tăng cường giáo dục lý tưởng, đạo đức cho cán bộ lãnh đạo, quản lý là một quá trình lâu dài, cần có sự chung tay góp sức của cả hệ thống chính trị. Mỗi cán bộ lãnh đạo, quản lý cần ý thức được trách nhiệm của bản thân, thường xuyên học tập, rèn luyện để xứng đáng với niềm tin của Đảng, nhân dân.

### **Thứ hai, phát huy tinh thần gương mẫu tiên phong của cán bộ lãnh đạo, quản lý.**

Cán bộ lãnh đạo, quản lý đóng vai trò quan trọng trong việc tiên phong và gương mẫu, nhằm xây dựng lòng tin và sự đoàn kết trong tổ chức. Cán bộ cần gương mẫu trong việc chấp hành pháp luật, quy định và có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, từ đó tạo nên một môi trường làm việc minh bạch và công bằng. Cán bộ lãnh đạo, quản lý phải luôn tiên phong trong việc tự học, cập nhật kiến thức mới và khuyến khích nhân viên học hỏi, sáng tạo, nhằm nâng cao hiệu quả công việc và cải tiến quy trình làm việc. Đồng thời, cán bộ lãnh đạo, quản lý phải tạo dựng một văn hóa tổ chức nơi mọi người cảm thấy được tôn trọng, được khuyến khích và được ghi nhận thành quả công việc. Điều này giúp tạo động lực và thúc đẩy tinh thần làm việc của toàn đội ngũ.



### **Thứ ba, tạo môi trường làm việc thuận lợi cho cán bộ lãnh đạo, quản lý.**

Cần tạo môi trường làm việc cởi mở, dân chủ, khuyến khích cán bộ lãnh đạo, quản lý phát huy tinh thần sáng tạo, đổi mới. Đảm bảo cơ sở vật chất nơi làm việc được trang bị đầy đủ và hiện đại, tạo điều kiện làm việc thoải mái và hiệu quả. Nhà nước tạo điều kiện để cán bộ lãnh đạo và quản lý tham gia các khóa đào tạo, hội thảo nhằm nâng cao kỹ năng và kiến thức chuyên môn. Việc học hỏi liên tục giúp họ thích nghi với các thay đổi và nâng cao hiệu quả công việc. Bên cạnh đó, sử dụng các công cụ quản lý hiện đại để hỗ trợ công việc và nâng cao khả năng ra quyết định. Hệ thống quản lý hiệu quả giúp giảm thiểu sai sót và tăng cường sự minh bạch.

### **Thứ tư, phát huy sức mạnh của các tổ chức đoàn thể trong việc thể hiện tình yêu nước của cán bộ lãnh đạo, quản lý.**

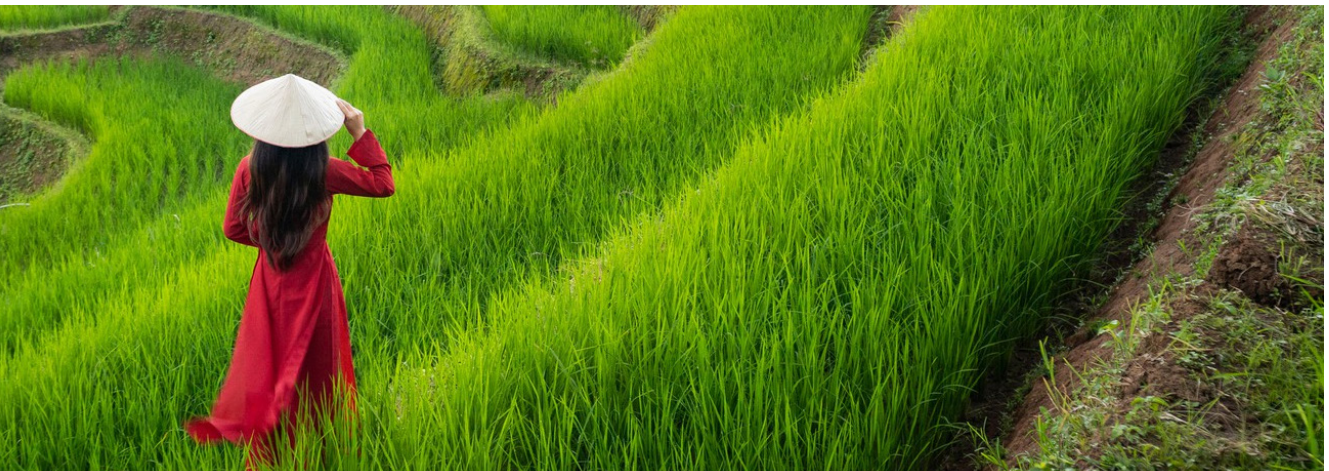
Tổ chức các hoạt động thiết thực, có ý nghĩa để cán bộ thể hiện lòng yêu nước, như tham gia hiến máu tình nguyện, quyên góp ủng hộ người nghèo, tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường. Tạo điều kiện để cán bộ lãnh đạo, quản lý tham gia các hoạt động tình nguyện, công tác xã hội, giúp họ gắn kết với cộng đồng và thể hiện lòng yêu nước qua hành động cụ thể. Các tổ chức đoàn thể cần đẩy mạnh các hoạt động giao lưu, hợp tác với các tổ chức quốc tế, qua đó nâng cao tầm nhìn và khơi dậy lòng tự hào dân tộc ở cán bộ lãnh đạo, quản lý.



Ảnh: baohaiquanvietnam.vn

### **Thứ năm, tăng cường công tác thi đua, khen thưởng.**

Cán bộ lãnh đạo, quản lý đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chung của cơ quan, đơn vị. Do đó, việc tăng cường công tác thi đua, khen thưởng đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý là cần thiết để động viên, khích lệ họ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Việc tăng cường công tác thi đua, khen thưởng đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý sẽ góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, tạo động lực để họ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần xây dựng cơ quan, đơn vị ngày càng phát triển.

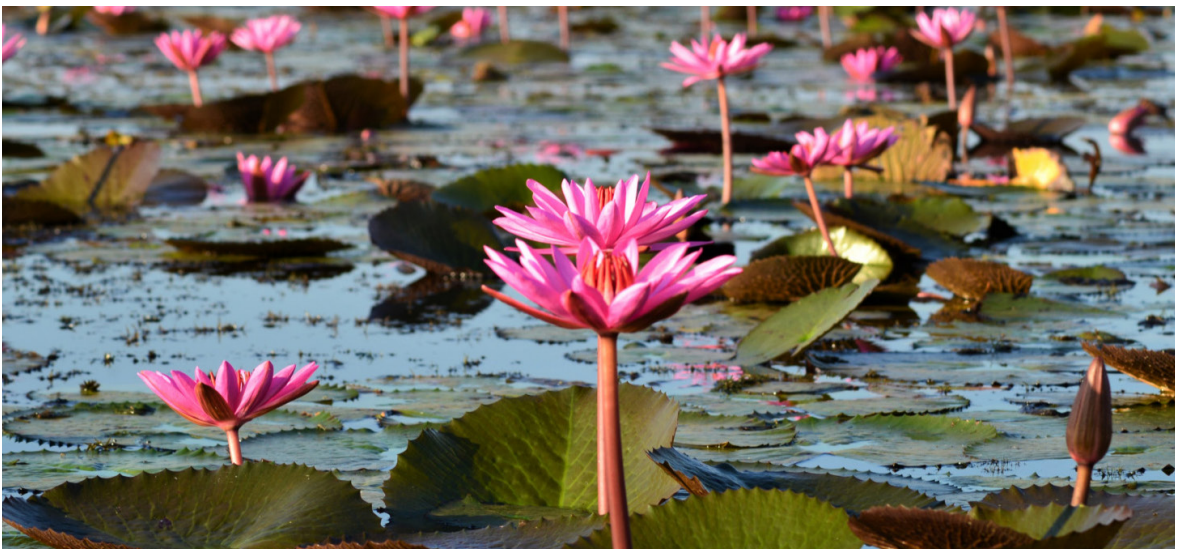


## 5. KẾT LUẬN

*Giá trị truyền thống yêu nước đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý Việt Nam trong điều kiện hiện nay. Đây là nguồn động lực to lớn để họ phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần xây dựng đất nước ngày càng phát triển. Cán bộ lãnh đạo, quản lý có lòng yêu nước sẽ luôn đề cao tinh thần đoàn kết, thống nhất trong mọi hoạt động, tạo sức mạnh to lớn để xây dựng đất nước. Lòng yêu nước thôi thúc cán bộ lãnh đạo, quản lý không ngừng sáng tạo, đổi mới, tìm ra những giải pháp hiệu quả để giải quyết các vấn đề của đất nước. Cán bộ lãnh đạo, quản lý có lòng yêu nước sẽ là tấm gương sáng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân noi theo, góp phần lan tỏa giá trị truyền thống yêu nước trong cộng đồng. Việc phát huy hiệu quả giá trị truyền thống yêu nước đối với người cán bộ là góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, có tinh thần trách nhiệm cao, sẵn sàng cống hiến sức mình cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.*

## TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Ban Tuyên giáo Trung ương (2022): *Tài liệu học tập các văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2018): *Nghị quyết 26- NQ/TW về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ và những vấn đề đặt ra*.  
<https://www.tuyengiao.vn/xay-dung-doi-ngu-can-bo-trong-thoi-ky-moi-tu-tam-nhin-van-hoa-135212>.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Trần Văn Giàu (1980): *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Vũ Khiêu (1993) (Chủ biên): *Tư tưởng Hồ Chí Minh, truyền thống dân tộc và nhân loại*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập, t.5*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
7. Hồ Chí Minh (2000): *Toàn tập, t.7*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
8. Nguyễn Phú Trọng (2022): *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.



# ẢNH HƯỞNG CỦA TRUYỀN THÔNG KỸ THUẬT SỐ LÊN GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

TS. PHẠM ĐÌNH KHUÊ (\*)

## TÓM TẮT



*Bài báo này nghiên cứu về ảnh hưởng của truyền thông kỹ thuật số đối với các giá trị văn hóa truyền thống tại Việt Nam, bao gồm các giá trị gia đình, phong tục tập quán, lễ hội và lối sống. Truyền thông kỹ thuật số, bao gồm mạng xã hội và các nền tảng trực tuyến, đang dần làm biến đổi cách con người tiếp cận, nhìn nhận và tham gia vào các hoạt động văn hóa truyền thống. Qua việc tổng hợp số liệu, nhận định*

*của các nhà quản lý văn hóa và các văn kiện quan trọng của Đảng và Nhà nước, nghiên cứu này cung cấp cái nhìn sâu sắc về những thay đổi trong giá trị văn hóa truyền thống và đưa ra các định hướng nhằm bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Bài báo đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm cân bằng giữa sự phát triển của truyền thông kỹ thuật số và sự duy trì các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam.*

**Từ khóa:** truyền thông kỹ thuật số, văn hóa truyền thống, giá trị gia đình, lễ hội, phong tục tập quán, bản sắc văn hóa, quản lý nội dung, giáo dục văn hóa.

**Nhận bài:** 10/09/2024; đưa vào quy trình biên tập: 10/09/2024; duyệt đăng: 25/10/2024

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong kỷ nguyên số hóa, truyền thông kỹ thuật số đóng vai trò ngày càng quan trọng và không thể thiếu trong đời sống hàng ngày, đặc biệt tại Việt Nam - nơi có hơn 73 triệu người sử dụng internet, trong đó khoảng 70 triệu người sử dụng các nền tảng mạng xã hội phổ biến như Facebook, Zalo, TikTok [1, tr. 15]. Sự phát triển này không chỉ thay đổi cách chúng ta giao tiếp và chia sẻ thông tin mà còn

tác động sâu sắc lên các giá trị văn hóa cốt lõi, vốn gắn liền với bản sắc dân tộc.

Văn hóa truyền thống Việt Nam được xây dựng qua nhiều thế hệ, với các giá trị như lòng hiếu thảo, tinh thần đoàn kết, tình yêu đất nước và tôn trọng phong tục, lễ hội. Tuy nhiên, trước sự lan tỏa mạnh mẽ của truyền thông kỹ thuật số, các giá trị này đang đối mặt với nhiều thách thức, buộc phải thích nghi hoặc thay đổi

để tồn tại. Một khảo sát của Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội (ISR) năm 2023 cho thấy hơn 60% thanh thiếu niên từ 15-24 tuổi có xu hướng sử dụng tiếng Anh và ngôn ngữ quốc tế trên mạng xã hội, có nguy cơ làm suy yếu ngôn ngữ và văn hóa bản địa [4, tr. 45].

Theo lý thuyết về thay đổi văn hóa, văn hóa không ngừng biến động và thích nghi theo sự phát triển xã hội, trong đó truyền thông kỹ thuật số là yếu tố quan trọng thúc đẩy quá trình này. Đảng và Nhà nước đã khẳng định tầm quan trọng của việc “phát triển văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng thời tận dụng công nghệ và truyền thông để bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống” [3, tr. 67]. Nhận thức được vai trò này,

các nền tảng kỹ thuật số không chỉ đóng vai trò kết nối mà còn tạo ra môi trường mới, đòi hỏi các giá trị truyền thống phải có sự điều chỉnh phù hợp.

Bài báo này tập trung phân tích những tác động cụ thể của truyền thông kỹ thuật số lên các khía cạnh của văn hóa truyền thống, gồm giá trị gia đình, phong tục tập quán, lễ hội và lối sống, dựa trên dữ liệu khảo sát, phân tích tài liệu, và ý kiến của các nhà quản lý văn hóa. Từ đó, nghiên cứu đề xuất các định hướng và giải pháp nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam trong bối cảnh truyền thông kỹ thuật số đang phát triển mạnh mẽ.

## 2. THỰC TRẠNG ẢNH HƯỞNG CỦA TRUYỀN THÔNG KỸ THUẬT SỐ ĐẾN GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TẠI VIỆT NAM

Trong bối cảnh truyền thông kỹ thuật số phát triển mạnh mẽ, các giá trị văn hóa truyền thống tại Việt Nam đang chịu những tác động sâu sắc, đa chiều, cả về mặt tích cực lẫn tiêu cực. Thực trạng này bao gồm những ảnh hưởng lên nhiều yếu tố văn hóa như phong tục, lễ hội, gia đình và lối sống. Dưới đây là phân tích cụ thể các mặt tích cực và hạn chế của truyền thông kỹ thuật số đối với các giá trị văn hóa truyền thống tại Việt Nam.

Tết Trung thu, lễ hội Chùa Hương hay các nghi thức dân gian độc đáo như nghi lễ cúng tổ tiên, lễ hội chọi trâu ở Đồ Sơn đều thu hút hàng triệu lượt xem, lượt thích và chia sẻ, giúp tăng cường nhận thức của thế hệ trẻ về những giá trị văn hóa cốt lõi. Nhờ vào mạng xã hội, những phong tục truyền thống có cơ hội tồn tại bền vững trong ký ức tập thể, ngay cả khi không phải ai cũng có thể tham gia trực tiếp.

### 2.1 Những mặt tích cực trong bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống

#### 2.1.1. Lan tỏa rộng rãi các giá trị văn hóa đến nhiều tầng lớp xã hội

Trước khi truyền thông kỹ thuật số phổ biến, việc tiếp cận các giá trị văn hóa truyền thống của Việt Nam gặp nhiều hạn chế về địa lý và phương tiện truyền tải. Ngày nay, các nền tảng kỹ thuật số như YouTube, Facebook và TikTok đã cho phép các nội dung về phong tục tập quán, lễ hội truyền thống được lan tỏa nhanh chóng, không chỉ trong nước mà còn ra quốc tế. Các video về lễ hội Tết Nguyên Đán,

#### 2.1.2. Quảng bá hình ảnh văn hóa Việt Nam ra quốc tế

Với sự phát triển của truyền thông kỹ thuật số, các nét văn hóa đặc sắc của Việt Nam không chỉ giới hạn ở thị trường trong nước mà còn được giới thiệu đến khán giả quốc tế. Các nền tảng như Instagram, YouTube, và TikTok đã giúp quảng bá ẩm thực truyền thống (phở, bún chả, nem rán), trang phục dân tộc (áo dài, áo bà ba), và các di sản văn hóa phi vật thể như quan họ Bắc Ninh, ca trù, hát xoan. Điều này không chỉ giúp nâng cao nhận thức của thế giới về văn hóa Việt Nam mà còn thúc đẩy giao lưu văn hóa, góp phần phát triển du lịch và kinh tế.

Theo báo cáo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, việc quảng bá văn hóa qua mạng xã hội đã giúp hình ảnh Việt Nam trở nên thân thiện và gần gũi hơn trong mắt du khách quốc tế, góp phần thúc đẩy lượng du khách quốc tế đến Việt Nam trong những năm gần đây [2, tr. 28]. Việc lan tỏa văn hóa truyền thống này tạo dựng một nền tảng tự hào dân tộc mạnh mẽ, khi giới trẻ Việt Nam thấy văn hóa của mình được bạn bè quốc tế đón nhận.

### 2.1.3. Lưu trữ và bảo tồn các di sản văn hóa thông qua số hóa

Truyền thông kỹ thuật số cũng là công cụ hữu hiệu trong việc lưu trữ và bảo tồn các di sản văn hóa. Các dự án số hóa tài liệu lịch sử, phim tư liệu, nhạc truyền thống và sách văn hóa đã giúp giới trẻ tiếp cận dễ dàng hơn với kho tàng văn hóa phong phú của dân tộc. Các tác phẩm nghệ thuật, lễ hội truyền thống và những giá trị văn hóa phi vật thể đều được lưu trữ dưới dạng kỹ thuật số, tạo nên kho tư liệu giá trị giúp người dân tìm hiểu và tiếp cận bất cứ lúc nào.

Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhận định: “Công nghệ số không chỉ là công cụ kết nối mà còn là cầu nối bảo tồn giữa quá khứ và tương lai, giúp các giá trị văn hóa trường tồn qua thời gian” [6, tr. 41]. Đây là minh chứng cho vai trò quan trọng của kỹ thuật số trong việc lưu giữ và truyền lại các di sản văn hóa cho thế hệ kế thừa.



Ảnh: godv.vn

## 2.2 Hạn chế và thách thức đối với văn hóa truyền thống từ truyền thông kỹ thuật số

Mặc dù truyền thông kỹ thuật số mang lại nhiều lợi ích trong việc quảng bá và bảo tồn văn hóa, nhưng cũng tồn tại nhiều hạn chế và thách thức, gây tác động tiêu cực đến các giá trị văn hóa truyền thống tại Việt Nam.

### 2.2.1. Sự phai nhạt của ngôn ngữ và giá trị văn hóa dân tộc

Theo khảo sát của Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội (ISR) năm 2023, hơn 60% thanh thiếu niên từ 15-24 tuổi thường sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp trên các nền tảng mạng xã hội, đặc biệt là khi nhắn tin và đăng bài viết [4, tr. 45]. Sự ưu tiên ngôn ngữ nước ngoài trong các hoạt động trực tuyến đang gây ra tình trạng phai nhạt tiếng Việt và làm suy giảm nhận thức về ngôn ngữ dân tộc trong giới trẻ. Điều này không chỉ gây ảnh hưởng đến tính trong sáng của tiếng Việt mà còn làm giảm đi sự gắn kết văn hóa khi nhiều bạn trẻ không biết đến hoặc không hiểu các từ ngữ, tục ngữ truyền thống.

Đây là một thách thức lớn trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa, đặc biệt trong bối cảnh mà tiếng Anh và các ngôn ngữ khác ngày càng phổ biến, trở thành “tiếng mẹ đẻ thứ hai” của một bộ phận giới trẻ.

### 2.2.2. Thay đổi mục đích tham gia lễ hội và phong tục tập quán

Với sự phát triển của mạng xã hội, nhiều người tham gia các lễ hội truyền thống không còn để trải nghiệm và tìm hiểu ý nghĩa sâu sắc của các nghi lễ mà thay vào đó là để “check-in” và phô trương trên mạng xã hội. Theo thống kê của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 60% người tham gia lễ hội truyền thống thừa nhận rằng họ chủ yếu tham gia để chụp ảnh và chia sẻ lên mạng xã hội, thay vì thực sự tôn trọng và thấu hiểu ý nghĩa văn hóa

của các nghi lễ [2, tr. 56]. Điều này khiến các lễ hội mất đi giá trị ban đầu và trở nên mang tính thương mại hóa hoặc hình thức hóa.

Tình trạng này làm cho các lễ hội dần mất đi tính cộng đồng, khiến cho thế hệ trẻ ít quan tâm đến ý nghĩa của các lễ hội và phong tục truyền thống mà chỉ chú ý đến bề nổi và hình thức bên ngoài.

### 2.2.3. Nguy cơ hòa tan và đánh mất bản sắc văn hóa truyền thống

Toàn cầu hóa thông qua truyền thông kỹ thuật số đã đưa các xu hướng văn hóa phương Tây như Halloween, Giáng sinh và Lễ Tình nhân (Valentine) trở nên phổ biến tại Việt Nam, đặc biệt là trong giới trẻ. Những ngày lễ này dần chiếm ưu thế so với các ngày lễ truyền thống của Việt Nam như Tết Nguyên Đán, Tết Trung thu hay ngày giỗ tổ Hùng Vương. Nhiều bạn trẻ hiện nay coi các ngày lễ phương Tây là “hiện đại” và “thời thượng”, trong khi lại coi các phong tục truyền thống là “lạc hậu” hoặc “rườm rà”.

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã cảnh báo về tình trạng này, nhấn mạnh rằng: “Toàn cầu hóa và truyền thông kỹ thuật số đặt ra những thách thức lớn cho việc bảo tồn văn hóa truyền thống và bản sắc dân tộc” [3, tr. 67]. Điều này đòi hỏi sự điều chỉnh từ phía xã hội để giúp thế hệ trẻ nhận thức rõ hơn về giá trị văn hóa dân tộc.

### 2.2.4. Sự phân tán trong mối quan hệ gia đình và suy giảm giá trị gia đình

Sự phát triển của truyền thông kỹ thuật số và mạng xã hội đã làm thay đổi cách thức giao tiếp trong gia đình. Theo PGS. Nguyễn Văn Hiếu, “nhiều thành viên gia đình, đặc biệt là giới trẻ, đang dành nhiều thời gian sử dụng mạng xã hội thay vì trò chuyện và giao tiếp trực tiếp với các thành viên khác” [5, tr. 32]. Điều này có thể làm giảm đi sự kết nối tình cảm trong gia đình, đồng thời làm phai nhạt các giá trị truyền thống như lòng hiếu thảo, tôn trọng và sự tôn kính đối với người lớn tuổi.



Việc trẻ em và người lớn ít tham gia vào các hoạt động gia đình hoặc không có nhiều thời gian dành cho nhau đã dẫn đến sự suy giảm giá trị gia đình. Mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình trở nên xa cách, thay vào đó là sự kết nối ảo qua mạng xã hội, gây ảnh hưởng tiêu cực đến truyền thống gắn kết gia đình trong văn hóa Việt Nam.

Tóm lại, truyền thông kỹ thuật số đã tạo ra những thay đổi lớn đối với văn hóa truyền thống tại Việt Nam. Mặt tích cực của truyền thông kỹ thuật số là giúp quảng bá văn hóa rộng rãi, lưu trữ di sản văn hóa và tạo ra nền tảng kết nối mạnh mẽ để các giá trị văn hóa truyền thống có thể tồn tại và lan tỏa. Tuy nhiên, những hạn chế như phai nhạt ngôn ngữ, biến đổi lễ hội và nguy cơ mất đi bản sắc văn hóa đòi hỏi cần có các biện pháp can thiệp kịp thời. Sự phối hợp từ gia đình, nhà trường và các tổ chức văn hóa là vô cùng quan trọng để đảm bảo văn hóa truyền thống có thể thích nghi và phát triển trong thời đại kỹ thuật số mà vẫn giữ được bản sắc riêng.

### **GIẢI PHÁP BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TRONG BỐI CẢNH TRUYỀN THÔNG KỸ THUẬT SỐ**

Để giảm thiểu những tác động tiêu cực và tối đa hóa lợi ích từ truyền thông kỹ thuật số trong việc bảo tồn văn hóa, cần có những giải pháp toàn diện từ chính quyền, tổ chức giáo dục, gia đình và cộng đồng. Các giải pháp sau đây nhằm bảo vệ và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống trong bối cảnh truyền thông kỹ thuật số phát triển mạnh mẽ.

#### **3.1 Giáo dục văn hóa truyền thống cho thế hệ trẻ trong môi trường học đường**

Tích hợp nội dung văn hóa truyền thống trong chương trình học. Việc giảng dạy các giá trị văn hóa truyền thống cần được lồng ghép vào chương trình học ở mọi cấp học, từ tiểu học đến đại học. Điều này giúp học sinh,

sinh viên hiểu rõ hơn về phong tục, tập quán, lịch sử và giá trị văn hóa của dân tộc, từ đó xây dựng ý thức gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa.

Tổ chức các hoạt động ngoại khóa văn hóa. Các cuộc thi tìm hiểu văn hóa, ngày hội văn hóa truyền thống, hội thảo, và các buổi tham quan di tích lịch sử sẽ giúp học sinh trải nghiệm thực tế, từ đó phát triển lòng tự hào dân tộc và ý thức bảo tồn văn hóa.

Sử dụng phương tiện kỹ thuật số trong giáo dục văn hóa. Phát triển các tài liệu giáo dục văn hóa dưới dạng video, tài liệu tương tác, ứng dụng học tập trực tuyến về văn hóa Việt Nam giúp học sinh tiếp cận dễ dàng hơn với văn hóa dân tộc qua các kênh truyền thông quen thuộc của giới trẻ.

#### **3.2 Phát triển nền tảng truyền thông chuyên biệt về văn hóa truyền thống**

Xây dựng các website và ứng dụng về văn hóa dân tộc. Các nền tảng này nên cung cấp thông tin về phong tục, tập quán, lễ hội, ẩm thực và di sản văn hóa Việt Nam. Các website hoặc ứng dụng này có thể bao gồm các chức năng như tư liệu học tập, hướng dẫn các nghi lễ truyền thống, và thông tin về các lễ hội.

Quảng bá văn hóa truyền thống qua mạng xã hội. Các tài khoản mạng xã hội chính thức của các cơ quan văn hóa nên đăng tải thường xuyên các nội dung liên quan đến văn hóa dân tộc để thu hút sự quan tâm của giới trẻ. Ví dụ, việc phát hành video ngắn về phong tục tập quán trên TikTok hoặc YouTube sẽ giúp văn hóa truyền thống dễ dàng tiếp cận và thu hút hơn.

Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong bảo tồn văn hóa trực tuyến. Khuyến khích cộng đồng mạng chia sẻ và lan tỏa các nội dung liên quan đến văn hóa truyền thống, góp phần tạo nên một mạng lưới quảng bá văn hóa mạnh mẽ, giúp các giá trị văn hóa Việt Nam lan rộng hơn trong xã hội.

### 3.3 Tăng cường vai trò của gia đình trong việc giáo dục văn hóa truyền thống

Thúc đẩy tương tác văn hóa gia đình. Gia đình cần tổ chức các buổi trò chuyện về văn hóa, các buổi kể chuyện về lịch sử và phong tục truyền thống nhằm giúp con cái hiểu và tự hào về bản sắc dân tộc. Đặc biệt, các lễ hội và ngày lễ truyền thống trong gia đình nên được tổ chức nghiêm túc và đầy đủ, mang lại không gian văn hóa ấm cúng và gắn kết.

Khuyến khích sự tham gia của gia đình trong các hoạt động văn hóa. Các gia đình nên cùng nhau tham gia vào các sự kiện, lễ hội truyền thống, thăm di tích lịch sử, hoặc tham gia các lễ nghi tại địa phương. Sự gắn bó và đồng hành của gia đình trong những dịp này giúp các thành viên, đặc biệt là trẻ nhỏ, xây dựng ý thức trân trọng và gìn giữ văn hóa truyền thống.

Hạn chế thời gian sử dụng thiết bị điện tử trong gia đình. Gia đình cần kiểm soát thời gian sử dụng các thiết bị điện tử của trẻ em, đặc biệt là trong các bữa ăn và các buổi trò chuyện gia đình. Điều này không chỉ giúp gia tăng sự kết nối giữa các thành viên mà còn tránh sự phụ thuộc quá mức vào công nghệ, ảnh hưởng đến các giá trị văn hóa truyền thống.

### 3.4 Xây dựng chính sách quản lý nội dung trên mạng xã hội nhằm bảo vệ văn hóa truyền thống

Kiểm duyệt nội dung phản cảm. Các nền tảng mạng xã hội cần hợp tác với các cơ quan chức năng để kiểm duyệt nội dung có thể gây tổn hại đến giá trị văn hóa truyền thống, bao gồm các nội dung bạo lực, khiêu dâm, vi phạm thuần phong mỹ tục hoặc có tính phản văn hóa.

Quy định rõ ràng về quảng bá văn hóa dân tộc. Các cơ quan văn hóa và doanh nghiệp truyền thông cần có hướng dẫn rõ ràng về việc quảng bá các nội dung văn hóa truyền thống để đảm bảo rằng các giá trị này được

truyền tải một cách chân thực và đúng đắn đến công chúng.

Nâng cao nhận thức người dân về bảo vệ văn hóa truyền thống. Cần có các chiến dịch truyền thông và tuyên truyền rộng rãi để nâng cao ý thức cộng đồng về tầm quan trọng của việc bảo vệ văn hóa truyền thống, đặc biệt là đối với giới trẻ. Các chiến dịch này có thể nhấn mạnh vai trò của mỗi cá nhân trong việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc.

### 3.5 Xây dựng chính sách quản lý nội dung trên mạng xã hội nhằm bảo vệ văn hóa truyền thống

Xây dựng các dự án truyền thông văn hóa số. Các tổ chức văn hóa nên hợp tác với các công ty công nghệ để phát triển các dự án truyền thông số, như ứng dụng học tập về văn hóa dân tộc, các website lưu trữ dữ liệu văn hóa, và các tài liệu giảng dạy về phong tục tập quán Việt Nam.

Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào bảo tồn văn hóa truyền thống. Nhà nước có thể đưa ra các chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp đầu tư vào các dự án văn hóa, như tài trợ các lễ hội, bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể và phát triển các nền tảng kỹ thuật số chuyên về văn hóa.

Tổ chức các cuộc thi và sáng kiến về bảo tồn văn hóa. Các cuộc thi sáng tạo về văn hóa và di sản, hoặc các chương trình kêu gọi cộng đồng tham gia bảo tồn văn hóa qua mạng xã hội, sẽ thu hút sự tham gia của giới trẻ và thúc đẩy lòng tự hào dân tộc.

## 5. KẾT LUẬN

*Giá trị truyền thống yêu nước đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý Việt Nam trong điều kiện hiện nay. Đây là nguồn động lực to lớn để họ phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần xây dựng đất nước ngày càng phát triển.*

*Cán bộ lãnh đạo, quản lý có lòng yêu nước sẽ luôn đề cao tinh thần đoàn kết, thống nhất trong mọi hoạt động, tạo sức mạnh to lớn để xây dựng đất nước. Lòng yêu nước thôi thúc cán bộ lãnh đạo, quản lý không ngừng sáng tạo, đổi mới, tìm ra những giải pháp hiệu quả để giải quyết các vấn đề của đất nước. Cán bộ lãnh đạo, quản lý có lòng yêu nước sẽ là tấm gương sáng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân noi theo, góp phần lan tỏa giá trị truyền thống yêu nước trong cộng đồng. Việc phát huy hiệu quả giá trị truyền thống yêu nước đối với người cán bộ là góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, có tinh thần trách nhiệm cao, sẵn sàng cống hiến sức mình cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.*

## TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bộ Thông tin và Truyền thông (2024): *Báo cáo về sử dụng mạng xã hội tại Việt Nam*. Truy cập từ <https://mic.gov.vn>.
2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2023): *Báo cáo về quảng bá văn hóa Việt Nam qua mạng xã hội*. Truy cập từ <https://bvhttdl.gov.vn>.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Báo cáo chính trị tại ĐH. XIII của Đảng, về phát triển văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. ISR - Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội (2023): *Khảo sát về sử dụng ngôn ngữ trên mạng xã hội của thanh thiếu niên Việt Nam*. Truy cập từ <https://isr.org.vn>.
5. Nguyễn Văn Hiếu (2023): *Nghiên cứu về ảnh hưởng của truyền thông kỹ thuật số đến mối quan hệ gia đình tại Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
6. Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2024): *Phát biểu về vai trò của công nghệ trong bảo tồn di sản văn hóa*.



# 2 NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

## KHAI SÁNG DƯỚI GÓC NHÌN CỦA NIKOLAI BERDYAEV

TS. PHAN THÀNH NHÂM \*  
TS. LÊ THỊ VINH \*\*

### TÓM TẮT

*Nikolai Berdyaev (1874-1948) là triết gia Nga nổi tiếng thế giới trong thế kỷ XX. Ông đã đưa ra những quan điểm sâu sắc về Khai sáng và những tác động của nó đối với con người và xã hội hiện đại. Nghiên cứu quan điểm của Berdyaev về Khai sáng sẽ cung cấp góc nhìn phản biện đối với các giá trị Khai sáng, vốn thường được đánh giá cao về khía cạnh tiến bộ xã hội, đồng thời khẳng định tầm quan trọng của việc giữ gìn các giá trị tâm linh và siêu hình học trong sự phát triển toàn diện của con người. Dựa trên cơ sở khảo cứu các tác phẩm của Berdyaev, đặc biệt là tác phẩm "Ý nghĩa của lịch sử", bài viết sẽ tập trung phân tích những nội dung chính sau: (1) Bản chất của Khai sáng nhìn từ quan điểm của Berdyaev; (2) Những hạn chế của thời kỳ Khai sáng (3) Giải pháp của Berdyaev trong việc dung hòa những giá trị tiến bộ của Khai sáng với nhu cầu tìm kiếm cội nguồn siêu hình và đời sống tinh thần nhằm tạo ra một xã hội phát triển cân bằng cả về mặt lý trí và tâm linh.*

**Từ khóa:** Berdyaev, Khai sáng, lý trí, trí tuệ.

**Nhận bài:** 09/2024; đưa vào quy tình biên tập: 15/10/2024; duyệt đăng: 25/10/2024.

### 1. DẪN NHẬP

Nikolai Berdyaev (1874-1948), một trong những nhà triết học nổi bật của thế kỷ XX, đã đưa ra những quan điểm sâu sắc về Khai sáng và những tác động của nó đối với con người và xã hội hiện đại. Với nền tảng triết học Kitô giáo và quan niệm duy linh về sự tồn tại, Berdyaev đã phê phán mạnh mẽ Khai sáng vì sự tập trung quá mức vào lý trí và khoa học, bỏ qua các khía cạnh tâm linh và đạo đức của con người. Đối với Berdyaev, sự thống trị của lý trí và chủ nghĩa duy vật



trong thời kỳ Khai sáng đã làm suy yếu mối liên kết tâm linh của con người với Thượng đế, dẫn đến sự khủng hoảng của thế giới hiện đại. Theo ông, con người không chỉ là một sinh vật lý trí mà còn là một thực thể tâm linh và sự bỏ quên khía cạnh tâm linh sẽ dẫn đến sự thiếu sót trong hành trình tìm kiếm chân lý của nhân loại. Trong quan điểm về Khai sáng, Berdyaev đã đặt ra những câu hỏi sâu sắc về bản chất của con người và vai trò của lý trí trong việc định hình cuộc sống cá nhân và xã hội. Ông cho rằng, Khai sáng đã mở ra những cánh cửa mới cho tri thức và sự tiến bộ, nhưng nó đồng thời cũng góp phần tạo ra một thế giới vô hồn, thiếu đi sự phong phú của tâm linh và đạo đức. Đặc biệt, Berdyaev nhấn mạnh rằng sự quá mức tôn sùng lý trí có thể dẫn đến những hệ lụy tiêu cực như sự vô cảm và thờ ơ của con người đối với những giá trị tinh thần.

Trong bài viết này, chúng tôi sẽ khám phá sâu hơn về bản chất của Khai sáng dưới góc nhìn của Berdyaev và cách ông phê phán Khai sáng, đồng thời làm rõ những giá trị tâm linh mà ông đề cao trong hành trình tìm kiếm chân lý của con người. Đặc biệt, chúng tôi sẽ luận giải những giải pháp Berdyaev dung hòa giữa lý trí của Khai sáng và nhu cầu về tâm linh, nhằm mở ra một quan điểm triết học toàn diện hơn, nơi con người được nhìn nhận không chỉ qua tư duy duy lý mà còn qua mối liên kết sâu sắc với thế giới tâm linh. Điều này sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn về những thách thức và cơ hội mà Khai sáng mang lại, cũng như làm nổi bật những khía cạnh mà nó còn bỏ ngỏ, theo góc nhìn của Berdyaev.



## 2. BẢN CHẤT CỦA KHAI SÁNG

Khai sáng (Enlightenment) thường được nhận thức là một phong trào trí tuệ lớn của thế kỷ XVIII tại châu Âu, nhưng nó không chỉ thuộc về phương Tây và quá khứ, mà còn thuộc về thế giới và hiện tại [6, tr. 1]. Khai sáng là gì? Theo Kant, Khai sáng là sự thoát ly của con người ra khỏi tình trạng vị thành niên do chính con người gây ra - tức là tình trạng mà một cá nhân không thể tự mình sử dụng lý trí để hiểu biết thế giới, mà phải dựa vào sự chỉ dẫn của người khác. Điều này không phải do họ thiếu năng lực hiểu biết mà do họ thiếu sự quyết tâm và can đảm để suy nghĩ độc lập. Phương châm của Khai sáng, “Sapere aude!” (Hãy dũng cảm sử dụng sự hiểu biết của chính mình), phản ánh rõ tinh thần này [5, tr. 58]. Đây là lời kêu gọi con người hãy tin tưởng vào khả năng lý trí của bản thân và vượt qua sự sợ hãi, lệ thuộc vào các thế lực hoặc quy chuẩn từ bên ngoài. Đối với Kant, trưởng thành về trí tuệ (intellectual maturity) là khả năng sử dụng lý trí của mình một cách tự chủ, mà không phụ thuộc vào sự chỉ đạo của người khác. Đây là một bước tiến quan trọng trong việc đạt được quyền tự chủ đạo đức (moral autonomy), nơi cá nhân có khả năng tự quyết định những nguyên tắc đạo đức mà mình tuân theo, thay vì bị áp đặt bởi xã hội hoặc truyền thống.

Jürgen Habermas, trong tác phẩm *Philosophical Discourse of Modernity (Diễn ngôn triết học về tính hiện đại)*, đã tiếp tục mở rộng và diễn giải quan niệm của Kant về Khai sáng. Theo Habermas, Khai sáng không chỉ là một phong trào phản đối những thần thoại và truyền thống áp đặt mà còn là một lực lượng phản kháng với sức mạnh tập thể. Habermas viết: “Trong truyền thống Khai sáng, tư duy khai sáng được hiểu là một sự đối lập và lực lượng phản kháng với thần thoại. Là đối lập, bởi nó đối lập lý lẽ tốt hơn với tính quy phạm áp đặt của một truyền thống liên kết qua các thế hệ; là lực lượng phản kháng, bởi vì những hiểu biết được tiếp nhận cá nhân và chuyển hóa thành động cơ, nó được cho là phá vỡ bùa chú của các quyền lực tập thể” [4, tr. 107].

Cả Kant và Habermas đều nhấn mạnh rằng Khai sáng không chỉ là một phong trào của quá khứ mà còn mang giá trị hiện đại. Khai sáng không chỉ giúp con người giải phóng khỏi các ràng buộc về tư tưởng trong thế kỷ XVIII mà còn là công cụ tư duy để đối phó với những thách thức trong thế giới hiện đại. Ngược lại, Berdyaev đã có cái nhìn phê phán về Khai sáng. Ông cho rằng, Khai sáng đã dẫn đến khủng hoảng nhân văn khi đặt quá nhiều niềm tin vào khoa học và kỹ thuật, khiến con người mất đi kết nối với tự nhiên và trở thành phụ thuộc vào máy móc. Berdyaev đã nhấn mạnh tầm quan trọng của yếu tố tâm linh và tự do nội tâm, phản đối tư tưởng duy lý cứng nhắc mà Khai sáng mang lại.

Trong tác phẩm *Ý nghĩa của lịch sử*, Berdyaev đã đưa ra một cái nhìn sâu sắc về bản chất của thời đại Khai sáng và vai trò của nó trong sự phát triển của văn hóa nhân loại. Berdyaev không chỉ giới hạn khái niệm “Khai sáng” trong bối cảnh của thế kỷ XVIII mà mở rộng phạm vi để nói về “Khai sáng” như một hiện tượng phổ quát, xảy ra trong nhiều nền văn hóa và trong các giai đoạn lịch sử khác nhau. Berdyaev viết: “Khi chúng ta nói về thời đại ‘Khai sáng’, thì không phải chỉ nói về Khai sáng của thế kỷ XVIII, thời kì ‘Khai sáng’ kinh điển của tân lịch sử. Tôi cho rằng các nền văn hóa của mọi thời đại và mọi dân tộc đều đi qua thời kì ‘có tính chất Khai sáng’” [2, tr. 46]. Theo Berdyaev, tất cả các nền văn hóa lớn của nhân loại đều trải qua giai đoạn Khai sáng. Điều này có nghĩa là trong lịch sử của mỗi dân tộc, ở một thời điểm nào đó, có một sự chuyển đổi tương tự diễn ra, nơi lý trí và khoa học vượt qua các yếu tố thần thánh và truyền thống vốn gắn liền với nền văn hóa trước đó. Ví dụ, nền văn hóa Hy Lạp cổ đại, một trong những nền văn hóa vĩ đại nhất của nhân loại, cũng đã trải qua thời đại Khai sáng của riêng nó. Mặc dù có những đặc điểm riêng mang tính Hy Lạp cổ đại, về cơ bản, thời kỳ này tương tự với Khai sáng thế kỷ XVIII, vì nó cũng “phá hủy tính thiêng liêng ở trong tính lịch sử” và làm suy giảm sức mạnh của các huyền thoại mang tính lịch sử.

Những đặc điểm quan trọng của thời đại Khai sáng dưới góc nhìn của Berdyaev là sự phá hủy “tính thiêng liêng”, “tính truyền thống hữu cơ” và đề cao quá mức lý tính của con người. Theo ông, các thời kỳ Khai sáng, dù ở bất kỳ thời điểm nào trong lịch sử và bất kỳ nền văn hóa nào, đều có xu hướng làm suy giảm hoặc loại bỏ những yếu tố siêu việt và thần thánh trong đời sống con người. Khai sáng thường là thời điểm mà con người bắt đầu tách biệt mình khỏi những giá trị tinh thần, truyền thống và các huyền thoại lịch sử đã từng định hình nền văn hóa của họ.

Trong thời đại Khai sáng của thế kỷ XVIII, sự phát triển của khoa học và lý trí đã làm lu mờ các giá trị tôn giáo và truyền thống. Berdyaev cho rằng điều này cũng đã xảy ra tương tự trong thời đại Khai sáng của Hy Lạp cổ đại, khi những giá trị thiêng liêng, thần thoại và truyền thống bị đẩy lùi bởi sự tiến bộ của lý trí và triết học. Berdyaev nhấn mạnh rằng thời đại Khai sáng, dù xảy ra trong bối cảnh nào, luôn mang theo một xu hướng đặc trưng: Đó là sự tự tin quá mức của lý trí con người. Theo Berdyaev, trong Khai sáng, trí tuệ của con người trở nên quá tự tin và đặt mình ở vị trí cao hơn các “bí ẩn của tồn tại”, “bí ẩn của đời sống” và “bí ẩn thần thánh”. Berdyaev khẳng định:

*“Thời đại ‘Khai sáng’ là thời đại ở trong cuộc sống của mỗi dân tộc, khi mà trí tuệ con người hữu hạn và quá tự tin, đặt mình cao hơn những bí ẩn của tồn tại, những bí ẩn của đời sống, những bí ẩn thần thánh của cuộc sống, vốn từ đó, như từ những cội nguồn mà toàn bộ văn hóa nhân bản và cuộc sống của tất cả các dân tộc trên trái đất xuất phát ra”*

*[2, tr. 47].*

Theo Berdyaev, sự phát triển của các nền văn hóa luôn đi qua những chu kỳ nhất định, trong đó có giai đoạn Khai sáng. Điều này phản ánh tính hữu cơ trong sự phát triển của văn hóa - tức là văn hóa không phát triển theo

một đường thẳng, mà theo những chu kỳ, trong đó các yếu tố tinh thần, lý trí và vật chất thay phiên nhau chi phối. Trong mỗi chu kỳ, văn hóa bắt đầu với một giai đoạn nơi các giá trị thiêng liêng, thần thánh và truyền thống chiếm ưu thế. Sau đó, đến giai đoạn Khai sáng, lý trí và khoa học bắt đầu chiếm lĩnh và làm suy yếu những giá trị này. Tuy nhiên, Berdyaev ám chỉ rằng sự chiếm lĩnh của lý trí không phải là cuối cùng; sau thời kỳ Khai sáng, văn hóa có thể quay trở lại với những giá trị tinh thần và siêu việt, khi con người nhận ra lý trí của họ không đủ để hiểu hết được các bí ẩn của tồn tại [2, tr. 46-47].

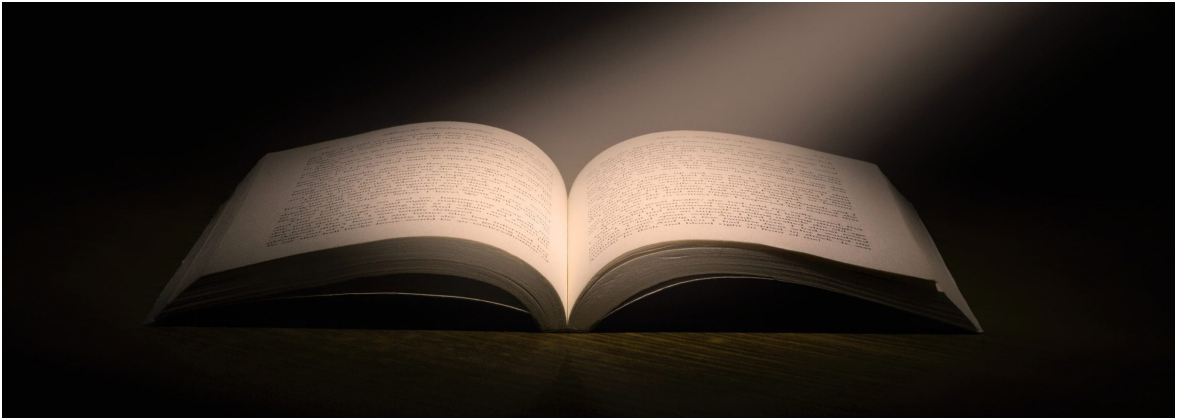
Berdyaev cho rằng “cả văn hóa cổ đại và cả văn hóa Tây Âu đều dịch chuyển thông qua quá trình “Khai sáng”, đoạn tuyệt với các chân lý tôn giáo của văn hóa và làm suy đồi biểu tượng của văn hóa” [2, tr. 426]. Phong trào Khai sáng, đặt trọng tâm vào lý trí, khoa học và tự do cá nhân, đã phá vỡ với các giá trị tinh thần và tôn giáo trước đây. Đặc biệt, Berdyaev nhấn mạnh quá trình Khai sáng đã “làm suy đồi biểu tượng của văn hóa”. Biểu tượng của văn hóa ở đây có thể hiểu là các yếu tố đại diện cho tinh thần và tôn giáo, những yếu tố đã từng đóng vai trò là nền tảng cho sự phát triển văn hóa. Quá trình này không chỉ phá vỡ mối liên hệ giữa văn hóa và tôn giáo, mà còn làm mất đi chiều sâu tinh thần của văn hóa, khiến văn hóa trở nên khô khan và duy lý hơn. Với Berdyaev, sự phát triển của văn hóa thông qua quá trình Khai sáng là một quá trình mâu thuẫn. Mặc dù Khai sáng đã mang lại những tiến bộ về khoa học, lý trí và tự do, nhưng nó cũng mang lại sự suy thoái về mặt tinh thần, làm mất đi tính chất thiêng liêng và chiều sâu tinh thần của văn hóa.



### 3. NHỮNG HẠN CHẾ CỦA THỜI KỲ KHAI SÁNG – MỘT GÓC NHÌN PHÊ PHÁN CỦA BERDYAEV

Berdyaev đã phê phán gay gắt trí tuệ của thời đại Khai sáng, tức là trí tuệ lý tính mà con người sử dụng để phân tích và hiểu thế giới. Theo Berdyaev, trí tuệ của thời kỳ này có những đặc điểm tự hạn chế và không có khả năng thấu hiểu chiều sâu của lịch sử. Berdyaev viết: “Trí tuệ “khai hóa”, trí tuệ của thời đại Khai sáng thế kỷ XVIII và thế kỷ XIX, là trí tuệ tự khẳng định và tự hạn chế” [2, tr. 48]. Sự “tự hạn chế” ở đây có nghĩa là trí tuệ Khai sáng đã giới hạn phạm vi của nó vào các nguyên tắc duy lý và khoa học, loại bỏ những khía cạnh siêu việt hoặc bí ẩn vốn thuộc về chiều sâu của đời sống và lịch sử. Thay vì tiếp xúc với lịch sử từ bên trong, tức là thấu hiểu nó qua những tầng ý nghĩa sâu xa, trí tuệ Khai sáng lại đứng ngoài, nhìn lịch sử như một đối tượng để phân tích và đánh giá. Điều này dẫn đến việc con người không thể hiểu được chiều sâu thực sự của lịch sử, mà chỉ nhìn thấy những gì có thể đo lường và giải thích qua lý trí.

Trí tuệ Khai sáng đã tự đặt mình vào vị trí của một “quan tòa”, tức giống như người phán xét lịch sử. Trí tuệ Khai sáng nhìn nhận lịch sử như một thực thể bị cô lập và cố gắng phân tích, giải thích nó bằng các quy tắc duy lý, loại bỏ các yếu tố phi lý tính hoặc huyền bí. Nhưng với Berdyaev, lịch sử không phải là một đối tượng đơn giản để phân tích bằng trí tuệ thuần lý. Nó chứa đựng những bí ẩn, những yếu tố không thể giải thích bằng lý trí mà chỉ có thể thấu hiểu qua sự cảm nhận trực giác và tinh thần. Khi trí tuệ Khai sáng trở thành “quan tòa” phán xét lịch sử, nó vô tình đánh mất khả năng tiếp xúc với các tầng sâu hơn của lịch sử. Sự tự tin thái quá của trí tuệ Khai sáng thể hiện ở chỗ nó tin rằng có thể hiểu và giải thích tất cả mọi thứ qua lý trí và khoa học. Tuy nhiên, theo Berdyaev, sự tự tin này là sai lầm, vì nó bỏ qua những khía cạnh sâu xa hơn của tồn tại và lịch sử - những yếu tố vượt quá khả năng của lý trí để giải thích. Thay vì tìm cách tiếp xúc với



các bí ẩn này, trí tuệ Khai sáng lại phủ nhận chúng và thay thế chúng bằng các lý thuyết duy lý.

Berdyaev đã phê phán mạnh mẽ quá trình chuyển biến từ văn hóa sang văn minh, đặc biệt khi sự tác động của lý trí Khai sáng đạt đến đỉnh điểm. Khi lý trí Khai sáng tập trung vào việc chinh phục và tổ chức đời sống nhằm tối đa hóa sự hưởng thụ, thì văn hóa dần mất đi bản chất sáng tạo của nó và bị thay thế bởi văn minh. Berdyaev cho rằng, khi con người và xã hội đạt đến trạng thái mà ý chí hướng tới sự hùng mạnh và chiếm lĩnh đời sống đạt tới đỉnh cao, thì đó cũng là lúc văn hóa bắt đầu chết dần. Văn hóa, theo Berdyaev, vốn là không gian cho sự sáng tạo tinh thần và chiêm nghiệm trầm tư, nhưng khi bị lý trí Khai sáng làm suy thoái, nó dần chuyển sang một trạng thái khác, đó là văn minh [2, tr. 427-428].

Theo Berdyaev, thời kỳ Khai sáng dù đã đặt nền móng cho nhận thức lịch sử và triết học lịch sử, nhưng vẫn không đủ sâu sắc để thấu hiểu lịch sử theo cách thức mà ông mong muốn. Ông cho rằng, Khai sáng - thời đại của lý trí, tự do và khoa học chỉ chạm đến bề mặt của lịch sử, tập trung quá nhiều vào lý trí và bỏ qua những yếu tố tinh thần và siêu hình. Thời kỳ Khai sáng, với sự nhấn mạnh vào lý trí và tiến bộ khoa học, đã mang lại những tiến bộ quan trọng trong tri thức và văn hóa nhân loại, nhưng nó đã bỏ qua những yếu tố sâu xa hơn của lịch sử, chẳng hạn như ý nghĩa tinh thần và siêu hình mà lịch sử mang theo. Đối với ông, Khai sáng không thể “thâm nhập được vào những chỗ

cất giấu bí mật của lịch sử”, bởi nó chỉ dựa trên lý trí mà không có chiều sâu tâm linh cần thiết.

Trong các thời kỳ Khai sáng, theo Berdyaev, con người bắt đầu tin rằng lý trí của họ có thể giải quyết và hiểu rõ mọi bí ẩn của thế giới và lịch sử. Điều này dẫn đến một sự mất cân bằng, khi con người đặt lý trí nhỏ bé và hữu hạn của mình lên trên những bí ẩn sâu sắc và không thể đoán định của cuộc sống. Đây là một dạng “mưu toan” - con người cố gắng thay thế sự huyền bí và không thể đoán định của cuộc sống bằng những giải thích lý trí hạn hẹp. Berdyaev cho rằng, các thời kỳ Khai sáng thường làm suy yếu khả năng của con người trong việc thấu hiểu các khía cạnh tinh thần và siêu việt của cuộc sống và thay vào đó, chỉ tập trung vào những gì có thể đo lường và phân tích bằng lý trí. Điều này không chỉ làm suy yếu giá trị văn hóa và tinh thần, mà còn khiến con người mất đi khả năng cảm nhận về chiều sâu và huyền bí của cuộc sống. Khi con người tự tin rằng lý trí của họ có thể giải quyết mọi vấn đề, họ có xu hướng quên đi rằng cuộc sống và lịch sử ẩn chứa những bí ẩn vượt qua sự hiểu biết của lý trí. Việc cố gắng giải thích mọi thứ bằng lý trí có thể dẫn đến việc đánh mất sự kết nối với những giá trị truyền thống và siêu việt mà con người đã sống cùng trong suốt hàng thế kỷ.

Berdyaev cho rằng, Khai sáng đã phủ nhận và phá vỡ “bí ẩn của tính lịch sử”, theo cách đó, đã làm suy yếu mối liên kết giữa con người và lịch sử. Đối với Berdyaev, “tính lịch sử” không chỉ là chuỗi sự kiện diễn ra trong thời gian, mà còn là một hiện thực đặc thù mang

tính thiêng liêng và bí ẩn. Nó bao hàm những yếu tố sâu sắc hơn, không thể giải thích hoàn toàn bằng lý trí hay khoa học. “Tính lịch sử” là hiện thực mà trong đó các yếu tố tinh thần, huyền bí và siêu việt hòa quyện, tạo nên một dòng chảy ý nghĩa xuyên suốt trong quá trình phát triển của con người và xã hội. Bí ẩn của “tính lịch sử” nằm ở chỗ lịch sử không thể hoàn toàn bị giải mã hoặc kiểm soát bằng lý trí con người. Nó chứa đựng những yếu tố mà con người, dù có phát triển lý trí đến đâu, cũng không thể hiểu hết được. Những sự kiện lịch sử, theo cách nhìn của Berdyaev, có những chiều kích tinh thần và siêu việt vượt ra ngoài khả năng phân tích lý trí đơn thuần. Berdyaev viết: “Thời đại “Khai sáng” phủ nhận bí ẩn của “tính lịch sử”. Nó phủ định “tính lịch sử” như một hiện thực đặc thù. Thời đại ấy phân rã “tính lịch sử”, thực hiện những thao tác lên nó khiến cho nó không còn là một hiện thực toàn vẹn tiên khởi, vốn tạo ra “tính lịch sử” của nó. Thời đại ấy chia tách tinh thần con người và trí tuệ con người với “tính lịch sử”. Vì vậy thời đại “Khai sáng” thế kỷ XVIII mang tính chất phản lịch sử rất sâu sắc” [2, tr. 47-48].

Theo Berdyaev, trí tuệ “Khai sáng” không những hạn chế trong khả năng tiếp cận các bí ẩn của đời sống lịch sử mà còn chịu sự “trùng phạt từ bên trong” vì sự tự mãn và thái độ tự khẳng định quá mức của nó. Trí tuệ Khai sáng, mặc dù đã đạt được những thành tựu vĩ đại về khoa học và lý trí trong thế kỷ XVIII, nhưng lại “hiểu biết rất ít, tiếp cận bên trong được với rất ít, thấu hiểu được rất ít” [2, tr. 50]. Điều này hàm ý rằng trí tuệ Khai sáng tuy có khả năng lý giải thế giới vật chất và khoa học, nhưng lại không đủ khả năng tiếp cận những yếu tố sâu sắc và huyền bí của đời sống lịch sử và con người, không chạm tới những chiều sâu tinh thần. Vì vậy, Berdyaev đã chỉ trích tính “mù lòa” của trí tuệ Khai sáng đối với những bí ẩn lịch sử và đời sống. Sự mù lòa này, theo ông, là hậu quả của việc trí tuệ Khai sáng tự mãn và tự khẳng định mình là chân lý tối thượng. Với thái độ kiêu ngạo, thời đại Khai sáng tin rằng lý trí có thể lý giải được mọi thứ, thậm chí cả những khía cạnh vượt ra

ngoài khả năng của con người. Berdyaev gọi đây là “sự trùng phạt từ bên trong”, bởi vì sự tự mãn này đã dẫn đến một loại mất mát tinh thần và tri thức, nơi trí tuệ Khai sáng không thể tiếp cận những chiều sâu của lịch sử và đời sống. Nói cách khác, sự kiêu ngạo về lý trí đã khiến con người trở nên “mù lòa” trước những bí ẩn lớn lao hơn mà họ không thể lý giải được bằng lý trí thuần túy [2, tr. 50].

Berdyaev đã bày tỏ sự phê phán mạnh mẽ đối với nền văn minh hiện đại và các đặc điểm của nó như chủ nghĩa duy lý, chủ nghĩa thực chứng và tính khoa học. Ông cho rằng ,thời hiện đại, thay vì được coi là “thời đại ánh sáng” (như quan niệm phổ biến về thời kỳ Khai sáng), thực chất lại là “thời đại tăm tối” [3, tr. 11]. Đây là một nghịch lý trong cách nhìn của Berdyaev: Sự tiến bộ về khoa học và lý trí không phải là dấu hiệu của sự khai sáng thực sự, mà là biểu hiện của một nền văn minh đang mất đi ánh sáng tinh thần cao cả. Berdyaev viết:

*“Toàn bộ lịch sử hiện tại cùng với chủ nghĩa duy lý, chủ nghĩa thực chứng, tính khoa học của nó là thời đại tăm tối, chứ không phải thời đại ánh sáng - mặt trời của thế giới đã lặn mất ở trong nó, ánh sáng tối cao đã tắt, toàn bộ khai sáng mang tính giả tạo và tầm thường”*

*[3, tr. 11]*

Chủ nghĩa duy lý và chủ nghĩa thực chứng được Berdyaev nhắc đến như hai đặc điểm tiêu biểu của nền văn minh hiện đại. Chủ nghĩa duy lý đề cao lý trí và coi nó là công cụ duy nhất để nhận thức thế giới, trong khi chủ nghĩa thực chứng nhấn mạnh vào khoa học thực nghiệm và những sự thật có thể đo lường và kiểm chứng được. Với Berdyaev, dù các học thuyết này đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của tri thức nhân loại, nhưng chúng lại chỉ chú trọng vào khía cạnh vật chất và bề nổi của đời sống, bỏ qua những chiều sâu tinh thần, đạo đức và tôn giáo. Lý trí và khoa học trong thời đại Khai sáng trở nên tầm thường vì chúng không thể thấu hiểu

hay chạm tới những bí ẩn sâu xa và thiêng liêng của cuộc sống. Hình ảnh “mặt trời của thế giới đã lặn” và “ánh sáng tối cao đã tắt” mà Berdyaev sử dụng là một biểu tượng mạnh mẽ cho sự mất mát của ánh sáng tinh thần và tôn giáo. Berdyaev cho rằng, toàn bộ sự khai sáng của thời đại hiện đại là giả tạo và tầm thường. Sự khai sáng giả tạo mà ông nói đến ở đây ám chỉ sự nhầm lẫn giữa sự phát triển của tri thức khoa học và kỹ thuật với sự phát triển về mặt tinh thần. Theo Berdyaev, những tiến bộ này không đưa con người đến gần với sự thật tối cao, mà chỉ dẫn dắt họ vào một thế giới vật chất hóa và thực dụng hóa, nơi mà các giá trị tinh thần bị phớt lờ hoặc coi nhẹ.

Berdyaev phản đối việc coi lý trí (thang bậc duy lý, chủ trí) là quan tòa tối cao - nghĩa là thước đo hoặc công cụ duy nhất để phán xét và nhận thức về chân lý - sự thật. Berdyaev viết: “Quan tòa tối cao trong công việc nhận thức không thể và không nên là thang bậc duy lý, chủ trí, mà chỉ là cuộc sống toàn vẹn của tinh thần” [1, tr. 43]. Theo ông, lý trí có giới hạn trong việc nắm bắt những điều sâu sắc và toàn diện của hiện thực, bởi nó chủ yếu dựa vào sự phân tích logic và khoa học thực chứng, những yếu tố chỉ có thể thấu hiểu thế giới hiện tượng. Berdyaev cho rằng, “cuộc sống toàn vẹn của tinh thần” mới là quan tòa tối cao trong việc nhận thức, tức là yếu tố quyết định cuối cùng để hiểu biết về chân lý. Đối với ông, nhận thức chân thực không chỉ là vấn đề lý trí và tri thức khoa học, mà còn phải bao gồm trải nghiệm tinh thần, đạo đức và sự tương tác với cái thiêng liêng. “Cuộc sống toàn vẹn của tinh thần” mang ý nghĩa rằng con người phải sử dụng tất cả các chiều kích của trải nghiệm sống và tinh thần nội tâm để đạt tới sự nhận thức chân thực. Đây không chỉ là sự nhận thức về các sự kiện và hiện tượng vật chất, mà còn là sự hiểu biết sâu xa về ý nghĩa cuộc sống, chân lý siêu hình và mục đích tối cao của con người.

Berdyaev không phủ nhận vai trò của lý trí, nhưng lý trí chỉ là một phần của khả năng nhận thức, không phải là toàn bộ. Quan điểm của ông đặc biệt mang tính chất phản đối chủ nghĩa

duy lý của thời kỳ Khai sáng, thời kỳ mà lý trí được tôn vinh như là phương tiện tối cao để nhận thức và hiểu biết thế giới. Trong bối cảnh tôn giáo, quan điểm của Berdyaev phản ánh niềm tin rằng con đường dẫn tới chân lý không chỉ nằm trong khoa học và tri thức, mà còn cần đến sự mở rộng tinh thần và gắn kết với Thượng đế. Ông cho rằng, tôn giáo, đặc biệt là tinh thần Kitô giáo, là cách duy nhất để con người có thể hiểu được bản chất thực sự của vũ trụ và mục đích của sự tồn tại. Berdyaev cũng phản đối việc coi khoa học thực chứng là công cụ duy nhất để nhận thức chân lý. Ông cho rằng, khoa học chỉ có thể giải thích được những hiện tượng vật chất và logic, nhưng nó không thể cung cấp những câu trả lời về ý nghĩa cuộc sống, về bản chất của linh hồn, hay về chân lý siêu hình. Với Berdyaev, chân lý không thể chỉ được tìm thấy trong những con số và phương trình khoa học. Thay vào đó, con người cần phải trải nghiệm cuộc sống tinh thần để hiểu được những khía cạnh vô hình và thiêng liêng của thế giới.



## GIẢI PHÁP DUNG HÒA GIỮA LÝ TRÍ KHAI SÁNG VÀ TÂM LINH TÔN GIÁO

Trong tư tưởng triết học của mình, Berdyaev đã tìm cách dung hòa giữa lý trí Khai sáng và nhu cầu tâm linh bằng cách đề xuất một giải pháp tổng hợp, vượt qua giới hạn của cả hai yếu tố này để đạt đến một dạng trí tuệ cao hơn, mà ông gọi là “minh triết” (wisdom). Giải pháp này không những không loại bỏ lý trí mà còn mở rộng nó, cho phép lý trí tiếp xúc với các khía cạnh huyền bí và sâu sắc của đời sống tâm linh. Berdyaev cho rằng sự kết hợp này là cần thiết để đạt đến chân lý toàn diện hơn, giúp con người vượt qua những mâu thuẫn giữa thế giới vật chất và thế giới tinh thần. Berdyaev viết:

*“Trí tuệ “khai hóa” yêu sách làm quan tòa trí tuệ hữu cơ của lịch sử. Thế nhưng trí tuệ thực sự tối thượng... phải tiếp xúc với minh triết nguyên sơ của con người,... trong cách hiểu biết thế giới mang tính vật linh, vốn đặc trưng cho tất cả các dân tộc ở trong giai đoạn nguyên thủy nhất. Minh triết ấy đặc trưng cho các thời đại nguyên thủy, sau đó đi qua những chiều sâu bên trong đầy huyền bí của đời sống ở toàn thể lịch sử tinh thần của con người, đi qua sự phát sinh Kitô giáo và đi qua các thế kỉ Trung đại cho đến thời hiện tại. Chỉ có cái trí tuệ như thế mới đạt tới ánh sáng bên trong vốn cố hữu cho mỗi thời đại ấy. Chỉ có cái trí tuệ như thế mới là trí tuệ mang tính chân lí Khai sáng và giác ngộ”*

[2, tr. 49].

Ở Berdyaev, có sự đối lập giữa trí tuệ của thời đại Khai sáng mà ông gọi là “trí tuệ khai hóa” và một loại trí tuệ cao hơn, sâu sắc hơn - “trí tuệ thực sự tối thượng”. Ông cho rằng trí tuệ của thời Khai sáng chỉ đơn thuần là sự tự nhận thức của con người trong thời đại đó và nó không đủ sâu sắc để hiểu được những

bí ẩn của lịch sử và tồn tại. Để tiếp cận được trí tuệ thực sự, Berdyaev đề xuất rằng chúng ta cần quay trở lại với “minh triết nguyên sơ” của con người, một loại trí tuệ không chỉ giới hạn trong lý tính mà còn tiếp xúc với những cảm nhận nguyên thủy và những chiều sâu huyền bí của đời sống. Với Berdyaev, để hiểu được thế giới và lịch sử một cách trọn vẹn, con người cần tiếp xúc với những kinh nghiệm và tri thức sâu xa đã được hình thành từ thời kỳ nguyên thủy, thậm chí trước khi có sự ra đời của các hệ thống tư tưởng phức tạp như triết học hay tôn giáo.

Một trong những khía cạnh quan trọng của minh triết nguyên sơ là “cảm nhận nguyên sơ của đời sống”, một loại hiểu biết mà Berdyaev cho rằng đã tồn tại trong các nền văn hóa nguyên thủy và giai đoạn tiền sử. Ông đã đề cập đến thế giới quan mang tính “vật linh” (animism), đặc trưng cho các dân tộc ở giai đoạn nguyên thủy. Vật linh là niềm tin rằng tất cả các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên đều có linh hồn hoặc một thực thể tinh thần. Loại nhận thức này khác biệt hoàn toàn với nhận thức duy lý của thời Khai sáng, nhưng theo Berdyaev, nó mang lại một sự hiểu biết sâu sắc hơn về sự sống và tồn tại, bởi nó không tách biệt con người ra khỏi tự nhiên hay tinh thần. Minh triết nguyên sơ không chỉ tồn tại ở giai đoạn nguyên thủy mà nó tiếp tục phát triển qua toàn bộ lịch sử tinh thần của con người. Từ các tín ngưỡng nguyên thủy đến sự ra đời của Kitô giáo và các triết thuyết tôn giáo trong thời Trung cổ, minh triết này đã đi qua nhiều giai đoạn, mỗi giai đoạn mang trong mình một ánh sáng nội tại riêng biệt. Berdyaev cho rằng chỉ khi trí tuệ tiếp xúc được với những dòng chảy tinh thần này, nó mới đạt được sự giác ngộ thực sự và có thể hiểu được các bí ẩn của lịch sử và sự tồn tại.

Giải pháp của Berdyaev để dung hòa giữa lý trí và tâm linh còn nằm ở việc mở rộng khái niệm trí tuệ. Ông kêu gọi một loại trí tuệ không chỉ giới hạn ở lý trí khoa học, mà còn phải bao gồm cả sự hiểu biết trực giác và tâm linh, xuất phát từ những cảm nhận sâu sắc về

tồn tại và cuộc sống. Theo Berdyaev, chỉ có loại trí tuệ tổng hợp này mới có thể đạt đến chân lý toàn diện. Ông không đề nghị từ bỏ lý trí mà khuyến khích việc kết hợp nó với các yếu tố tâm linh. Ông tin rằng lý trí cần được “siêu việt hóa” để không chỉ hướng về việc giải quyết các vấn đề thực tiễn mà còn tiếp xúc với các yếu tố tinh thần sâu xa. Điều này đồng nghĩa với việc lý trí phải được mở rộng ra ngoài ranh giới của khoa học và logic, để có thể hiểu và chấp nhận những khía cạnh không thể giải thích bằng tư duy lý tính, như đức tin, tôn giáo và trải nghiệm tinh thần.

Tuy Khai sáng đã tách rời lý trí khỏi đời sống tinh thần và khái huyền, từ đó tạo ra sự méo mó trong sự phát triển tinh thần của con người, nhưng Berdyaev không hoàn toàn bác bỏ Khai sáng mà cho rằng nó có vai trò tích cực ở một giai đoạn nhất định trong lịch sử phát triển của lý trí nhân loại. Khai sáng giúp lý trí con người thức tỉnh và trở nên tự do hơn và sự phê phán của lý trí là cần thiết để đạt đến chân lý thực sự. Khai sáng cần thiết để đánh thức lý trí, nhưng đồng thời, nó cũng cần phải vượt qua chính mình để quay trở lại với niềm tin và sự toàn vẹn tinh thần. Đây là một sự dung hòa giữa lý trí và tâm linh, giữa tự do và sự hài hòa tinh thần. Trên con đường đạt đến sự hài hòa, tự do phải trải qua giai đoạn phân rã và hỗn loạn, từ đó tái sinh và quay trở lại trạng thái hài hòa. Điều này phản ánh triết lý về sự đối lập giữa trật tự và hỗn loạn và con đường dẫn đến sự hoàn thiện tinh thần luôn phải đi qua những thử thách, đứt gãy và sự tự phê phán.

Berdyaev nhấn mạnh sự khác biệt giữa “Khai sáng lý trí” chỉ tập trung vào sự khai sáng về mặt trí tuệ và “Khai sáng chân chính” - sự khai sáng toàn diện, bao gồm cả tinh thần và tâm hồn của con người. Ông lập luận rằng, việc Khai sáng chỉ dựa trên lý trí là không đủ để giải quyết các câu hỏi cơ bản nhất của nhân sinh, đặc biệt là câu hỏi về ý nghĩa cuộc sống. Lý trí con người không đủ khả năng để hiểu hết ý nghĩa sâu xa của cuộc sống nếu nó không được soi sáng bởi một điều gì đó lớn lao hơn mà cụ thể ở đây là logos, tức là lý trí Thần thánh. Ông cho rằng, chỉ có logos Thần thánh mới có thể mang lại ý nghĩa thực sự cho cuộc sống, và con người chỉ có thể tiếp cận với Logos này thông qua sự hiện thân của Chúa Kitô. Điều này phản ánh quan điểm tôn giáo sâu sắc của Berdyaev. Đối với ông, sự cứu rỗi và khai sáng toàn diện của con người chỉ có thể đạt được thông qua đức tin tôn giáo còn tri thức thuần túy hay lý trí đơn thuần không thể đưa con người đến chân lý cao nhất. Berdyaev phê phán cách tiếp cận chỉ dựa trên lý trí của Khai sáng truyền thống, đồng thời đề xuất một giải pháp tôn giáo, nhấn mạnh sự cần thiết của sự hợp nhất giữa lý trí và đức tin. Qua chuỗi bài giảng và các tác phẩm của mình, ông muốn khẳng định rằng, ý nghĩa cuộc sống không chỉ đơn thuần là sự phát triển lý trí, mà còn là sự kết hợp giữa lý trí và tinh thần, giữa tri thức và đức tin tôn giáo. Điều này cho thấy một sự hòa hợp giữa lý trí và tâm linh, giữa con người và Đấng Thần thánh trong việc tìm kiếm ý nghĩa sâu sắc nhất của sự tồn tại.





## 5. KẾT LUẬN

Qua khảo cứu các tác phẩm của Berdyaev đã cho thấy, ông không hề phủ nhận những thành tựu của Khai sáng trong việc giải phóng con người khỏi sự thống trị của những tư tưởng mê tín và giáo điều, cũng như việc mở ra một kỷ nguyên mới của tự do tư tưởng và tri thức. Tuy nhiên, Berdyaev đã nhìn thấy sự mất cân bằng nghiêm trọng giữa lý trí và tâm linh, giữa vật chất và tinh thần, mà Khai sáng đã tạo ra. Khai sáng, trong khi thúc đẩy lý trí, giúp con người khám phá và chinh phục thế giới vật chất, lại khiến con người ngày càng xa rời các yếu tố siêu hình, tâm linh vốn là phần thiết yếu của bản chất con người. Berdyaev kêu gọi con người phải tìm lại sự cân bằng giữa lý trí và tinh thần, giữa tự do cá nhân và trách nhiệm đạo đức. Đối với Berdyaev, chỉ khi con người ý thức được tầm quan trọng của các giá trị siêu hình và tâm linh, họ mới có thể thực sự vượt qua cuộc khủng hoảng nhân văn và đạo đức do Khai sáng để lại. Bài học rút ra từ những quan điểm triết học của Berdyaev là sự phê phán không chỉ dừng lại ở việc chỉ trích các hệ thống tư tưởng như Khai sáng, mà còn đặt ra những câu hỏi về cách con người có thể kết hợp lý trí và tinh thần trong việc xây dựng một xã hội lành mạnh. Khai sáng, từ góc nhìn của Berdyaev, là một bước tiến quan trọng trong lịch sử nhân loại, nhưng cũng là một bài học cảnh báo về việc con người cần biết sử dụng lý trí một cách cân bằng, không để mất đi những giá trị cốt lõi của bản chất con người.

## TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Nikolai Berdyaev (2016): *Triết học của tự do*, Nhà xuất bản Tri thức, Hà Nội.
2. Nikolai Berdyaev (2020): *Ý nghĩa của lịch sử*, Nhà xuất bản Tri thức, Hà Nội.
3. Nikolai Berdyaev (2022): *Mục đích của sáng tạo*, Nhà xuất bản Tri thức, Hà Nội.
4. Jürgen Habermas (1987): *The philosophical discourse of modernity: Twelve lectures*, Polity Press, Cambridge, UK.
5. James Schmidt (1996): *What is enlightenment? Eighteenth-century answers and twentieth-century questions*, University of California Press, Berkeley, CA.
6. Wang Xingfu, Zou Shipeng & Zhang Shuangli (2019): *Reflections on enlightenment from multiple perspectives*, Council for Research in Values and Philosophy.

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI TRONG GIÁO DỤC (1)

TS. ĐOÀN THỊ QUÝ & TS. VŨ KIỀU OANH\*

## TÓM TẮT

*Công bằng xã hội nói chung, công bằng trong giáo dục nói riêng, luôn là những giá trị mà mọi xã hội văn minh đều hướng đến. Xã hội càng phát triển thì con người càng đề cao công bằng trong giáo dục. Có thể nói, đây là một trong những tiêu chí quan trọng của nhiều trường học giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên, dù được đề cập đến nhiều trong các tài liệu triết học chính trị, triết học giáo dục, không phải trường học nào cũng lý giải rõ công bằng xã hội là gì? Đây là những lý thuyết công bằng xã hội mà trường dựa vào để đưa ra những cam kết về công bằng trong giáo dục của mình. Trong bài viết này, các tác giả đã chỉ ra một số định nghĩa về công bằng xã hội trong giáo dục, cách phân loại lý thuyết công bằng trong giáo dục, đồng thời đưa ra một số lý thuyết công bằng xã hội trong giáo dục được xem là nổi bật hiện nay. Đó là các lý thuyết: lý thuyết công bằng phân phối và lý thuyết công bằng quan hệ.*

**Từ khóa:** công bằng xã hội, công bằng xã hội trong giáo dục; lý thuyết công bằng phân phối, lý thuyết công bằng quan hệ

**Nhận bài:** 08/08/2024; đưa vào quy trình biên tập: 12/08/2024; duyệt đăng: 25/10/2024.

## 1. MỞ ĐẦU

Công bằng xã hội là chủ đề thu hút sự quan tâm, nghiên cứu của nhiều ngành, lĩnh vực nghiên cứu. Có thể nói, từ rất sớm, trong lịch sử, các nhà triết học cổ đại như Plato, Aristotle... đã bàn về công bằng xã hội và kể từ đó, nó luôn là chủ đề mang tính trung tâm trong các lý thuyết triết học chính trị, đạo đức cũng như các ngành khoa học xã hội khác. Từ quan niệm về công bằng xã hội trong các ngành này, các nhà nghiên cứu đã áp dụng vào lĩnh vực giáo dục, hình thành nên những

khái niệm và lý thuyết về công bằng trong giáo dục. Do khái niệm công bằng xã hội chưa có sự thống nhất nên khi dựa trên nền tảng khái niệm, lý luận về công bằng xã hội, khái niệm công bằng trong giáo dục cũng chưa có sự thống nhất. Tùy giai đoạn lịch sử, bối cảnh, mà các nhà nghiên cứu nhấn mạnh những yếu tố khác nhau trong khi định nghĩa về công bằng xã hội và xây dựng lý thuyết về công bằng trong giáo dục.



## 2. KHÁI NIỆM CÔNG BẰNG TRONG GIÁO DỤC VÀ MỘT SỐ CÁCH PHÂN LOẠI LÝ THUYẾT CÔNG BẰNG XÃ HỘI TRONG GIÁO DỤC

Vấn đề công bằng xã hội mới được các nhà nghiên cứu áp dụng vào lĩnh vực giáo dục trong thời gian gần đây. Theo Karakose, Tülübaş và Papadakis, khái niệm công bằng xã hội quen thuộc trong các tài liệu giáo dục, với lịch sử gần 50 năm. Các nghiên cứu về công bằng trong giáo dục thời kỳ đầu chủ yếu tập trung vào chủ nghĩa phân biệt giới tính và chủng tộc (tức là công bằng cho phụ nữ và các nhóm chủng tộc thiểu số trong giáo dục), gắn liền với các mối quan tâm về sự phạm và chương trình giảng dạy. Tuy nhiên, trong thập kỷ qua, sự quan tâm của các học giả và các nhà giáo dục đối với công bằng xã hội đã tăng lên và nội dung của công bằng xã hội đã mở rộng sang bất bình đẳng do nghèo đói, tình trạng kinh tế xã hội, đa dạng văn hóa, chủng tộc, khuyết tật và khuynh hướng tính dục [10, tr.1].

Cũng như khái niệm công bằng xã hội, khái niệm công bằng xã hội trong giáo dục cũng chưa có sự thống nhất. Bàn về khái niệm “công bằng trong giáo dục”, trong bài viết “Hướng tới công bằng xã hội trong giáo dục: Các mâu thuẫn và song đề”, Becky Francis cho rằng, các nhà nghiên cứu giáo dục khám phá các vấn đề về công bằng xã hội, phân tích chính sách giáo dục thông qua các lăng kính khác nhau, phản ánh các quan niệm khác nhau về công bằng xã hội. Từ đó dẫn đến những quan niệm khác nhau về công bằng trong giáo dục [9, tr.4].

Theo Bell, công bằng xã hội được sử dụng như một công cụ phân tích, phê phán trong giáo dục nhằm giúp mọi người có khả năng hiểu được khái niệm áp bức để có thể phản đối nó [2, tr.27].

Tương tự, một số nhà nghiên cứu như Mills, Renshaw, Tikly, Barrett... cũng cho rằng, cũng như công bằng xã hội, công bằng trong giáo dục là loại bỏ các hệ thống và thông lệ không công bằng thông qua việc thực hiện các cấu trúc, chính sách và thông lệ giáo dục.

Những định nghĩa về công bằng trong giáo dục như trên nhấn mạnh việc loại bỏ những bất công, những thông lệ không công bằng

trong giáo dục nhằm mang lại công bằng cho người học.

Ngoài ra, còn có những định nghĩa về công bằng trong giáo dục chú trọng việc phân phối cơ hội, điều kiện công bằng cho học sinh. Jean-Marie, G., Normore, A. H., và Brooks đã đưa ra định nghĩa về công bằng trong giáo dục như sau: khái niệm công bằng xã hội đề cập đến việc tạo ra các điều kiện công bằng cho tất cả học sinh bất kể chúng có khả năng/khuyết tật, xuất thân chủng tộc, văn hóa, khuynh hướng tâm linh và tính dục khác nhau [8, tr.4]. Báo cáo năm 2018 về “Công bằng trong Giáo dục” của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) cũng đưa ra định nghĩa về công bằng trong giáo dục nhấn mạnh việc phân phối cơ hội học tập cho học sinh như sau: công bằng trong giáo dục có nghĩa là tất cả các trường học và hệ thống giáo dục đều cung cấp những cơ hội học tập như nhau cho tất cả học sinh. Kết quả là, học sinh thuộc các địa vị kinh tế xã hội, giới tính hoặc người nhập cư và hoàn cảnh gia đình khác nhau đều đạt được mức thành tích học tập tương tự trong các lĩnh vực nhận thức chính, chẳng hạn như đọc, toán và khoa học, cũng như các cấp độ tương tự về hạnh phúc xã hội và hạnh phúc về mặt cảm xúc trên các chiều cạnh như sự hài lòng trong cuộc sống, sự tự tin và hòa nhập xã hội, trong quá trình giáo dục của các em. Công bằng không có nghĩa là tất cả học sinh đều đạt được kết quả giáo dục như nhau, mà đúng hơn là sự khác biệt về kết quả của học sinh không liên quan đến nền tảng hoặc hoàn cảnh kinh tế xã hội mà học sinh không thể kiểm soát được. Công bằng trong giáo dục cũng đòi hỏi học sinh thuộc các hoàn cảnh khác nhau đều có khả năng đạt được các bằng cấp giáo dục sau trung học mà các em mong muốn như nhau, chẳng hạn như bằng đại học, điều đó sẽ giúp các em dễ dàng thành công hơn trên thị trường lao động và hiện thực hóa mục tiêu của mình với tư cách là thành viên trưởng thành của xã hội [13, tr.22].

Như vậy, với góc nhìn, bối cảnh áp dụng công bằng xã hội trong giáo dục khác nhau, công bằng trong giáo dục có thể được định nghĩa khác nhau. Tuy nhiên, những định nghĩa này đều có điểm chung là lấy khái niệm, lý thuyết công bằng xã hội làm nền tảng, cơ sở để đưa ra định nghĩa về công bằng trong giáo dục. Nói cách khác, công bằng trong giáo dục là một bộ phận của công bằng xã hội. Ngoài ra, dù nhấn mạnh khía cạnh nào trong định nghĩa về công bằng trong giáo dục, khái niệm công bằng trong giáo dục đều xoay quanh các từ khóa như bình đẳng, công bằng, sự công nhận, sự đa dạng, hòa nhập, chống định kiến... [15]. Và cũng như công bằng xã hội, công bằng trong giáo dục cũng xem xét các chiều cạnh: công bằng cho tất cả người học (bình đẳng), công bằng cho những người học khác nhau và công bằng cho những người học giống nhau. Tựu trung, có thể hiểu công bằng trong giáo dục đòi hỏi các quyền và cơ hội phải được sắp xếp theo cách mà tất cả những người học có thể hưởng lợi từ trải nghiệm học tập của họ bất kể đặc điểm cá nhân, hoàn cảnh gia đình hay mức độ động lực hiện tại của họ. Và tất nhiên, công bằng trong giáo dục đòi hỏi mọi người phải nhận được những gì họ xứng đáng. Bên cạnh đó, công bằng trong giáo dục đòi hỏi chúng ta vừa phải chú ý chặt chẽ đến nhu cầu của cá nhân trong sự đa dạng của họ để điều chỉnh phù hợp với hoàn cảnh và nhu cầu của cá nhân, để bù đắp cho bất lợi, khuyết tật và thậm chí là sự khác biệt về văn hóa, ngôn ngữ, chủng tộc của người học, vừa phải chú ý các mục tiêu xã hội rộng lớn hơn của hệ thống trường học và xã hội. [12, tr.26].

Tùy góc độ tiếp cận mà có nhiều cách phân loại lý thuyết công bằng trong giáo dục khác nhau. Trong khuôn khổ triết học chính trị, triết học xã hội, có thể kể một số cách phân loại lý thuyết công bằng trong giáo dục như sau:

**Thứ nhất**, lý thuyết công bằng trong giáo dục được phân loại dựa trên lý thuyết công bằng xã hội trong lịch sử triết học. Theo đó, các nhà nghiên cứu công bằng trong giáo dục sẽ khái quát các quan niệm, trào lưu nổi bật

trong lịch sử triết học về công bằng xã hội, từ đó áp dụng vào giáo dục. Chẳng hạn, Rentzi cho rằng, lý thuyết công bằng giáo dục nằm trong các lý thuyết sau: lý thuyết phê phán, lý thuyết hậu hiện đại, lý thuyết chuyển hóa, lý thuyết nữ quyền và đa văn hóa [17, tr.57-58].

**Thứ hai**, lý thuyết công bằng trong giáo dục có thể được phân chia dựa trên việc xem xét giáo dục như một quá trình. Theo Gewitz, có ba loại lý thuyết công bằng trong giáo dục là: “bình đẳng cơ hội” đề cập đến “lợi ích chung”, hay nói cách khác, là sự phân bổ công bằng các lợi ích và trách nhiệm xã hội cũng như sự công nhận và tôn trọng mọi quyền của con người; “bình đẳng kết quả” nêu rõ tầm quan trọng của việc sử dụng “chính sách phân biệt đối xử tích cực” và “hành động khẳng định” để cung cấp cho các nhóm người thiểu số những cơ hội bình đẳng trong bối cảnh xã hội nhất định; “bình đẳng về điều kiện” đề cập đến việc cung cấp quyền tiếp cận bình đẳng với các điều kiện sống tốt cho tất cả các thành viên của một xã hội (công dân và người không phải công dân), “có tính đến sự khác biệt về giới tính, chủng tộc, giới tính, tôn giáo, tình dục” [6].

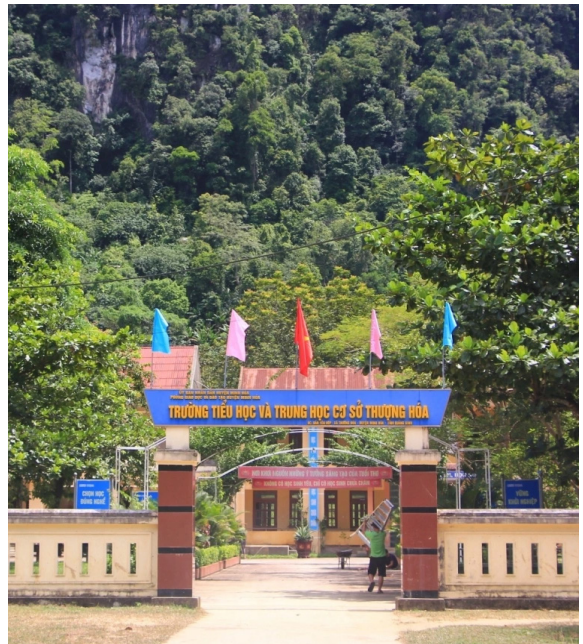
**Thứ ba**, lý thuyết công bằng trong giáo dục được phân loại theo ý thức hệ. Chẳng hạn, Margonis chia lý thuyết công bằng xã hội trong giáo dục chủ yếu thành chủ nghĩa Marx và chủ nghĩa tự do về giáo dục [11].



Lý thuyết công bằng trong giáo dục được phân chia thành hai nhóm chủ yếu dựa trên sự khác biệt trong phương thức thực hiện công bằng xã hội nói chung và công bằng trong giáo dục nói riêng, đó là lý thuyết công bằng phân phối và lý thuyết bằng quan hệ. Đây là cách phân chia được nhiều nhà nghiên cứu công bằng trong giáo dục tán thành nhất. Gewirtz (1998), Pijanowski và Brady (2020) đều khẳng định mặc dù không có sự đồng thuận trong định nghĩa về công bằng xã hội nhưng có sự lặp đi lặp lại trong nghiên cứu công bằng xã hội trong giáo dục trên cả phương diện lý thuyết lẫn thực hành, đó là việc xác định khái niệm và lý thuyết về công bằng trong giáo dục chủ yếu xoay quanh công bằng phân phối/tái phân phối và công bằng quan hệ/công nhận xã hội [18, tr.480].

### 3. LÝ THUYẾT CÔNG BẰNG PHÂN PHỐI

Lý thuyết công bằng phân phối trong giáo dục tập trung vào mối quan hệ giữa đầu vào và đầu ra của giáo dục, phân phối công bằng đầu vào, đầu ra của giáo dục và đưa ra các tiêu chuẩn để đánh giá mối quan hệ đó. Đầu vào của giáo dục có thể hiểu là nguồn lực, cơ hội giáo dục. Đầu ra của giáo dục có thể hiểu là kết quả mà nền giáo dục hướng tới, chẳng hạn như chuẩn bị cho người học tham gia vào nền kinh tế, trang bị quyền công dân, quyền tự chủ, đạt được những kiến thức và khả năng trí tuệ nhất định, nhằm theo đuổi một cuộc sống tốt đẹp [5, tr.11]... Lý thuyết về công bằng phân phối trong giáo dục chịu ảnh hưởng mạnh mẽ quan niệm công bằng trong phân phối của các nhà triết học theo chủ nghĩa quân bình, mà điển hình là John Rawls. Quan niệm của John Rawls về công bằng được thể hiện tập trung trong tác phẩm *Lý thuyết về công lý*. Trên cơ sở kế thừa truyền thống kế ước của Rousseau, Kant, phê phán quan niệm công bằng của chủ nghĩa thực giác, chủ nghĩa vị lợi... Rawls đã xây dựng nên lý thuyết công bằng của mình. “Công lý như là công bằng” là quan niệm chủ đạo trong học thuyết về công bằng của Rawls. Theo Rawls, trong một xã hội được tổ chức tốt,



Ảnh: VOV

con người với tư cách là những sinh vật tự do, tự chủ và có lý trí thì khi đứng sau “bức màn vô tri”, họ sẽ lựa chọn hai nguyên tắc công bằng để quản lý xã hội như sau:

Nguyên tắc đầu tiên đó là mỗi người phải có quyền bình đẳng đối với toàn bộ hệ thống mở rộng nhất những quyền tự do bình đẳng cơ bản phù hợp với hệ thống tương tự về quyền tự do dành cho tất cả mọi người. Nguyên tắc thứ hai là những bất bình đẳng kinh tế xã hội phải được sắp xếp sao cho đồng thời: a) đem lại lợi ích lớn nhất cho những người kém may mắn nhất, phù hợp với nguyên tắc tiết kiệm công bằng, b) gắn với vị thế và vị trí được mở rộng cho tất cả mọi người dưới những điều kiện của quyền bình đẳng công bằng về cơ hội” [16, tr.302].

Những quyền tự do bình đẳng được Rawls nói đến trong nguyên tắc thứ nhất có thể được hiểu là những quyền phổ biến gắn liền với những chế độ dân chủ tự do. Đó là các quyền như quyền tự do tham gia hoạt động chính trị, tự do ngôn luận, tự do tôn giáo, bình đẳng trước pháp luật... Ở nguyên tắc thứ hai, Rawls giả định rằng quyền bình đẳng ban đầu bắt nguồn từ nguyên tắc khác biệt chỉ có thể được chứng minh khi chúng mang tới những lợi ích rõ ràng. Hiển nhiên, những bất bình đẳng về



Ảnh: ILA Việt Nam

thu nhập trong hệ thống thị trường làm gia tăng sự thịnh vượng bằng cách thúc đẩy lao động năng suất nhất. Do đó, về lý thuyết tất cả mọi người đều đạt được lợi ích.

Dưới ảnh hưởng quan niệm của Rawls về công bằng, các nhà nghiên cứu giáo dục đã áp dụng nó vào giáo dục và hình thành nên ba quan niệm khác nhau về công bằng phân phối trong giáo dục. Sự khác nhau giữa ba quan niệm này thể hiện ở nguyên tắc chủ đạo trong phân phối mà họ tán thành.

**Thứ nhất** là những quan niệm tán thành nguyên tắc bình đẳng trong phân phối nguồn lực giáo dục. Nhà nghiên cứu nổi bật theo quan niệm này là Harry Brighouse. Brighouse khẳng định rằng để đạt được công bằng xã hội trong giáo dục cần có hai nguyên tắc: nguyên tắc quyền tự chủ cá nhân và nguyên tắc bình đẳng về giáo dục, trong đó ông nhấn mạnh nguyên tắc bình đẳng [4]. Nguyên tắc quyền tự chủ cá nhân này nêu rõ rằng mỗi đứa trẻ phải có cơ hội trở thành một con người tự chủ. Các nhà giáo dục có nhiệm vụ tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ em để có thể trở nên tự chủ. Còn nguyên tắc bình đẳng về giáo dục dựa trên ý tưởng rằng nhà nước phải đảm bảo một loạt các quyền tự do dành

cho lĩnh vực giáo dục và công bằng trong giáo dục ngụ ý rằng mỗi đứa trẻ sẽ có quyền được hưởng một nền giáo dục tốt như nhau. Bình đẳng giáo dục khi đó có nghĩa là cung cấp nhiều nguồn lực hơn cho những người có ít nguồn lực hơn (ví dụ như người mù) để đảm bảo chất lượng giáo dục như nhau. Nguyên tắc bình đẳng trong giáo dục cũng có nghĩa là những người có cùng năng lực và sẵn sàng nỗ lực như nhau sẽ có được những triển vọng tương tự nhau bất kể họ có xuất thân, hoàn cảnh khác nhau như thế nào và thứ hai, những người có trình độ năng lực thấp hơn sẽ nhận được nguồn lực bổ sung hơn những người có nhiều khả năng hơn. Nguyên tắc này hướng dẫn việc phân phối nguồn lực giáo dục giữa các cá nhân để đảm bảo rằng bất kỳ bất bình đẳng nào xuất hiện đều không phải do nhà nước không cung cấp cơ hội giáo dục bình đẳng. Ngoài Brighouse, còn có một số nhà lý luận khác tán thành nguyên tắc này như Rob Reich, Swift... Sự khác biệt trong quan niệm của họ chủ yếu thể hiện ở mức độ đòi hỏi bình đẳng trong đầu vào của giáo dục.

**Thứ hai** là những quan niệm nhấn mạnh nguyên tắc về sự đầy đủ trong phân phối công bằng giáo dục. Quan niệm này cho rằng công bằng trong giáo dục đòi hỏi phải phân phối đầy đủ đầu vào của giáo dục đảm bảo tất cả người học đều đạt được kết quả giáo dục tối thiểu, bao gồm các loại kỹ năng, kiến thức, kinh nghiệm... cần thiết trong đáp ứng mục tiêu cụ thể của giáo dục. Một số nhà nghiên cứu thuộc xu hướng này là Satz, Anderson... Sự khác nhau giữa những nhà lý luận này là ở chỗ họ chú trọng mục tiêu, đầu ra nào của giáo dục. Chẳng hạn, Anderson cho rằng cần phân phối đầy đủ cho người học để chuẩn bị cho họ tham gia vào đời sống dân chủ. Công bằng phân phối trong giáo dục không phải là phân phối hàng hóa cho những ai xứng đáng về mặt đạo đức mà phải tạo ra được một cộng đồng trong đó mọi người có được mối quan hệ bình đẳng [1, tr.288-289].

*Thứ ba* là quan niệm nhấn mạnh nguyên tắc ưu tiên. Nhà lý luận đề cao nguyên tắc này Gina Schouten. Bà được cho là người duy nhất bảo vệ nguyên tắc ưu tiên về công bằng trong giáo dục. Nguyên tắc này tập trung vào nhu cầu của những học sinh có hoàn cảnh khó khăn về mặt tự nhiên, trái ngược với hoàn cảnh khó khăn về mặt xã hội. Nguyên tắc này nhấn mạnh rằng các nhà giáo dục phải nỗ lực cải thiện triển vọng sống của những học sinh có sự khác biệt tự nhiên khiến các em trở nên bất lợi hơn so với các bạn cùng lứa tuổi [18, tr.477]. Nguyên tắc của bà hướng dẫn các nhà giáo dục về “lợi ích giáo dục được trao trên hai mặt trận: tăng khả năng đạt được các kết quả thực sự có giá trị cho trẻ em và tăng triển vọng phát triển của các em khi trưởng thành” [18, tr.480].

#### 4. LÝ THUYẾT CÔNG BẰNG QUAN HỆ

Thuật ngữ “công bằng quan hệ” được dùng để chỉ nhiều hình thức công bằng khác nhau, dựa trên những tiền đề khác nhau nhưng có điểm chung là đều nhấn mạnh mối quan hệ giữa các cá nhân và bối cảnh xã hội trong khi xem xét các yêu sách về công bằng xã hội. Theo Gewitz, công bằng quan hệ bao gồm: công bằng tương hỗ và công bằng công nhận [6, tr. 469 - 484]. Công bằng tương hỗ chú trọng chất lượng mối quan hệ của người học trong bối cảnh học tập cụ thể, còn công bằng công nhận tập trung vào việc xác nhận danh tính và trải nghiệm đa dạng của học sinh trong hệ thống giáo dục. Nó nhấn mạnh sự cần thiết phải thừa nhận và khẳng định các nhóm bị gạt ra ngoài lề xã hội trong lịch sử, củng cố việc nhận thức giá trị bản thân. Công bằng công nhận được thực hiện trong trường học bằng cách áp dụng phương pháp sư phạm đáp ứng về mặt văn hóa. Cách tiếp cận này tích hợp nền tảng văn hóa, lịch sử và quan điểm của học sinh vào chương trình giảng dạy. Bằng cách đó, các nhà giáo dục tạo ra một môi trường học tập đề cao và tôn trọng bản sắc đa dạng của học sinh, ủng hộ các hoạt động hòa nhập nhằm thách thức các khuôn mẫu và thúc đẩy công bằng xã hội.

Lý thuyết công bằng quan hệ trong giáo dục được cho là xuất phát và dựa trên quan niệm của một số nhà triết học như Iris Marion Young, Alex Honneth, Nancy Fraser và những nhà triết học khác thuộc chủ nghĩa cộng đồng, chủ nghĩa đa văn hóa, thuyết nữ quyền...

Trong tác phẩm Công lý và chính trị của sự khác biệt, Young cho rằng trên phương diện lý thuyết và thực hành, nhiều nhà nghiên cứu thường có xu hướng gộp tất cả các vấn đề của công bằng thành công bằng phân phối nhưng trong cuộc sống, có nhiều vấn đề bất công mà công bằng phân phối không thể giải quyết được. Công bằng phân phối chỉ là một phần của công bằng xã hội và nên đặt vấn đề áp bức, thống trị thành điểm khởi đầu khi thảo luận về công bằng xã hội. Theo bà, trong các xã hội đương đại, công bằng quan hệ sẽ được coi trọng hơn công bằng phân phối bởi công bằng quan hệ đề cao bản sắc cá nhân, tập thể, sự phụ thuộc, tôn trọng lẫn nhau và sự tham gia một cách bình đẳng giữa các cá nhân và các nhóm khác nhau về chủng tộc, văn hóa, xã hội [19].

Cũng giống Young, đề cao việc xem xét các mối quan hệ, bối cảnh cụ thể trong triển khai công bằng xã hội. Honneth đã xây dựng lý thuyết công nhận, có ảnh hưởng rộng rãi trong nghiên cứu công bằng giáo dục. Quan niệm về công nhận của Honneth được phát triển dựa trên với lý thuyết phê phán, gắn liền với tên tuổi của các nhà triết học Đức như Theodor Adorno, Max Horkheimer và Herbert Marcuse. Trong tác phẩm “Đấu tranh để được công nhận: ngữ pháp đạo đức của các xung đột xã hội”, ông cho rằng lý thuyết phê phán cũng gắn liền với các quá trình xây dựng xã hội về bản sắc cá nhân và tập thể, trong ngữ pháp của nó có cuộc đấu tranh để được công nhận và nhấn mạnh nhiều đến khái niệm “xung đột” như một yếu tố cấu thành của tính chủ thể và bản sắc (cá nhân và tập thể) của các thành viên trong một xã hội nhất định.

Lý thuyết công nhận được ông triển khai trên ba lĩnh vực: lĩnh vực công nhận đầu tiên là lĩnh vực tình yêu, được thể hiện thông qua các mối quan hệ cơ bản, đó những mối liên kết

tình cảm bền chặt giữa một số ít người, như quan hệ tình ái, tình bạn và mối quan hệ cha mẹ/con cái; lĩnh vực công nhận thứ hai là lĩnh vực pháp lý, được thể hiện trong luật pháp. Theo ông, đó là mối liên kết cộng sinh, nảy sinh từ mong muốn có đi có lại, tạo ra thước đo cho sự tự tin của cá nhân, vốn không thể thiếu cho sự tham gia tự chủ vào đời sống công cộng; lĩnh vực thứ ba của sự công nhận đề cập đến sự tôn trọng xã hội. Ông cho rằng, ngoài sự công nhận về tình yêu và về mặt pháp lý, “còn có sự tôn trọng xã hội cho phép con người đề cập một cách tích cực đến các đặc tính và khả năng cụ thể của mình” [14, tr.231 - 246]. Việc thể hiện lòng tôn trọng lẫn nhau như vậy giữa các cá nhân chỉ trở nên dễ hiểu trong phạm vi các chủ thể liên quan cùng chia sẻ những giá trị chung. Sự công nhận như vậy phải dựa trên các mối liên kết liên chủ thể. Mỗi lĩnh vực được công nhận đều thể hiện một mối quan hệ thực tế. Khi có sự thiếu tôn trọng đối với một số lĩnh vực trong số đó, chính là lúc các cuộc đấu tranh xã hội diễn ra, do vậy, đối với ông, các cuộc đấu tranh để được công nhận được coi là động lực phát triển của xã hội.

Tương tự Honneth, Fraser cũng tham gia vào truyền thống của lý thuyết phê phán. Bà bắt đầu lập luận của mình bằng cách trình bày bức tranh toàn cảnh về các cuộc đấu tranh xã hội, trong đó có cái gọi là cuộc đấu tranh để được công nhận. Theo bà, trong các cuộc đấu tranh xã hội chủ nghĩa, bản sắc của nhóm nên thay thế lợi ích giai cấp làm cơ chế vận động chính trị chính, làm cho sự công nhận văn hóa có giá trị hơn là tái phân phối kinh tế. Đối với Fraser, cần phải phát triển một lý thuyết phê phán về sự công nhận; lý thuyết này bảo vệ những phiên bản chính sách văn hóa có thể kết hợp với các chính sách bình đẳng và tái phân phối. Bà cho rằng, công bằng ngày nay đòi hỏi cả sự phân phối và sự công nhận, và lý thuyết công nhận của bà cho thấy sự công nhận về văn hóa và bình đẳng xã hội theo cách vừa hỗ trợ lẫn nhau vừa không loại trừ lẫn nhau.

Các quan niệm công bằng quan hệ, công bằng công nhận nói trên đã được các nhà

nghiên cứu mở rộng và áp dụng vào lĩnh vực giáo dục, hình thành nên nhiều quan niệm công bằng quan hệ trong giáo dục khác nhau.

Stojanov đã xem xét lý thuyết công nhận của Honneth và phát triển một cách tiếp cận đặc biệt đối với công bằng giáo dục. Theo ông, khái niệm phát triển chủ thể gồm có hai chiều: phát triển các mối quan hệ với bản thân và phát triển các mối quan hệ với thế giới, chẳng hạn như các thỏa thuận, đề xuất [7]. Honneth không đề cập đến chiều thứ hai này và ông cho rằng, đó mới là cốt lõi của giáo dục. Dựa trên ba hình thức công nhận mà Honneth đã đề xuất là sự tự tin, tự tôn và tự trọng, ông đã mở rộng nội dung của ba hình thức công nhận này để bao gồm chiều thứ hai của phát triển cá nhân, đó là phát triển mối quan hệ của học sinh với thế giới nhằm mở rộng tầm nhìn của học sinh. Mặt khác, ông cho rằng, lý thuyết công nhận của Honneth giả định một chủ thể đã trưởng thành về nhận thức và có trách nhiệm về đạo đức, điều này không áp dụng được cho học sinh - những người chưa trưởng thành và đang trong quá trình học hỏi. Do đó, cần phải xác định lại nội dung các mối quan hệ trong trường học nhưng vẫn phải giữ được cốt lõi của mối quan hệ có tính tôn trọng, trong đó giáo viên khuyến khích học sinh tham gia vào bài học bằng cách cho phép chúng được trình bày và diễn giải những quan điểm riêng, thể hiện cá tính khác biệt của mình.

Dựa trên quan niệm công bằng quan hệ của Fraser, Winter cũng xem xét công bằng quan hệ trên cả ba cấp độ vĩ mô, trung mô và vi mô của đời sống xã hội. Đối với lĩnh vực giáo dục, bà cho rằng không thể áp dụng cả ba cấp độ này, mà chỉ nên xem xét cấp độ trung mô trong hệ thống giáo dục để có thể kiểm soát tốt chất lượng của các mối quan hệ.

Còn Boaler đã sử dụng lý thuyết công bằng quan hệ để mô tả các mối quan hệ trong lớp học. Các mối quan hệ mang tính công bằng chỉ khi các học sinh đối xử với nhau một cách tôn trọng và tôn trọng tính khác biệt của các cá nhân. Và kết quả của giáo dục không phải thể hiện ở thành tích giáo dục mà ở chất lượng

của các mối quan hệ trong giáo dục. Chất lượng của mối quan hệ lại thể hiện ở các đặc điểm sau: tôn trọng ý tưởng của người khác; cam kết học hỏi người khác và có phương pháp giao tiếp và hỗ trợ. Công bằng quan hệ

trong giáo dục sẽ đưa tới những mối quan hệ tích cực, thể hiện thông qua sự tôn trọng trong giao tiếp, tư duy phản biện trong việc tiếp nhận và giải quyết những khác biệt của học sinh khi làm việc theo nhóm [3].

## 5. KẾT LUẬN

Như vậy, có nhiều quan niệm, cách phân loại khác nhau về lý thuyết công bằng trong giáo dục, trong đó cách phân loại phổ biến nhất mà nhiều nhà nghiên cứu tán thành chính là phân chia lý thuyết công bằng trong giáo dục thành hai nhóm: công bằng phân phối và công bằng quan hệ. Nếu các lý thuyết công bằng phân phối trong giáo dục chú trọng phân phối đầu vào, đầu ra của giáo dục và đưa ra các nguyên tắc để xác định mối quan hệ giữa chúng thì các lý thuyết công bằng quan hệ lại nhấn mạnh chất lượng các mối quan hệ, bối cảnh xã hội cụ thể, bản sắc cá nhân và nhóm trong xem xét công bằng trong giáo dục.

Tuy nhiên, việc phân loại và chỉ ra các lý thuyết công bằng trong giáo dục cũng chỉ mang tính tương đối. Bởi dù là cách phân loại được nhiều nhà nghiên cứu đồng tình thì việc phân loại lý thuyết công bằng trong giáo dục thành hai nhóm như trên cũng không thể bao quát được toàn bộ lý thuyết công bằng. Chẳng hạn như cách tiếp cận năng lực do Sen và Nussbaum đề xuất và xây dựng cũng được áp dụng nhiều trong việc xác định công bằng trong giáo dục nhưng khó để xếp vào một trong hai nhóm trên, bởi cách tiếp cận này có cả những đặc trưng của cả hai nhóm. Thậm chí, lý thuyết công bằng của Fraser cũng vậy. Dù lý thuyết của bà được xếp vào nhóm công bằng quan hệ, nhưng trên thực tế nó cũng bao gồm cả khía cạnh phân phối, công nhận và đại diện nên lý thuyết công bằng của Fraser còn được gọi là lý thuyết ba chiều về công bằng. Đúng như S. Merry [12] đã khẳng định là chưa có một lý thuyết toàn diện về công bằng trong giáo dục, một phần là do các nhà triết học đưa ra nhiều lý thuyết công bằng xã hội mà các nhà nghiên cứu dựa vào để áp dụng vào lĩnh vực giáo dục và phần nào là do các nghiên cứu và chính sách giáo dục được thúc đẩy bởi những mối quan tâm thực tế.

## CHÚ THÍCH

(1) Bài viết là sản phẩm của Đề tài cấp cơ sở “Công bằng trong giáo dục ở Trung Quốc hiện nay” do TS. Đoàn Thị Quý và TS. Vũ Kiều Oanh làm chủ nhiệm, Viện Thông tin Khoa học xã hội chủ trì.



## TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Anderson, Elizabeth (1999): What Is the Point of Equality?, *Ethics*, 109(2), 287 - 337.
2. Bell, L. A. (2016): Theoretical foundations for social justice education” In M. Adams, L. A. Bell, & P. Griffin (Eds.), *Teaching for diversity and social justice (3rd ed)*, Routledge/Taylor & Francis Group.
3. Boaler, Jo (2008): Promoting ‘relational equity’ and high mathematics achievement through an innovative mixed ability approach, *British Educational Research Journal* 34(2), 167-194.
4. Brighouse, H. (2002): Egalitarian liberalism and justice in education, *Political Quarterly*, 73(2), 181-190.
5. Dum, Jenn (2020): *Dimensions of educational justice: practices, reciprocity, and individual development*, dissertation Submitted in partial fulfillment of the requirements for the degree of Doctor of Philosophy in Philosophy, Binghamton University.
6. Gewitz, S. (1998): Conceptualizing social justice in education: marring the territory, *Journal of Educational Policy*, 13(4), 469-484.
7. Govaris, C.; Kassis, W.; Sakatzis, D.; Sarafidou, J.-O.; Chouvati, R (2021): Recognitive Justice and Educational Inequalities: An Intersectional Approach Involving Secondary Grade School Students in Greece, *Educ. Sci.*, 11.
8. Jean-Marie, G., Normore, A. H., and Brooks, J. S. (2009): Leadership for social justice: preparing 21st century school leaders for a new social order, *Journal of Research on Leadership Education*, 4, 1-31.
9. Francis, B., Mills, M., & Lupton, R. (2017): Towards social justice in education: contradictions and dilemmas, *Journal of Education Policy*, 32(4), 414-431.
10. Karakose.T, Tülübaş.T and Papadakis S. (2023): The scientific evolution of social justice leadership in education: structural and longitudinal analysis of the existing knowledge base, 2003-2022, *Frontiers in Education*, 8.
11. Margonis, Frank (1993): Marxism, Liberalism, and Educational Theory, *Educational Theory*, 43(4), 449-465.
12. Merry, Michael S. (2020): Educational Justice Liberal Ideals, Persistent Inequality, and the Constructive Uses of Critique, Palgrave Macmillan.
13. OECD (2018): *Equity in Education: Breaking Down Barriers to Social Mobility*, PISA, OECD Publishing, Paris
14. Panigassi, Pedro Luís (2020): Axel Honneth and Nancy Fraser: dilemmas between recognition and redistribution, *Araraquara*, 9(2), 231-246
15. Pijanowski. J and Brady K. (2021): Defining Social Justice in Education: Comparative Perspectives from Practitioners and Scholars, in Carol A. Mullen (eds), *Handbook of Social Justice Interventions in Education*, 59-82, Springer.
16. Rawls, John (1995): *A theory of Justice*, twenty-first printing, The Belknap Press of Harvard University Press, Massachusetts.
17. Rentzi, A. (2018): Performing leadership of social justice for the integration of refugee children into the Greek schools, *Scientific Educational Journal “Educational Circle”*, 6(2), 55-66.
18. Schouten, Gina (2012): Fair Educational Opportunity and the Distribution of Natural Ability: Toward a Prioritarian Principle of Educational Justice, *Journal of philosophy of education*, 46(3), 472-491.
19. Young, Iris Marion (1990): *Justice and the Politics of Difference*, Princeton University Press.



# ẢNH HƯỞNG CỦA KHÔNG GIAN VĂN HÓA XỨ NGHỆ ĐẾN SỰ HÌNH THÀNH NHÂN CÁCH CỤ PHÓ BẢNG NGUYỄN SINH SẮC

TS. ĐINH QUANG THÀNH \*

## TÓM TẮT

Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc (1862-1929) là một biểu tượng cho tấm gương vì nước vì dân, cho tinh thần đổi mới và ý chí kiên cường của con người Việt Nam trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Với nhân cách cao đẹp, cụ Phó bảng đã để lại những dấu ấn nhất định đối với dân tộc cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Vì vậy, nghiên cứu nhân cách cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc sẽ góp phần làm sáng tỏ những giá trị đặc sắc của cụ đã để lại trong dòng chảy của lịch sử dân tộc.



Ảnh: www.nghean.gov.vn

**Từ khóa:** Nguyễn Sinh Sắc, Văn hóa xứ Nghệ, không gian văn hóa xứ Nghệ, hình thành nhân cách Nguyễn Sinh Sắc.

**Nhận bài:** 28/09/2024; đưa vào quy trình biên tập: 28/09/24; duyệt đăng: 25/11/24.

## 1. KHÔNG GIAN VĂN HÓA XỨ NGHỆ

Nhân cách cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc được hình thành và phát triển từ sự tác động - ảnh hưởng đa chiều của các điều kiện kinh tế, lịch sử, môi trường văn hóa, xã hội và con người của những nơi cụ từng sống, học tập, làm việc, được biểu hiện qua tư tưởng và hành động. Trong các không gian văn hóa ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, Nghệ Tĩnh có vị trí đặc biệt quan trọng. Nơi đây hội tụ, kết tinh nhiều tinh hoa văn hóa dân tộc, đồng thời cũng là vùng văn hóa mang sắc thái và dấu ấn đặc trưng của văn hóa văn hóa dân gian Việt Nam. Quê hương Nghệ Tĩnh là nơi cụ cùng gia đình sinh sống trong một khoảng thời gian dài, sinh ra, lớn lên, hình thành nhân cách trước khi trở thành chí sĩ vì nước, vì dân.

Nghệ Tĩnh là vùng đất giàu truyền thống lịch sử, văn hóa và hiếu học. Không gian văn hóa xứ Nghệ là sự tổng hòa các giá trị vật chất và tinh thần, truyền thống, thị hiếu và phong cách sống; được tạo nên từ quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội; khẳng định bản sắc riêng của vùng đất và con người Nghệ Tĩnh. Do đặc điểm địa lý cùng nguồn gốc tụ cư nên văn hóa ở đây vừa phong phú, đa dạng, vừa đậm đà bản sắc. Trong dân gian đã lưu truyền câu ca:

*Đường vô xứ Nghệ quanh quanh  
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ*

Nghệ Tĩnh đẹp về thiên nhiên, giàu về truyền thống, người dân cần cù, thủy chung nghĩa tình, dám hy sinh vì nghĩa lớn. Như nhà sử học Phan Huy Chú đã viết:

*Nghệ Tĩnh có núi cao sông sâu,  
phong tục trọng hậu, cảnh tượng tươi sáng.*

Đó là nét đẹp văn hóa của một vùng “địa linh, nhân kiệt”, đồng thời cũng là một vùng đất cổ nằm trong trung tâm phát triển văn hóa của cả nước (như văn hóa Sơn Vi, Hòa Bình, Bắc Sơn, Đại Việt). Văn hóa Xứ Nghệ gắn liền với sự nghiệp đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc, được đúc kết bằng trí tuệ và cả bằng xương máu của các thế hệ, qua hàng ngàn năm lịch sử.

Không gian văn hóa xứ Nghệ phát triển trong các mối quan hệ với những vùng khác nhau của đất nước và khu vực Đông Nam châu Á, đồng thời vận động và phát triển tại chỗ, với những đặc thù riêng biệt của mình. Đó là xu thế phát triển và đổi mới, tự vận động và tiếp xúc, giao thoa văn hóa, làm giàu thêm vốn văn hóa đậm đà bản sắc xứ Nghệ. Nhân dân Nghệ Tĩnh được kế thừa một di sản văn hóa rực rỡ và phong phú với gần 2000 di tích lịch sử - văn hóa, những dấu tích, di tích tiềm tàng trong lòng đất và danh thắng lễ hội... còn lưu giữ được, đã chứng minh sức sống cộng đồng và bề dày văn hóa truyền thống xứ Nghệ trong dòng chảy thời gian của lịch sử và văn hóa dân tộc.

Hệ thống di chỉ, di tích danh thắng ở Nghệ Tĩnh phong phú và đa dạng, trải dài qua nhiều niên đại, đang tiếp tục được nghiên cứu, bảo tồn và phát huy. Đó là hang Thẩm ồm ở Quỳnh Châu, cách đây trên hai vạn năm, thời đại đồ đá cũ đã có người Việt cổ sinh sống; văn hóa Quỳnh Văn (Quỳnh Lưu) thời đại đồ đá mới cách đây 5.000 năm; văn hóa làng Vạc (Nghĩa Đàn) thuộc thời đại đồ đồng cách đây 2.000 năm... Hệ thống di tích danh thắng Nghệ Tĩnh được sinh ra và nuôi dưỡng bằng tín ngưỡng,

đạo lý và phong tục truyền thống của dân tộc nên có sức sống, sức lan tỏa lâu bền, mãnh liệt. Mặc dù có những biến cố thăng trầm, song nhìn chung, từ các triều đại phong kiến đến nay, nhân dân vẫn nhận thức được rằng: di tích danh thắng là một trong những chứng cứ thể hiện cội nguồn, truyền thống và bản sắc văn hóa xứ Nghệ (minh chứng qua các sắc phong).

Nghệ Tĩnh có nhiều di tích danh thắng tiêu biểu gắn liền với lễ hội như đền Cuông (Diễn Châu), đền Cờn (Quỳnh Lưu), đền Quả Sơn (Đô Lương), đền Bạch Mã (Thanh Chương), đền Vua Mai (Nam Đàn), đền Nguyễn Xí (Nghị Lộc), đền Vạn Lộc (Cửa Lò), đền Chiêu Trưng (Thạch Hà), Đền Cũ ở Hồng Lĩnh ... Ngoài ra có những danh lam thắng cảnh nổi tiếng như Hang Bua (Quỳ Châu), thác Xao Va (Quế Phong), thác Bản Kẽm và rừng nguyên sinh Pù Mát (Con Cuông), Vũ Quang ...

Nghệ Tĩnh cũng là mảnh đất sản sinh và nuôi dưỡng nhiều anh hùng hào kiệt, các vị lương thần và danh nhân văn hóa nổi tiếng. Đó là Mai Thúc Loan, Lý Nhật Quang, Lê Khôi, Nguyễn Xí, Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác, Chí sĩ Ngô Thì Nhậm, Nhà văn hóa Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, những nhà cải cách nổi tiếng Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Xuân Ôn, Phan Bội Châu...

Nói đến Xứ Nghệ là nói đến truyền thống hiếu học. Dưới các triều đại phong kiến, vùng đất Nghệ Tĩnh có nhiều người đỗ đạt cao. Kể từ Trạng nguyên Bạch Liêu đến khoa thi cuối cùng năm 1919, Nghệ Tĩnh có hơn gần 400 người đỗ đại khoa, hàng nghìn người đỗ cử nhân, tiến sỹ... Trong đó làng Quỳnh Đôi, (Quỳnh Lưu), Đông Thái (Đức Thọ), Tiên Điền (Nghị Xuân) ... mỗi làng có hàng trăm người đỗ tiến sỹ, thạc sỹ. Đây cũng chính là quê hương của các danh nhân văn hóa Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương và những tác phẩm văn hóa bất hủ như *Truyện Kiều*, *“Thọ Mai gia lễ”*, *“Quốc sử diễn ca”*...

Nghệ Tĩnh cũng là nơi sản sinh ra nhiều thể loại ca dao - hò - vè - ví - giặm ở miền xuôi, hát nhuôn - xuôi - lăm - khắp của dân tộc Thái, hát lù tẩu - cự xia của dân tộc Mông,

hát tơm - re ré của dân tộc Khơ Mú, hát đu đu diềng diềng - tập tình tập tang của dân tộc Thổ; có nhiều thể loại nhạc cụ dân tộc như khèn bè, pí nhuôn, pí xuối, pí tơm, công chiêng, trống, kèn đồng, kèn lá, nhị, bầu, sáo; có nhiều vũ điệu như múa xòe, nhảy sạp, khắc lưỡng và có các trò chơi dân gian khác như đẩy sào, ném còn, kéo co... Ngữ âm, tiếng nói và phong tục tập quán người Nghệ Tĩnh cũng rất phong phú, đa dạng, mỗi địa

phương dân tộc đều có sự khác nhau về ngữ âm, giọng nói. Có thể khẳng định, nguồn văn hóa dân gian vô tận này không chỉ góp phần làm phong phú bản sắc văn hóa xứ Nghệ mà còn là cái nôi, là bầu sữa ngọt nuôi dưỡng hình thành những tâm hồn, cốt cách, khí chất của con người xứ Nghệ “*lý tưởng trong tâm hồn, kiên trung trong bản chất, khắc khổ trong sinh hoạt*”.

## 2. MỘT SỐ YẾU TỐ CỦA KHÔNG GIAN VĂN HÓA XỨ NGHỆ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ HÌNH THÀNH NHÂN CÁCH CỤ PHÓ BẢNG NGUYỄN SINH SẮC

Sinh ra, lớn lên và đắm chìm trong không gian văn hóa Nghệ Tĩnh, cụ Nguyễn Sinh Sắc sớm tiếp nhận, hấp thụ các giá trị tốt đẹp của văn hóa quê hương để hình thành nên nhân cách của một chí sĩ hết lòng vì nước, vì dân. Điều đó thể hiện sâu sắc thông qua cuộc đời thăng trầm của cụ.

### **Thứ nhất, tinh thần hiếu học, ý chí vượt khó vươn lên để chiếm lĩnh đỉnh cao tri thức.**

Xứ Nghệ từ lâu nổi tiếng với truyền thống hiếu học, coi trọng tri thức và tinh thần khoa bảng. Sinh ra tại làng Kim Liên, huyện Nam Đàn, cụ Nguyễn Sinh Sắc thừa hưởng tinh thần hiếu học của quê hương, không ngừng phấn đấu dù xuất thân từ một gia đình nông dân nghèo. Cha mẹ mất sớm, phải sống với người anh cùng cha khác mẹ, sau đó về làm con nuôi của cụ tú Hoàng Xuân Đường ở làng Hoàng Trù, cụ được cụ Hoàng Xuân Đường thương yêu cho ăn học và gả con gái là bà Hoàng Thị Loan cho. Vượt lên số phận, cụ quyết tâm theo đuổi khoa cử để đạt được mong ước của mình. Năm Giáp Ngọ (1894), cụ Nguyễn Sinh Sắc (32 tuổi) thi đỗ cử nhân tại khoa thi hương ở Nghệ An.

Họ hàng nội ngoại bàn việc ăn mừng nhưng cụ lấy cố còn chịu tang cụ Hoàng Xuân Đường để từ chối. Làng biếu cụ một thửa ruộng “học điền”, cụ đem bán lấy tiền góp vào việc tu sửa nhà [1]... Năm 1895, cụ Nguyễn Sinh Sắc vào Huế dự kỳ thi Hội nhưng không đỗ. Không hề nản chí và để chuẩn bị kỹ lưỡng

cho kỳ thi sau, cụ xin vào học trường Quốc Tử Giám rồi trở về quê bàn với gia đình, đưa vợ con(1) vào để tiện việc học hành. Đến kinh đô Huế, gia đình cụ Nguyễn Sinh Sắc ở tại ngôi nhà số 112 đường Mai Thúc Loan hiện nay.

Gần cuối năm 1900, cụ Nguyễn Sinh Sắc đi làm giám thị kỳ thi Hương tại Thanh Hóa, đưa Nguyễn Sinh Khiêm đi cùng. Tháng 2-1901, bà Hoàng Thị Loan, vợ cụ Nguyễn Sinh Sắc lâm bệnh nặng và qua đời tại Huế (theo âm lịch là ngày 22 tháng 12 năm Canh Tý). Bà đã được những người láng giềng và bạn bè thân thiết của gia đình lo việc mai táng, vì lúc này cụ Nguyễn Sinh Sắc sau khi coi thi ở Thanh Hóa đã trở về Kim Liên và đang ở quê nhà.

Năm Tân Sửu niên hiệu Thành Thái 13 (1901), khi 39 tuổi cụ Nguyễn Sinh Sắc, lúc này đã đổi thành Nguyễn Sinh Huy thi Hội và đỗ Phó bảng. Thông thường, sau khi thi cử đỗ đạt thì cụ sẽ được bổ nhiệm làm quan. Nhưng cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc quan niệm là học để làm người, thỏa mãn cái ý chí thích khám phá tri thức chứ không phải làm quan; nhất là trong hoàn cảnh đất nước bị thực dân Pháp thống trị, làm quan dễ đắc tội với đồng bào. Sau khi đỗ đạt, cụ đã hai lần từ chối lời triệu ra làm quan của triều đình Huế. Cụ sống thanh đạm bằng nghề dạy học, nghiên cứu tân thư, kết bạn tâm giao với các sĩ phu yêu nước như Phan Bội Châu, Vương Thúc Quý, Phan Chu Trinh... và đặc biệt chú tâm dạy dỗ con cái.

## Thứ hai, tinh thần yêu nước và ý chí đấu tranh giải phóng dân tộc.

Trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam đã hình thành nên một bản giá trị tinh thần truyền thống quý báu, trong đó chủ nghĩa yêu nước là dòng chủ lưu xuyên suốt lịch sử dân tộc. Trong lịch sử dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam phải đương đầu với sự nghiệt ngã của thiên nhiên, gồng mình trước những thế lực ngoại xâm hùng mạnh để giành và giữ nền độc lập. Những thử thách khắc nghiệt đó đã “sản sinh ra một dân tộc có ý thức sâu sắc về bản sắc dân tộc mình và sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc, chống ngoại xâm”. Xứ Nghệ là địa danh tiêu biểu cho truyền thống đó, đây là vùng đất giàu truyền thống yêu nước, nơi nhiều phong trào đấu tranh chống lại ách đô hộ ngoại bang bùng nổ mạnh mẽ. Các giá trị như lòng tự hào dân tộc, tinh thần đấu tranh vì chính nghĩa đã ảnh hưởng sâu sắc đến tư tưởng của Nguyễn Sinh Sắc. Cụ không chỉ là một nhà nho trí thức mà còn là người thấm nhuần tinh thần cách mạng, luôn trăn trở về số phận đất nước và nhân dân.

Trong những năm dạy học ở quê nhà, cụ Nguyễn Sinh Sắc có điều kiện đi sâu vào cuộc sống của nhân dân, giao du tiếp xúc với nhiều sĩ phu yêu nước như Phan Bội Châu, Vương Thúc Quý, Đặng Thái Thân... Những nơi cụ đến là những nơi có phong trào đấu tranh chống Pháp sôi nổi và anh dũng. Sau nhiều lần từ chối tháng 6-1906, Nguyễn Sinh Sắc vào Huế nhận chức Thừa biện bộ Lễ tại kinh đô Huế là trung tâm của thực dân phong kiến. Có điều kiện va chạm trực tiếp quan trường thực dân phong kiến. Lúc này cụ mới thật hiểu nhân tình thế thái, hiểu sự thối nát của quan trường, hiểu cả những khó khăn, phức tạp và sự bế tắc của sự nghiệp cứu nước. Cụ nói với bà con: Người ta làm quan là để vinh thân phì gia nhưng tôi làm quan là để che thân. Bằng thực tế cuộc sống trong đám quan trường và của bản thân mình đang phải chịu đựng, cụ chua xót nói với các giám sinh rằng: “Quan trường thị nô lệ trung chi nô lệ, hữu nô lệ” (Quan trường là nô lệ trong đám người nô lệ, lại càng nô lệ hơn). Cụ thường

dạy các con: “Chớ lấy phong cách nhà quan làm phong cách nhà mình” và đã từng gửi thư khuyên họ hàng:

*Nhân sinh nhược đại mệnh*

*Thế sự như phù vân*

*Vụ thế bất túc thi*

*Xảo hiểm đồ tự hại*

*Giới chi! Giới chi!*

*Nghĩa là:*

*Đời người như giấc mộng lớn*

*Việc đời tựa như đám mây trôi*

*Vụ thế không đủ để dựa*

*Xảo hiểm là tự hại mình*

*Hãy lấy đó làm điều răn!*

Tháng 7-1909, cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc vào Bình Khê (Bình Định) nhậm chức Tri huyện Bình Khê và vùng phụ cận. Khi làm chức Tri huyện, cụ Nguyễn Sinh Sắc thường giao du với các nhà nho yêu nước ở địa phương hơn là phục vụ quan chức Pháp và Nam triều. Cụ tạo điều kiện cho những nông dân thiếu tiền thuế và những người tham gia phong trào trốn thuế... đang bị giam cầm, trốn thoát. Cụ rất ghét bọn cường hào ức hiếp nông dân và thường đứng về phía họ chống lại chúng. Nhân vụ một tên cường hào dùng thủ đoạn cướp đất của dân yếu thế hơn, bị ông bắt giam rồi chết sau khi thả ra được hơn một tháng. Cụ bị triều đình giáng chức và triệu hồi về kinh. Cụ không trở lại kinh thành mà đi xuôi vào phía Nam. Cụ vừa kiếm sống bằng nghề dạy học, bốc thuốc chữa bệnh vừa liên hệ, gặp gỡ các chí sĩ yêu nước (trong đó có Phan Chu Trinh) nhằm chấp nối, tìm cách cho con trai ra nước ngoài tìm đường cứu nước.

## Thứ ba, triết lý sống giản dị, gần gũi với nhân dân.

Người dân xứ Nghệ nổi tiếng với lối sống mộc mạc, giản dị, nhưng giàu lòng nhân ái và

tinh thần trách nhiệm với cộng đồng. Những phẩm chất này đã in đậm trong tính cách của cụ Nguyễn Sinh Sắc, thể hiện qua lối sống thanh bạch và tình yêu thương người nghèo. Sau khi đỗ đạt, ông vẫn giữ thái độ sống giản dị, không màng danh lợi, luôn đứng về phía nhân dân.

Theo quy định, bắt đầu từ khoa thi Hội Tân Sửu (1901), những người đậu Phó bảng cũng được hưởng 2 đặc ân như Chính bảng là *được vua ban cờ, biển và cho hưởng lễ vinh quy bái tổ*. Trong lễ xướng danh, Nguyễn Sinh Sắc đã được vua Thành Thái tặng biển “*Ân tứ ninh gia*” (Ôn ban cho gia đình tốt) và được cấp phương tiện đưa về tỉnh lỵ An Tĩnh (Vinh). Tổng đốc An Tĩnh khi đó là Đào Tấn đã cử lý trưởng các làng thuộc xã Kim Liên huy động nhân dân đem võng, lọng, cờ, trống lên tỉnh rước cụ Phó bảng tân khoa về làng để vinh quy bái tổ. Nghi thức này là một vinh dự lớn lao đối với các nhà Nho thành đạt. Tuy nhiên, cụ Nguyễn Sinh Sắc chỉ dự phần lễ đón tiếp chung do quan Tổng đốc tổ chức, rồi không chờ dân làng đến rước, ông một mình đi bộ về nhà. Cụ đi đến cầu Hữu Biệt (Cầu Mượu), cách chừng nhà khoảng 4km thì gặp đoàn người của làng xã mang võng, lọng, cờ hoa đến rước cụ về. Gặp cụ giữa đường, nhân dân mừng rỡ tung hoa, tung cờ, nổi trống, giăng võng mời cụ Phó bảng lên để cho dân làng được rước lễ vinh quy. Trước tình cảm của nhân dân, cụ từ tốn thưa rằng: “*Tôi đậu chẳng có ích chi cho bà con làng xóm mà bà con phải đón rước?*” Dân làng thưa quan cụ Phó bảng:

*“Từ xưa đến nay, làng Sen ta mới có quan đậu đại khoa (2) làm về vang cho làng nước, xin được rước lễ vinh quy cho thoả lòng mong ước bấy lâu nay”*

*[2, tr.40].*

Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc một mực từ chối, cuối cùng dân làng đành phải xếp võng, xếp lọng, lạng trống cùng cụ đi bộ trở về làng.

Không chỉ là người có tài, có chí, cụ Nguyễn Sinh Sắc còn là biểu tượng của lối sống giản dị, khiêm nhường với đạo đức thanh cao, trong sáng. Lần đậu cử nhân, cụ không tổ chức ăn mừng. Đến khi đậu Phó bảng, cụ cũng lấy lý do từ chối khéo.

Theo quy định, nếu địa phương có người thi đỗ đại khoa, xã sẽ trích ra 2% quan tiền quỹ để tặng cho tân khoa làm cỗ ăn khao. Ban đầu, cụ nhất quyết từ chối, nhưng vì lệ làng buộc cụ phải nhận. Tuy nhiên, cụ lấy lý do là đang chịu tang vợ nên không tổ chức ăn mừng, vì thế, cụ chỉ xin nhận 10 quan tiền để mua trâu, nước mời dân làng, số còn lại cụ bàn với hội đồng kỳ mục (3) đem chia cho những người nghèo đói trong làng làm kế sinh nhai. Cụ còn chủ động đến tận nhà những gia đình khó khăn đó để hướng dẫn họ cách làm ăn như đan thúng, mủng, rổ rá... rồi đem bán lấy tiền sinh sống.

#### **Thứ tư, ý chí kiên cường, vượt khó từ môi trường khắc nghiệt.**

Khí hậu xứ Nghệ khắc nghiệt với nắng gắt, gió Lào, mùa đông lạnh giá, cùng điều kiện kinh tế khó khăn đã rèn luyện ý chí vượt khó của cụ Nguyễn Sinh Sắc. Môi trường tự nhiên đó cộng với những bất hạnh khi phải sống thiếu thốn tình thương cha mẹ của trẻ mồ côi từ nhỏ đã trui rèn cho cụ Nguyễn Sinh Sắc ý chí quyết tâm và khả năng không chỉ biết vượt qua nghịch cảnh để tự khẳng định bản thân mà còn truyền lại nghị lực này cho các con, nhất là với Nguyễn Tất Thành.

Không chỉ vượt lên hoàn cảnh để thi cử đỗ đạt, thanh danh mà cụ còn có khả năng vượt qua nghịch cảnh, từ bỏ hư danh giả diên, giả say đánh lừa thực dân, đế quốc để hoạt động, liên hệ, chấp nối với những người yêu nước, “là một nhà cách mạng theo kiểu riêng, chống Pháp không công khai mà lặng lẽ...”.



### Thứ năm, tinh thần đổi mới.

Nghệ Tĩnh là vùng đất có truyền thống canh tân, đổi mới, người dân xứ Nghệ luôn sẵn sàng tiếp thu, tiếp biến các tư tưởng và giá trị văn hóa mới để làm phong phú không gian văn hóa bản địa. Là một người gắn bó sâu sắc với truyền thống nho học, nhưng cụ Nguyễn Sinh Sắc cũng sớm nhận thức được sự cần thiết của đổi mới. Cụ Phó bảng là người đã sớm nhận ra rằng các giá trị Nho giáo truyền thống như “trung quân ái quốc” đã trở nên lỗi thời, và triều đình phong kiến không còn là điểm tựa cho cuộc đấu tranh giành độc lập. Những phong trào yêu nước và canh tân như Duy Tân, Đông Du do các nhà chí sĩ Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh khởi xướng đã thúc đẩy cụ tìm kiếm một con đường mới, phù hợp với bối cảnh hiện đại hơn. Bên cạnh đó, tư tưởng dân chủ và cách mạng từ phương Tây cũng lan rộng, mang đến luồng gió mới về quyền tự do và sự bình đẳng, mở ra những khái niệm mới về độc lập dân tộc mà Phó bảng sớm tiếp thu. Những thay đổi lớn lao này đã hình thành trong tư tưởng của cụ Sắc một nhận thức sâu sắc về sự cần thiết phải vượt qua các ràng buộc truyền thống, đồng thời tìm kiếm những con đường cách mạng mới để giải phóng dân tộc khỏi ách đô hộ.

Cụ Phó bảng cũng là người thức thời không bảo thủ, cụ ủng hộ chủ trương cải cách và tán thành quan điểm của ông nghệ Nguyễn Quý Song: “Muốn đánh Pháp phải hiểu Pháp, muốn hiểu Pháp phải biết tiếng Pháp”, cụ cho con vào trường Pháp - Việt học tiếng Tây trong khi tư tưởng “bài Tây” vẫn là tư tưởng thống trị trong tư duy của các nho sĩ lúc bấy giờ.

Tóm lại, không gian văn hóa xứ Nghệ đã cung cấp cho cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc một nền tảng nhân văn sâu sắc, hun đúc nên một con người yêu nước, thương dân và sống với lý tưởng cao cả. Từ gia đình đến xã hội, từ truyền thống khoa bảng đến tinh thần dân tộc, tất cả đã hòa quyện và trở thành nguồn sức mạnh giúp cụ trở thành một tấm gương đạo đức trong sáng, để lại ảnh hưởng to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc./.

### CHÚ THÍCH

- (1) Nguyễn Sinh Cung lúc đó mới 5 tuổi cùng với anh theo cha mẹ đi bộ vào Huế (trẻ con thường được ngồi trong quang gánh).
- (2) Xã Chung Cự kể từ vua Lê Trung Hoà (1635), tính cả thi Hương và thi Hội (gồm 96 khoa), xã Chung Cự có 193 người thi đậu cử nhân và tú tài. Trong số đó, chỉ có cụ Nguyễn Sinh Sắc đậu Phó bảng, tức là đậu Hội - Đại khoa.
- (3) Hội đồng kỳ mục là cơ quan quản lý truyền thống của làng xã người Việt. Trong làng xã Việt nam cổ truyền, Hội đồng kỳ mục nắm toàn bộ quyền quyết định và điều hành mọi hoạt động của làng xã như phân bổ thuế, sưu dịch, lính tráng, bầu cử tổng lý, sử dụng quỹ làng, bàn việc sửa chữa, xây dựng đình chùa, trường học, tổ chức đình đám, khao vọng...

### TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng Tỉnh ủy Nghệ Tĩnh (1980): *Những mẫu chuyện về thời niên thiếu của Bác Hồ*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
2. Trần Minh Siêu (2015), *Quê hương và gia thế Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb. Trẻ.



Ảnh: Báo Nghệ An

# TỪ QUAN NIỆM CHUNG VỀ VĂN HÓA ĐẾN KHÁI NIỆM VĂN HÓA CHÍNH TRỊ VÀ CẤU TRÚC, CHỨC NĂNG CỦA NÓ

THS.NCS. PHẠM THỊ THÙY AN \*

## TÓM TẮT

*Bàn tới văn hóa chính trị là bàn tới một phương diện của văn hóa, biểu hiện đặc trưng của triết lý, của nhận thức về quyền lực, của cách thức triển khai quyền lực của chủ thể cầm quyền, thể hiện tính đặc trưng cho nhận thức và hoạt động chính trị - xã hội của con người trong một xã hội nhất định. Trên cơ sở quan niệm chung về văn hóa, bài viết làm rõ nội hàm khái niệm văn hóa chính trị cũng như cấu trúc và chức năng của nó trong xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam trong sạch, vững mạnh.*



Ảnh thuvienphapluat.vn

**Từ khóa:** Văn hóa, văn hóa chính trị, cấu trúc văn hóa chính trị, vai trò của văn hóa chính trị

## 1. KHÁI NIỆM VĂN HÓA VÀ VĂN HÓA CHÍNH TRỊ

### 1.1 Quan niệm về văn hóa

Văn hoá là khái niệm đa nghĩa gắn liền với con người và đời sống của con người, thường có những nội dung khác nhau tùy thuộc vào thời gian, không gian, đặc điểm xã hội và thời đại; đồng thời cũng tùy thuộc vào cách tiếp cận khác nhau. Trong đời sống xã hội, văn hoá không thể là một lĩnh vực riêng biệt, nó xuyên suốt “cơ thể” xã hội, thấm thấu vào mọi lĩnh vực hoạt động, mọi quan hệ của con người. Trình độ văn hoá thể hiện trình độ phát triển của xã hội trên mọi lĩnh vực đời sống: trong lao động sản xuất (quan hệ với tự nhiên); trong các quan hệ xã hội như gia đình, làng xã, dân tộc, nhân loại...;

trong sinh hoạt cá nhân như phát triển năng lực, tài năng, trí tuệ, phẩm chất đạo đức và hình thành nhân cách... Bởi thế, không thể đồng nhất văn hoá với học vấn, đạo đức và nhân cách, nhưng cũng không nên tuyệt đối hoá một định nghĩa, một quan niệm nào đó về văn hoá.

Theo nghĩa gốc của từ, “Văn hoá” bắt nguồn từ từ La tinh “Cultura”, nghĩa là cày, cấy, vun trồng. Như vậy, khởi đầu khi mới xuất hiện, văn hoá chủ yếu biểu hiện quan hệ giữa con người với tự nhiên. Về sau, cùng với quá trình phát triển sản xuất, quan hệ của con người được mở rộng, ngoài là sự thể hiện quan hệ con người với tự nhiên, thì chủ yếu còn biểu thị quan hệ giữa người với người, phản ánh trình độ phát triển từ cá thể

được “vun trồng”, được giáo dục... trở thành cá nhân, có học vấn, ngày càng mở mang trí tuệ và hình thành năng lực bản chất của con người. Đồng thời, văn hoá còn thể hiện sự vận động và phát triển của cộng đồng người “từ mông muội, dã man đến văn minh” và từ nền văn minh này đến nền văn minh khác...

Theo cách tiếp cận hệ thống, văn hoá là một hoạt động sáng tạo, là những hệ giá trị do kết quả hoạt động đó của con người tạo nên. Văn hoá chính là một phạm trù dùng để chỉ trình độ phát triển của con người trong điều kiện lịch sử xã hội nhất định, thể hiện trên ba phương diện chính: trình độ phát triển năng lực bản chất (sức sáng tạo và năng lực) của con người trong điều kiện lịch sử tương ứng; trình độ của phương thức tổ chức và hoạt động của con người và toàn bộ những giá trị vật chất, tinh thần do con người sáng tạo nên.

Chủ tịch Hồ Chí Minh định nghĩa: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá” [2, tr.458].

Trên cơ sở tiếp thu tinh hoa văn hoá của nhân loại, trực tiếp là quan niệm văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh, xuất phát từ thực tiễn lịch sử phát triển của dân tộc, Hội nghị Trung ương 5 khoá VIII của Đảng đã khẳng định: “Văn hoá Việt Nam là thành quả của hàng nghìn năm lao động sáng tạo và đấu tranh kiên cường, dựng nước và giữ nước của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, là kết quả của giao lưu và tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại, của nhiều nền văn minh thế giới để không ngừng hoàn thiện mình. Văn hoá Việt Nam hun đúc nên tâm hồn, khí phách, bản lĩnh Việt Nam, làm rạng rỡ lịch sử vẻ vang của dân tộc... là nền tảng tinh thần của xã hội vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy cho sự phát triển kinh tế - xã hội... Nền văn hoá Việt Nam là nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, bao gồm tám lĩnh vực chủ yếu: tư tưởng; đạo đức; lối sống;

giáo dục và khoa học; văn học; nghệ thuật; thông tin đại chúng; giao lưu văn hoá với nước ngoài; thể chế văn hoá. Trong đó, tư tưởng, đạo đức và lối sống là những lĩnh vực then chốt” [1, tr.55 - 56].

Tổng hợp các cách tiếp cận khác nhau có thể khẳng định: Văn hoá là trình độ phát triển lịch sử nhất định năng lực và khả năng sáng tạo của xã hội, của con người, được biểu hiện trong các phương thức tổ chức đời sống xã hội và hoạt động của con người, cũng như toàn bộ những giá trị tinh thần và vật chất do loài người sáng tạo nên trong tiến trình lịch sử vì lẽ sinh tồn và mục đích của cuộc sống. Văn hoá phản ánh tâm hồn, khí phách, bản lĩnh, bản sắc, truyền thống, sức sống, sức sáng tạo của mỗi dân tộc.

Với quan niệm nêu trên về văn hoá thì hoạt động chính trị cũng là biểu hiện của văn hoá. Đó là văn hoá chính trị, được hình thành và phát triển trong sự tương tác giữa văn hoá và chính trị. Sự tác động và thẩm thấu của các giá trị văn hoá vào các quan hệ chính trị phức tạp, đã làm nảy nở các nền văn hoá chính trị tương ứng với những đặc trưng và bản chất riêng biệt ngày càng phong phú, đa dạng tùy thuộc vào điều kiện của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc, mỗi giai tầng trong xã hội.

## 1.2 Khái niệm văn hoá chính trị

Văn hoá chính trị là một bộ phận, một chiều cạnh của văn hoá trong xã hội có giai cấp và nhà nước, là văn hoá trong lĩnh vực chính trị của đời sống xã hội, trong đường lối, chính sách của đảng cầm quyền, trong ý thức, hành vi và quan hệ chính trị của các chủ thể chính trị. Vì vậy, văn hoá chính trị là sự thẩm thấu của văn hoá vào cương lĩnh, chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật và trong hoạt động chính trị của các tổ chức, thiết chế chính trị; thẩm thấu vào tư tưởng, đạo đức, lối sống, nhân cách mỗi công dân, mỗi cán bộ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị.

Từ đó mà hình thành nên đặc tính văn hóa của mỗi tổ chức, thể chế, thiết chế và cuối cùng là chế độ chính trị của một xã hội xác định.

Văn hoá chính trị là trình độ phát triển văn hoá trong mối quan hệ tất yếu của văn hoá với chính trị và chính trị với văn hoá. Nó nói lên trình độ nhận thức, năng lực sáng tạo những giá trị chân - thiện - mỹ trong hoạt động chính trị của chủ thể chính trị. Từ đó nảy sinh ra các vấn đề văn hoá trong chính trị và chính trị thể hiện giá trị văn hóa ngày càng sâu sắc hơn. Thực chất, đó là quá trình đưa văn hoá vào chính trị, nâng chính trị lên tầm văn hoá. Chính trị có văn hoá là chính trị giải phóng con người khỏi tình trạng bị áp bức, bóc lột. Tư tưởng chính trị Mác - Lênin và Hồ Chí Minh khẳng định điều đó và chính trị của giai cấp công nhân mà đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản làm cho chính trị trở thành khoa học, cách mạng và nhân văn.

Dưới chế độ ta, văn hoá chính trị là mục tiêu, động lực và phương thức hoàn thiện, phát triển của mọi thể chế chính trị. Để có một nền chính trị dân chủ đích thực thì các chủ thể chính trị đều phải lấy văn hoá chính trị làm mục tiêu phấn đấu, đồng thời phải xem nó là một động lực to lớn và một phương thức hữu hiệu nhất để thực hành dân chủ, nâng cao chất lượng của nền dân chủ, làm cho nhân dân lao động trở thành chủ thể đích thực của quyền lực chính trị.

Văn hoá chính trị bao giờ cũng chịu sự chế định của các nhân tố: tính chất và trình độ phát triển của nền kinh tế, tính chất và trạng thái của thiết chế chính trị; trình độ học vấn và văn hoá chung của toàn xã hội; trình độ thông tin và mức độ dân chủ hoá về thông tin; sự mở rộng giao lưu quốc tế; trạng thái nhân cách và trí tuệ của tầng lớp tinh hoa lãnh đạo...

Văn hoá chính trị luôn gắn với các chủ thể chính trị, nó vừa là sản phẩm chứa đựng các hệ thống giá trị, các chuẩn mực chính trị do các chủ thể đó sáng tạo ra, vừa là phương thức để đo lường, đánh giá chất lượng của chủ thể chính trị trong quan hệ giữa các chủ thể với các tiêu chí của văn hoá chính trị với tư cách là khách thể. Vì vậy, văn hoá chính trị là cái chi

phối hoạt động của con người chính trị và các tổ chức chính trị, góp phần định hướng hoạt động của các chủ thể chính trị trong đời sống chính trị để phục vụ lợi ích căn bản của một giai cấp nhất định. Rộng hơn, nó là một trong những cơ sở định hình và định hướng cho các phong trào chính trị, cho từng nền chính trị khác nhau trong lịch sử chính trị. Chủ thể chính trị có nhiều cấp độ khác nhau, nhưng tựu trung có hai cấp độ phổ quát là: tổ chức chính trị và con người chính trị.

Từ cấp độ tổ chức, văn hoá chính trị là biểu hiện sự quan tâm của mọi người tới công việc quản lý của nhà nước đối với toàn xã hội, tới chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của các tổ chức khác nhau trong hệ thống chính trị và thái độ của xã hội đối với các tổ chức ấy. Đây chính là văn hoá chính trị của Đảng chính trị, của Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội.

Từ cấp độ cá nhân, con người chính trị, văn hoá chính trị biểu hiện ở sự tự ý thức, khả năng, trình độ và thái độ, trách nhiệm, lương tâm của mỗi người trong việc tham gia vào đời sống chính trị của đất nước. Đây chính là văn hoá chính trị của công dân, của nhà lãnh đạo, quản lý, của cán bộ chính trị,... Cả hai cấp độ văn hoá chính trị đều gắn liền với hoạt động chính trị, đều bị chi phối, chịu ảnh hưởng bởi các điều kiện, hoàn cảnh lịch sử xã hội xác định.

Như vậy, văn hoá chính trị là bộ phận và một chiều cạnh của văn hoá trong xã hội có giai cấp, có nhà nước. Nó biểu hiện khả năng, năng lực của con người giác ngộ lợi ích giai cấp, lợi ích dân tộc, lợi ích quốc gia trong việc tổ chức, hoàn thiện hệ thống tổ chức quyền lực, nhằm hiện thực hoá lợi ích giai cấp hay lợi ích nhân dân phù hợp với mục tiêu chính trị và sự tiến bộ xã hội. Văn hoá chính trị còn biểu hiện khả năng, mức độ điều chỉnh những quan hệ chính trị, phù hợp với truyền thống và những chuẩn mực giá trị xã hội do đời sống cộng đồng của con người đặt ra. Nó đồng thời phản ánh trình độ tự do, dân chủ, công bằng, văn minh, vì sự tiến bộ xã hội của thể chế chính trị trong cộng đồng quốc gia dân tộc.

Từ những phân tích trên, có thể quan niệm: Văn hoá chính trị là một lĩnh vực, một biểu hiện đặc biệt của văn hoá loài người trong xã hội có giai cấp. Văn hoá chính trị được hiểu là trình độ phát triển của con người thể hiện ở trình độ hiểu biết về chính trị, trình độ tổ chức hệ thống quyền lực theo một chuẩn giá trị xã hội xác định, nhằm điều hoà các quan hệ lợi ích giữa các giai cấp, các dân tộc và các quốc gia để bảo vệ lợi ích của giai cấp cầm quyền, phù hợp với xu thế phát triển và tiến bộ xã hội.

## 2. CẤU TRÚC, CHỨC NĂNG (VAI TRÒ) CỦA VĂN HÓA CHÍNH TRỊ

### 2.1 Cấu trúc của văn hóa chính trị

Để hiểu rõ hơn về bản chất của văn hoá chính trị, cần chỉ ra cấu trúc của văn hoá chính trị. Văn hoá chính trị được cấu thành trong sự thống nhất, tác động qua lại của những bộ phận cơ bản sau đây:

#### 1. Tri thức chính trị

Đó là sự hiểu biết chính trị bao gồm cả tri thức chính trị kinh nghiệm và tri thức chính trị lý luận. Tri thức chính trị kinh nghiệm là những hiểu biết trực tiếp thu được từ quan sát và hoạt động thực tiễn, rồi được tích lũy qua thời gian và không gian hoạt động của các chủ thể chính trị. Còn tri thức chính trị lý luận phải là tri thức được khái quát từ thực tiễn kinh nghiệm chính trị nâng lên tầm phổ biến, có thể vạch ra cái bản chất, tất yếu, chung của các hiện tượng, quá trình, quan hệ chính trị, chế độ và các nền chính trị.

Hai trình độ tri thức chính trị này có quan hệ mật thiết với nhau khiến trong thực tế khó có thể khẳng định bộ phận nào là quan trọng hơn, quyết định hơn. Bởi vì, thực tiễn chính trị cho thấy, không phải ai có học vấn chính trị cao cũng là người mẫn cảm, tinh tế, nhạy bén trong việc xử lý có hiệu quả những vấn đề chính trị thực tiễn. Mặt khác, cũng không phải

bất kỳ ai có bề dày kinh nghiệm cũng đều là người có năng lực, trí tuệ, thông minh, sáng suốt giải quyết có hiệu quả mọi vấn đề thực tiễn chính trị. Sở dĩ như vậy là do bản thân chính trị vốn là lĩnh vực liên quan đến sinh mệnh hàng triệu người, cho nên xét trong bản chất khuynh hướng thì tri thức lý luận chính trị có vị trí chi phối. Đúng như V.I. Lênin đã khẳng định:

*“Không có lý luận cách mạng thì không có phong trào cách mạng”*  
[3, tr.30].

Đương nhiên, tri thức lý luận càng đạt tới tính khách quan, khoa học bao nhiêu thì càng mang tính phổ quát và càng có vai trò to lớn bấy nhiêu. Bởi vì, chính tri thức lý luận ấy đã khái quát từ kinh nghiệm, nâng kinh nghiệm lên tầm phổ biến. Nó vạch ra được nhân tố mang tính bản chất và quy luật ẩn dấu đằng sau những tri thức chính trị kinh nghiệm đã được tích lũy. Theo logic này của nhận thức thì kinh nghiệm phải vươn thành lý luận và lý luận phải vận động tới lý luận trình độ cao hơn. Vì thế, không thể có một hố sâu ngăn cách nào giữa kinh nghiệm và lý luận. Tuyệt đối hoá vai trò của một loại tri thức nào trong số chúng sẽ dẫn tới đơn điệu hóa, hạ thấp vai trò của văn hoá chính trị.

Về vai trò của học vấn, V.I. Lênin có một nhận xét:

*“Người không biết chữ là người đứng ngoài chính trị”*  
[4, tr.218].

Người cách mạng nếu không có hoặc trình độ học vấn chính trị thấp thì khó có thể thực thi được nhiệm vụ chính trị và sẽ ảnh hưởng đến chất lượng cầm quyền của đảng. Mặt khác, nếu người cách mạng có trình độ học vấn chính trị cao, nhưng thiếu trách nhiệm chính trị, thiếu tình cảm và đạo đức cách mạng, thì cũng không hoàn thành nhiệm vụ chính trị, thậm chí còn gây nguy hại cho cách mạng.

## 2. Tình cảm chính trị

Là một bộ phận thuộc về đời sống tâm lý của chủ thể chính trị, đời sống tinh thần của cá nhân, nó được hình thành bằng những con đường khác nhau, tùy thuộc vào từng chủ thể trong thời gian chính trị nhất định.

Tình cảm chính trị là sản phẩm của quá trình chuyển hoá phức tạp từ sự hiểu biết, nhận thức chính trị với các nấc thang tâm lý chính trị. Nếu có sự hiểu biết sâu sắc, đúng đắn, khoa học về chính trị thì sẽ có tình cảm chính trị bền vững và mãnh liệt giúp từng cá nhân rèn luyện và thực hành đạo đức cách mạng, có ý chí và nghị lực hoàn thành suất sắc nhiệm vụ chính trị được giao.

## 3. Niềm tin và sự bị thuyết phục về chính trị

Niềm tin và sự bị thuyết phục về chính trị là trụ cột tinh thần quan trọng nhất được hình thành sau quá trình nhận thức để có được tri thức chính trị và để trở thành mẫu số chung của sự ổn định chính trị. Vì vậy, mất niềm tin là mất tất cả. Nếu có niềm tin chính trị vững chắc thì tình cảm chính trị sẽ trở thành một động lực mạnh mẽ thúc đẩy con người hành động quyết liệt hơn để bảo vệ chân lý, lẽ phải và giữ vững niềm tin chính trị, kiên định lập trường cách mạng.

Niềm tin và sự bị thuyết phục về chính trị có thể tự phát được hình thành, nhưng phần nhiều là kết quả của quá trình nhận thức khoa học, đúng đắn, sâu sắc về lý tưởng chính trị đã chọn. Nhưng dù thế nào đi nữa, thì nó cũng không thể có được bằng cách áp đặt, cưỡng buộc. Niềm tin là sản phẩm của sự nhận thức khoa học. Nhận thức khoa học càng cao thì tính bị thuyết phục của chủ thể cũng càng cao.

Niềm tin và sự bị thuyết phục về chính trị nếu được hình thành tự phát, sẽ không chắc chắn, dễ dao động, thậm chí bị phản bội một khi tình thế chính trị rơi vào tình trạng khó khăn, phức tạp. Niềm tin và sự bị thuyết phục về chính trị được hình thành tự giác từ nhận thức khoa học, sẽ mang tính ổn định và vững chắc ngay cả khi người ta lâm vào tình huống

chính trị gay go nhất. Vì vậy, những tình huống khó khăn nhất chính là môi trường thử thách bản lĩnh của chủ thể chính trị tốt nhất. Đây là thời điểm mà văn hoá chính trị đánh giá, đo lường, thẩm định chính xác nhất, cao nhất về chủ thể chính trị.

Từ những đòi hỏi của nền chính trị hiện đại, từ những đặc trưng của chính trị vô sản mà trực tiếp là sự nghiệp đổi mới ở nước ta, cho thấy rõ sự cần thiết phải nâng cao trình độ hiểu biết chính trị trên cơ sở khoa học, chính nghĩa, tiến bộ, phù hợp với xu thế phát triển của nhân loại cho cán bộ lãnh đạo chính trị và nhân dân lao động. Đối với cán bộ lãnh đạo chính trị - một chủ thể chính trị quan trọng trong đời sống chính trị - xã hội đòi hỏi phải có một niềm tin vững vàng hơn ai hết và họ cũng là đối tượng để quần chúng gửi gắm niềm tin và sự bị thuyết phục chính trị trên cơ sở khoa học và cách mạng là động lực to lớn thúc đẩy họ tham gia thực hiện các nhiệm vụ cách mạng một cách hiệu quả nhất. Như thế cũng là củng cố vững chắc thành quả cách mạng trước bất kỳ tình huống chính trị khó khăn nào.

## 4. Lý tưởng chính trị

Lý tưởng chính trị phần nhiều phụ thuộc vào đạo đức và trí tuệ của chủ thể chính trị. Để thực hiện lý tưởng chính trị của mình, chủ thể chính trị phải biết lựa chọn và thực thi có hiệu quả những phương thức, phương tiện hoạt động chính trị phù hợp.



Ảnh tư liệu

Theo một lát cắt khác, văn hóa chính trị lại bao gồm các thành tố sau.

### **1. Đạo đức trong văn hóa chính trị**

Tinh thần nhân văn là tinh thần cốt lõi của văn hoá chính trị, trong đó đạo đức cách mạng là cái gốc tinh thần nhân văn trong xử lý các quan hệ chính trị. Đạo đức là cơ sở, nền tảng để hình thành và phát triển năng lực. Năng lực là phương thức, là cách thức tổ chức để cho đạo đức được thực hiện. Giữa đạo đức và năng lực có mối liên hệ chi phối lẫn nhau. Trong chính trị, đạo đức và năng lực phải gắn liền với nhau thì mới có văn hoá chính trị. Vì vậy, người cán bộ chính trị vừa phải có đức vừa phải có tài thì mới là chủ thể sáng tạo ra những giá trị văn hoá chính trị, mới hình thành được nhân cách của con người chính trị với tư cách là người cán bộ chủ chốt, mới có đủ phẩm chất đạo đức, trách nhiệm chính trị và năng lực tổ chức thực hiện đưa mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào cuộc sống có hiệu quả. Vì thế, nếu trình độ nhận thức chính trị, năng lực tư duy là một thành tố của văn hoá chính trị thì đạo đức cách mạng cũng là một thành tố quan trọng, là thành tố cơ sở, nền tảng của văn hoá chính trị.

### **2. Truyền thống chính trị mang những giá trị tiêu biểu của dân tộc và của nhân loại**

Truyền thống chính trị của dân tộc và nhân loại có cả những yếu tố tích cực và tiêu cực. Văn hoá chính trị ở một thời kỳ lịch sử nhất định không chỉ là sự kết tinh những giá trị vật chất và tinh thần trong hoạt động chính trị đương đại mà còn bao chứa trong mình dưới dạng kế thừa, chọn lọc những yếu tố tích cực, những giá trị tiến bộ trong chính trị của các thế hệ trước đó tạo ra. Các giá trị văn hoá truyền thống không chỉ là những “chất liệu” tạo nên văn hoá chính trị đương đại, mà còn góp phần tạo nên bản sắc dân tộc cho văn hoá chính trị.

Bản sắc dân tộc của văn hoá chính trị bao giờ cũng gắn liền với ý thức tự khẳng định

mình của mỗi dân tộc, coi đó là niềm tin, truyền thống và tâm hồn dân tộc. Nó là tính dân tộc của văn hoá chính trị và là cái cốt lõi để giữ gìn bản sắc dân tộc. Trong thời đại ngày nay, khi mà giao lưu giữa các nền văn hoá trở nên cần thiết và mạnh mẽ thì những giá trị truyền thống của một dân tộc là căn cứ, tiêu chí để phân biệt bản sắc của dân tộc này với dân tộc khác không chỉ trong văn hoá mà ngay cả trong lĩnh vực chính trị.

Tuy nhiên, mỗi nền văn hoá chính trị của một dân tộc đều là những hệ thống mở, nó sẽ tiếp thu, chọn lọc những giá trị văn hoá chính trị của các dân tộc khác như là những giá trị nhân loại phù hợp với yêu cầu và điều kiện cụ thể để thực hiện lợi ích khách quan của dân tộc mình.

Sự nhạy bén, tính sáng tạo, tính khách quan, khoa học trong việc hoạch định những chính sách chính trị đúng đắn để thực hiện lý tưởng chính trị đã xác định là một nhân tố hết sức quan trọng trong văn hoá cầm quyền của một đảng chính trị, mà năng lực đó lại do chính đội ngũ cán bộ lãnh đạo chính trị của đảng ấy quyết định.

### **3. Phương tiện chính trị, chuẩn mực, phương thức tổ chức và hoạt động của quyền lực chính trị**

Về những thành tố này, trước hết phải nói đến hình thức tổ chức quyền lực Nhà nước và hệ thống chính trị. Đó là những hợp phần cấu thành văn hoá chính trị dưới dạng thực thể vật chất và tinh thần tiêu biểu của nó. Hình thức tổ chức quyền lực nhà nước, cơ chế vận hành và mô hình tổ chức các bộ máy, các thiết chế chính trị, thông tin và các phương tiện kỹ thuật, công nghệ; đào tạo và sử dụng nhân lực cho bộ máy quyền lực... tất cả phải được củng cố và hoàn thiện để khẳng định tính hiệu quả, hiệu lực, sức mạnh, tính pháp lý của một thể chế chính trị khách quan, khoa học có đủ sức mạnh để điều khiển toàn bộ xã hội. Đảm bảo sự kiện toàn sức mạnh của cả hệ thống tổ chức quyền lực trong xã hội, trong phối hợp hành động, trong sử dụng các sức mạnh kinh tế,

chính trị, văn hoá để điều chỉnh các quan hệ chính trị - xã hội nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, lý tưởng chính trị đã xác định.

#### **4. Hệ tư tưởng chính trị, đường lối, chính sách và các quyết sách của giai cấp cầm quyền**

Là bộ phận cốt lõi, quan trọng nhất của văn hoá chính trị, hệ tư tưởng chính trị đóng vai trò hạt nhân của văn hoá chính trị, giữ vị trí trung tâm, xuyên suốt có tác dụng chi phối các bộ phận khác trong văn hoá chính trị, cũng như toàn bộ nền chính trị nói chung. Sở dĩ như vậy là vì, trong xã hội có chính trị thì tư tưởng chính trị thống trị xã hội bao giờ cũng là tư tưởng của giai cấp thống trị. Trong điều kiện chủ nghĩa xã hội, hệ tư tưởng chính trị phản ánh khái quát nhất lợi ích của giai cấp cũng như phương thức, con đường thực hiện lợi ích cơ bản của giai cấp, của liên minh giai cấp hoặc của Nhân dân nói chung.

Từ sự phân tích này, có thể nhận thấy rằng, văn hoá chính trị là một vấn đề đủ phức tạp, nội dung cũng như cấu trúc của nó rất phong phú, đa dạng. Văn hoá chính trị có chức năng (vai trò) rất quan trọng, nó tác động, ảnh hưởng đến mọi cá nhân, tổ chức, mọi mặt của đời sống xã hội nói chung.

### **2.2 Chức năng của văn hóa chính trị**

Chức năng của văn hóa chính trị được xem xét theo nhiều lớp:

#### **Lớp thứ nhất, đối với các cá nhân và cộng đồng.**

**Một là**, văn hóa chính trị tham gia vào việc hình thành nhân cách chính trị của cá nhân.

Cá nhân là những con người cụ thể với toàn bộ những đặc điểm tâm lý, xã hội riêng biệt, chủ thể của các hoạt động và các quan hệ xã hội. Cá nhân tồn tại với tư cách là một thành viên của xã hội. Cá nhân liên hệ với xã hội và tham gia vào đời sống cộng đồng để hình

thành nhân cách, đó là những năng lực, phẩm chất riêng, phân biệt giữa cá nhân này với cá nhân khác. Chính vì thế, khi cá nhân tham gia vào các quan hệ và các hoạt động chính trị thì sẽ hình thành nhân cách chính trị.

**Hai là**, văn hóa chính trị tham gia điều chỉnh hành vi của cá nhân và cộng đồng.

Con người không sống đơn độc mà sống chung và chịu sự chi phối của cộng đồng. Trong đời sống chung đó, hành động của mỗi cá nhân đều ảnh hưởng đến các cá nhân khác, vì vậy, cần có những quy định chung để điều chỉnh hành vi của mỗi cá nhân và để giữ cho cộng đồng không bị tan rã. Đó không phải là một quá trình tự nhiên, mà là một quá trình xã hội liên tục. Trong khi phát triển với tính cách là thực thể xã hội, cá nhân lựa chọn và chịu trách nhiệm về hành vi ứng xử người - người đã lựa chọn. Mỗi cá nhân chấp nhận những yêu cầu của xã hội để nhận được sự đánh giá, sự ủng hộ của xã hội. Còn xã hội yêu cầu các cá nhân điều chỉnh các hành vi phù hợp với lợi ích chung của cộng đồng. Văn hóa chính trị là giá trị xã hội để mỗi thành viên cộng đồng điều chỉnh hành vi của mình.

**Ba là**, văn hóa chính trị tham gia vào giáo dục giá trị, nâng cao nhận thức, góp phần hoàn thiện và phát triển nhân cách.

Văn hóa chính trị là sự tác động trực tiếp của từng hợp phần tạo thành cũng như tổng thể giá trị của nó vào nhận thức của con người tạo nên những quy chuẩn đạo đức, thế giới quan, phương pháp luận, tri thức mới... từ đó giúp con người xác định lẽ sống phù hợp, phương pháp hành động đúng. Nhận thức chuyển hoá các giá trị xã hội thành giá trị cá nhân. Các hành vi chính trị lặp đi, lặp lại trong đời sống xã hội và cá nhân làm các giá trị văn hóa chính trị được củng cố, phát triển thành thói quen, truyền thống, tập quán đem lại nếp sống lành mạnh cho các cá nhân và xã hội, đem lại cho con người tầm nhìn mới về thái độ sống.

**Bốn là**, văn hóa chính trị tham gia xác lập, lan truyền các giá trị, chuẩn mực để xây dựng nhân cách phù hợp với hoàn cảnh xã hội, văn hóa chính trị duy trì bản sắc và sự ổn định của cộng đồng.

Các thiết chế xã hội - văn hóa làm cho giá trị, chuẩn mực, khuôn mẫu được truyền từ cộng đồng đến cá nhân, từ người này sang người khác và từ thời đại này sang thời đại khác thông qua hệ thống thiết chế gồm gia đình, nhà trường, nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội,..., được hình thành trên cơ sở quan hệ giữa các thành viên cùng với các truyền thống, thị hiếu, kinh nghiệm, cách ứng xử, dạy dỗ và thiết chế nhà nước, các tổ chức xã hội... nhằm duy trì, phát triển các giá trị văn hóa chính trị trong từng thời kỳ lịch sử.

## Lớp thứ hai, đối với quốc gia

Văn hóa chính trị đối với quốc gia là một nhân tố quan trọng trong quan hệ quyền lực chính trị; các giá trị của văn hóa chính trị thể hiện mối quan hệ quyền lực giữa giai cấp và chính đảng, tổ chức và thành viên... trong nội bộ giai cấp, quan hệ giữa các giai cấp và nhà nước, nhà nước và công dân..., quan hệ giữa các quốc gia dân tộc, các tổ chức chính trị quốc tế... mà ở đó, tất cả đều thể hiện quyền lực chính trị của người này đối với người khác và ngược lại.

**Một là**, văn hóa chính trị xác định, lựa chọn định hướng chính trị của đảng cầm quyền.

Trong chính trị, mục tiêu, lý tưởng chính trị có ý nghĩa quyết định. Lựa chọn đúng hướng đi sẽ quyết định mục tiêu phấn đấu. Hướng đi phù hợp quy luật vận động của xã hội, xu thế phát triển của thời đại sẽ mang lại thắng lợi cho cách mạng. Văn hóa chính trị giúp người (hay tập thể) lãnh đạo chọn mục tiêu đúng: đúng quy luật và khoa học, tạo được sự đồng thuận.

**Hai là**, văn hóa chính trị quy định tính chất, nội dung của hoạt động chính trị.

Tính chất, nội dung cương lĩnh, thể chế và hoạt động chính trị là khác nhau, phụ thuộc vào lý tưởng và mục tiêu chính trị. Văn hóa chính trị không cho phép tồn tại một nền chính trị mất dân chủ, tha hoá quyền lực, phi

đạo lý. Nó hướng tới một nền chính trị mà ở đó quyền lực chính trị gắn với chân lý, dân chủ, với pháp luật; quyền lực của đảng - nhà nước - nhân dân thống nhất.

**Ba là**, văn hóa chính trị điều tiết xu hướng vận động và phát triển của nền chính trị nói riêng, của xã hội nói chung.

Văn hóa chính trị điều tiết xu hướng vận động và phát triển của nền chính trị bằng hệ thống các giá trị, bằng các phương thức hoạt động và bằng năng lực chính trị của các chủ thể chính trị, của toàn bộ trình độ và năng lực của nền chính trị. Các hệ thống giá trị của văn hóa chính trị giờ đây trở thành các tiêu chí chính trị cho mọi suy nghĩ về mọi hoạt động chính trị, từ việc lựa chọn mục tiêu chính trị đến nội dung thực hiện chính trị, khoa học - nghệ thuật chính trị đến các phương thức thực thi chính trị; nó bảo đảm cho hoạt động chính trị đi đúng mục tiêu chính trị của một đảng, một thể chế chính trị.



**Bốn là**, văn hóa chính trị điều chỉnh các quan hệ chính trị.

Với bản chất dân chủ, khoa học, pháp lý, đạo lý, văn hóa chính trị là tiêu chí cho việc điều chỉnh các quan hệ chính trị giữa các giai cấp - giai cấp, quốc gia - quốc gia, quốc gia - quốc tế. Trong các quan hệ đối nội - đối ngoại phức tạp, với nhiều hướng tư tưởng, quan điểm khác nhau, bản chất dân chủ, khoa học, pháp lý, đạo lý là điểm chung để các hệ tư tưởng, quan điểm chính trị khác nhau quy tụ, giải quyết những vấn đề có lợi chung. Giai cấp thống trị trong xã hội thường điều hoà lợi ích giữa các giai cấp, tạo sự đồng thuận, hợp lực phấn đấu cho phát triển chung. Khi không điều hoà được mà nảy sinh mâu thuẫn, thì nhà cầm quyền phát hiện và phân tích, điều chỉnh khả năng và hướng giải quyết mâu thuẫn.

**Năm là**, văn hóa chính trị thúc đẩy phát huy dân chủ, huy động lực lượng và tiềm năng sáng tạo.

Văn hóa chính trị thúc đẩy xã hội hoá chính trị. Với văn hóa chính trị, mỗi cá nhân chọn lý tưởng chính trị, mục tiêu phấn đấu, từ đó có niềm tin, ý thức, ý chí vươn tới mục tiêu chính trị. Văn hóa chính trị là điểm chung để thống nhất ý thức chính trị cá nhân với mục tiêu chính trị của đảng, của dân tộc, thực hiện lợi ích chung. Với bản chất, đặc điểm của mình, văn hóa chính trị phát huy quyền làm chủ, mọi trí tuệ, tài năng vốn có ở cá nhân, trong toàn xã hội, tạo điều kiện cho mọi chủ thể chính trị tìm tòi, khám phá, sáng tạo, quyết tâm đạt mục tiêu.

**Sáu là**, văn hóa chính trị tham gia xây dựng đội ngũ cán bộ, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của họ.

Văn hóa chính trị thấm sâu vào mọi lĩnh vực hoạt động chính trị, nâng cao nền văn hóa chính trị và văn hóa chính trị của từng

thành viên xã hội. Trang bị tri thức, lý tưởng, niềm tin, ý thức chính trị cho chủ thể chính trị. Xây dựng và phát triển văn hoá cầm quyền: sức mạnh quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước thực sự là quyền lực của Nhân dân; mọi hoạt động chính trị đều vì dân, tạo điều kiện để Nhân dân phát huy cao nhất quyền làm chủ của mình. Xây dựng và phát triển văn hoá lãnh đạo: dân chủ, khoa học, nghệ thuật; huy động tối đa tiềm năng và sức mạnh sáng tạo của người dưới quyền và mọi chủ thể chính trị. Xây dựng, phát triển văn hoá quản lý: khoa học, đúng luật và hiệu quả. Xây dựng và phát triển văn hoá tổ chức: khoa học, dân chủ, công bằng giữa tổ chức - tổ chức, lãnh đạo - bị lãnh đạo, đảng - nhà nước - đoàn thể với phương châm huy động sức mạnh toàn dân vào sự nghiệp chung. Xây dựng và phát triển văn hoá ứng xử: khoa học và nghệ thuật, trân trọng và chân tình...

**Bảy là**, văn hóa chính trị góp phần hạn chế mặt tiêu cực, phát huy mặt tích cực của nền chính trị.

Bản chất, đặc điểm, trình độ văn hóa chính trị như là bản chất bên trong của nền chính trị, nó là sức mạnh nhân văn nội tại nuôi dưỡng môi trường chính trị lành mạnh, động lực thúc đẩy những yếu tố tốt đẹp của nền chính trị; đồng thời đẩy lùi những mầm mống tiêu cực để nảy sinh trong môi trường chính trị - xã hội và trong mỗi cá nhân; hình thành và phát triển văn hoá cầm quyền: văn hoá lãnh đạo, văn hoá quản lý, ăn hoá tổ chức; nâng cao hiểu biết, trình độ và năng lực hoạt động chính trị; nâng cao khả năng thực tiễn chính trị cho chủ thể chính trị. Hạn chế và khắc phục những tiêu cực trong đời sống chính trị: bệnh quan liêu, tham nhũng, thụ động, một chiều... tạo ra môi trường chính trị có văn hoá, tạo điều kiện cho hiệu quả hoạt động chính trị.





## 5. KẾT LUẬN

*Vấn đề xây dựng văn hóa trong chính trị được Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm từ rất sớm. Trải qua các thời kỳ cách mạng khác nhau, Đảng ta luôn coi trọng và đề cao nhiệm vụ xây dựng văn hóa chính trị trong Đảng và không ngừng bổ sung, phát triển, hoàn thiện. Trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, việc xây dựng văn hóa trong chính trị là một đòi hỏi tất yếu, khách quan và khi văn hóa chính trị thấm sâu vào đời sống xã hội, nhất là trong tổ chức và hoạt động chính trị sẽ là sức mạnh nội sinh đảm bảo cho đất nước phát triển nhanh và bền vững.*

## TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998): *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập, tập 3*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. V.I. Lênin (1975): *Toàn tập, tập 6*, Nxb. Tiến bộ Matxcơva.
4. V.I. Lênin (2005): *Toàn tập, tập 44*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

# 3 TRAO ĐỔI VỀ TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG

## PHÁT HUY NGUỒN LỰC ISLAM TRONG CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC CHĂM Ở NAM BỘ

THS. BÙI THỊ HƯỜNG \*

### TÓM TẮT

Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và nguồn lực của các tôn giáo đóng vai trò rất quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội của từng vùng, từng địa phương. Trên cơ sở phân tích tình hình phát huy nguồn lực của Islam giáo trong phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội

của cộng đồng người Chăm ở Nam Bộ, đánh giá những kết quả đạt được và những hạn chế; tác giả đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác phát huy nguồn lực của Islam giáo trong cộng đồng dân tộc Chăm ở Nam Bộ hiện nay.

**Từ khóa:** Islam giáo, nguồn lực Islam giáo, dân tộc Chăm, dân tộc Chăm ở Nam Bộ.

**Nhận bài:** 28/09/2024; đưa vào quy trình biên tập: 28/90/2024; duyệt đăng: 25/11/2024.

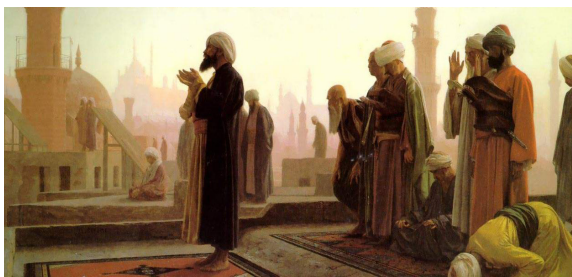
### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tôn giáo đã ra đời từ xa xưa - khi trình độ nhận thức, trình độ xã hội còn hạn chế và trong xã hội hiện đại hiện nay, tôn giáo vẫn đang thể hiện sức sống của mình. Chủ nghĩa Mác - Lênin tiếp cận tôn giáo với góc độ một hình thái ý thức xã hội, nảy sinh từ tồn tại xã hội trong những giai đoạn lịch sử nhất định. Tôn giáo ra đời cũng là sự phản kháng

tiêu cực của con người trước sức mạnh của tự nhiên và xã hội. C.Mác cho rằng:

*“Sự nghèo nàn của tôn giáo vừa là biểu hiện của sự nghèo nàn hiện thực, vừa là sự phản kháng chống sự nghèo nàn hiện thực ấy. Tôn giáo là tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức, lá trái tim của thế giới không có trái tim, cũng giống như nó là tinh thần của những trật tự không có tinh thần. Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân”*

[3, tr. 570].



Ảnh: nghiencuulichsu.com

Dù là sự phản kháng tiêu cực trước sức mạnh của tự nhiên và hiện thực áp bức, bất công

của xã hội nhưng tôn giáo cũng có nhiều chức năng như: chức năng đền bù hư ảo (chứa đựng nhiều giá trị tinh thần tích cực, như “trái tim hư ảo”, “liều thuốc giảm đau” xoa dịu nỗi đau trần thế); chức năng điều chỉnh hành vi của tín đồ theo hệ thống giá trị, chuẩn mực đạo đức thông qua các giới luật; chức năng liên kết xã hội với những người cùng tín ngưỡng tôn giáo, cùng bị ràng buộc bởi giáo lý, giáo luật tạo nên sự gắn kết trong cộng đồng.

Kế thừa quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo và xuất phát từ tình hình tôn giáo ở nước ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng luôn khẳng định những giá trị tốt đẹp, đề cao tính nhân đạo, hướng thiện của con người trong các tôn giáo. Người nhấn mạnh:

*“Chúa Giêsu dạy: Đạo đức là bác ái.  
Phật Thích Ca dạy: đạo đức là từ bi.  
Khổng Tử dạy: đạo đức là nhân nghĩa”*  
[7, tr. 438].

Qua đó, Người luôn trân trọng những giá trị tốt đẹp trong các tôn giáo và khuyến khích chức sắc, tín đồ phát huy những giá trị của tôn giáo trong đời sống cá nhân và cộng đồng xã hội.

Trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo, quan điểm nhất quán của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới cũng luôn khẳng định những giá trị tốt đẹp trong các tôn giáo, tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo hoạt động theo pháp luật. Nghị quyết 24 của Bộ Chính trị (năm 1990) đã xác định: Tôn giáo là vấn đề còn tồn tại lâu dài. Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới. Nghị quyết 25-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về Công tác tôn giáo cũng khẳng định: tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đồng bào các tôn giáo là bộ phận của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Nghị quyết Đại hội

Đại biểu Toàn quốc lần thứ XIII (2021) của Đảng đã khẳng định:

*“Vận động, đoàn kết, tập hợp các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ sống “tốt đời đẹp đạo”, đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bảo đảm cho các tổ chức tôn giáo hoạt động theo quy định pháp luật và hiến chương, điều lệ được Nhà nước công nhận. Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự nghiệp phát triển đất nước”*

[4, tr. 171].

Như vậy, hiện nay, Đảng ta đã xác định tôn giáo là một trong những nguồn lực cần phát huy trong quá trình phát triển xã hội.

Các lý thuyết về nguồn lực tôn giáo như: lý thuyết vốn xã hội, lý thuyết cấu trúc - chức năng, lý thuyết thực thể tôn giáo hiện nay đều khẳng định những mặt tích cực trong tôn giáo. Các nhà nghiên cứu hiện nay đều thống nhất quan điểm tôn giáo là một nguồn lực có thể khai thác cho sự phát triển xã hội. Tác giả Chu Văn Tuấn tiếp cận khái niệm nguồn lực tôn giáo ở phương diện rộng và đánh giá nó là nguồn lực xã hội bao gồm tất cả tiềm năng, tiềm lực vốn có của bản thân tôn giáo (Chu Văn Tuấn, 2020). Các nhà nghiên cứu có thể đưa ra những khái niệm với cách diễn đạt khác nhau nhưng hầu hết thống nhất cho rằng: Nguồn lực tôn giáo là toàn bộ những lực lượng tinh thần và vật chất mà bản thân tôn giáo có hoặc huy động được để phục vụ cho phát triển xã hội (Nguyễn Khắc Đức, 2022). Theo tác giả Nguyễn Khắc Đức, nguồn lực tôn giáo bao gồm nguồn lực tinh thần, nguồn lực vật chất và nguồn nhân lực trong các tôn giáo (Nguyễn Khắc Đức, 2022). Nguồn lực tinh thần trong tôn giáo chủ yếu ở thế giới quan, nhân sinh quan thể hiện trong giáo lý, giáo luật chứa đựng các giá trị đạo đức, nhân văn, văn hóa... giúp tín đồ sống tốt hơn, qua đó góp phần vào sự ổn định và phát triển xã hội. Nguồn lực vật chất trong tôn giáo gồm các giá trị vật chất, văn hóa vật thể (ẩm thực,

trang phục, nhà thờ, đền đài, di sản, di tích...) chứa đựng những giá trị lịch sử, văn hóa, nghệ thuật... góp phần phục vụ xã hội. Nguồn nhân lực trong tôn giáo gồm hệ thống tín đồ, chức sắc tham gia vào hoạt động cộng đồng. Tổng hợp tất cả những yếu tố này tạo nên những giá trị tích cực trong các tôn giáo đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng và xã hội.

## 2. TÌNH HÌNH PHÁT HUY NGUỒN LỰC ISLAM GIÁO TRONG VÙNG DÂN TỘC CHĂM Ở NAM BỘ

Theo Sách Trắng về tôn giáo ở Việt Nam năm 2022, tín đồ Islam giáo ở nước ta hiện nay khoảng trên 30.000 [1] trong đó tập trung chủ yếu trong cộng đồng người Chăm ở Nam Bộ. Ở Nam Bộ hiện nay, người Chăm theo Islam giáo tập trung chủ yếu ở các tỉnh, thành phố như: An Giang, Thành phố Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai...; trong đó số lượng tín đồ Islam giáo trong người Chăm ở An Giang là đông nhất. Theo số liệu thống kê năm 2020, người Chăm theo Islam giáo ở An Giang có 11.167 người, chiếm 33,18% tín đồ Islam giáo của cả nước; ở Thành phố Hồ Chí Minh, tính đến năm 2019 có 10.300 người Chăm là tín đồ Islam giáo; tại Tây Ninh có 4.219 tín đồ và Đồng Nai có 3.103 tín đồ Islam giáo là người Chăm [2].

Những năm qua, các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc tại các địa phương - nơi có đông đồng bào dân tộc Chăm theo Islam giáo ở Nam Bộ đã có nhiều chủ trương, chính sách phù hợp để phát huy những giá trị tích cực, những nguồn lực của Islam giáo trong phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội trong vùng và đã đạt được nhiều kết quả nổi bật trên những nội dung cơ bản sau:

### 2.1 Phát huy nguồn lực Islam giáo trong xây dựng đời sống văn hóa vùng dân tộc Chăm Nam Bộ

Giáo lý Islam giáo trong kinh Qur'an chứa đựng những chuẩn mực điều chỉnh quan hệ xã hội như: vinh danh và kính trọng cha mẹ;

tôn trọng quyền của người khác; bố thí rộng rãi cho người nghèo; cấm ngoại tình; bảo vệ và chu cấp trẻ mồ côi; cư xử công bằng với mọi người; trong sạch trong tình cảm và tinh thần... Ngoài ra, còn một số luật lệ như: nghiêm cấm uống rượu, cờ bạc, gian dâm... Đó chính là những quy tắc định hướng tín đồ Islam giáo đến cuộc sống đức hạnh.

Với chính sách nhất quán của Đảng luôn tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, những năm qua sinh hoạt tôn giáo trong cộng đồng dân tộc Chăm Islam ở Nam Bộ luôn được tôn trọng và bảo đảm theo quy định của pháp luật. Người Chăm Islam giáo ở Nam Bộ là những tín đồ Islam giáo nhiệt thành nên việc tuân thủ giáo lý, giáo luật được thực hiện rất nghiêm túc và tự giác. Người Chăm sống quần tụ hòa thuận, đùm bọc lẫn nhau theo từng xóm, mỗi xóm đều có thánh đường và có 1 vị giáo cả đứng đầu. Giáo cả Haji Jacky, Trưởng ban Đại diện cộng đồng Islam giáo tỉnh An Giang cho biết: Tại mỗi xã, người Chăm An Giang đều có thánh đường riêng. Họ tôn thờ thánh Alah, cầu nguyện mỗi ngày 5 lần. Họ thực hiện nghiêm túc giáo lý, giáo luật của Islam giáo, thực hiện các bổn phận của tín đồ như hạn chế ăn vào tháng Ramadam. Đặc biệt, họ tuân thủ nghiêm ngặt giáo luật. Họ cũng tuyệt đối không uống rượu, kể cả bia [14]. Giữa Thành phố Hồ Chí Minh sôi động nhưng các khu vực người Chăm Islam giáo sinh sống thường rất quần tụ, đoàn kết và tự giác thực hiện giáo luật. Điển hình như xóm Chăm Islam giáo ở hẻm 157 Dương Bá Trạc, Quận 8 chưa bao giờ có người uống rượu bia [16]. Mỗi thánh đường hầu như đều có lớp dạy tiếng Chăm; qua đó góp phần bảo tồn những giá trị văn hóa Chăm trong cộng đồng. Tiêu biểu như cộng đồng người Chăm Islam giáo ở xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai đã có phòng đọc sách và phòng học tiếng Chăm do Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và lực lượng vũ trang huyện cùng các mạnh thường quân hỗ trợ xây dựng. Công trình gồm 1 phòng đọc và 2 phòng học,

tổng diện tích 170m<sup>2</sup> với kinh phí xây dựng 736 triệu đồng. Một số người Chăm Islam giáo đã tự nguyện làm thầy giáo dạy tiếng Chăm cho 2 lớp học với khoảng 60 em ở nhiều độ tuổi khác nhau [8]. Các cộng đồng Chăm Islam giáo ở Nam Bộ hầu hết đều có ý thức chấp hành pháp luật tốt, góp phần vào việc xây dựng cộng đồng văn hóa, đảm bảo tốt an ninh trật tự.

## 2.2 Phát huy nguồn lực Islam giáo trong phát triển kinh tế vùng dân tộc Chăm Nam Bộ

Cùng với làn sóng phát triển chung của đất nước, sự quan tâm của chính quyền địa phương trong việc nâng cao hạ tầng giao thông, các chương trình 135, chương trình cho vay vốn, hỗ trợ giáo dục và đầu tư điện, đường, trường, trạm... đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho đồng bào Chăm Islam giáo ở Nam Bộ hiện nay phát triển kinh tế, chuyển hướng sang nhiều mô hình kinh tế mới, phát huy được nguồn lực sẵn có trong vùng.

Người Chăm Islam giáo ở Nam Bộ trước đây chủ yếu sống bằng nghề dệt thủ công, làm nông và nghề chài lưới thì hiện nay nhiều hộ người Chăm chuyển hướng sang kinh doanh, thương mại để phát triển kinh tế gia đình trên cơ sở khai thác những đặc trưng riêng trong tôn giáo Islam. Cũng theo Giáo cả Haji Jacky (Trưởng ban Đại diện cộng đồng Islam giáo tỉnh An Giang) đánh giá: Trước đây, nam giới chuyên chài lưới và mua bán nông sản miệt vườn, phụ nữ thì dệt vải, thêu thùa. Nhưng nay, đa số chuyển sang kinh doanh, dịch vụ, chỉ một số ít vẫn giữ và phát triển ngành nghề truyền thống như dệt thổ cẩm.... Hiện nay 100% ấp, xã vùng dân tộc Chăm có điện lưới quốc gia, trên 98% hộ dân được sử dụng điện lưới và nước sạch sinh hoạt. Đường giao thông nông thôn được nhựa hóa hoàn toàn, các xã vùng đồng bào Chăm có nhà văn hóa, trạm phát thanh phục vụ sinh hoạt cộng đồng. Đời sống của bà con được cải thiện, thu nhập bình quân đầu người đạt trên 33 triệu đồng/năm, số hộ nghèo theo tiêu chí mới giảm còn gần 4% [14].

Các dịch vụ du lịch hướng tới khai thác những nét độc đáo trong vùng Chăm ngày càng phát triển; điển hình là làng Chăm Islam giáo ở ấp Hòa Lộc, xã Minh Hòa, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương với mô hình phát triển du lịch bền vững dựa trên những giá trị văn hóa cốt lõi như tổ chức cho du khách tham quan về lễ hội của Islam giáo, về không gian sống để trải nghiệm các nghi lễ của Islam giáo ở thánh đường. Qua đó, không chỉ quảng bá được văn hóa bản địa mà còn góp phần nâng cao đời sống của đồng bào, trở thành đòn bẩy cho tăng trưởng kinh tế của địa phương. Ở An Giang, việc phát triển dịch vụ du lịch trên cơ sở khai thác nguồn lực vốn có của vùng Chăm Islam giáo cũng ngày càng được đẩy mạnh. Tại làng Chăm Châu Phong (tỉnh An Giang), các sản phẩm dệt thổ cẩm, xà bông, khăn, áo, đồ thủ công truyền thống đang trở thành sản phẩm du lịch, được du khách ưa chuộng; các món ăn truyền thống của người Chăm Islam An Giang cũng trở thành đặc sản phục vụ du khách. Việc phát triển du lịch cộng đồng gắn với văn hóa truyền thống không những giúp đồng bào Chăm có thêm thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống, mà còn giúp bà con nơi đây mạnh dạn, tự tin hơn trong giao tiếp. Có không ít gia đình người Chăm Islam giáo đã vươn lên có cuộc sống khá giả, sung túc.

Bên cạnh tham gia phát triển kinh tế địa phương, cộng đồng người Chăm Islam giáo ở Nam Bộ cũng luôn thể hiện tinh thần tương thân tương ái, hỗ trợ giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn. Điển hình như ở An Giang, trong 5 năm (2015 - 2020), người Chăm Islam giáo đã ủng hộ xây mới 14 căn nhà tình thương [12]; trong 6 tháng đầu năm 2020, đã quyên góp trên 3 tỷ đồng xây dựng nhà tình thương, hỗ trợ tín đồ khó khăn [17].

### 2.3 Phát huy vai trò của chức sắc, tín đồ Islam giáo trong công tác cộng đồng

Trên cơ sở phát huy nguồn lực vốn có, người Chăm Islam giáo ở Nam Bộ không chỉ nâng cao đời sống vật chất, tinh thần mà còn không ngừng được nâng cao trình độ, tích cực tham gia vào công tác xã hội và các hoạt động của cộng đồng. Theo giáo cả Đô Hồ Sên [8]: ngày càng có nhiều con em của đồng bào học hành, làm việc chăm chỉ và có đóng góp tích cực cho cộng đồng, cho địa phương. Có người đang là Phó Bí thư Đoàn Thanh niên xã, công an viên, đội trưởng ở nông trường cao su... thực hiện đúng phương châm “tốt đời, đẹp đạo” [8].

Vai trò của các chức sắc, tổ chức ban Đại diện cộng đồng Islam giáo của các tỉnh, thành phố khu vực Nam bộ cũng đang được phát huy. Hiện nay, ở Nam Bộ có các tổ chức như: Ban Đại diện cộng đồng Islam giáo Thành phố Hồ Chí Minh được công nhận năm 1992; Ban Đại diện cộng đồng Islam giáo tỉnh An Giang được công nhận năm 2004; Ban Đại diện cộng đồng Islam giáo tỉnh Tây Ninh được công nhận năm 2010. Các Ban Đại diện cộng đồng Islam giáo ở Nam Bộ đã thể hiện vai trò tích cực trong phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước giúp cho tín đồ Islam giáo hiểu rõ chủ trương, chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng, Nhà nước thuận lợi hơn. Từ đó, giúp tín đồ củng cố niềm tin, ý thức tự nguyện ủng hộ và tham gia thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội - xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.



### 2.4 Những hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được trên đây, việc phát huy nguồn lực Islam giáo trong cộng đồng dân tộc Chăm Nam Bộ vẫn còn một số hạn chế nhất định. Nhiều nơi, đời sống kinh tế của đồng bào Chăm Islam còn khó khăn, số hộ gia đình có kinh tế khá giả còn ít; việc phát huy nguồn lực Islam giáo trong phát triển kinh tế chưa được đẩy mạnh trên phạm vi rộng; trình độ học vấn còn thấp, trình độ sản xuất chậm được cải tiến, quy mô sản xuất nhỏ lẻ, hộ nghèo, hộ khó khăn còn nhiều... nên sẽ gặp nhiều khó khăn để tự lực vươn lên, cần có sự tiếp tục nghiên cứu hỗ trợ, giúp đỡ của Đảng và Nhà nước. Cùng với đó, các mối quan hệ học tập và giao lưu với cộng đồng Islam giáo ở nước ngoài cũng gây không ít những phức tạp. Chẳng hạn, ở tỉnh An Giang, giai đoạn 2004 - 2015 có 92 người Chăm đi học tại các trường đại học Islam giáo ở nước ngoài, chủ yếu ở Đông Nam Á. Ở xã Châu Phong, huyện Tân Châu, tỉnh An Giang có xóm có tới 10 hộ gia đình có người thân đang lao động, học tập, sinh sống ở Mỹ, Malaysia, Campuchia, Thái Lan (tư liệu do Ban Tôn giáo tỉnh An Giang và UBND huyện Tân Châu cung cấp năm 2018 [5]). Con em người Chăm đi du học trở về Việt Nam để làm ăn, sinh sống, mang theo nhiều yếu tố tích cực nhưng cũng không loại trừ yếu tố phức tạp. Hoặc trong thời điểm dịch Covid 19 bùng phát (từ ngày 27/2/2020 đến ngày 01/3/2020), tại thánh đường Seri Petaling, Kuala Lumpur, Malaysia diễn ra sự kiện tôn giáo (Istimah), tập trung khoảng 16.000 tín đồ Islam giáo đến từ một số quốc gia, trong đó Việt Nam có 90 người tham gia (chủ yếu là người Chăm Islam giáo ở Nam Bộ: Thành phố Hồ Chí Minh 34 người, An Giang 30 người, Đồng Nai 10 người, Tây Ninh 9 người) [5]. Điều này cũng gây nên không ít khó khăn trong công tác quản lý của các cơ quan chức năng.

Nguyên nhân trước hết xuất phát từ đặc thù Islam giáo trong vùng Chăm Nam Bộ có mối quan hệ vốn có với cộng đồng Islam giáo ở

nước ngoài, nhất là các nước khu vực Đông Nam Á. Việc nhận thức và quá trình triển khai thực hiện công tác phát huy nguồn lực Islam giáo của một số địa phương còn chưa thống nhất và triển khai chưa đồng bộ.

### 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT HUY NGUỒN LỰC ISLAM GIÁO TRONG VÙNG DÂN TỘC CHĂM Ở NAM BỘ

Từ việc nghiên cứu thực trạng trên đây, để nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác phát huy nguồn lực Islam giáo trong cộng đồng người Chăm ở Nam Bộ, thiết nghĩ cần tập trung vào những giải pháp cơ bản sau:

**Một là**, nâng cao nhận thức về phát huy nguồn lực Islam giáo trong cộng đồng Chăm Nam bộ. Thực hiện chủ trương phát huy nguồn lực tôn giáo nói chung, các địa phương có cộng đồng người Chăm Islam giáo ở Nam Bộ cần nâng cao hơn nữa nhận thức trong bộ máy chính quyền, đoàn thể để có những chính sách cụ thể, phù hợp với đặc thù của từng địa phương. Các cấp ủy Đảng, chính quyền cần xác định những tiềm năng, nguồn lực Islam giáo cũng là lợi thế trong phát triển kinh tế - xã hội. Từ đó, xuất phát từ đặc điểm riêng để xác định những mô hình phù hợp trong phát huy nguồn lực Islam giáo vào phát triển kinh tế - xã hội.

Bên cạnh đó, cần nâng cao nhận thức về phát huy nguồn lực Islam giáo trong chính tín đồ người Chăm Islam giáo ở Nam Bộ. Mỗi cộng đồng Chăm Islam giáo cần thấy những nguồn lực vốn có về tinh thần, vật chất trong Islam giáo để tìm những cách thức phát huy hiệu quả vào nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của mỗi tín đồ cũng như của cộng đồng.

**Hai là**, triển khai đồng bộ việc phát huy các yếu tố đặc thù của Islam giáo trong phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc Chăm Nam Bộ. Từ những kết quả đã đạt được trong phát huy nguồn lực Islam giáo thời gian qua, cần tiếp tục phát huy hiệu quả những mô hình đã triển khai như các làng du lịch trong vùng Chăm

Islam giáo ở An Giang, Bình Dương và nhân rộng ra các địa phương khác. Tăng cường khai thác những giá trị tinh thần của Islam giáo trong xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư, xây dựng những khu dân cư mẫu trong phát huy nguồn lực Islam giáo vào phát triển kinh tế - xã hội.

Bên cạnh đó, cần có những cách thức phù hợp để nâng cao trình độ trong vùng dân tộc Chăm Nam Bộ. Có những chính sách cho vay vốn; hỗ trợ kỹ thuật sản xuất để tín đồ Islam giáo trong vùng Chăm Nam Bộ nâng cao trình độ sản xuất, chuyển sang mô hình sản xuất hàng hóa kết hợp kinh doanh, dịch vụ hiệu quả. Chú trọng việc đào tạo đội ngũ cán bộ người Chăm Islam giáo phục vụ công tác tại địa phương.

**Ba là**, tăng cường phối hợp với Ban Đại diện cộng đồng Islam giáo các địa phương để quản lý các hoạt động Islam giáo theo quy định của pháp luật. Thời gian qua, Ban Đại diện cộng đồng Islam giáo các địa phương đều thể hiện vai trò cầu nối giữa cộng đồng với chính quyền trong việc tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về tôn giáo cho tín đồ; quản lý cộng đồng tuân thủ giáo luật. Thời gian tới, cần tích cực hơn nữa trong việc phối hợp với Ban Đại diện cộng đồng Islam giáo để quản lý những hoạt động có mối liên hệ với nước ngoài như: tín đồ Islam giáo đi du học ở nước ngoài và sau khi từ nước ngoài về; các hoạt động như thi sống kinh, hành hương... để chủ động nắm tình hình và định hướng tín đồ hoạt động theo quy định của pháp luật.



Ảnh: VOV4

## 5. KẾT LUẬN

*Tình hình thế giới hiện nay đang có nhiều bất ổn, chiến tranh sắc tộc, tôn giáo diễn ra ở nhiều nơi trên thế giới, trong đó đa phần có liên quan đến Islam giáo. Điều này phần nào ảnh hưởng đến tâm lý chung của cộng đồng Chăm Islam giáo Nam Bộ. Tuy nhiên, với chủ trương, chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước ta là tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo của nhân dân, phát huy nguồn lực tôn giáo vào phát triển kinh tế - xã hội, cộng đồng người Chăm Islam giáo ở Nam Bộ đã thể hiện được tính tích cực trong xây dựng cộng đồng văn hóa - tiến bộ, đảm bảo ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, thực hiện tốt phương châm “tốt đời, đẹp đạo”.*

## TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Ban Tôn giáo Chính phủ (2022): *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*. Hà Nội.
2. Bộ Thông tin và Truyền thông (2022): *Sự chuyển biến của tôn giáo Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc cách mạng 4.0*. Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
3. C.Mác - Ph. Ăngghen (2002): *Toàn tập - tập 1*. Nxb. Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): Văn kiện Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ XIII - tập 1. Nxb. Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.

5. Hoàng Thị Lan (chủ biên) (2021): *Đời sống tín ngưỡng vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay*. Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
6. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Tôn giáo và Tín ngưỡng (2020): *Nguồn lực tôn giáo - Kinh nghiệm trên thế giới và ở Việt Nam*. Hà Nội.
7. Hồ Chí Minh (2021): *Toàn tập - tập 7*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.
8. Hồ Thảo (2022): Niềm vui của đồng bào Chăm ở Bình Sơn, <http://www.baodongnai.com.vn/chinhtri/202211/niem-vui-cua-dong-bao-cham-o-binh-son-3143154>, ngày 7/11/2022
9. Lê Nguyên Châu (2018): *Cộng đồng Hồi giáo (Islam) ở An Giang*, Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo, Số 07 (175).
10. Nguyễn Khắc Đức (chủ biên) (2022): *Phát huy nguồn lực tôn giáo trong phát triển ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
11. Nguyễn Thị Quế Hương, Phạm Quang Tùng, Trần Anh Châu (2023): Đời sống kinh tế của cộng đồng Chăm theo Đạo Hồi (Islam) ở Việt Nam hiện nay, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 11.
12. Tiến Lên (2020): *Cộng đồng Hồi giáo (Islam) tỉnh An Giang tổ chức đại hội đại biểu lần thứ IV, nhiệm kỳ 2020 - 2025, Bản tin Tuyên giáo An Giang Online*, ngày 3/7/2020.
13. Thúy Hạnh (2022): *Ban Đại diện cộng đồng người Chăm Islam - Cầu nối giữa cộng đồng và chính quyền*, <https://thanhtra.com.vn/dan-toc-ton-giao/ton-giao/ban-dai-dien-cong-dong-nguoi-cham-islam-cau-noi-giua-cong-dong-va-chinh-quyen-204131.html>, Cập nhật lúc 18:48, Thứ tư, 09/11/2022
14. <http://biengioilanhtho.gov.vn/vi/tin-tuc/doi-song-chan-hoa-phat-trien-cua-dong-bao-cham-o-an-giang-967048.html> : Bienphong.com.vn - 15/06/2021 18:30
15. Đời sống chan hòa, phát triển của đồng bào Chăm ở An Giang, Báo điện tử bienphong.com.vn, ngày 15/6/2021 (<http://biengioilanhtho.gov.vn/vi/tin-tuc/doi-song-chan-hoa-phat-trien-cua-dong-bao-cham-o-an-giang-967048.html>)
16. <https://dantri.com.vn/an-sinh/khu-xom-yen-binh-nhat-o-tpHCM-dan-khong-bao-gio-nhau-nhin-chay-ca-thang-20240326121559986.htm>
17. *Người Chăm An Giang vui tết Yoya Haji đậm ấm*, Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 3/8/2020.



Ảnh: VOV4

# QUAN NIỆM VỀ THẾ GIỚI VÀ CON NGƯỜI CỦA ĐẠO CAO ĐÀI QUA NGHI LỄ TANG MA

TS. NGUYỄN HỮU THỤ \*  
NGUYỄN QUANG VINH \*\*

## TÓM TẮT



Ảnh tư liệu

*Tang lễ là một trong nghi thức quan trọng của các tộc người, nó không chỉ thể hiện đời sống tôn giáo, tín ngưỡng, văn hoá ứng xử của người sống đối với người chết mà còn thể hiện triết lý nhân sinh của cộng đồng. Đạo Cao Đài là một tôn giáo nội sinh Việt Nam ra đời năm 1926 ở Nam Bộ, là một trong số tôn giáo lớn ở Việt Nam, đóng vai trò quan trọng trong đời sống văn hoá, kinh tế, chính trị xã hội Việt Nam. Bài viết này muốn tìm hiểu triết lý nhân sinh - quan niệm về thế giới và con người của đạo Cao Đài thể hiện trong nghi lễ tang ma.*

**Từ khóa:** Nhân sinh quan; đạo Cao Đài; Nghi lễ tang ma Cao Đài

**Nhận bài:** 30/9/2024; đưa vào quy trình biên tập: 01/10/2024; duyệt đăng: 25/10/2024.

## 1. DẪN NHẬP

Ngay từ rất sớm, con người đã đặt ra những câu hỏi liên quan đến bản thân và môi trường sống xung quanh như: Con người được sinh ra từ đâu? sau khi chết chúng ta sẽ đi về đâu? thế giới này được hình thành như thế nào? Và chúng có mối liên quan như thế nào đối với con người?... Bên cạnh câu trả lời từ nhiều ngành khoa học thì các tôn giáo cũng đưa ra những giải thích của riêng mình. Và tồn tại

hàng ngàn năm nay, sự giải thích của các tôn giáo vẫn được một bộ phận người chấp nhận và tin theo. Ở một góc độ nào đó, những câu trả lời này chứa đựng tư tưởng về nhân sinh và thế giới của các tôn giáo phản ánh những thời kỳ lịch sử nhất định của con người.

Đạo Cao Đài là một tôn giáo nội sinh được thành lập năm 1926. Đây là một tôn giáo đã kế thừa và phát triển tư tưởng “Tam giáo đồng

nguyên” của người Việt Nam và mang đậm đà bản sắc văn hóa con người Nam Bộ. Trong quá trình phát triển xuyên suốt dòng chảy biến động của lịch sử, đạo Cao Đài đã phân tách ra nhiều chi phái, hiện nay có tất cả 10 hội thánh, 21 tổ chức hoạt động độc lập và 1 pháp môn đã được nhà nước công nhận(1). Trong số các tôn giáo nội sinh Việt Nam thì Đạo Cao Đài là một trong số những tôn giáo có hệ thống kinh sách, lễ nghi và tổ chức chặt chẽ nhất. Cao Đài cũng là một tôn giáo chịu sự ảnh hưởng và tiếp nhận những tư tưởng của các tôn giáo, tín ngưỡng khác nhiều nhất. Bài nghiên cứu này mong muốn tìm ra những tư tưởng, quan niệm giải thích về thế giới và con người được thể hiện thông qua nội dung của nghi lễ tang ma của đạo Cao Đài - Hệ phái Cao Đài Tây Ninh.

## 2. NGHI LỄ TANG MA CỦA ĐẠO CAO ĐÀI

Nghi lễ tang ma của Cao Đài được ghi trong hai cuốn sách “Quan hôn tang lễ” và kinh “Thiên Đạo và Thế Đạo” sự là kết hợp nhuần nhuyễn của cả Lễ và Nhạc với nhiều bước kể từ khi hấp hối cho đến sau khi được chôn cất.

Theo thông lệ, một đám tang Cao Đài sẽ diễn ra trong không quá 2 ngày, tức không quá 48 giờ. Và, trải qua những nghi lễ như sau:

- (1) Nghi thức khi hấp hối;
- (2) Nghi thức Thượng Số Tân Cố;
- (3) Nghi thức Tẩm liệm, Tắm phủ quan và thiết lập bàn vong;
- (4) Nghi thức Thành phục - phát tang;
- (5) Nghi thức Cúng Vong Chiêu Tịch, Tế Đăng Điện, Lễ Cầu Siêu, Hành Pháp Độ Hồn, Lễ Động Quan - Đưa Tang và hạ huyệt;
- (6) Cúng Tuần Cửu và Tiểu Tường - Đại Tường [2].

Một đám tang Cao Đài sẽ bắt đầu khi một người đang trải qua giai đoạn hấp hối. Lúc này, nghi thức Cầu hồn khi hấp hối và tắt thở sẽ được thực hiện. Đây là nghi thức tụng kinh cầu nguyện Đức Chí Tôn và các bậc Phật, Tiên, Thần, Thánh với mục đích mong muốn linh hồn của người đang hấp hối sớm được

nhẹ nhàng xuất ra khỏi thể xác để được cứu giúp về nơi an nghỉ của cõi thiêng liêng hằng sống. Nghi lễ này được thực hiện với mục đích giúp cho linh hồn người mất sớm buông bỏ được những sự ràng buộc của thể xác mà dễ dàng siêu thoát được.

*“Có khi sợi từ khí khó bứt làm cho kẻ hấp hối phải nhiều đau đớn. Cho nên tôn giáo dùng kinh “độ hồn” đọc trong khi người bệnh sắp tắt hơi, là để giúp cho sợi từ khí nhờ sức rung động của những tiếng mẫu nhiệm trong câu kinh mà được bứt ra dễ dàng. Người tu hành đầy đủ đạo đức thì Khí thể của họ nhẹ nhàng trong sạch, sợi từ khí ấy lại được tinh vi, nên khi thoát xác phàm, sợi từ khí bứt ra rất dễ, nên là trần một cách êm ái”*

[6, tr.31].

Trong trường hợp người hấp hối không thể qua khỏi, nghi thức *Thượng Số Tân Cố* sẽ được tiến hành sau khi họ đã hoàn toàn tắt thở. Mở đầu là việc tụng bài Kinh “*Khi đã chết rồi*” - một bài sớ theo mẫu nhằm dâng lên Đức Chí Tôn và các bậc Phật - Tiên - Thánh - Thần về sự ra đi của một tín đồ Cao Đài vừa mới qua đời, cầu xin Đức Chí Tôn, Địa Tạng Vương Bồ Tát và các Đấng thiêng liêng cứu độ vong hồn của người ấy được cứu độ giải thoát. Ngoài ra, tại Thánh Thất Cao Đài nơi có người bị mất sẽ tiến hành “*động chuông báo tử*”. Nếu người chết là nam giới thì đánh 7 tiếng, nữ giới đánh 9 tiếng chuông. Trong trường hợp người đã mất không giữ được 10 ngày chay thì sẽ không đánh chuông báo tử. Với các chức tước cao hơn được đánh trống cùng đánh chuông tại Thánh Thất [4, tr.7]. “*Động chuông báo tử*” là một nghi thức như một lời thông cáo đến với thế giới bên kia nhằm mong các Ngài sẽ dang tay đón nhận linh hồn người mất cũng như thông báo cho cộng đồng theo đạo về việc có người bị mất.

Sau khi Dâng sớ, sẽ thực hiện nghi lễ Tắm phủ quan và thiết lập bàn vong. Cũng giống như người Việt truyền thống, gia đình người mất sẽ

lập bàn thờ Vong riêng chỉ không để trên bàn thờ Cửu Huyền Thất Tổ. Trong quá trình thực hiện nghi lễ *Tắm liệm*, bài kinh *Tân Liệm*<sup>(2)</sup> sẽ được tụng để giúp cho linh hồn người mất có thể rũ bỏ những vướng mắc của hồng trần và của sợi dây nghiệp chướng đang níu giữ Chơn hồn của họ, để họ có thể thoát xác đi về Cõi Cực Lạc. Ban Đạo Tỳ sẽ có nhiệm vụ sửa soạn khâm liệm cho thi hài người mất vào áo quan. Sau khi đặt nắp, quan tài được đắp lên một tấm phủ Quan hình vuông mỗi cạnh dài 1,2 mét (Đại diện cho số 12 của Đức Chí Tôn), bốn góc viền ren, chính giữa thêu hình Thiên Nhân. Màu sắc của tấm Phủ Quan tùy theo sắc phái của người qui vị. Theo quan niệm Cao Đài, việc phủ tấm phủ quan có Thiên Nhân, lên quan tài giống như “*một người Cha ôm lấy đứa con của mình*”. Ngoài ra trên quan tài người mất sẽ đặt 9 ngọn đèn và không được để tắt. Sau khi tắm liệm cho và tấm phủ quan xong, gia quyến thực hiện việc thiết lập bàn thờ linh vị - có ảnh và bài vị người mất<sup>(3)</sup>.

Sau nghi lễ trên, sẽ tiến hành phát tang - *Thành phục*. Để chuẩn bị cho nghi lễ, gia đình chuẩn bị dọn hai mâm cơm chay, một đặt trước bàn thờ để cúng Cửu Huyền Thất Tổ, một dọn trước nhà để cúng Thần Hoàng Bốn Cảnh và cần phải có đủ “Tam Bửu”: hoa, rượu, trà. Tất cả khăn tang và áo tang, xếp trật tự đặt trên một cái mâm (mâm tang phục) để trước bàn thờ Cửu Huyền Thất Tổ. Trên mâm tang phục đốt sẵn hai cây đèn sáp. Trước hết, Chức việc và thân nhân đến Thiên bàn cúng Đức Chí Tôn, không đọc kinh, chỉ cầu nguyện cho gia quyến thọ tang. Kế đó, qua bàn thờ Cửu Huyền Thất Tổ thiết lễ Cáo Từ Tổ, xong rồi qua

bàn vong, làm lễ Thành phục phát tang. Ở đây, nghi lễ này sẽ do Chánh Trị sự thực hiện là Chúng đàn - Chủ tế.

Vào buổi sáng ngày thứ hai sẽ diễn ra nghi thức cúng Vong Chiêu Tịch thường diễn ra vào buổi sáng vì cúng *Chiêu* là sáng, *Tịch* là cúng chiều, tuy nhiên, theo quan sát của tôi tại họ đạo Phúc Đức<sup>(4)</sup> để đảm bảo thời lượng, Phải có mâm cỗ chay trên bàn Vong đa phần gia quyến sẽ thực hiện nghi lễ này vào buổi sáng lúc 10 giờ. Thường về cách thực hiện sẽ giống với cúng Vong của Thành Phục. Nghi thức này không nhất thiết phải có Lễ sĩ - Người xướng lễ tham gia.

Nghi thức *Tế Đấng Điện* là nghi lễ thể hiện nhân sinh quan và tư tưởng đạo đức của tín đồ Cao Đài khi tất cả tang quyến sẽ tham gia thể hiện lòng thành của mình với hương hồn người mất. Đây là nghi lễ sẽ thể hiện tư tưởng đạo Hiếu của Tôn giáo này khi các bước thực hiện sẽ thể hiện được sự gắn kết và lòng tiếc thương của người thân trong gia đình với người mất là mối quan hệ giữa Vợ - Chồng, Con - Cha, Con - Cha mẹ, Anh - em, Em - Chị. Theo quy chế nghi lễ thì ở các tỉnh địa phương thường chỉ thực hiện nghi lễ Đấng Điện trong hai trường hợp: Đấng điện cho hàng phẩm Lễ sanh hoặc tương đương (Đối phẩm hàng Thiên Thần), Đấng điện cúng tế cho hàng Chức Việc Ban Trị Sự và Đạo hữu (Đối phẩm hàng Nhân thần và Địa Thần). Các phẩm tín đồ không thụ trai đủ 10 ngày chay thì sẽ không được thực hiện nghi lễ này. Nghi thức này thường có hai phần Chánh Tế và Phụ Tế.

Đạo Cao Đài quan niệm rằng, nghi lễ *Cầu Siêu* là nghi lễ cầu nguyện gửi tâm tình đến Đức Chí Tôn và các Đấng Phật- Tiên- Thần- Thánh cứu vớt cho Vong hồn người chết cho được siêu thoát về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống, thoát được cảnh đọa đày theo vòng luân hồi [4, tr. 36]. Bởi vậy, trong nghi lễ này càng có nhiều người tham gia càng tốt khi có lòng tự nguyện và thành tâm cùng với Tang quyến để đọc bài Kinh Cầu Siêu nhằm để cầu xin Chí Tôn, Phật Mẫu và các Đấng Thiêng liêng Địa Tạng Vương Bồ Tát, Thất Nương Diêu Trì Cung ân xá cho vong hồn người chết được

siêu thăng thoát hóa. Lễ Cầu siêu thực hiện trước bàn vong, khi này tất cả thân nhân của người mất đều quỳ trước bàn vong. Còn các Chức sắc, Chức việc và Đồng Đạo dự lễ Cầu siêu đứng hai bên bàn vong, dài ra trước, phân ra hai bên nam nữ, tay bắt ấn Tý. Lúc này, Đồng nhi sẽ tụng Kinh Cầu siêu, tiếp tụng Kinh Khi đã chết rồi tụng xen kẽ như vậy ba lần, dứt thì niệm “Nam Mô cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát”. Sau đó luân phiên tụng Kinh Di-Lạc trước Thiên bàn.

Giải thích về lý do phải thực hiện phép xác, trong “Bí Truyền Chơn Pháp” đã giải thích ý nghĩa của nghi thức này:

*“Vì Chí Tôn biết lẽ ấy là một lẽ đầy đọa cả con cái của Người nên Người nhứt định dùng diệu pháp cắt bảy cái mối năng lực gọi là Thất Khiếu Sanh Quang, phạm gọi là bảy dây oan nghiệt đặng cho Chơn thân xa lìa xác tục rồi cũng dùng diệu pháp mà đưa vào cõi Hư linh mới rõ ràng là cơ tận độ. Ấy vậy làm phép xác cốt yếu là tẩm gội xác tục và hôn với giọt nước Cam lồ, cắt đứt bảy dây oan nghiệt cho Chơn Thân lìa khỏi xác rồi đưa Chơn Thân vào cõi Hư linh”*

[9, tr.14].

Về cơ bản, nghi thức *Độ hồn* nhằm giúp cho linh hồn người mất nhanh siêu thoát khi cõi bỏ cho họ những mối dây oan nghiệt ràng buộc thể xác, và tẩy rửa linh hồn và dẫn đưa họ về cõi siêu thoát. Nghi thức này sẽ chia làm ba bước chính là phép *Xác* - phép *Đoạn Căn* - phép *Độ Thăng*. Phép *Xác* là phép tẩy rửa chơn thân người chết để nhẹ nhàng bay lên cõi thiêng liêng. Phép *Đoạn Căn* là phép cắt đứt bảy mối dây oan nghiệt, không còn ràng buộc chơn thân người chết. Phép *độ thăng* là phép đưa chơn hồn người chết bay lên Cửu Trùng Thiên (Chín tầng trời)<sup>(5)</sup>. Nghi lễ sẽ bắt đầu vào sáng sớm, gia quyến sẽ cúng Đức Chí Tôn vào giờ Mão. Sau đó sẽ dọn hai mâm cơm: một mâm để cúng Cửu Huyền Thất Tổ, một mâm cúng Thần Hoàng Bốn Cảnh. Một Chức sắc phẩm Giáo Hữu đã đủ

thẩm quyền hành pháp sẽ đến hành phép xác, phép đoạn căn và phép độ thăng cho chơn hồn người chết, do người thân thỉnh cầu, có sắp đặt trước. Chức sắc hành pháp đến trước Thiên bàn, tay và mặt xông hương rồi luyện 3 món: Cam lồ thủy, cây kéo và bó nhang chín cây đốt cháy. Xong rồi giao cho người phụ lễ cầm, đến đứng trước đầu quan tài.

Thực hiện phép *Xác*, trong khi đồng nhi tụng tiếp Kinh Khi đã chết rồi thì Chức sắc hành pháp, tay trái bắt ấn Hộ Pháp, lấy chén nước Cam lồ, nhúng nhành dương vào nước Cam lồ, đi vòng quanh quan tài, rải lên khắp mình người chết. Khi thực hiện phép *Đoạn căn* (hay cắt bảy mối dây oan nghiệt), Chức sắc hành pháp đứng ngay đầu quan tài, đi vòng quanh dùng kéo cắt lần lượt bảy dây oan nghiệt nơi: vùng xương mở ác, trán, cổ, tim, hông bên trái, mang bụng dưới, xương cụt. Cắt xong thì trở lại chỗ cũ, đứng trước đầu quan tài, trao cái kéo cho người phụ lễ, rồi tiếp tụng kinh với Đồng Nhi. Khi thực hiện phép *Độ Thăng* này, Chức sắc hành pháp đứng ngay đầu quan tài, khởi tụng kinh Cầu Siêu. Khi đồng nhi tiếp tụng kinh thì người hành pháp, tay trái bắt ấn Hộ Pháp để ngay ngực, tay phải cầm 9 cây nhang đưa ngọn lửa ngay đầu quan tài đồng thời gọi tên người chết. Xong rồi giao 9 cây nhang cho người phụ lễ và đứng tiếp tụng kinh với đồng nhi. Dứt kinh thì niệm Câu chú “Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát ba lần là hoàn thành nghi lễ.

Trước khi di chuyển quan tài để đi an táng, Tang chủ sẽ tiến hành đọc diếu văn tưởng niệm người quá cố. Sau đó làm lễ Khiển điện tức là lễ dọn dẹp bàn cúng điện (Bàn vong)

để Ban Đạo tỳ vào động quan khiêng Linh cữu ra Thuyền Bát Nhã hay xe tang đi an táng. Vị Chúc Sắc hoặc Chúc Việc cầm phướn Thượng Sanh và tang chủ bưng khay Linh vị (hay còn gọi là bài vị) đến trước Thiên Bàn Tư Gia lạy ba lạy, rồi ra phía trước quan tài sắp đặt theo thứ tự di quan.

Khi thực hiện việc di chuyển và đưa quan tài vào trong Thuyền Bát Nhã, ban Đạo Tỳ có nhiệm vụ quan trọng trong quá trình điều hướng và huy động lực lượng khiêng cáng quan tài vào trong xe. Sắc phục của Đạo tỳ là: Áo đen quần đen có viền vải trắng, đội kết trắng viền đen và mang giày đen. Theo quan niệm của đạo Cao Đài những người Đạo tỳ là nhân viên của Ban Thuyền Bát Nhã do Đức Phật Di Lặc là chủ của Thuyền. Sau khi đưa quan tài vào trong xe tang (thuyền Bát Nhã), vai trò của người Đạo tỳ sẽ là người bắt nhịp và điều khiển cho chiếc thuyền Bát Nhã (xe tang) bằng cặp phách trên tay mình. toàn thể đoàn rước và các Đồng Nhi tụng bài Kinh Đưa Linh Cữu từ nơi phát hành ra tới huyệt mộ. Trên đường đưa tàng, đoàn rước dừng lại trước Thánh Thất, toàn thể gia quyến sẽ bước vào Thánh Thất hành lễ trước đức Chí Tôn. Một Lễ Sanh đã chia sẻ rằng: *“Nếu đưa tang đi ngang qua Thánh Thất thì sẽ luôn phải viếng Đức Chí Tôn”*<sup>(6)</sup>.

Trong nghi thức tang ma của đạo Cao Đài những gia đình có tang sẽ thực hiện làm lễ tuần cữu trong 81 ngày gồm 9 lần, cách căn ngày hành lễ sẽ tính từ ngày chết, đến ngày thứ 9 thì làm Tuần Nhất Cữu; tiếp tục đếm tới ngày thứ 18 thì làm Tuần Nhị Cữu, cứ thế tiếp tục đến tam- tứ và cửu, tiếp tục đếm tới ngày thứ 81. Sau 200 ngày sẽ làm lễ Tiểu Tường, 300 ngày sẽ làm lễ Đại Tường. Tổng như vậy, sau 581 ngày là chính thức mãn tang. Người Cao Đài tin rằng, khi con người chết đi họ sẽ đi qua 9 thế giới với sự hướng dẫn và đìu dắt của Cửu Vị Tiên Nương.

Về cơ bản, nghi lễ cúng Tuần Cữu được thực hiện như sau Lễ cúng Tuần Cữu có thể làm ở Thánh Thất hoặc tư gia, và đều do Ban Trị Sự ấn định và hành lễ. Thực hiện nghi lễ Tại Thánh Thất cần. Gia đình người mất bưng khay vong (Linh Vị) đến Thánh Thất,

đưa lên lầu Hiệp Thiên Đài, đàn tế sẽ diễn ra vào giờ Ngọ, Chánh Trị Sự sẽ có thượng số Tuần Cữu. Sau khi cúng thời xong thì đem khay vong xuống đặt nơi Cửu Trùng Đài, đàn tế tiếp tục khi Đồng Nhi và mọi người cùng, tụng Kinh Khai Cửu, sau đó tụng Kinh Tuần Cữu sau cùng sẽ là kinh Di Lạc Chơn Kinh.

Nghi lễ Tiểu Tường - Đại Tường về cơ bản giống y như làm Lễ Tuần Cữu nhưng bài kinh sử dụng là Kinh Tiểu Tường và Đại Tường. Lễ Đại Tường tại tư gia thì thân nhân làm sẽ có phần long trọng hơn, có tế điện phần Thế đạo, mời nhiều người tới dự hơn. Làm lễ Đại Tường thì khi cúng vong xong, khi Lễ Sĩ xướng: “Lễ thành”, thì một người trong tang quyển đứng trước Bàn vong, rót rượu lễ vào khay. Sau đó có đôi lời tuyên bố cảm ơn Ban Trị Sự và bà con đồng đạo. Nếu thực hiện ở Thánh Thất Gia đình người mất sẽ bưng khay vong (Linh Vị) đến Thánh Thất, đưa lên lầu Hiệp Thiên Đài, đàn tế sẽ diễn ra vào giờ Ngọ, Chánh Trị Sự sẽ có thượng số Tuần Cữu. Sau khi cúng thời xong thì đem khay vong xuống đặt nơi Cửu Trùng Đài, đàn tế tiếp tục khi Đồng Nhi và mọi người cùng, tụng Kinh Khai Cửu, sau đó tụng Kinh Tuần Cữu và Kinh Đại Tường hoặc Tiểu Tường và sau cùng sẽ là kinh Di Lạc Chơn Kinh. Sau nghi lễ này là chính thức mãn tang, gia quyến sẽ trở lại cuộc sống thường ngày.

### 3. THẾ GIỚI QUAN VÀ NHÂN SINH QUAN QUA NGHI LỄ TANG MA

#### 3.1 Thế giới quan qua nghi lễ tang ma

Tín đồ Đạo Cao Đài tin rằng, khi con người chết đi, đó sẽ là một hành trình xuyên qua các thế giới của người sống để đi sang thế giới vô hình mà Đức Chí Tôn Thượng Đế Cao Đài đã gây dựng nên. Hành trình đó sẽ diễn ra trong 581 ngày sau khi người đó mất đi: 81 ngày để qua

Cửu Trùng Thiên (Chín tầng trời), kéo dài đến lễ Tiểu Tường (200 ngày), Đại Tường (300 ngày) thì đến ngày 581 thì linh hồn người đó sẽ đến được Cõi Thiêng Liêng Hằng Sống của Đức Chí Tôn Cao Đài [9].

Nhìn chung, trong vũ trụ cần khôn mà Đức Chí Tôn lập ra, thế giới xếp chồng lên nhau thành tầng tầng lớp lớp. Song vẫn được phân chia gồm có hai phần: Hữu Hình và Vô Hình. Phần vô hình ở trung tâm và chi phối sự vận động của phần hữu hình. Phần Vô hình gồm: Tam thập lục Thiên với 36 tầng Trời, Thập nhị Thiên với 12 Tầng Trời (trong 12 tầng trời đó còn có Cửu trùng thiên là 9 tầng trời - với 9 vị tiên nữ có nhiệm vụ hóa độ linh hồn con người để sang thế giới bên kia, và 2 Tứ Đại Bộ Châu Thượng và Hạ. Phần Hữu hình chính là vũ trụ vật chất gồm 3072 ngôi sao, trong đó có thế giới hữu hình là nơi mà toàn thể nhân loại con người sinh sôi. và vì yêu thương nhân loại mà sau đến thời kỳ phổ độ thứ ba này Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế hóa độ mở ra các thời kỳ cứu độ. Thế giới hữu hình và thế giới vô hình có mối tác động liên quan đến nhau, thế giới vô hình sẽ tác động đến thế giới hữu hình [10, tr. 340- 345].

Bởi vậy khi một linh hồn rời khỏi thân xác, họ sẽ bắt đầu bước vào một chuyến du hành xuyên qua cửu tầng trời để đến tới hội Long Hoa mà nhận sự phán xét cho công nghiệp của mình kiếp này. Nếu để ý trên các bàn thờ Vong trong những đám tang Cao Đài, sẽ luôn để một lá cờ, hay đúng hơn là một chiếc Phướn, được gọi là Phướn Thượng sanh, tất cả những Chức sắc khi mất đi từ phẩm Lễ Sanh hay tương đương trở xuống đến tín đồ sẽ có một chiếc ở vị trí này, và khi đưa đi chôn, người ta cũng để chiếc phướn Thượng Sanh đi trước dẫn đường. Người Cao Đài tin rằng, chiếc phướn này có vai trò như dẫn đường cho người mất về cõi Tây Phương, chi tiết này, có lẽ được lấy cảm hứng trong truyện Phong Thần Bảng, như trong Kinh cầu hồn khi hấp hối có viết:

*“Tây phương tiếp dẫn Đạo Nhơn  
Phướn linh khai mở nẻo đường Lô  
Âm”*

*[14, tr40].*

Các bài kinh trong cuốn kinh Thiên Đạo và Thế Đạo đã miêu tả rất rõ những cõi giới xuyên suốt Cửu tầng trời mà Cửu Vị Tiên Nương cai quản, và do Đức Diêu Trì Kim Mẫu đứng đầu cả chín cõi giới. Mỗi cõi giới được vẽ ra giống như những chốn bồng lai tiên cảnh. Có các vị tiên nữ, thần thánh có trách nhiệm dẫn đưa và thanh tẩy các linh hồn để họ đi đúng hướng. Khi đọc những bài kinh cúng Tuần Cửu, ta thường sẽ có cảm giác thế giới quan của người Cao Đài về thế giới bên kia mang màu sắc của những câu chuyện thần tiên Trung Hoa trong Đạo Giáo, nhưng vẫn mang màu sắc rất Việt Nam và tinh thần hiệp nhất “Đại Đạo”. Những vị Tiên Nữ đó được lấy hình tượng từ những nhân vật văn hóa của lịch sử Việt Nam và nhân loại như: Đoàn Thị Điểm (Tứ Nương), Liễu Hạnh Công Chúa (Ngũ Nương), Jean de Arc (Lục Nương),.... Tổng cộng, linh hồn ấy sẽ đi qua tất cả chín tầng trời, được gọi tên như sau: Vườn Ngạn Uyển; Vườn Đào Tiên; Thanh Thiên; Huỳnh Thiên; Xích Thiên; Kim Thiên; Hạo Nhiên Thiên; Phi Tường Thiên; Tạo Hóa Thiên [11, tr. 210-215].

Đến ngày thứ 281 là thời điểm diễn ra lễ Tiểu Tường, linh hồn người sẽ bước đến cõi Hư Vô Thiên, tại cõi giới này, linh hồn người mất sẽ ở lại đây để nghe Nhiên Đăng Cổ Phật thuyết pháp, rồi vào Lô Âm Tự yết kiến Đức Phật Di Đà. Ở đây Chơn thân người đó sẽ được tắm gội ở ao Thất Bửu để tẩy trừ tục trần, rồi lên ngự trên Tòa sen, sẵn sàng cho Hội Long Hoa sẽ đến. Vào ngày thứ 581, Linh Hồn người đã khuất sẽ đến được đích đến là Hồn Nguyên Thiên do Phật Di Lặc làm chủ quản cõi này. Dựa theo ý nghĩa bài Kinh Đại Tường và giáo lý Cao Đài thì vào thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Di Lặc Vương Phật (Phật Di Lặc) sẽ giám khảo Long Hoa Hội để tuyển phong những người đạo đức, sống thánh thiện và làm nhiều việc tốt vào

ngôi vị Phật. Sự thăng tiến của một linh hồn sẽ được quyết định tại cõi giới này [8].

Trong tang ma Cao Đài, hình ảnh cõi giới này được miêu tả và nhấn mạnh thông qua hình ảnh con thuyền Bát Nhã (xe tang) đưa người mất ra huyệt. Thuyền Bát Nhã trong nghi lễ đạo Cao Đài tượng trưng cho chiếc thuyền trí tuệ mà Phật Di Lặc sử dụng để đưa những linh hồn người quá cố về với Cõi Cực Lạc siêu thoát. Tín đồ Cao Đài sẽ không gọi Thuyền Bát Nhã là xe tang cũng là vì như vậy [11, tr. 526-529]. Hình ảnh cửu tầng trời cũng xuất hiện trong nghi lễ tang ma trong các nghi thức tương ứng với số 9: chín cây đèn đặt lên quan tài, chín cây nhang đốt cháy khi hành pháp độ thăng và chín bài Kinh Tuần cửu nhằm hướng đến Cửu vị Tiên Nương sẽ hướng dẫn linh hồn người chết đi lên 9 tầng Trời để đến được cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Thế giới được biểu hiện trong nghi lễ tang ma của đạo Cao Đài là một thế giới được miêu tả theo cấu trúc như một chiếc cầu thang, thế giới ấy được miêu tả rất đẹp, mang màu sắc Đạo giáo và Phật giáo. Thế giới ấy không giống như Cửu Giới của Yggdrasil (Cây thế giới) trong thần thoại Bắc Âu, vì chúng là vô hình, nó sẽ không bao giờ kết thúc và nếu thần thoại Bắc Âu có Vahalla cho những chiến binh xứng đáng thì Hội Long Hoa và Bạch Ngọc Kinh cùng sự thăng cấp ngôi vị chính là vinh quang mà mỗi linh hồn đều mong muốn đạt được. Đạo Cao Đài tạo ra nó chỉ dành riêng cho con người, là lời giải thích của họ rằng khi con người chết đi họ sẽ đi về đâu. Thế giới quan ấy, định hướng cho những giá trị đạo đức và nhắc nhở tín đồ Cao Đài rằng, thế giới họ đang sống giống như một trường thi công quả mà Đức Chí Tôn lập ra để họ tu tập đạt tới ngôi vị của mình nơi thế giới vô hình.

## 2.2 Nhân sinh quan qua nghi lễ tang ma

Đạo Cao Đài cho rằng luôn có sự tương quan giữa hai thế giới vô hình và hữu hình, sự luân hồi chuyển kiếp tiến hóa theo *Bát sinh hồn*<sup>(7)</sup>. Theo đó, con người có được trở về với

ngôi vị của mình nơi đức Chí Tôn hay không là hoàn toàn do chính họ quyết tâm tu tập. Công quả và các nghi lễ trong tang ma của họ giống như một *tha lực* hỗ trợ cho người mất sớm trở về với Cõi Thiêng Liêng Hằng Sống, là tinh thần đoàn kết cộng đồng của những tín đồ đồng đạo.

Khi con người chết đi, chơn hồn sẽ hướng về phía Bạch Ngọc Kinh - nơi ở của Đức Chí Tôn. Bởi hồn phách của con người là một "*Điểm Linh Quang*" từ khối "*Đại Linh Quang*" của Đức Chí Tôn nên sẽ phải hướng tới nơi đó để tìm kiếm sự giải thoát và rời khỏi cuộc sống trần thế. Tuy nhiên, vì con người có Tam thể xác thân là: Thân (xác) - Linh hồn (Chơn hồn) - Vía (Chơn Linh), nên họ vẫn còn vướng 7 mối dây oan nghiệt mà phải thực hành phép xác để linh hồn ấy dễ thoát ra khỏi xác mà đến thế giới bên kia [10, tr. 304-309]. Tuy nhiên, nghi lễ trên yêu cầu phải là chức sắc đã thụ đủ 10 ngày chay, nên ở một số họ Đạo Cao Đài nhỏ lẻ, họ sẽ không thực hiện nghi lễ này.

Trong quan niệm của nhiều tín đồ Cao Đài, việc không thực hiện Hành Pháp Độ Hồn thực sự không ảnh hưởng quá nhiều đến việc linh hồn người đó có đến được Cõi Thiêng Liêng hằng sống hay không. Vì điều đó phụ thuộc rất nhiều vào công quả của họ trong kiếp này. Và các phép này chỉ như một cách thức hỗ trợ để cho linh hồn người mất có thể dễ dàng được siêu thoát. Còn việc siêu thoát hay không hoàn toàn do "*công nghiệp*" của chính mỗi người. Như đã nói ở trên, yếu tố tự lực có ý nghĩa quan trọng hơn và một linh hồn vẫn phải tự mình chuyển hóa đạt tới những phẩm vị cao hơn. Tuy nhiên, họ cũng tin rằng, nếu công đức của người mất chưa đủ, thì Chơn thần sẽ phải chờ bảy mối dây oan nghiệt cùng thể xác phân rã thì mới thoát ra được<sup>(8)</sup>.

Để giúp cho linh hồn người mất được siêu thoát, cho Chơn hồn sớm được về với Cõi Thiêng Liêng Hằng Sống, cộng đồng trong họ Đạo sẽ có trách nhiệm giúp cho linh hồn người đó sớm được siêu thoát, trở về ngôi vị của mình bằng cách tham gia các nghi lễ tang ma, việc cả họ Đạo cùng nhau tụng bài kinh

trong tang lễ chính là thể hiện rất rõ sự kết nối của cộng đồng với linh hồn người đã khuất, nếu thiếu đi sự cầu nguyện của cộng đồng, Nhạc - Lễ phối hợp hài hòa thì đám tang ấy sẽ không thành sự được, tang quyến sẽ cảm thấy linh hồn người khuất vẫn chưa thể rời được xác phàm.

Ban Trị Sự họ Đạo sẽ đứng ra thực hiện nghi lễ tang ma cho gia đình người mất mà không lấy kinh phí. Điều đó cũng là tình làng nghĩa xóm, sự gắn bó của những cộng đồng người có chung tôn giáo tín ngưỡng của bà con đồng đạo, trách nhiệm của tập thể đối với cá nhân trong cộng đồng... Nhưng điều đó không có nghĩa là họ mất đi hy vọng, bởi yếu tố *tự lực* tự mình vượt qua trong mỗi kiếp luân hồi chuyển kiếp mà các linh hồn được tiến hóa mỗi lúc mỗi tốt đẹp hơn và để đạt được điều đó họ cần phải tu hành liên tục để lên được những ngôi vị cao hơn.

Chính vì vậy, đạo Cao Đài luôn rộng mở trong việc tổ chức nghi lễ tang ma, thậm chí cho cả những người chưa nhập đạo. Trong sách Quan Hôn Tang Lễ có quy định về nghi thức dành cho người chưa nhập môn, vì họ tin rằng tất thảy chúng sinh đều phải bước đi trên một con đường tiến hóa giống nhau theo Bát Sanh Hồn. Chỉ là sớm hay muộn mà thôi. Cuối cùng, tất cả sẽ đón nhận sự dẫn đưa của Cửu vị Tiên Nương đi qua chín tầng trời để rồi được lên cõi Long Hoa, nơi có Phật Di Lặc soi xét công nghiệp. Theo chia sẻ của một chức sắc, Đức Chí Tôn tối cao của Cao Đài không có vai trò phán xét công tội của một linh hồn, mà vai trò của đẳng tối cao ấy chỉ đơn giản là hướng họ đến kiếp sau mà tu tập thăng tiến, phù hộ độ trì cho Linh hồn đó khỏi lằm lạc<sup>(8)</sup>.

Tất nhiên, mặc dù vẫn có thể thực hiện nghi lễ tang ma đối với người chưa từng gia nhập đạo Cao Đài, những những người này sẽ không về với Cửu Vị Tiên Nương nơi chín tầng trời, mà hành trình đó của họ sẽ dài hơn so với một tín đồ đã nhập môn. Họ sẽ phải bước sang cõi giới của Tây Phương Cực Lạc của Phật A Di Đà, theo giải thích của một số chức sắc trong đạo: “*Cõi Trời đó giống như*

*một nơi chuyển tiếp và người ta ở đó linh hồn con người vẫn có thể tu tập và sẽ mất nhiều công sức hơn để đạt được những cấp độ cao hơn tùy theo những công đức họ đạt được*<sup>(9)</sup>. Bởi vậy, đạo Cao Đài tỏ ra không hề ngần ngại trong việc đứng ra tổ chức tang ma cho những cá nhân khác tôn giáo, vì với họ, tất cả đều là anh em một nhà, đều xứng đáng được hưởng sự cứu độ. Các thánh thất Cao Đài Tây Ninh mỗi năm sẽ luôn tổ chức những buổi lễ lớn còn được gọi là *Cầu siêu hội* để cầu nguyện cho những linh hồn người đã hi sinh để bảo vệ đất nước

Nhìn chung, Đạo Cao Đài tin rằng, thế giới người sống và thế giới của người chết luôn tác động với nhau. Rằng, thế giới của người sống chính là ngôi trường thi *công quả* của mỗi con người, và *thế giới bên kia* sẽ là nơi mọi công trạng của con người được soi xét mà phân cấp trả lễ cho kiếp sau. Bởi vậy, người sống và người chết sẽ luôn liên kết với nhau. Tín đồ Cao Đài tin rằng, tại vì con người có sự tương thông, liên kết với nhau (đặc biệt là “*mạch Đạo*” - sợi dây liên kết đức tin) nên linh hồn tổ tiên đã mất vẫn có thể tác động vào tâm thức của con cái (những người đang sống) để độ dẫn cho con cái học đạo tu thân. Ở chiều hướng ngược lại thì con cháu mà học đạo, tu thân và đạt được những thành tựu thì những công đức đó sẽ giúp cho linh hồn người đã chết nhanh được tấn hóa lên những cấp bậc cao hơn cũng như phải luôn cầu nguyện vững tin vào Đức Chí Tôn thì linh hồn ấy sẽ được tấn hóa, như trong kinh *Cầu Tổ Phụ đã Qui liễu* có viết, đây còn là giá trị nhân sinh về đạo hiếu, quan hệ gia đình và cộng đồng với người mất:

**“*Dầu mang xác tục hay hồn  
Nhớ cầu từ phụ Chí Tôn cứu nàn.*”**  
[14, tr.106].



## 4. KẾT LUẬN

*Việc nghiên cứu thế giới quan và nhân sinh quan biểu hiện qua tang ma của đạo Cao Đài sẽ giúp chúng ta thấy được bức tranh về sự kế thừa (Phật giáo, Đạo giáo, Nho giáo, Công giáo) và nét riêng có của một tôn giáo nội sinh Việt Nam, qua đó tư vấn trong việc xây dựng và ban hành những chính sách pháp luật phù hợp với loại hình tôn giáo này nhằm bảo tồn và phát huy những giá trị văn hoá tiêu biểu và đặc sắc của đạo Cao Đài nói riêng và văn hoá dân tộc Việt Nam nói chung trong giai đoạn hiện nay.*

### CHÚ THÍCH

- 1) Vụ Cao Đài, Giới thiệu đạo Cao Đài ở Việt Nam, trang thông tin Ban Tôn Giáo chính phủ, bài đăng ngày 14/7/2021, <https://btgcp.gov.vn/gioi-thieu-cac-to-chuc-ton-giao-da-duoc-cong-nhan/gioi-thieu-cao-cao-dai-o-viet-nam-post2BR1VAWaJ1.html>.
- 2) Kinh Tân (Tân) Liệm do Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giáng cơ ban cho để đồng nhi tụng trước khi liệm thi hài người chết vào trong quan tài. Tân (Tân) là đặt xác người chết vào trong áo quan rồi đập nắp đóng lại cho thật kín, Liệm là bọc xác người chết cho thật kín bằng những lớp vải, và đặt vào áo quan. (Nguyễn Văn Hồng, Kinh Tân độ Vong linh: Kinh Tân Liệm, <http://www.caodai-online.com>.)
- 3) Phỏng vấn sâu Lê Sanh T.G.T, gỡ băng phỏng vấn ngày 22/02/2024
- 4) Họ đạo Phúc Đức, thành phố Hà Nội thuộc Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh, theo báo cáo niên đạo năm 2023 hiện có khoảng hơn 650 tín đồ (Gồm 17 chức sắc, 15 chức việc, ban phước thiện - Lễ Nhạc - đồng nhi: 84 người), Họ Đạo Phúc Đức có một cơ sở thờ tự là thánh thất Phúc Đức, được xây dựng từ năm 1988, tọa lạc tại thôn Phúc Đức, xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội.
- 5) Thiên Vân, Nghi thức và ý nghĩa tang lễ trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ: Tang lễ chức sắc, chức việc, đạo hữu Nguồn; <https://www.daotam.info/books/QuachVanHoa/NghiThucYNghiaTangLe/nghithuctangle-chucviecdaohuu.htm>.
- 6) Phỏng vấn sâu Lê Sanh T.G.T, gỡ băng phỏng vấn ngày 22/02/2024
- 7) Bát hồn gồm: Kim Thạch hồn (Đá) - Thảo mộc hồn (cỏ cây) - Thú cầm hồn (động vật) - Nhân hồn (con người) - Thần hồn - Thánh hồn - Tiên hồn - Phật hồn là những cấp bậc tiến hóa của con người theo từng cấp mỗi kiếp. Tùy theo căn nghiệp mỗi kiếp sống mà họ sẽ thăng hay hạ đạo. Bởi vậy tín đồ Cao Đài luôn thực hành theo giới luật và sống đạo đức để kiếp sau sẽ đạt được cấp bậc lớn hơn, thoát khỏi luân hồi để đạt ngưỡng cấp Thần - Tiên - Phật
- 8) Phỏng vấn sâu Lê Sanh T.G.T, gỡ băng phỏng vấn sâu ngày 22/02/2024
- 9) Phỏng vấn sâu Lê Sanh T.G.T, gỡ băng phỏng vấn sâu ngày 11/06/2024

### TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Cơ quan phổ thông giáo lý Đại Đạo (2009), *Tìm hiểu tôn giáo Cao Đài*, Nxb Tôn giáo
2. Đại Đạo Tam kỳ phổ độ - Tòa Thánh Tây Ninh (1963): *Thánh ngôn hiệp tuyển- quyển thứ nhì, nhà in Tuyệt Văn*, Hội thánh giữ bản quyền
3. Đại Đạo Tam kỳ Phổ Độ - Tòa Thánh Tây Ninh (1976): *Quan hôn tang lễ, in tại Bạch Vân Ấn Quán*.
4. Hiền tài Nguyễn Trung Đạo (2005): *Bước đầu tìm hiểu đạo Cao Đài, quyển 5: Tang lễ nơi hải ngoại (câu bịnh- lễ tang - phép xác)*, Châu đạo California - tộc đạo San Diego, tr. 7, <https://www.daotam.info/books/pdf/BuocDauTHDCD-Q5.pdf>.
5. Jérémy Jammes, Shao Zhu Shuai (2020): *The Cao Đài Deathscape: Reimagining Death*, tạp chí Religions 11(6) 280, <https://www.mdpi.com/2077-1444/11/6/280>.
6. Nguyễn Trung Hậu, Phan Trường Mạnh (2010): *Thiên Đạo*, Nxb Tôn giáo
7. Thiên Vân Hiền Tài Quách Văn Hòa (2017): *Bí Truyền Chơn Pháp - tài liệu sưu tầm*, Tòa Thánh Tây Ninh, trang điện tử Tủ sách Đại Đạo <http://www.daocaodai.info/books/pdf/pdf2/bitruyenchonphap.pdf>
8. Thiên Vân Hiền tài Quách Văn Hòa: *Chú Giải Kinh Tân Độ- Chương 10: Chú giải Kinh Tiểu Tường và Đại Tường*, <https://www.daotam.info/books/QuachVanHoa/ChuGiaiKinhTanDo/>
9. Thiên Vân Hiền tài Quách Văn Hòa: *Nghi thức và ý nghĩa tang lễ trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ: Tang lễ chức sắc, chức việc, đạo hữu*, <https://www.daotam.info/books/QuachVanHoa/NghiThucYNghiaTangLe/nghithuctangle-chucviecdaohuu.htm>
10. Hiền tài Nguyễn Văn Hồng (2003): *Bước đầu học Đạo dành cho Tân tín đồ Cao Đài*, (Bản thảo góp ý), Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh, tài liệu sưu tầm - 2017, <https://www.daotam.info/books/pdf/NguyenVanHong/buocdaohocdao.pdf>.
11. Hiền tài Nguyễn Văn Hồng, bút hiệu Đức Nguyên (2012): *Cao Đài từ điển, quyển II*, Tòa Thánh Tây Ninh, trang điện tử Cao Đài - E book, <https://caodaism.org/e-bookpdf/index.html>.
12. Hiền tài Nguyễn Văn Hồng, bút hiệu Đức Nguyên (2012): *Cao Đài từ điển - quyển III*, Tòa Thánh Tây Ninh, trang điện tử Cao Đài - E book, <https://caodaism.org/e-bookpdf/index.html>.
13. Hiền tài Nguyễn Văn Hồng: *Kinh Tân độ Vong linh: Kinh Tân Liệm*, <http://www.caodai-online.com>.
14. Tòa thánh Tây Ninh (2014): *Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo*, Nxb Tôn giáo
15. Nguyễn Thanh Xuân (2013): *Đạo Cao Đài - Hai khía cạnh lịch sử và tôn giáo*, Nxb Tôn giáo.
16. Đặng Nghiêem Vạn (1996): *Bước đầu tìm hiểu đạo Cao Đài*, Nxb Khoa học xã hội

# 4 PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

## NGHỆ THUẬT MÚA TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC CHĂM TRONG SỰ PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ VÀ DU LỊCH TẠI NINH THUẬN

TS. NGUYỄN KHÁNH NGỌC \*  
TS. NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG \*\*  
TS. ĐẶNG HÀ CHI \*\*\*

### TÓM TẮT

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hiện đại hóa hiện nay, nghệ thuật múa truyền thống dân tộc Chăm đang phải đối mặt với nhiều thách thức đáng kể, từ việc duy trì bản sắc văn hóa độc đáo đến việc kết nối với các yếu tố văn hóa mới. Sự xâm nhập của các xu hướng văn hóa hiện đại, cùng với sự thay đổi trong thói quen sinh hoạt và nhu cầu giải trí của giới trẻ, đã tạo ra áp lực lớn đối với các hình thức nghệ thuật truyền thống nói chung và nghệ thuật múa truyền thống dân tộc Chăm nói riêng. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến khả năng tồn tại của nghệ thuật múa Chăm mà còn làm gia tăng nguy cơ mai một các giá trị văn hóa đặc sắc của cộng đồng. Nghiên cứu múa Chăm trong đời sống văn hoá đương đại giúp làm sáng tỏ sự chuyển biến

tích cực để thích ứng với thời đại của múa truyền thống Chăm, từ đó tạo điều kiện cho việc hiểu biết sâu sắc hơn về nghệ thuật múa Chăm trong đời sống cộng đồng. Bên cạnh đó, việc phân tích những thách thức mà múa Chăm đang đối mặt cũng mở ra cơ hội cho việc đề xuất các giải pháp bảo tồn và phát triển nghệ thuật này. Các giải pháp có thể bao gồm việc tích hợp múa Chăm vào các chương trình giáo dục, phát triển các hoạt động văn hóa cộng đồng, và khai thác tiềm năng du lịch văn hóa để thu hút sự chú ý của công chúng. Qua đó, nghiên cứu không chỉ góp phần vào việc bảo tồn di sản văn hóa mà còn tạo ra những hướng đi mới cho nghệ thuật múa Chăm trong môi trường văn hóa hiện đại.

**Từ khóa:** múa truyền thống, nghệ thuật múa Chăm, phát triển du lịch Ninh Thuận.

**Nhận bài:** 10/11/2024; đưa vào quy trình biên tập: 10/11/2024; duyệt đăng: 25/11/2024.

## 1. BỐI CẢNH HÌNH THÀNH MÚA TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC CHĂM

Người Chăm là dân tộc thiểu số trong đất nước ta, còn gọi là người Chăm, người Chiêm Thành, người Chiêm, người Hời...(tiếng Chăm: Urang Campa) thuộc nhóm chủng tộc Austronesia (Nam Đảo) có nguồn gốc từ Đông Nam Á. Người Chăm là hậu duệ của cư dân Chămpa và “đã hình thành nền minh và quốc gia rất sớm, từ thế kỷ II - III sau Công nguyên” [4, tr.6]. Hiện nay, trong số 33 dân tộc sinh sống tại Ninh Thuận, người Chăm chiếm 11,43% dân số của cả tỉnh (67.517 người), đứng thứ ba sau người Kinh và người Raglai [5, tr 14]. Tại Ninh Thuận, người Chăm cư trú tương đối tập trung ở 22 làng (tiếng Chăm gọi là Palei). Tên gọi của mỗi làng được đặt theo tiếng Chăm gốc với ý nghĩa gắn liền với địa danh, truyền thống văn hóa của làng [7, tr.78]. Múa Chăm phát triển trong bối cảnh của nền văn minh Chăm Pa, một trong những nền văn minh lớn ở Đông Nam Á. Những di sản văn hóa của Chăm Pa, từ các đền tháp đến các nghi lễ tôn giáo, đã tạo điều kiện cho sự hình thành và phát triển của nghệ thuật múa. Múa Chăm thường gắn liền với các nghi lễ tôn giáo tín ngưỡng, các lễ hội tôn vinh các vị thần và tổ tiên, giúp lưu giữ ký ức lịch sử của dân tộc. Bên cạnh đó, người Chăm ở Ninh Thuận tiếp xúc và chịu ảnh hưởng của “nhiều nền văn hóa và tiếp nhận các tôn giáo từ bên ngoài là Bàlamôn giáo, Phật giáo, Hồi giáo và gần đây là Công giáo và Tin lành” [3, tr.82]. Trong đó Bàlamôn giáo đã và đang tạo nên những dấu ấn sâu đậm trong đời sống văn hóa, xã hội của người Chăm. Bằng chứng là trong số 22 làng Chăm, thì có tới 16 làng Chăm ảnh hưởng Bàlamôn. Bàlamôn giáo hay còn gọi là Ấn Độ giáo có 3 vị thần tối cao là Shiva, Brahma và Vishnu, trong đó thần Shiva được coi là vị chúa tể sáng tạo ra nghệ thuật múa. Ngài nhảy múa để sáng tạo ra thế giới. Với sự tôn sùng thần

Shiva, nên múa được coi là một trong những loại hình nghệ thuật được Ấn Độ giáo đặc biệt coi trọng. Trong tư tưởng của người Ấn Độ, điệu múa được xem như là một trong những phương thức để giao tiếp giữa con người với thần thánh. Cơ thể con người được xem như một phương tiện biểu đạt niềm tin của người Chăm trong nghi lễ thờ cúng. Và do đó, các buổi biểu diễn múa trở thành một cách thức hành động để cầu khẩn thần thánh. Bên cạnh Shiva, trong Ấn độ giáo nhân vật Apsara là vợ của Gandharva cũng được người Chăm yêu thích và sáng tạo ra truyền thuyết về sự ra đời nghệ thuật múa của dân tộc mình. Đó là hai vợ chồng thần Brahma thường cưỡi công để chu du thiên hạ. Cùng đi với họ có một đoàn vũ nữ thiên thần (Apsara). Khi xuống hạ giới, các vũ nữ thiên thần đã dạy người Chăm nhảy múa. Từ đó, múa được lưu truyền trong dân tộc Chăm [2, tr.28].

Do chịu ảnh hưởng tôn giáo và văn hóa Ấn Độ, nên nghệ thuật múa đóng vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa của người Chăm nói chung và người Chăm ở Ninh Thuận nói riêng. Nghệ thuật múa Chăm mang đậm tính thiêng và được sử dụng chủ yếu trong các nghi lễ tôn giáo, tín ngưỡng nhằm thể hiện lòng tôn kính đối với các vị thần, thần linh trong văn hóa Chăm. Những điệu múa là phương tiện giao tiếp, giúp con người gửi gắm nguyện vọng, cầu xin sự che chở, ban phước từ các thần linh. Múa Chăm thường diễn ra tại các đền tháp, không gian thiêng, tạo ra bầu không khí trang trọng và linh thiêng. Do đó, các điệu múa không chỉ mang ý nghĩa văn hóa mà còn phản ánh các tín ngưỡng tâm linh sâu sắc của cộng đồng Chăm.

Bên cạnh đó, những đặc điểm, luật lệ của múa Ấn Độ đã ảnh hưởng vào ngôn ngữ múa dân tộc Chăm như:

*“thân người thẳng, vai bằng, thế chân luôn khuyu”*

*[2, tr.10].*

Và từ những hình tượng nhân vật múa với đặc điểm tạo hình mang các luật lệ của múa Ấn Độ với phần thân người thẳng, vai bằng, thể chân luôn khuyu cũng đi vào trong nghệ thuật kiến trúc và nghệ thuật tạo hình Chăm tạo nên một phong cách cuốn hút, độc đáo. Rõ ràng, nghệ thuật múa đã thực sự thấm sâu, chi phối đời sống cộng đồng, tạo nên phong tục, lối sống, phong cách, tư duy, thị hiếu..., tạo nên nét riêng biệt của văn hóa Chăm ở Ninh Thuận hiện nay.

## 2. BỐI CẢNH TÁC ĐỘNG ĐẾN MÚA TRUYỀN THỐNG CHĂM TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA ĐƯƠNG ĐẠI

### Một là, Đường lối của Đảng và Chính sách của Nhà nước

Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 nhằm phát triển kinh tế - xã hội cho các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó có người Chăm. Việc chú trọng đầu tư cho giáo dục, y tế, và văn hóa sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người Chăm trong việc duy trì và phát triển các hoạt động nghệ thuật truyền thống, bao gồm múa; Chiến lược phát triển văn hoá đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận nhấn mạnh bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc, tạo điều kiện cho nghệ thuật múa Chăm có không gian và cơ hội biểu diễn, quảng bá đến công chúng; Kế hoạch thực hiện Chương trình Bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hoá Việt Nam, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận cung cấp các biện pháp cụ thể nhằm bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, trong đó có nghệ thuật múa Chăm. Việc tổ chức các hoạt động truyền thông, biểu diễn sẽ giúp nâng cao nhận thức về giá trị văn hóa của người Chăm trong cộng đồng.

### Hai là, sự chuyển dịch dân cư, cư trú đan xen ở Ninh Thuận

Với sự chuyển dịch dân cư và cư trú đan xen giữa các cộng đồng dân tộc ở Ninh Thuận,



Ảnh: langvanhoavietsam.vn

đã dẫn tới thay đổi về cơ cấu dân số khiến người Chăm trở thành dân tộc đứng thứ ba về dân số sau người Kinh và người Raglay. Tình trạng này làm giảm vai trò chủ thể của người Chăm trong bối cảnh văn hóa địa phương, tạo ra áp lực đối với việc duy trì bản sắc văn hóa. Sự giao thoa văn hóa với người Kinh và người Raglay đã tạo ra sự thay đổi trong các hoạt động đời sống của người Chăm, trong đó có nghệ thuật múa. Nghệ thuật múa Chăm có thể bị ảnh hưởng bởi các yếu tố từ nghệ thuật của người Kinh và người Raglay, dẫn đến sự thay đổi trong phong cách và nội dung. Các điệu múa truyền thống có thể được biến tấu để phù hợp với xu hướng và thẩm mỹ mới, tạo ra sự giao thoa thú vị nhưng cũng có thể dẫn đến ít nhiều có sự mai một về bản sắc Chăm.

Sự phát triển kinh tế, xã hội ở Ninh Thuận: Mười năm trở lại đây, Ninh Thuận đã phát triển không ngừng, trở thành trung tâm năng lượng, năng lượng tái tạo của cả nước. Sự phát triển về kinh tế, xã hội tác động đến sự thay đổi về văn hoá và nghệ thuật múa Chăm. Sự cải thiện về kinh tế giúp người Chăm có nhiều thời gian và điều kiện hơn để luyện tập và tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật. Đồng thời, sự phát triển kinh tế, xã hội cũng tạo ra sự thay đổi trong tư duy bảo tồn nghệ thuật truyền thống. Người Chăm có cơ hội tham gia

vào các chương trình nghệ thuật và văn hóa, góp phần nâng cao nhận thức về việc bảo tồn và phát triển múa của cộng đồng. Tuy nhiên, cần có sự hỗ trợ để phát triển tư duy sáng tạo, kết hợp giữa truyền thống và hiện đại.

### **Ba là, toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế**

Toàn cầu hóa mang đến nhiều giá trị mới, nhưng cũng đồng nghĩa với những thách thức mới. Nhiều bạn trẻ bị cuốn hút bởi các trào lưu văn hóa hiện đại, có xu hướng yêu thích vũ đạo nhanh, sôi động, khiến nghệ thuật múa truyền thống trở nên kém hấp dẫn hơn trong mắt họ. Để duy trì sự quan tâm của giới trẻ đối với múa Chăm, cần tạo ra các chương trình kết hợp nghệ thuật truyền thống với yếu tố hiện đại, từ đó tạo nên những trải nghiệm mới mẻ và hấp dẫn cho công chúng đem lại nhiều giá trị mới nhưng cũng kéo theo những hiện tượng phản văn hoá dẫn đến việc tiếp thu một cách thiếu chọn lọc. Nhiều bạn trẻ yêu thích các vũ đạo hiện đại với tiết tấu nhanh, sôi động và ít quan tâm đến nghệ thuật múa truyền thống.

## **3. NHỮNG BIẾN ĐỔI CỦA MÚA TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC CHĂM TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HOÁ ĐƯƠNG ĐẠI TẠI NINH THUẬN**

Để phù hợp với yêu cầu của xã hội hiện đại, nghệ thuật múa Chăm đã có những thay đổi đáng chú ý nhằm bảo tồn bản sắc văn hóa trong bối cảnh giao thoa văn hóa. Những thay đổi này không chỉ giúp múa Chăm thích ứng với thời đại mà còn bảo tồn bản sắc văn hóa, tạo ra cơ hội để nghệ thuật này phát triển bền vững trong tương lai.

### **Một là, trong đời sống tâm linh**

Người Chăm Ninh Thuận đã trải qua thời gian dài chung sống cận cư với người Kinh (Việt), người Raglai và các dân tộc khác, từ đó có sự giao lưu, gắn bó tiếp biến văn hóa với nhau. Tuy vậy, các giá trị văn hóa truyền thống đã được họ bảo lưu khá tốt nhờ vào kết cấu cộng đồng dân cư bền chặt theo làng (palei), tính theo huyết thống bên mẹ (đòng tộc mẫu hệ)

với nhiều lễ nghi được gìn giữ cho đến ngày nay. Các lễ nghi tín ngưỡng có từ lâu đời như Puis, lễ Payak, lễ tế trâu Núi Đá trắng, lễ Katé, lễ Rija... vẫn được tổ chức theo chu kỳ. Tuy nhiên, hiện nay một số lễ nghi tín ngưỡng của người Chăm đã có sự biến đổi và mai một dần.

Lễ Katé là một trong những lễ hội lớn nhất của người Chăm Ahier (Chăm ảnh hưởng Balamôn) tại Ninh Thuận. Nghi lễ chính của Katé được diễn ra ở các đền tháp. Ở Ninh Thuận, có ba địa điểm hành lễ là đền thờ Po Nagar (ở làng Chăm Hữu Đức, xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước), tháp Po Rome (ở gần làng Chăm Hậu Sanh, huyện Ninh Phước) và tháp Po Klong Garai (ở thị trấn Tháp Chàm).

Lễ hội Katé có ý nghĩa kính nhớ ông bà tổ tiên, những người đã khuất; tưởng nhớ các anh hùng dân tộc được người Chăm suy tôn thành thần như Po Rome, Po Klong Garai - những vị vua đã có nhiều công lao đối với người Chăm thừa xa xưa và cầu mong mưa thuận gió hòa [6, tr.225].

Từ không gian của lễ hội với những điệu múa thiêng trong nghi lễ, múa Chăm đã biến đổi phát triển cả những điệu múa mừng trong không gian hội. Và trong lễ Katé truyền thống thì phần lễ phải diễn ra trước phần hội với điệu múa thiêng của bà Pajuw trong tháp để kết thúc đại lễ thì bên ngoài mới được bắt đầu mở hội. Tuy nhiên, trong lễ Katé ngày nay thì phần hội được tổ chức trước với màn múa mừng trước đền tháp nhằm khai mạc lễ hội và sau đó mới đến phần lễ.

Trước năm 1967, lễ Katé không tổ chức ở quy mô lớn như ngày nay, "...người dân bình thường không tham gia lễ. Chỉ có người dân nào có nhu cầu cúng tế (mbur ka Po) hoặc hứa sẽ trả lễ (bayar thrayi ka po yang) đề cầu mong con cái, sức khỏe làm ăn phát đạt thì họ mới đem lễ vật cùng tu sĩ Basaih đến cúng tế tại đền tháp vào ngày lễ Kate" [6, tr.240].

Hay như lễ Paralao Pasah ở các cửa sông trước được các làng tiến hành nhưng hiện nay lễ này chỉ còn làng Bình Nghĩa thực hiện.

## Hai là, trong các phong trào văn nghệ quần chúng

Phong trào văn nghệ quần chúng vùng đồng bào Chăm trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận phát triển rộng khắp từ vùng đồng bằng đến các thôn xóm miền núi. Làng Chăm nào cũng có đội múa để biểu diễn vào các dịp lễ truyền thống, do người lớn tuổi truyền dạy lại cho thế hệ trẻ. Các đội văn nghệ tham gia biểu diễn phục vụ đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân trong các dịp lễ, tết và các sự kiện chính trị - văn hóa ở địa phương. Chương trình biểu diễn của các đội văn nghệ chủ yếu là dân ca, dân vũ đặc sắc trên nền nhạc cụ dân tộc của các nghệ nhân dân gian dân tộc Chăm. Múa Chăm được sử dụng trong các chương trình của đội văn nghệ có 2 hình thức là múa độc lập và múa phụ họa. Nội dung phản ánh thường gắn với lao động, sinh hoạt của người dân như múa tôn vinh vẻ đẹp của người con gái Chăm trong lao động làm gốm, dệt vải; tái hiện lại một nghi lễ trong truyền thống... Ngoài các động tác múa sử dụng các động tác múa truyền thống nhưng bổ sung các thành phần tạo hình, đội hình, tuyến múa để tạo sự tươi mới nhằm thu hút khán giả; Còn có các động tác được phát triển từ các động tác múa Chăm truyền thống. Về âm nhạc, các đội văn nghệ sử dụng các bài trống truyền thống và cả các tác phẩm âm nhạc mới sử dụng chất liệu âm nhạc Chăm để làm âm nhạc phục vụ cho múa. Nếu như trong truyền thống, múa là một phần của nghi lễ và diễn ra theo một trình tự nhất định thì các điệu múa mới được sử dụng trong các đội văn nghệ đã có bàn tay của người biên đạo. Thường biên đạo múa tại các đội văn nghệ là một người múa giỏi trong làng, có khả năng tổ chức, dàn dựng đứng ra luyện tập cho mọi người.

Để có nguồn nhân lực đáp ứng hoạt động biểu diễn, tại các đội văn nghệ xã, và các câu lạc bộ đều tiến hành hoạt động đào tạo. Họ tập hợp đội ngũ nghệ nhân dân gian giàu kinh nghiệm và tâm huyết chuyên biểu diễn và truyền dạy cho lớp trẻ, góp phần quan trọng trong việc gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Chăm.

Đội ngũ nghệ nhân dân gian truyền dạy cho thế hệ trẻ theo phương pháp truyền nghề trực tiếp, cầm tay chỉ ngón. Phương pháp này ít tốn kinh phí, có hiệu quả cao trong thực hành, các em vừa được học, uốn nắn cụ thể, vừa được tham gia biểu diễn tại các dịp lễ, tết, sự kiện quan trọng của địa phương, đồng thời giúp các giá trị văn hóa được bảo lưu ngay trong môi trường văn hóa của nó, nơi nó được sinh ra, tồn tại và vận hành, trực tiếp đi vào đời sống văn hóa tinh thần của người dân.

Múa Chăm được truyền dạy tại đội văn nghệ chủ yếu là các động tác, điệu múa trong nghi lễ, lễ hội. Thường có một số động tác cơ bản như: Biyen: hai tay cầm quạt, một tay cao, một tay thấp, xoay quạt đưa về trước bụng; Măng: hai tay cầm quạt đưa sang bên hông đẩy ra thu vào và xoay quạt trước bụng; Tra: làm tay không hoặc cầm quạt gập tay đẩy trước sau, đẩy ngang hông hai bên phải trái, tay úp, ngửa. Bên cạnh đó là một số các động tác được sáng tạo mới dựa trên chất liệu múa truyền thống, vẫn đảm bảo giữ được các đặc điểm của múa Chăm truyền thống như: độ nhún, nảy dấp dềnh, guộn tay, hất nảy cổ tay... Các đội văn nghệ xã, các câu lạc bộ này chính là nơi bảo tồn hữu hiệu nghệ thuật múa Chăm, đồng thời cũng là nơi cung cấp nguồn nhân lực biểu diễn múa Chăm phục vụ đời sống tinh thần cho nhân dân trong các dịp lễ, tết và các sự kiện chính trị - văn hóa quan trọng ở địa phương.

Nhằm khuyến khích hoạt động truyền dạy múa Chăm, tỉnh Ninh Thuận tổ chức các cuộc hội thi, hội diễn, liên hoan văn nghệ dân gian, tổ chức ngày hội văn hóa các dân tộc... hàng năm hoặc định kỳ 2 năm một lần... Các chương trình biểu diễn của các đoàn tham gia Hội diễn không chỉ có đơn ca, song ca, tam ca, tốp ca, độc tấu, hòa tấu..., mà còn có các tiết mục múa Chăm độc lập và múa phụ họa. Các tiết mục múa Chăm ở các Hội diễn phần lớn khai thác từ các điệu múa truyền thống như múa chim công, múa khăn, múa đội lu, múa roi... Và điều đặc biệt là các diễn viên múa trong các chương trình tham gia hội diễn nghệ thuật quần chúng không chỉ có người Chăm mà còn có người Việt.

Thông qua các hội diễn nghệ thuật quần chúng, có thể thấy múa Chăm phát triển cả chiều rộng và chiều sâu, thu hút sự tham gia sôi nổi của nhiều cấp, ngành và đông đảo người dân trong tỉnh. Điều đó không chỉ góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho người dân, mà còn là cầu nối quan trọng để phát huy những giá trị văn hóa đặc sắc của địa phương, giúp người dân ý thức hơn về vai trò của mình trong việc xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, tạo động lực đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất, thắt chặt tình đoàn kết, gắn bó và thấu hiểu lẫn nhau trong cộng đồng.

### **Ba là, trên sân khấu chuyên nghiệp**

Lấy cảm hứng từ những bức tượng phù điêu vũ nữ Apsara huyền bí, lung linh huyền ảo hay các điệu múa dân gian và tôn giáo, tín ngưỡng Chăm, các nhà biên đạo đã nghiên cứu, sáng tạo ra các điệu múa mang tính thẩm mỹ, kỹ thuật cao để đưa lên sân khấu chuyên nghiệp. Các tác phẩm tiêu biểu có thể kể đến như: Thiếu nữ Chăm, Khát vọng, Khúc biến tấu từ pho tượng cổ, Trống Baranung... Mỗi điệu múa đều lấy chất liệu các động tác, tư thế, tạo hình, dáng điệu có sẵn trong đời sống sinh hoạt. Cảm hứng từ những tác phẩm điêu khắc hay những lễ hội truyền thống để sáng tạo đã tạo nên sắc thái mới lạ, lôi cuốn người xem bằng những hệ thống động tác điêu luyện của các diễn viên múa.

Nhiều nhà biên đạo múa đã thành danh từ chất liệu múa Chăm như: cố NSND Đặng Hùng, cố NSND Lê Ngọc Canh, PGS.TS. Ứng Duy Thịnh, NSƯT Thọ Thái, NSƯT Thu Vân, NGND Minh Phương, NSND Phùng Nhạn, NSƯT Trần Phú, NSƯT Mai Trung Kiên...

Có thể thấy, múa Chăm không chỉ giàu yếu tố tạo hình đầy ấn tượng, mà còn biểu hiện sắc nét hành động, tính cách nhân vật, góp phần gợi cảm hứng cho công tác biên đạo trên sân khấu chuyên nghiệp.

Múa Chăm trong hoạt động biểu diễn chuyên nghiệp ở Ninh Thuận được thể hiện chủ yếu thông qua các chương trình biểu diễn

của Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh Ninh Thuận. Trong các chương trình biểu diễn của Đoàn Ca múa nhạc dân tộc Ninh Thuận, đối với múa, luôn song hành hai hướng sáng tạo:

*Hướng thứ nhất*, biểu diễn các điệu múa dân gian của cha ông để lại nhằm bảo tồn di sản múa Chăm như múa khăn, múa chim công, múa dao, múa roi, múa đập lửa, múa đội lu... Ở hướng này, Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh Ninh Thuận thường biểu diễn múa Chăm khi được mời tham gia tại các lễ hội của địa phương; biểu diễn múa Chăm tại các khu di tích, điểm tham quan du lịch (như các làng nghề, bảo tàng...); biểu diễn phục vụ chính trị; biểu diễn tham gia các ngày hội văn hóa Chăm; tham gia các cuộc thi, liên hoan, hội diễn cấp tỉnh, cấp quốc gia...

*Hướng thứ hai*, biểu diễn các tiết mục múa mới trên cơ sở kế thừa, phát huy tinh hoa của múa truyền thống Chăm. Ở hướng này, ngay từ năm 1993 mới thành lập hai đoàn riêng là Đoàn Ca múa nhạc và Đoàn Nghệ thuật dân gian Chăm, lãnh đạo đoàn đã chú ý mời các biên đạo nổi tiếng về sáng tác, huấn luyện và dàn dựng các tiết mục múa cho đoàn như NSND Đặng Hùng, Kim Quy, Việt Cường, Minh Chính, Bá Thái v.v... Nhờ tài năng và sự nhiệt tình của các biên đạo tài năng, nhờ vào sự nỗ lực phấn đấu của lớp diễn viên tuy hầu hết đều trưởng thành từ phong trào văn nghệ quần chúng, chưa được đào tạo qua các trường lớp nghệ thuật chính quy, nhưng đầy tình yêu với múa Chăm và bản lĩnh để tập luyện, cho ra mắt nhiều tiết mục múa Chăm mới đặc sắc đạt huy chương vàng trong nước và quốc tế như: tiết mục múa Tượng tháp, tiết mục múa Khát vọng Chapi, tiết mục múa Gốm thắm tình người... Có thể nói, hoạt động biểu diễn múa Chăm chuyên nghiệp của Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh Ninh Thuận đã góp phần không nhỏ vào việc bảo tồn, phát huy múa Chăm trong đời sống văn hóa hiện nay.

## 4. MÚA CHĂM TRONG HOẠT ĐỘNG PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

Ở Ninh Thuận, có 3 di tích đền tháp Chăm tồn tại hàng thế kỷ đến nay vẫn gần như còn nguyên vẹn, thu hút đông du khách tham quan đó: Quần thể tháp Hòa Lai (cuối thế kỷ thứ VIII), tháp Po Klong Garai (thế kỷ XIII - XIV) và tháp Po Rome (thế kỷ XVI - XVII). Những đền tháp Chăm này có nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc độc đáo thuộc vào loại đẹp nhất của các đền tháp Chăm ở Việt Nam hiện nay. Trong đó, tháp Pô Klong Garai cách Quốc lộ 27 khoảng 200 m, nằm ở vị trí rất thuận tiện cho du khách đến tham quan, đây cũng là một trong những địa điểm tham quan nổi tiếng nhất hiện nay ở thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

Ở các di tích này, tại khu vực tháp chính, du khách được thưởng thức những điệu múa dân gian Chăm kết hợp với những giai điệu âm nhạc huyền bí của kèn Saranai, trống Baranung, tạo nên không gian nghệ thuật với sự kết hợp giữa kiến trúc cổ với nghệ thuật múa và âm nhạc truyền thống dân tộc Chăm vừa vui tươi, vừa huyền bí, lôi cuốn du khách, đem đến cho du khách những trải nghiệm chân xác nhất về một nền văn hóa đã từng tồn tại trên mảnh đất Ninh Thuận, đồng thời làm cho điểm đến du lịch trở nên hấp dẫn hơn.

Bên cạnh đó, để đáp ứng nhu cầu của du khách muốn tìm hiểu văn hóa bản địa và sản phẩm đặc thù địa phương, ngành Du lịch Ninh Thuận còn cùng các địa phương xây dựng, phát triển tour du lịch làng nghề khá hiệu quả với làng nghề gốm truyền thống Bàu Trúc, làng dệt thổ cẩm Mỹ Nghiệp. Các tour du lịch này thu hút ngày càng đông du khách tới tham quan, tìm hiểu văn hóa, mua sắm sản phẩm truyền thống. Để tăng sức hút của điểm đến là các làng nghề truyền thống này trong các tour du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Ninh Thuận đã tổ chức biểu diễn chương trình văn nghệ dân gian dân tộc Chăm. Chương trình nghệ thuật gồm các tiết mục

như: Hòa tấu nhạc cụ dân tộc Chăm, Múa đập lửa, Múa cổ truyền, Múa vui ngày hội và hát Tình làng gồm phản ánh màu sắc văn hóa lễ hội và đời sống sinh hoạt của người Chăm, do các nghệ nhân dân gian của địa phương biểu diễn phục vụ khách du lịch đến tham quan làng nghề. Chương trình nghệ thuật là dịp quảng bá đến du khách nét văn hóa độc đáo của đồng bào Chăm ở tỉnh Ninh Thuận và mở ra hướng liên kết tour du lịch làng nghề cổ truyền của tỉnh trong tương lai.

Việc đưa múa Chăm vào phục vụ du lịch ở Ninh Thuận đã làm cho múa Chăm góp phần trở thành “thương hiệu” nổi bật của các khu di tích, các làng nghề. Không ít công ty lữ hành khi xây dựng tour đến các tháp Chăm và các làng nghề ở Ninh Thuận thì sản phẩm “quảng cáo” không thể thiếu đi kèm đó là giới thiệu cho khách chương trình biểu diễn múa hát Chăm do những nghệ sĩ dân tộc Chăm trình diễn. Thực tế, dù múa hát Chăm đã được nhiều nơi tổ chức nhưng riêng biểu diễn ở các điểm đến du lịch ở Ninh Thuận, đặc biệt là ở các tháp Chăm luôn mang đến cho người xem cảm xúc khó tả. Có lẽ, điểm khác biệt nhất chính là loại hình nghệ thuật này đã được trình diễn trong một không gian linh thiêng giữa các khu đền tháp cùng sự hóa thân của các nghệ sĩ người Chăm vào cội nguồn văn hóa của dân tộc mình. Nhiều tiết mục luôn được du khách đón nhận thích thú như múa trống hội, múa Apsara, múa khăn, múa quạt...

Với việc đưa múa Chăm vào phục vụ phát triển du lịch không chỉ giúp khách dễ dàng thưởng thức, tạo công ăn việc làm cho các diễn viên, mà còn khẳng định một sản phẩm du lịch độc đáo đã từng gắn liền với các vương triều Champa trong suốt hàng trăm năm lịch sử tồn tại của mình.



## 5. KẾT LUẬN

Múa truyền thống dân tộc Chăm không chỉ là một phần quan trọng trong di sản văn hóa Việt Nam mà còn là biểu hiện sống động của bản sắc dân tộc trong bối cảnh hiện đại. Với nền tảng vững chắc từ lịch sử và tín ngưỡng, nghệ thuật múa Chăm đã trải qua nhiều biến đổi để thích ứng với sự phát triển xã hội, đồng thời giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống.

Bối cảnh hiện đại hóa, toàn cầu hóa đã tạo ra nhiều thách thức và cơ hội cho múa Chăm. Việc giao lưu văn hóa và ảnh hưởng từ các nền văn hóa khác đã dẫn đến sự chuyển mình của nghệ thuật múa, tạo ra những biến tấu mới nhưng vẫn giữ được bản sắc riêng. Điều này thể hiện rõ qua các hoạt động văn hóa, nghệ thuật được tổ chức ngày càng phổ biến, giúp giới thiệu và bảo tồn nghệ thuật múa Chăm.

Ngoài ra, chính sách của Nhà nước và các chương trình phát triển văn hóa đã tạo điều kiện thuận lợi cho người Chăm duy trì và phát triển nghệ thuật múa truyền thống, từ đó nâng cao nhận thức của cộng đồng về giá trị văn hóa dân tộc. Sự quan tâm từ thế hệ trẻ, thông qua việc tham gia các phong trào văn nghệ, không chỉ làm phong phú thêm đời sống tinh thần mà còn tạo nên cầu nối giữa quá khứ và hiện tại, giữa truyền thống và hiện đại.

Với những nỗ lực không ngừng nghỉ trong việc gìn giữ, phát triển và sáng tạo nghệ thuật múa Chăm, chúng ta có quyền hy vọng rằng nghệ thuật này sẽ tiếp tục tỏa sáng, khẳng định vị thế của nó trong đời sống văn hóa đương đại, đồng thời góp phần vào sự đa dạng và phong phú của di sản văn hóa Việt Nam.

## TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Phan Quốc Anh (2006): *Nghi lễ vòng đời của người Chăm Ahiêr ở Ninh Thuận*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
2. Lê Ngọc Canh (1997): *Khái luận nghệ thuật múa*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
3. Phan Văn Dớp, Phan Quốc Anh, Nguyễn Thị Thu (2014) (đồng chủ biên): *Văn hóa phi vật thể người Chăm Ninh Thuận*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
4. Nguyễn Thúy Nga (2016): *Di sản múa Chăm qua một số tác phẩm điêu khắc Chăm*, Luận án Tiến sĩ Văn hóa học, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Hà Nội.
5. Sakaya (2010): *Văn hóa Chăm nghiên cứu và phê bình*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội.
6. Sakaya (2014): *Lễ hội của người Chăm*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
7. Lưu Trần Tiêu (2000): *Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể*, Thông báo khoa học Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam.



# PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIÊN GIỚI VIỆT NAM – TRUNG QUỐC Ở QUẢNG NINH TRONG XU THẾ HIỆN ĐẠI HÓA

TS. NGUYỄN THU THỦY \*

## TÓM TẮT

*Phát triển du lịch biên giới giữa Việt Nam - Trung Quốc vừa thúc đẩy được những tiềm năng sẵn có của các địa phương vùng biên hai nước, từng bước thúc đẩy hợp tác toàn diện giữa hai quốc gia đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế theo xu hướng hiện đại hóa. Trong thời gian qua do ảnh hưởng cơ chế thông quan còn phức tạp, hệ thống hạ tầng, cơ sở lưu trú còn thiếu, chưa có sản phẩm du lịch đặc sắc, tiềm ẩn những nguy cơ trong xây dựng môi trường du lịch nên du lịch biên giới chưa phát huy hết thế mạnh của mình. Sự tham gia của các cơ quan có thẩm quyền: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Sở Du lịch tỉnh, các công ty lữ hành trong việc nâng cấp các dịch vụ vận tải, tinh gọn thời gian thông quan, xây dựng các tour theo địa chỉ đỏ,... sẽ hứa hẹn thu hút lượng khách quan tâm tới lĩnh vực này càng đông, mở rộng giao lưu kinh tế, văn hóa, chính trị giữa hai quốc gia Việt Nam - Trung Quốc.*

**Từ khóa:** du lịch biên giới, công ty lữ hành, cửa khẩu Quảng Ninh, sản phẩm du lịch.

**Nhận bài:** 10/11/2024; đưa vào quy trình biên tập: 10/11/2024; duyệt đăng 25/11/2024.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Là một tỉnh biên giới nằm phía Đông Bắc của Tổ quốc, được ví như “phiên dậu” của đất nước với đường biên giới giáp Trung Quốc dài 118,82 km; được thiên nhiên ưu đãi, Quảng Ninh luôn chú trọng phát triển toàn diện về kinh tế, văn hóa, xã hội, văn hóa, thương mại, nhất là các hoạt động hợp tác du lịch với nước bạn. Xác định được lợi thế này, Quyết định 2256/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã phê duyệt đề án phục hồi và phát triển bền vững ngành du lịch Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 xác định “Phát triển sản phẩm du lịch biên giới gắn chặt với việc tăng cường bảo đảm an ninh quốc phòng và chủ quyền quốc gia tại các điểm/cột mốc biên giới” [7].

Tăng cường phát triển du lịch biên giới nhằm từng bước thiết lập chặt chẽ hợp tác giữa các địa phương trong tuyến hành lang

kinh tế 5 tỉnh, thành phố Lào Cai, Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh (Việt Nam) và Vân Nam (Trung Quốc). Nhanh chóng đưa hợp tác “Hai hành lang một vành đai” đã kí kết tháng 11 năm 2006 giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa phát huy vai trò trong thúc đẩy kinh tế hai quốc gia và các địa phương vùng biên hiện nay.



## 2. THỰC TRẠNG DU LỊCH VÙNG BIÊN VIỆT NAM – TRUNG QUỐC Ở QUẢNG NINH TRONG XU THẾ HIỆN ĐẠI HÓA VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

### 2.1 Một vài nét về các địa phương vùng biên của Quảng Ninh

Trung Quốc là một trong ba nước láng giềng giáp biên giới với Việt Nam, với diện tích khoảng 9.630.960 km<sup>2</sup>, dân số là 1,4 tỷ người chiếm 18,47% tổng dân số thế giới, nền kinh tế đứng thứ 2 toàn cầu. Đường biên giới trên bộ giữa Việt Nam - Trung Quốc dài hơn 1.400km, tiếp giáp với 7 tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh. Trung Quốc cũng là một trong ba thị trường truyền thống có sức hấp dẫn lớn với ngành du lịch của nước ta trong đó có tỉnh Quảng Ninh.

Móng Cái, Bình Liêu, Hải Hà là 3 địa phương của tỉnh Quảng Ninh có đường biên giới giáp với Trung Quốc. Móng Cái có đường biên giới trên biển và đất liền dài hơn 70 km<sup>2</sup>, là vùng đất có diện tích tự nhiên là khoảng 516,55 km<sup>2</sup>, chiếm 8,49% diện tích của tỉnh Quảng Ninh. Thành phố Móng Cái có khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, được quy hoạch là khu kinh tế trọng điểm quốc gia, trung tâm kinh tế quan trọng của vùng Bắc Bộ, của vành đai kinh tế ven biển Bắc Bộ và hành lang kinh tế Côn Minh (Trung Quốc) - Hà Nội - Hải Phòng - Móng Cái; ngoài ra cửa biển Trà Cổ - nơi địa đầu của Tổ quốc với bãi biển dài, bằng phẳng phù hợp phát triển du lịch địa phương. Với tiềm năng, thế mạnh đó, thành phố Móng Cái được đánh giá là địa phương có vị trí địa lý, kinh tế, chính trị, du lịch, chiến lược và đối ngoại đặc biệt quan trọng [2].

Cách cửa khẩu quốc tế Móng Cái 40km, huyện Hải Hà có đường biên giới dài 17,2 km, cửa khẩu Bắc Phong Sinh thông thương với khu Phòng Thành, tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc). Hải Hà có tài nguyên thiên nhiên phong phú, hội tụ từ địa hình gồm đồng bằng, miền núi và hải đảo, là địa phương có vị trí trọng yếu về chính trị, kinh tế và quốc phòng - an ninh của tỉnh. Đảo Cái Chiên và đồi chè Đường Hoa là hai điểm du lịch thu hút nhiều khách du lịch của địa phương. Đảo Cái Chiên - một xã đảo của huyện- nổi tiếng bởi cảnh quan thiên nhiên hoang sơ, yên bình, với những cánh rừng nguyên sinh, bãi cát trắng mịn, nước biển trong xanh [3].

Khí hậu quanh năm ôn hòa, cấu trúc địa hình đa dạng cùng cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp, được ví như một “Sa Pa thu nhỏ” với những cảnh đẹp hoang sơ. Huyện Bình Liêu có đường biên giới dài 43km tiếp giáp khu Phòng Thành (Quảng Tây) Trung Quốc. Bình Liêu hội tụ nhiều lễ hội đặc sắc như lễ hội đình Lục Nà, hội hát Soóng Cọ giao duyên, ngày “kiêng gió”, điểm du lịch nổi tiếng: “sống lưng khùng long” [4].

Với những lợi thế về điều kiện tự nhiên sẵn có, được sự quan tâm đầu tư về hạ tầng cơ sở của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh trong việc xây dựng các cửa khẩu đủ tiêu chuẩn quốc tế, lượng khách du lịch qua biên giới các huyện miền núi của Quảng Ninh ngày một tăng, đây vừa là cơ hội phát triển kinh tế, cơ hội giao lưu văn hóa giữa Việt Nam - Trung Quốc.



2.2

### **Đánh giá thực trạng du lịch vùng biên Việt Nam - Trung Quốc ở Quảng Ninh trong xu thế hiện đại hóa**

Những năm qua, thành phố Móng Cái, huyện Hải Hà, huyện Bình Liêu đã đón lượng khách du lịch nội địa và quốc tế đến từ các tỉnh thành trong cả nước và lượng khách quốc tế từ Trung Quốc sang. Ngoài thăm quan danh lam thắng cảnh, văn hóa, trải nghiệm các dịch vụ, vui chơi và nghỉ dưỡng tại Trà Cổ, Cái Chiên, mùa vàng Bình Liêu...; các du khách còn có mục đích là mua hàng hóa từ cửa khẩu đầu mối Móng Cái và các chợ vùng biên giữa Việt Nam - Trung Quốc.

Sự hợp tác quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Trung Quốc ngày càng chặt chẽ thông qua các xúc tiến thương mại và du lịch biên giới như Hội chợ Thương mại - Du lịch quốc tế Việt - Trung được tổ chức luân phiên tại thành phố Đông Hưng (Quảng Tây, Trung Quốc) và thành phố Móng Cái (Quảng Ninh, Việt Nam). Với lượng khách đến thăm quan và hoạt động thương mại ngày càng nhiều, Móng Cái - Hải Hà - Bình Liêu (Quảng Ninh) - Đông Hưng (Trung Quốc) đã trở thành tuyến du lịch biên giới đặc sắc có tầm cỡ quốc tế. Trong các nước khối ASEAN, Việt Nam là điểm đến thứ 2 của khách du lịch Trung Quốc (sau Thái Lan).

Theo số liệu thống kê từ Trung Quốc, trong khoảng thời gian từ năm 2010 - 2017, số khách Trung Quốc đến Việt Nam du lịch tăng từ 1 triệu đến 2,68 triệu lượt, tăng 1,7 lần, trung bình tăng 20%. Trong thời gian này, du khách Việt Nam sang Trung Quốc cũng tăng nhanh chóng, từ 150 nghìn lượt lên 300 nghìn lượt, tăng trung bình hàng năm 15%. Theo Chi cục Hải quan Móng Cái, năm 2024, số lượt du khách Trung Quốc vào cửa khẩu tăng nhanh chóng, trung bình mỗi ngày có từ 2,5 đến 3 vạn du khách làm thủ tục xuất nhập cảnh qua cửa khẩu Móng Cái [5]. Việc cấp giấy thông hành cho du khách Trung Quốc vào thăm quan các địa phương biên giới của Quảng Ninh, đặc biệt với sản phẩm du lịch hoạt động xe du lịch tự lái trên

các tuyến du lịch “2 quốc gia - 4 điểm đến” Hạ Long - Móng Cái (Việt Nam) - Đông Hưng - Quế Lâm (Trung Quốc) đạt nhiều kết quả tích cực.

Cửa khẩu Hoàn Mô (Bình Liêu) và Bắc Phong Sinh (Hải Hà) đặc thù đây là chủ yếu hàng tạm nhập, tái xuất và nông sản của Việt Nam với Trung Quốc, số lượng khách du lịch qua các cửa khẩu này còn hạn chế.

2.3

### **Những vấn đề đặt ra của du lịch vùng biên Việt Nam - Trung Quốc ở Quảng Ninh trong xu thế hiện đại hóa**

*Thứ nhất*, việc xây dựng cơ chế hợp tác du lịch biên giới giữa Việt Nam - Trung Quốc còn chậm. Triển khai hợp tác du lịch giữa hai nước chủ yếu mang tính tận dụng những thứ sẵn có, chưa có sự phát triển về chất. Cơ chế thông quan, xin hộ chiếu, giấy thông hành còn nhiều thủ tục phức tạp, gây khó khăn cho khách du lịch. Các chính sách đón khách quốc tế chưa thật sự thuận tiện và thông thoáng. Theo hầu hết CEO 40 công ty lữ hành chuyên khách inbound có mặt trong chuyến khảo sát Bình Liêu từ ngày 12-14/10/2024 đều khẳng định: việc xin giấy thông hành đều phải qua công an tỉnh (đặt tại thành phố Hạ Long) rồi mới đi thăm quan các địa phương vùng biên khác trong tỉnh. Mặt dù, tỉnh Quảng Ninh đã rút ngắn thời gian thông quan từ ba ngày xuống một ngày nhưng vẫn khó thu hút khách đến du lịch tại các địa phương vùng biên của tỉnh [1].

Mặt khác, hệ thống hạ tầng cơ sở chưa đáp ứng đủ nhu cầu của khách, thường quá tải vào dịp lễ hội, dịp cao điểm.

*Hai là*, môi trường du lịch biên giới chưa thật sự an toàn, hiện tượng tăng giá hàng hóa với du khách du lịch; bán hàng rong chèo kéo khách xuất hiện nhiều tại các cửa khẩu và điểm du lịch; vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm vẫn là vấn đề đáng nhức nhối. Các sản phẩm du lịch biên giới chưa thật sự đặc sắc. Số lượng hướng dẫn viên du lịch vừa có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ Anh - Trung thuần thực,

vừa hiểu phong tục, tập quán vùng miền giữa các địa phương giáp biên giữa Việt - Trung còn thiếu. Các tour, tuyến du lịch thường theo lối mòn, đơn điệu, các loại hình phục vụ chưa phong phú, thời gian lưu trú ngắn dẫn đến hiệu quả khai thác các hoạt động này còn nhiều khó khăn.

**Ba là**, về phía Việt Nam chưa xây dựng được chiến lược tổng thể cho việc phát triển du lịch toàn tuyến biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Công tác nghiên cứu, dự báo, hướng dẫn doanh nghiệp lữ hành còn hạn chế, chưa trở thành một công cụ mạnh để chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp kinh doanh

lữ hành hoạt động du lịch qua biên giới đúng hướng. Việc quản lý các hoạt động đưa đón khách du lịch Trung Quốc còn thiếu nhiều chế tài, vẫn còn tình trạng “các doanh nghiệp làm tour giá rẻ, tour 0 đồng trốn thuế” [6].

**Bốn là**, sự phát triển khu vực biên giới mất cân đối giữa hai nước. Trong khi phía Trung Quốc phát triển tương đối nhanh và sớm, Việt Nam phát triển chậm hơn. Chính sự mất cân bằng trong phát triển khu vực biên giới hai nước ảnh hưởng trực tiếp đến việc phối hợp thúc đẩy du lịch song phương. Thủ tục thông quan phức tạp, thời gian làm thủ tục kéo dài.

### 3. NHỮNG GIẢI PHÁP CƠ BẢN NHẪM PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÙNG BIÊN VIỆT NAM - TRUNG QUỐC Ở QUẢNG NINH TRONG XU THẾ HIỆN ĐẠI HÓA

Để thực hiện mục tiêu đưa ngành du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh trong thời gian tới, nhằm khai thác có hiệu quả hơn các tài nguyên du lịch, du lịch biên giới thì việc nâng cao sức hấp dẫn cho du lịch vùng biên có vai trò đặc biệt tiên quyết.

**Một là**, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, địa phương giáp biên cần xây dựng chiến lược trong đầu tư hạ tầng giao thông, nâng cấp các dịch vụ vận tải theo hướng hiện đại, tạo điều kiện thuận lợi, giảm bớt thời gian đi lại, tránh tắc nghẽn cho du khách Trung Quốc khi thăm các địa điểm du lịch.

Tại các điểm du lịch giáp biên, bãi biển cần sắp xếp hệ thống vệ sinh thuận lợi đảm bảo đáp ứng nhu cầu của khách du lịch đảm bảo tính mỹ quan với tổng thể như: nhà vệ sinh, thùng rác, nơi tắm tráng,... thường xuyên quan tâm đến công tác dọn vệ sinh bãi biển, các công trình công cộng.

Quy hoạch, sắp xếp các điểm du lịch sinh thái hợp lý. Việc bảo tồn, tôn tạo, khai thác các danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử phải gắn với chiến lược quy hoạch hoạt động du lịch của địa phương, của tỉnh Quảng Ninh.

Xây dựng chế tài trong tôn tạo, bảo vệ, khai thác các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh

trên địa bàn tỉnh. Xử lý nghiêm những hành vi trục lợi cá nhân để kinh doanh du lịch trái pháp luật, phá hủy các di tích, danh lam thắng cảnh của địa phương.

**Hai là**, sở Du lịch Quảng Ninh chỉ đạo các doanh nghiệp du lịch xây dựng và chào bán các tour du lịch biên giới đặc sắc “1 điểm đến 2 quốc gia”. Xây dựng các tour du lịch đò với điểm đến là các địa danh cách mạng của cả hai nước Việt Nam - Trung Quốc. Đây là hình thức giáo dục lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ hai nước rất hữu hiệu. Để tour du lịch này hấp dẫn thì việc đầu tư, bổ sung tài liệu, các hiện vật minh chứng (hình ảnh động) cần quan tâm đến chất lượng để tạo sức hấp dẫn khách hàng. Các cơ quan có thẩm quyền cần có giải pháp để nước bạn công nhận cửa khẩu Hoàn Mô (Bình Liêu), cửa khẩu Bắc Phong Sinh (Hải Hà) có đủ điều kiện và khả năng đón khách thành cửa khẩu quốc tế.

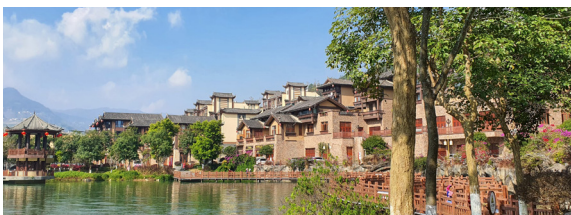
Đối với nguồn nhân lực du lịch, cần quan tâm nâng cao năng lực của đội ngũ làm du lịch, công tác đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên, quản trị khách sạn vừa có trình độ ngoại ngữ Trung - Anh tốt, có kỹ năng giao tiếp khách hàng giỏi, am hiểu tập quán, lịch sử địa phương; đặc biệt cần quan tâm tới

công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ này.

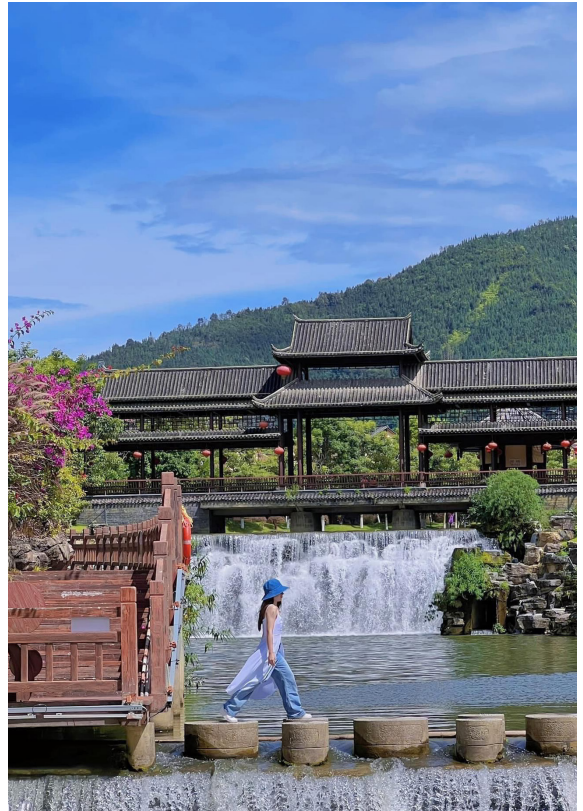
**Ba là**, với các doanh nghiệp du lịch: ứng dụng công nghệ thông tin trong việc phân phối và xúc tiến các sản phẩm du lịch vùng biên; xây dựng và ngày càng hoàn thiện các trang website điện tử giới thiệu và quảng bá các hình ảnh đặc sắc du lịch biên giới. Các đơn vị kinh doanh du lịch biên giới nên nghiên cứu xây dựng app “Du lịch biên giới Quảng Ninh” nền tảng tích hợp đa phương tiện với 3 ngôn ngữ: Việt - Anh - Trung, tích hợp các nội dung: bản đồ du lịch các địa phương của tỉnh, thông tin các cơ sở lưu trú: khách sạn, nhà nghỉ; hệ thống mua vé điện tử; các cơ sở y tế; siêu thị, trung tâm thương mại... để dành cho khách có thể truy cập lấy thông tin.

## 5. KẾT LUẬN

*Với vị trí địa lý thuận lợi, Quảng Ninh có nhiều tiềm năng phát triển các loại hình du lịch: du lịch biển, du lịch văn hóa tâm linh, du lịch mua sắm,... Phát triển du lịch biên giới đã và đang hứa hẹn rất nhiều lợi thế trong tổng thể phát triển du lịch của tỉnh, cả nước trong thời gian tới. Xây dựng chiến lược quy hoạch du lịch nói chung, tạo những sản phẩm du lịch biên giới đặc sắc nói riêng giữa các địa phương giáp biên sẽ tạo nhiều cơ hội thúc đẩy phát triển kinh tế, từng bước đưa quan hệ Đối tác hợp tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Trung Quốc lên một tầm cao mới.*



Ảnh: Ngọc Vũ



Ảnh: Hạnh Nguyên

## TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Phương Anh (2024): *Vì sao Bình Liêu khó hút khách Tây như Sa Pa*. Truy cập ngày 19/10/2024 tại <https://vnexpress.net/ly-do-binh-lieu-kho-hut-khach-tay-nhu-sa-pa-4804195.html>
2. Cổng thông tin điện tử thành phố Móng Cái. Truy cập ngày 19/10/2024 tại <https://mongcai.gov.vn/vi-vn/tin/phan-trien-du-lich-vung-bien-mong-cai-p86129-c8440-n231212>
3. Cổng thông tin điện tử huyện Hải Hà. Truy cập ngày 19/10/2024 tại <https://haiha.quangninh.gov.vn/Trang/Default.aspx>
4. Cổng thông tin điện tử huyện Bình Liêu. Truy cập ngày 19/10/2024 tại <https://binhlieu.quangninh.gov.vn/Trang/Default.aspx>
5. Hoàng Dương (2024): *Mỗi ngày hàng vạn khách Trung Quốc nhập cảnh qua Móng Cái*. Truy cập ngày 16/10/2024 tại <https://tienphong.vn/moi-ngay-hang-van-khach-trung-quoc-nhap-canh-qua-mong-cai-post1622954.tpo>
6. Ngọc Hà (2023): *Việt Nam cần cơ chế đặc thù để đón khách Trung Quốc*. Truy cập ngày 19/10/2024 trên <https://vietnamnet.vn/viet-nam-can-co-che-dac-thu-de-don-khach-trung-quoc-2099169.html>
7. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (2023): *Quyết định 2256/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2023 về phê duyệt Đề án phục hồi và phát triển bền vững ngành du lịch Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Quảng Ninh*.

# NGHỆ SĨ CÂN CÂN BẰNG GIỮA SÁNG TẠO VÀ TRÁCH NHIỆM

PGS.TS. TRỊNH HÒA BÌNH \*

*Nghệ sĩ không chỉ là những người sáng tạo ra các tác phẩm nghệ thuật mà còn có ảnh hưởng lớn đến xã hội qua hành vi và phát ngôn của mình. Tuy nhiên, trong thời đại mạng xã hội phát triển, không ít nghệ sĩ đã vướng vào những sai lầm trong cách ứng xử.*

Một ví dụ điển hình gần đây là vụ việc của Rapper Negav gây phẫn nộ khi bị lộ nhóm riêng với nội dung phản cảm trên mạng xã hội. Dù quay trở lại sân khấu, anh vẫn phải đối mặt với làn sóng chỉ trích từ dư luận.

Chúng tôi đã có cuộc trao đổi với Phó Giáo sư, Tiến sĩ Trịnh Hòa Bình, chuyên gia xã hội học để có quan điểm sâu sắc về sự cần thiết trong việc cân bằng giữa sáng tạo và trách nhiệm xã hội của nghệ sĩ.



Phó Giáo sư, Tiến sĩ Trịnh Hòa Bình,  
Nguyên Giám đốc Trung tâm điều tra xã hội, Viện xã hội học  
(Ảnh: NVCC)

## Nghệ sĩ và trách nhiệm xã hội

**1. Thưa ông, từ trước tới nay, không ít nghệ sĩ có ảnh hưởng đã vướng vào các phát ngôn và hành vi thiếu chuẩn mực. Theo ý kiến của ông, nguyên nhân nào khiến nhiều nghệ sĩ dễ mắc sai lầm trong phát ngôn hoặc hành xử trên mạng xã hội?**

**PGS.TS. Trịnh Hòa Bình:** Khi nhắc đến nghệ sĩ, chúng ta thường nghĩ đến những người của công chúng, luôn mong muốn để lại dấu ấn trong lòng khán giả và tạo nên tầm ảnh hưởng nhất định. Họ không chỉ tỏa sáng nhờ tài năng mà còn qua cách hành xử và biểu đạt của mình.

Tôi cho rằng điểm đặc trưng của nghệ sĩ là sự độc đáo. Để khẳng định mình trước công chúng, họ thường tìm kiếm những điều khác biệt, vượt khỏi khuôn mẫu thông thường, tìm ra lối đi riêng, cách biểu đạt khác lạ. Đây là một phần lý do khiến công chúng dễ gắn cho

nghệ sĩ hình ảnh khác người, đôi khi mang tính thị phi. Bởi, nghệ sĩ với bản chất sáng tạo, khó có thể chấp nhận sự bình lặng, dung dị. Tuy nhiên, sự khát khao khác biệt đôi khi dẫn nghệ sĩ đến những sai lầm. Họ thường hành động theo cảm xúc, đam mê và trực giác hơn là sự tỉnh táo. Nếu sự tỉnh táo là đặc trưng của nhà khoa học thì nghệ sĩ phải sống với niềm đam mê mãnh liệt và sự cởi mở để vượt qua mọi giới hạn. Chính vì thế, họ dễ bị cuốn vào những sai lầm hoặc tranh cãi.

Điều kỳ lạ là, đôi khi những sai lầm hoặc nét méo mó đó lại trở thành giá trị nghệ thuật với đặc trưng là sự độc đáo, thường đòi hỏi sự phá cách và dấu ấn cá nhân rõ nét. Nhưng cũng từ đó, nghệ sĩ phải đối mặt với những thách thức như thị phi hay áp lực xã hội.

Sai lầm của nghệ sĩ thường không bắt nguồn từ ý định xấu mà do bất cẩn hoặc bốc đồng.

Dù nhận thức được sai lầm, họ đôi khi xem nhẹ hậu quả, cho rằng nó không nghiêm trọng. Tuy nhiên, sức hút và sự khác biệt của nghệ sĩ phải luôn đi đôi với trách nhiệm. Khi cái tôi cá nhân bị tuyệt đối hóa, hệ lụy không chỉ ảnh hưởng đến chính họ mà còn tổn hại đến giá trị văn hóa và nghệ thuật mà họ đại diện. Giá trị thực sự của nghệ sĩ nằm ở khả năng cân bằng giữa sáng tạo và trách nhiệm xã hội. Dẫu nghệ sĩ được biết đến với sự độc lập và sáng tạo, việc tuyệt đối hóa những đặc tính này có thể dẫn đến vấn đề đạo đức. Một số người tránh sai lầm, nhưng cũng có những người chấp nhận rủi ro, coi đó như một phần tất yếu trong hành trình sáng tạo của mình.

Đáng tiếc, không phải nghệ sĩ nào cũng nhận thức được rằng mỗi hành vi, lời nói hay biểu cảm của mình đều có thể trở thành tấm gương cho công chúng. Nếu tất cả đều ý thức rõ ràng về trách nhiệm này, có lẽ họ sẽ truyền tải những giá trị tích cực hơn.

Tuy nhiên, sự tỉnh táo quá mức có thể làm nghệ thuật mất đi tính bất ngờ và sự lấp lánh đặc trưng. Nghệ sĩ, với thiên hướng sáng tạo, thường phải cân bằng giữa hai ranh giới: một bên là chuẩn mực đạo đức, một bên là sự bứt phá sáng tạo. Những người có thể dung hòa cả hai yếu tố này thường rất hiếm, và họ được xem như những cá nhân ưu tú, vượt trội.

Để đạt được sự cân bằng đó, không chỉ cần tài năng thiên bẩm mà còn đòi hỏi quá trình đào tạo nghiêm túc, học hỏi không ngừng và hội nhập xã hội đúng cách. Thế nhưng, không phải nghệ sĩ nào cũng có điều kiện hoặc cơ hội trải qua hành trình này. Nhiều người dựa vào năng khiếu tự nhiên, dồn hết tâm huyết để sáng tạo nghệ thuật một cách hồn nhiên.

Sự hồn nhiên trong sáng tạo mang lại nét tươi mới, độc đáo và chân thật, nhưng cũng có giới hạn. Nó thiếu đi sự toàn diện trong tư duy và sự tỉnh tế trong cách ứng xử. Vì vậy, nghệ sĩ không chỉ cần sáng tạo mà còn phải học hỏi và trau dồi bản thân. Một nghệ sĩ hoàn thiện là người không chỉ tạo ra cái đẹp trong nghệ thuật mà còn biết lan tỏa vẻ đẹp qua hành vi và trách nhiệm với xã hội.

“

*Giá trị thực sự của nghệ sĩ không chỉ nằm ở sự khác biệt, mà còn ở khả năng cân bằng giữa sáng tạo và trách nhiệm xã hội*

PGS.TS Trịnh Hòa Bình,  
Chuyên gia xã hội học

**2. Gần đây, Rapper Negav gây phẫn nộ vì bị lộ nhóm riêng phản cảm và có những phát ngôn không phù hợp. Trong bối cảnh dư luận chia thành hai luồng ý kiến, một bên cho rằng anh cần cơ hội sửa sai, bên kia lại cho rằng nghệ sĩ thiếu chuẩn mực không xứng đáng làm thần tượng. Ông có ý kiến gì về vấn đề này?**

**PGS.TS. Trịnh Hòa Bình:** Nghệ sĩ có được tha thứ và tiếp tục hoạt động hay không phụ thuộc vào mức độ nghiêm trọng của những sai lầm đã xảy ra và sức ảnh hưởng của nghệ sĩ đối với cộng đồng. Trong lịch sử, nhiều trường hợp nghệ sĩ mắc sai lầm vẫn được tha thứ và tái xuất nhờ tài năng vượt trội và sự cống hiến không ngừng.

Tuy nhiên, những hành vi vượt quá giới hạn đạo đức hoặc gây tổn hại nghiêm trọng thường dẫn đến việc họ bị loại bỏ khỏi ánh đèn sân khấu.

**3. Theo ông, những phát ngôn hoặc hành động không chuẩn mực của nghệ sĩ có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến xã hội như thế nào, đặc biệt đối với giới trẻ?**

**PGS.TS. Trịnh Hòa Bình:** Người hâm mộ nghệ sĩ hiện nay, đặc biệt là giới trẻ, không chỉ đại diện cho thế hệ hôm nay mà còn là tương lai của xã hội. Khi tôn sùng và xem nghệ sĩ như thần tượng, giới trẻ chịu ảnh hưởng sâu sắc từ hành vi, phát ngôn và hoạt động nghệ thuật của họ. Tuy nhiên, nếu nghệ sĩ mắc sai lầm trong hành xử hoặc phát ngôn, những tác động tiêu cực có thể lan tỏa, ảnh hưởng đến nhận thức và hành động của công chúng, đặc biệt là thanh thiếu niên.

Sứ mệnh của nghệ sĩ không chỉ dừng lại ở việc cống hiến nghệ thuật mà còn ở trách nhiệm xây dựng những giá trị văn hóa tốt đẹp cho xã hội. Mỗi hành động, phát ngôn hay

biểu hiện của họ đều có sức ảnh hưởng lớn, đòi hỏi sự chuẩn mực và trách nhiệm. Sai lầm dù nhỏ cũng có thể làm suy giảm uy tín, mất niềm tin từ công chúng và ảnh hưởng tiêu cực đến cộng đồng.

Nghệ sĩ cần biết điều tiết bản thân, tránh những hành động bộc phát hoặc thiếu kiểm soát. Sự ổn định trong hình ảnh không chỉ giúp họ duy trì sự nghiệp lâu dài mà còn góp phần nâng cao giá trị tinh thần và văn hóa cộng đồng. Một nghệ sĩ thực thụ không chỉ tỏa sáng bằng tài năng mà còn cần ý thức sâu sắc về trách nhiệm với xã hội.

Xã hội hiện đại với tư duy cởi mở và khoan dung đã mang đến nhiều cơ hội để đánh giá nghệ sĩ một cách toàn diện, không chỉ dựa vào sai lầm mà còn xét đến tài năng và cống hiến. Trong bối cảnh hiện đại, ranh giới giữa việc tha thứ và phê phán nằm ở thái độ của nghệ sĩ và sự đánh giá công tâm từ cộng đồng. Những người nghệ sĩ đích thực, nếu thực sự có tài năng và tâm huyết, vẫn có thể vượt qua sóng gió để tiếp tục hành trình của mình.

### Vai trò của công chúng và truyền thông trong việc giúp nghệ sĩ sửa sai

**4. Ông đánh giá thế nào về vai trò của công chúng đối với nghệ sĩ trong bối cảnh hiện nay? Theo ông, công chúng Việt Nam có xu hướng tha thứ cho nghệ sĩ sau những sai lầm hay không và những yếu tố nào ảnh hưởng đến điều này? Với một nghệ sĩ đã mất lòng tin từ công chúng, họ cần làm gì để có thể trở lại làm nghề một cách chính đáng?**

**PGS.TS. Trịnh Hòa Bình:** Vai trò của công chúng trong đời sống nghệ thuật vô cùng lớn, vừa đa dạng, phức tạp, mang tính hai chiều. Công chúng không chỉ đánh giá mà còn góp phần hình thành hành trình quay lại của nghệ sĩ sau sai lầm.

Công chúng Việt Nam không hoàn toàn khước từ cơ hội cho nghệ sĩ, nhưng lại yêu cầu sự chân thành, trách nhiệm và giá trị thực sự. Để khôi phục niềm tin, nghệ sĩ cần chứng

minh sự thay đổi và cống hiến của mình qua nghệ thuật, dù hành trình ấy đầy thử thách.

Câu chuyện về sự trở lại của nghệ sĩ sau sai lầm có lẽ giống như câu hỏi “quả trứng có trước hay con gà có trước”. Một mặt, họ cần cơ hội để sửa chữa và cống hiến. Mặt khác, công chúng và các cơ quan quản lý cũng phải cân nhắc kỹ lưỡng, tránh để sự dễ dãi làm tổn hại đến giá trị đạo đức nghề nghiệp.

Dù vậy, thực tế cho thấy nghệ thuật luôn cần những tài năng thực sự. Dù có những khoảng lặng hay khoảng trống, nếu nghệ sĩ đủ bản lĩnh và quyết tâm sửa chữa, họ vẫn có thể tiếp tục con đường sáng tạo và mang lại giá trị cho cộng đồng.

### 5. Dưới góc nhìn của ông, truyền thông có vai trò như thế nào trong việc “đánh sập” hoặc “cứu vớt” sự nghiệp của nghệ sĩ?

**PGS.TS. Trịnh Hòa Bình:** Truyền thông đóng vai trò vô cùng quan trọng, có thể nâng tầm hoặc vùi dập sự nghiệp của một nghệ sĩ chỉ trong thời gian ngắn. Với sức mạnh định hướng dư luận, truyền thông không chỉ đưa nghệ sĩ lên đỉnh cao danh vọng mà còn có thể tạo ra những áp lực không thể chống đỡ khi họ vướng vào tranh cãi.

Ở Việt Nam, sức mạnh truyền thông cũng được thể hiện rõ qua nhiều sự kiện. Chẳng hạn, khi một nghệ sĩ dính líu đến scandal, truyền thông có thể “đánh chặn” mọi ngã đường, khiến họ không thể lên tiếng thanh minh. Nhưng ngược lại, cũng chính truyền thông có thể tạo điều kiện để nghệ sĩ phục hồi hình ảnh khi dư luận đã nguôi ngoai và có những đánh giá công bằng hơn.

Truyền thông không chỉ đưa tin, mà còn kiến tạo và điều chỉnh các góc nhìn trong xã hội. Điều này vừa là sức mạnh vừa là trách nhiệm. Sử dụng truyền thông đúng cách có thể giúp nâng đỡ giá trị tích cực và sửa chữa sai lầm. Nhưng nếu lạm dụng, nó cũng có thể đẩy nghệ sĩ và các cá nhân khác đến bờ vực sự nghiệp. Vì thế, vai trò truyền thông cần được khai thác một cách tối ưu, tránh trở thành con dao hai lưỡi gây tổn thương không cần thiết.

## Đạo đức nghề nghiệp trong ngành giải trí

6. Thưa ông, trong trường hợp nghệ sĩ mắc sai lầm, công ty quản lý và người đại diện nên đóng vai trò gì để kịp thời ngăn chặn và xử lý hiệu quả các vấn đề phát sinh?

**PGS.TS. Trịnh Hòa Bình:** Nghệ sĩ cần phải chịu trách nhiệm về những gì họ làm ra. Tuy nhiên, điều này thực sự rất mong manh, bởi vì chúng ta nhận thấy rằng phẩm chất của người nghệ sĩ thường không gắn liền với việc “đứng trên mặt đất”, họ thường bay bổng, phiêu diêu trong sáng tạo.

Vai trò của cơ quan quản lý, người đại diện ở đây là cần gần hơn với những nghệ sĩ để trao đổi thẳng thắn, chỉ rõ những điều họ chưa làm tốt. Những ý tưởng nào đang bay bổng quá mức, không thực tế, cần được định hướng lại để họ có thể quay về với tinh thần trách nhiệm. Thay vì chỉ áp dụng các biện pháp kỷ luật cứng nhắc, việc hỗ trợ, đồng hành và định hướng sẽ mang lại hiệu quả bền vững hơn.

Tuy nhiên, nếu hành vi sai lầm của nghệ sĩ vi phạm các giá trị văn hóa, chạm đến vấn đề nhạy cảm, hoặc ảnh hưởng đến lợi ích quan trọng của đất nước, họ cần chịu trách nhiệm pháp lý. Ngược lại, với những sai lầm không quá nghiêm trọng, cần tạo điều kiện để họ nhận ra và sửa chữa, thay vì chỉ trích hay áp đặt quá mức, bởi nghệ sĩ là những người luôn cần không gian sáng tạo và cảm hứng.

7. Theo ý kiến của ông, ngành giải trí Việt Nam cần làm gì để xây dựng hệ thống đạo đức nghề nghiệp rõ ràng và hỗ trợ nghệ sĩ tránh những sai lầm đáng tiếc?

**PGS.TS. Trịnh Hòa Bình:** Việc xây dựng hệ thống đạo đức nghề nghiệp rõ ràng cho ngành giải trí là nhiệm vụ khó khăn, bởi đây là một thiết chế phức tạp, thiếu sự định hướng rõ ràng và một “người cầm lái” thống nhất. Tuy nhiên, không thể phủ nhận rằng việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp là yếu tố cần thiết và cấp bách hơn bao giờ hết.

Trong suốt thời gian qua, vấn đề đạo đức nghề nghiệp trong ngành giải trí dường như bị bỏ ngỏ. Những người bước chân vào lĩnh vực nghệ thuật, dù là sân khấu, điện ảnh hay âm nhạc, vẫn chưa được hướng dẫn và rèn luyện bài bản về chuẩn mực đạo đức. Điều này tạo ra khoảng trống lớn trong việc định hình ý thức trách nhiệm và giá trị cốt lõi cho người nghệ sĩ. Mặc dù nghệ thuật luôn đề cao sự cá tính và sáng tạo, nhưng những giá trị đó phải hài hòa với văn hóa và đạo đức của xã hội.

Chính phủ, các ngành văn hóa và giáo dục cần chung tay xây dựng một môi trường làm việc minh bạch, có hệ thống quy định rõ ràng để hỗ trợ nghệ sĩ tránh mắc phải những sai lầm không đáng có. Đồng thời, việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp không nên chỉ là hình thức, mà cần được thực hiện xuyên suốt trong quá trình hoạt động của mỗi nghệ sĩ.

Ngành giải trí Việt Nam đang ở thời điểm cần thiết để nhìn nhận lại và xây dựng một hệ thống đạo đức nghề nghiệp bài bản, từ đó nâng cao chất lượng sáng tạo nghệ thuật và khẳng định giá trị bền vững của nghệ thuật trong đời sống xã hội.



“

*Nghệ thuật không chỉ cần tài năng mà còn cần sự đồng cảm*

PGS.TS Trịnh Hòa Bình,  
Chuyên gia xã hội học

**8. Thưa ông, liệu chúng ta nên mở cơ hội cho các nghệ sĩ từng mắc sai lầm quay lại sự nghiệp hay việc này cần phải được cân nhắc kỹ lưỡng dựa trên các yếu tố như mức độ sai lầm và quá trình khắc phục của họ?**

**PGS.TS Trịnh Hòa Bình:** Mức độ sai lầm là yếu tố quan trọng để cân nhắc trong việc đối xử với nghệ sĩ, nhưng tinh thần chung vẫn nên là sự bao dung và tha thứ. Đối với giới nghệ sĩ hoặc cá nhân nghệ sĩ từng mắc sai lầm, việc mở lối quay trở lại là điều cần thiết, đặc biệt khi họ có tài năng, khắc phục được lỗi lầm và khơi dậy lại niềm đam mê, tâm huyết với sự nghiệp của mình.

Khi nghệ sĩ có thể đóng góp tích cực, cống hiến cho đời sống xã hội và mang lại giá trị tốt đẹp cho cộng đồng, việc trao cho họ cơ hội làm lại không chỉ là hành động nhân văn mà còn thúc đẩy sự phát triển chung của nền nghệ thuật. Sự cởi mở và đồng hành từ phía công chúng, cơ quan quản lý và cả ngành giải trí sẽ là động lực lớn giúp nghệ sĩ vượt qua khó khăn, khẳng định lại giá trị bản thân.

Nghệ thuật không chỉ cần tài năng mà còn cần sự đồng cảm. Tha thứ không có nghĩa là bỏ qua sai lầm, mà là nhìn nhận khả năng sửa đổi, tạo điều kiện để tài năng thực sự được thăng hoa và mang lại ý nghĩa tích cực cho xã hội.



## ĐÊM NHẠC “NGƯỜI CON ĐẠO HIẾU”: BẢN HÒA CA TÌNH THÂN, LAN TỎA GIÁ TRỊ GIA ĐÌNH VIỆT

CEO. LÊ VĂN THƯƠNG \*

*Tối 25/12, tại Cung Văn hóa Hữu nghị Việt Xô, Hà Nội, chương trình biểu diễn nghệ thuật đặc sắc mang tên “Người Con Đạo Hiếu” đã chính thức diễn ra, đánh dấu một điểm sáng trong chuỗi hoạt động thuộc chiến dịch truyền thông xã hội “Mẹ Việt Nam - Gia Đình Việt Nam”.*

Mở đầu đêm nhạc, ông Lê Văn Thương, CEO Tập đoàn Truyền thông Halotimes, đã có bài phát biểu đầy cảm xúc và ý nghĩa, gửi lời chào chân thành đến các quý vị đại biểu, khách mời, đối tác, doanh nghiệp và toàn thể khán giả.

Ông Lê Văn Thương bày tỏ niềm tự hào khi có cơ hội đồng hành chiến dịch truyền thông xã hội mang giá trị nhân văn sâu sắc, trong không khí chuyển giao giữa năm cũ và năm mới tại Thủ đô Hà Nội.

Trong bài phát biểu, ông Lê Văn Thương nhấn mạnh tầm quan trọng của chiến dịch “Mẹ Việt Nam - Gia Đình Việt Nam” như một hành trình lan tỏa những giá trị văn hóa gia đình và lòng hiếu thảo, những nét đẹp truyền thống của dân tộc Việt Nam trong bối cảnh xã hội hiện đại hóa.

Vị CEO cũng thể hiện sự tự hào khi Halotimes, với vai trò là đơn vị tổ chức, đã kết hợp sức mạnh công nghệ và văn hóa để tạo ra một không gian nghệ thuật vừa sâu lắng vừa hiện đại, đáp ứng nhu cầu của khán giả đa thế hệ.



Ông Lê Văn Thương - CEO Tập đoàn Truyền thông Halotimes phát biểu mở màn chương trình.

“

*“Người con Đạo hiếu” không chỉ là một chương trình nghệ thuật mà còn là món quà tinh thần dành cho mọi gia đình Việt Nam. Đây là sự giao thoa giữa giá trị truyền thống và hơi thở hiện đại, khơi gợi lòng biết ơn, tình thân và lòng hiếu thảo những giá trị cốt lõi cần được giữ gìn và phát huy trong bất kỳ thời đại nào.*

CEO Lê Văn Thương xúc động chia sẻ.

Song song đó, vị CEO cũng nhấn mạnh về 4 giá trị cốt lõi mà Halotimes theo đuổi, bao gồm phát triển ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam, giữ gìn bản sắc dân tộc, đổi mới sáng tạo công nghệ, ứng dụng trí tuệ nhân tạo để góp phần xây dựng chuỗi cung ứng toàn cầu, công nghiệp hóa nông nghiệp Việt Nam, gia tăng giá trị sản phẩm nông nghiệp và thu nhập cho người dân và phát triển báo chí và truyền thông đa phương tiện, đáp ứng xu hướng hiện đại.

Từ những giá trị đó, chiến dịch truyền thông “Mẹ Việt Nam - Gia Đình Việt Nam” được ra đời, với sự phối hợp của các tổ chức uy tín và hàng trăm chuyên gia, nghệ sĩ hàng đầu Việt Nam. Mục tiêu lớn nhất là kết nối, khơi dậy

sức mạnh đại đoàn kết dân tộc và mang lại sự thịnh vượng bền vững cho gia đình Việt.

Khép lại lời phát biểu, ông Lê Văn Thương bày tỏ niềm tin rằng chiến dịch truyền thông “*Mẹ Việt Nam - Gia Đình Việt Nam*” sẽ góp phần lan tỏa những giá trị nhân văn, thúc đẩy tinh thần đại đoàn kết dân tộc và xây dựng một tương lai thịnh vượng cho mọi gia đình Việt Nam.

Đêm nhạc “*Người con đạo hiếu*” là một phần trong chiến dịch truyền thông “*Mẹ Việt Nam - Gia Đình Việt Nam*” do tập đoàn truyền thông Halotimes tổ chức, trong đó bao gồm mục tiêu tạo dựng cầu nối giữa những người con xa quê và gia đình, đồng thời giúp đỡ người dân phát triển bền vững trên chính mảnh đất quê hương.



Chiến dịch truyền thông “*Mẹ Việt Nam - Gia đình Việt Nam*” là chương trình truyền thông xã hội được phát động với mục đích bảo tồn và phát triển văn hoá Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc, trong đó lấy việc phát huy giá trị văn hoá gia đình làm nòng cốt.

Bên cạnh đó, chiến dịch truyền thông “*Mẹ Việt Nam - Gia đình Việt Nam*” cũng sẽ triển khai các chương trình hành động như: Sản xuất Chương trình truyền hình thực tế, chương trình hỗ trợ sản vật địa phương, hội chợ Livestream nông sản trực tuyến, Tuần lễ văn hoá quốc tế...

Chiến dịch truyền thông “*Mẹ Việt Nam - Gia đình Việt Nam*” do các đơn vị truyền thông phối hợp tổ chức gồm: Tập đoàn Truyền thông Halotimes, Tạp chí Nghiên cứu Triết học, Tạp chí Du lịch TP. HCM, Tạp chí Xưa và Nay, Tạp chí Gia Đình Mới, Trang Thông tin điện tử tổng hợp Yolo24h, Mạng xã hội du lịch Soctrip.



MẸ VIỆT NAM  
GIA ĐÌNH VIỆT NAM

# “MẸ VIỆT NAM – GIA ĐÌNH VIỆT NAM” MỞ RỘNG CƠ HỘI CHO SẢN VẬT ĐỊA PHƯƠNG VƯƠN TẦM QUỐC TẾ

QUÁCH NGỌC

*Trong giai đoạn đầu, chiến dịch truyền thông “Mẹ Việt Nam - Gia đình Việt Nam” đã đạt nhiều thành tựu ấn tượng, ghi dấu ấn trong việc bảo tồn văn hóa và thúc đẩy kinh tế địa phương.*

Tháng 9/2024, Tập đoàn Truyền thông Halotimes phối hợp cùng nhiều đối tác chính thức khởi động chiến dịch “Mẹ Việt Nam - Gia đình Việt Nam”. Với mục tiêu bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc, chiến dịch nhấn mạnh vai trò gắn kết giữa văn hóa và kinh tế trong phát triển bền vững.

Trong giai đoạn đầu (tháng 9-12/2024), chiến dịch đã đạt được những kết quả nổi bật. Điển hình là việc ký kết hợp tác với các địa phương, tạo nền tảng đưa sản vật địa phương lên sàn thương mại điện tử (TMĐT), hỗ trợ tiêu thụ bền vững.

## Lan tỏa giá trị văn hóa khắp các vùng miền



Ngày 26/8, Halotimes ký thỏa thuận hợp tác với tỉnh Bắc Kạn nhằm mục tiêu đưa sản phẩm OCOP lên sàn TMĐT. Tại buổi ký kết, ông Lê Văn Thương - CEO Tập đoàn Truyền thông Halotimes tin rằng, người dân phải sống được bằng sản phẩm của mình làm ra, bằng sản vật của địa phương ấy.

Lễ ký kết, hợp tác với tỉnh Bắc Kạn là sự khởi đầu, để đi vào chi tiết hơn, BTC chương trình sẽ tiếp cận với các làng nghề, các doanh nghiệp đang kinh doanh trong lĩnh vực này để

đồng hành. Như vậy, mới tạo ra được doanh nghiệp địa phương phát triển, người dân địa phương làm giàu trên đất quê hương...

Tiếp nối thành công, ngày 11/9, Halotimes hợp tác với thành phố Cần Thơ thực hiện các chương trình quảng bá văn hóa và sản vật địa phương, tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế - văn hóa vùng miền.

Đại diện Sở Công Thương TP Cần Thơ (bên trái) và CEO Tập đoàn truyền thông Halotimes (bên phải) ký kết hợp tác.

Không chỉ dừng lại ở phạm vi trong nước, Halotimes còn mở rộng hợp tác quốc tế. Ngày 25-26/11, sự kiện “Quảng bá & Phát triển văn hóa - Du lịch - Sản vật địa phương Việt Nam - Trung Quốc” được tổ chức với sự tham gia của hơn 100 chuyên gia, nhà khoa học và doanh nghiệp từ hai nước. Điểm nhấn

của sự kiện là thông điệp: “Giúp người nông dân làm giàu trên đất quê hương.”

Theo ông Lê Văn Thương, mục tiêu lớn nhất của chiến dịch là hỗ trợ người dân tiêu thụ nông sản tại địa phương, tạo ra lợi ích cho cả người dân và doanh nghiệp, từ đó xây dựng chuỗi giá trị bền vững.

## Gia đình - Nền tảng cho sự phát triển bền vững

Không chỉ tập trung vào kinh tế và văn hóa, chiến dịch truyền thông “Mẹ Việt Nam - Gia đình Việt Nam” còn đề cao vai trò của gia đình trong việc xây dựng xã hội phát triển bền vững.

Trong khuôn khổ chiến dịch, các chương trình nghệ thuật, văn hóa đặc sắc với chủ đề tôn vinh tình cảm gia đình sẽ được tổ chức, thu hút sự tham gia của nhiều nghệ sĩ nổi tiếng tại Việt Nam như danh ca Ngọc Sơn. Tại sự kiện “Halotimes 8 - Khởi tạo kỷ nguyên mới,” danh ca Ngọc Sơn đã được vinh danh là nhân vật truyền cảm hứng cho chiến dịch.



Nhà Sử học Dương Trung Quốc trao kỷ niệm chương cho Danh ca Ngọc Sơn - nhân vật truyền cảm hứng cho chiến dịch “Mẹ Việt Nam - Gia đình Việt Nam”.

Chia sẻ về quyết định đồng hành cùng chiến dịch, nam danh ca bày tỏ:

*“Chữ hiếu là hành trang quan trọng để mỗi người trẻ bước vào đời. Tôi mong muốn dùng lời ca của mình để lan tỏa giá trị yêu thương và nét đẹp truyền thống gia đình Việt đến với xã hội.”*

Đặc biệt, ngày 25/12, danh ca Ngọc Sơn góp mặt trong chương trình âm nhạc “Người con đạo hiếu” cùng nhiều nghệ sĩ khác như NSND Thu Hiền, NSƯT Thanh Thanh Hiền, NSƯT

Kim Tử Long, ca sĩ Ngô Lan Hương,... Các nghệ sĩ sẽ mang đến những tiết mục không chỉ có tính giải trí mà còn truyền tải thông điệp gắn kết, đề cao giá trị thiêng liêng của gia đình.

## Gia đình - Nền tảng cho sự phát triển bền vững

Chiến dịch “Mẹ Việt Nam - Gia đình Việt Nam” sẽ tiếp tục kéo dài trong năm 2025, hứa hẹn mang đến nhiều hoạt động ý nghĩa và thiết thực. Nổi bật trong số đó là việc sản xuất các chương trình truyền hình thực tế, tổ chức hội chợ livestream nông sản trực tuyến, thực hiện Tuần lễ Văn hóa Quốc tế, cùng với hỗ trợ quảng bá các sản vật địa phương trên các nền tảng truyền thông.

Chiến dịch hướng đến những mục tiêu đầy tham vọng gồm: Tạo ra 1 triệu nội dung trên các nền tảng truyền thông trong nước và quốc tế, góp phần tăng thu nhập cho 2 triệu gia đình Việt Nam, thực hiện 100 công trình nghiên cứu khoa học thông qua các hội thảo, tọa đàm cấp quốc gia và quốc tế, cùng việc sản xuất 1.000 tác phẩm văn học, nghệ thuật, MV và phim.

Các nội dung này không chỉ khẳng định sứ mệnh của chiến dịch mà còn tạo động lực gắn kết chặt chẽ giữa văn hóa và kinh tế, hướng đến sự phát triển bền vững cho cộng đồng.

Hơn cả một chiến dịch truyền thông, “Mẹ Việt Nam - Gia đình Việt Nam” chính là cầu nối đưa những giá trị văn hóa Việt Nam lan tỏa mạnh mẽ, đồng thời góp phần xây dựng một xã hội bền vững dựa trên nền tảng vững chắc của gia đình.

# 5 CHÂN DUNG NHÀ TRIẾT HỌC

## KHỔNG TỬ

**KHỔNG TỬ** (孔子, 551-479 TCN, tên Khâu, tự Trọng Ni. Người ấp Trâu nước Lỗ, nay là Khúc Phụ, Sơn Đông), nhà tư tưởng lỗi lạc thời Xuân Thu, người sáng lập học phái Nho gia.

Tổ tiên của Khổng tử là quý tộc nước Tống, do biến loạn mà chạy sang nước Lỗ. Cha là Lương Ngột từng giữ chức quan nhỏ tại ấp Trâu. Khổng tử từng làm các chức quan nhỏ Tư nghi (trông coi lễ nghi), Ủy lại (quản lý kho lương), Thừa điền (quản lý gia súc) cho nước Lỗ. Thời Lỗ Định Công từng giữ chức Trung đô tể (quan nắm quyền cai quản kinh đô nước Lỗ), Tư không, Tư mã khẩu (trông coi tư pháp). Do bất mãn với Quý Hoàn Tử nắm quyền ở Lỗ mà không lâu sau ông từ chức, chu du các nước Vệ, Tống, Trần, Sái, Sở, nhưng đều không được các nước thời đó sử dụng. Một thời gian dài nhận học trò dạy học, mở ra phong khí học tập tư nhân ngoài quan học. Tương truyền học trò có 3000 người, thông thạo Lục nghệ có 72 người. Cuối đời, Khổng tử quay về nước Lỗ tập trung vào chỉnh lý điển tịch văn hóa. Các chuyên gia văn học cổ nhận định Khổng tử từng san định *Thi*, *Thư*, *Lễ*, *Nhạc*, tập hợp sách *Chu Dịch*, sửa *Xuân Thu*. Do thích đọc *Dịch*, mà ba lần làm đứt gáy sách (vĩ biên tam tuyệt). Những ghi chép này chưa chắc đáng tin cậy hết, nhưng những đóng góp của Khổng tử cho biên định chỉnh lý điển tịch cổ đại là không thể nghi ngờ. Sau khi Khổng tử mất, hình thành nên học phái Nho gia, có ảnh hưởng to lớn tới hậu thế.

Học thuyết của Khổng tử có hai khái niệm cơ bản, một là “Nhân”, hai là “Lễ”. Nhân là “yêu

TS. TRẦN THỊ THÚY NGỌC \*



Ảnh tiengtrunganhduong.com

người (*Luận ngữ*, “Nhân Uyên”), “Nhân giả nhân giả” (Nhân là bản chất người vậy) (*Lễ ký*, “Trung dung”). Coi Nhân là bản chất con người, đồng thời cũng là chuẩn tắc để xử lý mối quan hệ giữa người với người: “kỷ dục lập nhi lập nhân, kỷ dục đạt nhi đạt nhân” (Điều gì mình muốn, hãy làm cho người khác; điều gì mình muốn đạt tới thì hãy thành tựu cho người khác) (*Luận ngữ*, “Ung dã”), “kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân” (điều gì mình không muốn, thì đừng làm cho người khác) (*Luận ngữ*, “Nhân Uyên”). Đây là đạo “trung thứ” “suy kỹ cập nhân” (suy từ mình ra người). Quan niệm “Nhân” mà Khổng tử khởi xướng làm nổi bật tính chủ thể và tính tự giác của con người, có ảnh hưởng tích cực và lâu dài trong lịch sử triết học Trung Quốc. Trong góc độ là phẩm chất đạo đức con người, nội dung của Nhân rất rộng, “cương, nghị, mộc, nột cận Nhân” (Cương cường, quả cảm, chất phác, ăn nói chậm chạp thì gần với đức nhân) (*Luận ngữ*,

“Tử Lộ”), “cung, khoan, tín, mẫn, huệ” (Cung kính, khoan hậu, thành tín, cần cù, từ huệ) cũng nằm trong phạm vi của Nhân.

Mục đích Khổng tử đề xướng “Nhân” là để duy trì và bảo vệ “Lễ”. Lễ là chế độ đẳng cấp tông pháp và quy phạm luân lý, nó giúp cố định mối quan hệ vua tôi, cha con, tôn ti, quý tiện. “Khắc kỷ phục Lễ vi Nhân” (khắc chế bản thân, quay về Lễ là Nhân), “phi Lễ vật thị, phi Lễ vật thính, phi Lễ vật ngôn, phi Lễ vật động” (không phải Lễ thì không nhìn, không nghe, không nói, không hành động) (*Luận ngữ*, “Nhan Uyên”). Tất cả hoạt động của mọi giác quan hợp với Lễ, mới được coi là có Nhân. Nhân chính là nội tâm tự giác tuân thủ theo Lễ: “nhân nhi bất Nhân, như Lễ hà?” (kẻ mà chẳng có điều Nhân, thì có Lễ làm sao được?) (*Luận ngữ*, “Bát dật”). Quan điểm này thể hiện khuynh hướng bảo thủ của Nhân.

Để bảo vệ cho Lễ, Khổng tử còn đề xướng chủ trương “Chính danh”, muốn dùng danh phận cũ của chế độ đẳng cấp tông pháp để sửa chữa lại hiện thực đã thay đổi, cải biến hiện trạng hỗn loạn “quân bất quân, thần bất thần, phụ bất phụ, tử bất tử” (vua không ra vua, tôi không ra tôi, cha không ra cha, con không ra con) (*Luận ngữ*, “Nhan Uyên”). Ông cũng đề xướng quan niệm “trung dung”, cho rằng “quá do bất cập” (thái quá cũng như bất cập) (*Luận ngữ*, “Tiên tiến”), chủ trương không thái quá cũng không bất cập. Dưới góc độ phương pháp, “trung dung” có yếu tố hợp lý. Nhưng “trung dung” cũng lấy Lễ làm thước đo, “Lễ hồ Lễ hồ, phù Lễ sở dĩ chế trung dã” (Lễ ư Lễ ư, Lễ là để chế định trung vậy) (*Lễ ký*, “Trọng Ni yển cử”), vì vậy vẫn có tính hạn chế.

Về chính trị, Khổng tử chủ trương đức trị, giáo hóa, nhấn mạnh “Đạo chi dĩ Đức, tề chi dĩ Lễ” (dẫn dắt dân chúng bằng đức, làm dân chúng ngay ngắn bằng lễ) (*Luận ngữ*, “Vi chính”), “khoan tắc đắc chúng, huệ tắc túc dĩ sử nhân” (rộng rãi sẽ được lòng người, ban ơn huệ sẽ đủ để sai khiến người) (*Luận ngữ*, “Dương hóa”), phản đối việc dùng hình phạt chém giết bừa bãi.

Về thái độ với lịch sử văn hóa, ông tự nhận “thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ” (chỉ thuật

lại chứ không chế tác mới, tin và ưa thích cái xưa” (*Luận ngữ*, “Thuật nhi”), nhưng không phải là người quá nệ cổ. Cho rằng “Ân nhân vu Hạ lễ, sở tổn ích khả tri dã, Chu ân vu Ân lễ, sở tổn ích khả tri dã. Kỳ hoặc kế Chu giả, tuy bách thế khả tri dã” (Lễ nhà Ân bắt nguồn từ nhà Hạ, sự thêm bớt có thể biết được, Lễ nhà Chu từ lễ nhà Ân, sự thêm bớt có thể biết được. Nên lễ của nhà nào kế tục nhà Chu, dù 100 năm nữa vẫn có thể biết được vậy) (*Luận ngữ*, “Vi chính”). Đời sau luôn có thêm bớt so với đời trước, đối với Chu lễ cũng sẽ như vậy.

Về tư tưởng giáo dục, chủ trương “hữu giáo vô loại” (giáo dục không phân chia địa vị) (*Luận ngữ*, “Vệ Linh Công”), “tự hành thúc tu dĩ thượng” (tự mình dâng lên một bó nem tới thầy) (*Luận ngữ*, “Thuật nhi”) thì đều có thể dạy họ tri thức, phá vỡ giới hạn đẳng cấp, mở rộng phạm vi của giáo dục. Nhưng ông cũng căn cứ vào thiên phú mà chia người ra làm bốn kiểu: trên hết là người sinh ra đã biết, sau đó là người học rồi mà biết, sau nữa là người khốn khổ mà học, thấp kém nhất là người khốn khổ mà chẳng học (“Sinh nhi tri chi giả, thượng dã; học nhi tri chi giả, thứ dã; khốn nhi học chi, hạ kỳ thứ dã; khốn nhi bất học, dân tư vi hạ hỹ”). Vậy thì đối tượng của giáo dục sẽ chỉ gói trong kiểu người thứ hai “học nhi tri chi giả”. Về phương pháp giáo dục, ông đưa ra “nhân tài thi giáo” (theo phẩm chất học trò mà dạy bảo), dẫn dắt gợi ý: “bất phần bất khái, bất phi bất phát, cử nhất ngưng bất dĩ tam ngưng phản, tác bất phục dã” (chưa uất ức vì chưa hiểu được thì ta không gợi mở cho. Kẻ nào không hậm hực vì chưa thể nói ra được thì ta chẳng hướng dẫn cho nói. Kẻ đã được ta chỉ cho một góc (vuông) mà chẳng biết tự xét ba góc kia thì ta chẳng dạy nó nữa) (*Luận ngữ*, “Thuật nhi”). Khổng tử nhấn mạnh tới công phu “học nhi thời tập chi” (luyện tập/ôn tập ngay những điều được học) (*Luận ngữ*, “Học nhi”), “ôn cố nhi tri tân” (học cái cũ biết cái mới) (*Luận ngữ*, “Vi chính”). Đồng thời “học” phải đi đôi với “suy nghĩ”, “học nhi bất tư tắc vông, tư nhi bất học tắc đãi” (học mà không suy tư thì sai lầm, suy tư mà không học thì nguy hiểm) (*Luận ngữ*, “Vi chính”).

Ông cũng yêu cầu người học phải có thái độ học tập thành thực: “đa văn khuyết nghi, thận ngôn kỳ dư, tắc quả vuu, đa kiến quyết đãi, thận hành kỳ dư, tắc quả hối” (nghe nhiều, điều gì còn nghi thì để đó, những điều còn lại thì khi nói phải thận trọng, như vậy sẽ ít lỗi. Thấy nhiều, điều gì chưa yên lòng thì khi làm phải thận trọng, như vậy ít phải ăn năn) (*Luận ngữ*, “Vi chính”), “tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri dã” (biết thì bảo là biết, không biết thì nói là không biết, mới là hiểu biết vậy) (*Luận ngữ*, “Vi chính”). Và phản đối chủ quan cố chấp, “Tử tuyệt tứ: vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã” (Khổng tử bỏ hẳn bốn thứ: không có ý riêng, không khẳng khẳng, không cố chấp, không hiểu thắng) (*Luận ngữ*, “Tử Hãn”). Đối với người thì “hối nhân bất quyện” (dạy không biết mệt), với mình thì “học nhi bất yếm” (học không biết chán) (*Luận ngữ*, “Thuật nhi”). Tư tưởng giáo dục của Khổng tử chiếm một vai trò trọng yếu trong lịch sử giáo dục Trung Quốc và thế giới.

Về vũ trụ luận, ông tin rằng có ông trời có ý chí, “hoạch tội ưu thiên, vô sở đảo dã” (mắc tội với trời thì không có chỗ nào cầu xin được) (*Luận ngữ*, “Bát dật”). “Thiên sinh đức ưu dư, Hoàn Đồi kỳ như dư hà?” (Trời sinh đức nơi ta, Hoàn Đồi làm gì được ta?) (“Thuật nhi”), nhưng đa phần những thừa nhận này của ông về trời dùng để an ủi về mặt tinh thần hơn là có tính luận chứng siêu hình học. Ông đề cao “úy thiên mệnh” (sợ mệnh trời) (*Luận ngữ*, “Quý thị”), nhưng cũng nhấn mạnh “tri mệnh” (biết mệnh), “bất tri mệnh, vô dĩ vi quân tử” (không biết mệnh, không thể là quân tử được) (*Luận ngữ*, “Nghieuh viết”). Nhưng “mệnh” của Khổng tử không hoàn toàn theo nghĩa định mệnh, mà chỉ mang nghĩa một số hoạt động của con người không thể vượt qua được tính tất nhiên. Cho nên ông đồng thời cũng coi trọng hành vi con người: “Nhân viễn hồ tai? Ngô dục Nhân, kỳ Nhân chí hĩ” (Điều Nhân xa xôi lắm chăng? Ta muốn thực hiện điều Nhân, thì Nhân liền tới vậy!) (*Luận ngữ*, “Thuật nhi”). “Chí sĩ nhân nhân, vô cầu sinh dĩ hại nhân, hữu sát thân dĩ thành nhân” (Kẻ sĩ có chí, người có Nhân, không ai hại điều Nhân để

cầu mạng sống, mà có người hi sinh mạng sống để thành tựu điều Nhân vậy) (*Luận ngữ*, “Vệ Linh Công”).

Về nhân sinh quan, ông lựa chọn thái độ tích cực. Tử Lộ hỏi về quỷ thần, ông trả lời: “Vị năng sự nhân, yên năng sự quỷ?” (Thờ người còn chưa xong, sao thờ quỷ thần được), hỏi về cái chết, ông nói: “Vị tri sinh, yên tri tử” (sống còn chưa biết hết, biết sao được chết?) (*Luận ngữ*, “Tiên tiến”). Nhưng đồng thời, vẫn coi trọng tế tự, “Tế như tại, tế thần như thần tại” (Cúng như người được cúng đang hiện hữu, tế thần như đang có thần ở đó) (*Luận ngữ*, “Bát dật”). Có điều, ông chủ trương “kính quỷ thần nhi viễn chi” (kính trọng quỷ thần nhưng phải giữ khoảng cách) (*Luận ngữ*, “Ung dã”).

Khổng tử và tư tưởng của Khổng tử sinh thời không được coi trọng. Nhưng tới thời Chiến Quốc, Nho học trở thành một trong những học phái được trọng vọng (hiển học). Từ thời Hán về sau, tư tưởng của Khổng tử liên tục được bổ sung và sửa đổi, trở thành tư tưởng thống trị trong xã hội phong kiến Trung Quốc, ảnh hưởng rất sâu đậm. Khổng tử thời Xuân Thu và nhân vật Khổng tử về sau được các nhà tư tưởng và những kẻ thống trị kế thừa, phê phán, lợi dụng hoặc núp bóng có nhiều sự khác biệt. Ông được hậu thế tôn thành “chí thánh tiên sư” (vị thầy đầu tiên có tư cách thánh nhân), “vạn thế sư biểu” (người thầy tiêu biểu của muôn đời), “tổ vương” (ông vua không có ngại vàng). Sách *Luận ngữ* hiện còn là tư liệu chủ yếu để nghiên cứu về Khổng tử. Tả truyện và Sử ký cũng lưu giữ những ghi chép một số sự tích về Khổng tử.

## TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Chu Hi, *Tứ thư tập chú*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1989.
2. Nhóm Dương Hồng chú dịch, *Tứ thư*, Trần Trọng Sâm, Kiều Bách Vũ Thuận biên dịch Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2003.
3. Phùng Hữu Lan, *Lịch sử triết học Trung Quốc*, tập 1: Thời đại Tử học, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2006.
4. Lý Minh Tuấn, *Tứ thư bình giải*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2010.

## GS.TS NGUYỄN TRỌNG CHUẨN: “TRIẾT HỌC LÀ CÁNH CỬA MỞ RA TƯ DUY VÀ NHẬN THỨC”

LƯƠNG HIỀN

*Ở tuổi 84, Giáo sư, Tiến sĩ (GS.TS.) Nguyễn Trọng Chuẩn vẫn khiến bao người nể phục bởi tinh thần cống hiến cho lĩnh vực triết học.*



GS.TS Nguyễn Trọng Chuẩn (Ảnh: Lương Hiền)

Với vai trò Tổng biên tập Tạp chí Nghiên cứu Triết học cùng 15 năm đảm nhiệm vị trí Viện trưởng Viện Triết học, GS.TS. Nguyễn Trọng Chuẩn không chỉ ghi dấu bằng những thành tựu nghiên cứu mà còn có những đóng góp quan trọng trong lĩnh vực đào tạo.

Ông đã trực tiếp tham gia giảng dạy, hướng dẫn và đào tạo nhiều thế hệ Cử nhân, Thạc sĩ và Tiến sĩ Triết học tại các cơ sở giáo dục trên toàn quốc, góp phần xây dựng nền tảng vững chắc cho sự phát triển của triết học Việt Nam trong thời kỳ hiện đại. Tuy nhiên, ít ai biết rằng, để trở thành một học giả xuất chúng trong lĩnh vực triết học, GS.TS. Nguyễn Trọng Chuẩn đã trải qua một hành trình đầy thử thách.

### **Khẳng định bản thân trong lĩnh vực Triết học**

Sinh ra trong một gia đình nông thôn nghèo tại Thanh Hóa, GS.TS. Nguyễn Trọng Chuẩn đã trải qua những năm tháng tuổi thơ đầy khó khăn. Dù vậy, với sự quyết tâm không mệt mỏi, ông đã hoàn thành lớp 10 và thi đỗ vào Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Vào năm 1959, ông được cử đi du học tại Liên Xô, một cơ hội vô cùng quý báu trong bối cảnh đất nước lúc bấy giờ.

GS.TS Nguyễn Trọng Chuẩn cho biết: “Lúc đó, tôi chỉ mới 19 tuổi, mới bắt đầu tiếp xúc triết học. Tuy nhiên, tôi chưa hề hiểu rõ triết học là gì. Để tiếp cận và tìm hiểu môn học này, tôi phải tự mình tìm tòi, nghiên cứu sách vở, trong khi tài liệu triết học vào thời điểm đó lại rất khan hiếm”.

Thời gian đầu tại Liên Xô đầy thử thách với ngôn ngữ và điều kiện sinh hoạt khó khăn.

Dù vậy, ông vẫn kiên trì học tập và vượt qua mọi khó khăn để đắm mình trong thế giới triết học.

GS.TS Nguyễn Trọng Chuẩn kể lại: “Năm đầu học rất vất vả, chỉ có thể thi được một môn, tôi nhớ đó là môn Logic học, môn học ít ngôn ngữ nhất, vì ngôn ngữ còn khó hơn cả bản thân môn học. Tôi và các bạn cùng lớp không chỉ phải học triết học mà còn phải đối mặt với nhiều thử thách về cuộc sống sinh viên ở một đất nước xa lạ”.

Nhìn lại hành trình dài này, ông cho biết, khoảnh khắc đáng nhớ nhất trong cuộc đời chính là giai đoạn phải tự khẳng định mình. Ông không chỉ phải chứng minh năng lực học thuật mà còn phải duy trì lập trường chính trị vững vàng trong một thời kỳ đầy thử thách.

Sau khi về nước, GS.TS. Nguyễn Trọng Chuẩn được phân công về Đại học Tổng hợp Hà Nội, nơi ông bắt đầu sự nghiệp giảng dạy môn Triết học Mác - Lênin.

Tháng 11 năm 1968, ông gia nhập Viện Triết học (Việt Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam) và gắn bó với công tác nghiên cứu và giảng dạy tại đây. Tuy nhiên, vào cuối năm 1970, ông quyết định tiếp tục học thêm một chuyên ngành sinh học tại Đại học Tổng hợp Hà Nội. Từ một sinh viên triết học, ông đã mở rộng phạm vi nghiên cứu sang lĩnh vực sinh học.

Nhìn lại hành trình đã qua, GS.TS. Nguyễn Trọng Chuẩn nhận định rằng, chính sự kiên trì và quyết tâm khẳng định bản thân là yếu tố giúp ông vượt qua những khó khăn và định kiến để đạt được thành công hôm nay.

*“Triết học không chỉ là lý thuyết mà còn mang giá trị thực tiễn cao”*

Trong hơn nửa thế kỷ hoạt động khoa học, GS.TS. Nguyễn Trọng Chuẩn đã xuất bản 90 cuốn sách, giáo trình, trong đó có các tác phẩm viết riêng, viết chung, chủ biên và đồng chủ biên, được phát hành trong nước và quốc tế. Ông cũng đã công bố hơn 200 bài báo trên các tạp chí khoa học uy tín. Phạm vi nghiên cứu của ông rất phong phú, trải rộng trên nhiều lĩnh vực.

Là Giáo sư, Tiến sĩ Triết học và cử nhân sinh học, GS.TS Nguyễn Trọng Chuẩn được biết đến như một trong những người tiên phong xây dựng và giảng dạy về triết học trong khoa học tự nhiên tại các cơ sở đào tạo lớn ở Hà Nội, Huế và TP.HCM. Ông đã đóng góp nhiều chuyên đề quan trọng, được thể hiện qua các tác phẩm nổi bật như: Vai trò phương pháp luận của Triết học Mác - Lênin đối với sự phát triển của khoa học tự nhiên (giành Giải thưởng Ủy ban Khoa học Xã hội, 1977); Triết học - Khoa học tự nhiên - Cách mạng khoa học kỹ thuật (xuất bản bằng tiếng Nga và tiếng Việt; nhận Giải thưởng của Viện Triết học Liên Xô), Một số vấn đề về triết học, con người và xã hội (2002) “Chủ nghĩa Mác đồng hành cùng nhân loại ở thế kỷ XXI” (2023); “Trụ cột văn hóa - một góc nhìn” (2024). Những đóng góp này còn được ghi nhận qua hàng loạt bài báo chuyên ngành và các công trình nghiên cứu khác,

khẳng định tầm vóc và sự cống hiến của ông trong lĩnh vực triết học.

GS.TS Nguyễn Trọng Chuẩn vẫn miệt mài viết sách, báo hàng ngày.

GS.TS Nguyễn Trọng Chuẩn nhấn mạnh vai trò quan trọng của triết học trong cuộc sống, ông chia sẻ: “Triết học không chỉ là lý thuyết mà còn mang giá trị thực tiễn cao. Triết học dạy cho con người cách sống, cách nghĩ, cách làm và cách ứng xử có văn hóa.

Triết học cho phép chúng ta nhìn nhận cuộc sống một cách sâu sắc hơn, đặc biệt trong những lúc khó khăn. Nó giúp xác định cuộc sống nên thế nào, cách thức để vượt qua thử thách và thích ứng với hoàn cảnh. Một cuộc sống thiếu đi tầm nhìn triết học sẽ trở nên hạn chế, khó tiên đoán và khó ứng phó với những gì có thể xảy ra trong tương lai.

Khi đi vào triết học, chúng ta sẽ cảm thấy yêu nghề bởi những giá trị mà nó mang lại và những gì chúng ta được trang bị. Có một giai đoạn tôi đã viết về lịch sử triết học và giờ đây, những cuốn sách đó đã trở thành sách hiếm ở Việt Nam”.

Từ giữa những năm 1970, GS.TS. Nguyễn Trọng Chuẩn đã sớm đề xuất nhiều ý kiến mang tính tiên phong về các vấn đề môi trường và bảo vệ môi trường trong quá trình công nghiệp hóa ở Việt Nam, những vấn đề hiện nay trở thành mối quan tâm cấp bách. Ông cũng đặt ra các luận điểm sâu sắc về vai trò động lực của dân chủ, khoa học và công nghệ, nguồn nhân lực, văn hóa và các giá trị truyền thống đối với sự phát triển xã hội. Đồng thời, ông nêu lên những ý tưởng như việc cho phép đảng viên làm kinh tế tư nhân, cũng như phân tích các vấn đề liên quan đến con người, toàn cầu hóa, những thách thức toàn cầu và con đường phát triển xã hội hướng đến chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

GS.TS. Nguyễn Trọng Chuẩn luôn nhấn mạnh tầm quan trọng của việc nhận thức đúng đắn và chính xác các quan điểm của những nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác qua từng giai đoạn sáng tạo khác nhau. Ông cho rằng cần đặc biệt chú trọng việc dịch lại các tác phẩm của C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin

một cách chính xác để làm cơ sở khoa học trong việc xác định con đường phát triển xã hội và lộ trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

### **Triết học - cánh cửa mở ra tư duy và nhận thức**

GS.TS. Nguyễn Trọng Chuẩn không chỉ là người nghiên cứu mà còn là người góp công lớn trong việc đào tạo Cử nhân, Thạc sĩ và Tiến sĩ Triết học ở tất cả các cơ sở đào tạo những bậc học vấn này trong cả nước.

Chia sẻ về tầm quan trọng của triết học trong giáo dục đại học và đời sống hiện đại, ông khẳng định: “*Triết học trang bị cho con người một hệ thống kiến thức nền tảng, giúp họ nhìn nhận sâu sắc và toàn diện về cuộc sống, xã hội, cũng như bản chất của sự vật. Đây chính là*

*cánh cửa mở ra tư duy và nhận thức, giúp con người không chỉ hiểu lý thuyết mà còn áp dụng hiệu quả trong công việc và khoa học.*

*Thực tế, triết học không hề khó, vấn đề nằm ở chương trình giảng dạy quá cứng nhắc và giáo trình chưa được đổi mới. Nếu dạy đúng cách, triết học sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về thế giới, con người và cuộc sống. Nó còn giúp họ định hướng nghề nghiệp và tư duy một cách toàn diện”.*

GS.TS Nguyễn Trọng Chuẩn nhấn mạnh, để sinh viên yêu thích triết học, trước tiên phải cung cấp cho họ nền tảng kiến thức về lịch sử triết học. Triết học không hình thành trên mảnh đất trống mà là sự kế thừa và phát triển của tư duy nhân loại từ thời cổ đại cho đến hiện tại. Nếu không hiểu được quá trình hình thành và phát triển này, sinh viên sẽ khó nắm bắt giá trị của triết học trong lịch sử cũng như các điểm mà lịch sử đã vượt qua nó.

Nói về hạn chế trong việc dạy triết học hiện nay, ông cho biết, thời gian học môn Triết học nói chung và Triết học Mác Lênin nói riêng của sinh viên còn ít, sinh viên chỉ có vài buổi lên lớp và phải học nhiều môn khác, khiến việc tiếp cận triết học trở nên khó khăn và dễ bị coi là khô khan. Để thay đổi điều này, cần có cách truyền đạt sinh động hơn, khơi gợi sự tò mò và khát vọng tìm hiểu của sinh viên. Nếu giảng viên không đủ tâm huyết và sáng tạo hoặc giáo trình không hấp dẫn, sinh viên sẽ dễ mất hứng thú. Nhưng một khi đã tiếp cận sâu sắc, triết học sẽ mở ra những chân trời mới về tư duy và nhận thức.

GS.TS. Nguyễn Trọng Chuẩn cho rằng: “*Trong suốt những năm giảng dạy, tôi chưa bao giờ thấy sinh viên thực sự chán triết học. Nhưng mức độ yêu thích phụ thuộc rất nhiều vào cách giảng dạy và khả năng khơi dậy khát vọng khám phá của người học.*

*Người trẻ ngày nay rất năng động và thích tìm tòi những điều mới mẻ. Vấn đề là làm sao để nội dung triết học trở nên thú vị và dễ tiếp cận hơn với họ. Tôi tin rằng, nếu giảng viên dạy bằng cả cái tâm, sinh viên sẽ cảm nhận được và tự khơi dậy sự yêu thích với môn học”.*



## ĐẠI SƯ TINH VÂN

HƯƠNG LIÊN (SỬU TÂM)

### Đừng sợ đi chậm, chỉ sợ đứng yên.

Bạn bè thực sự không phải là những người có thể ngồi với nhau nói chuyện cả ngày không hết mà là những người ngay cả khi chẳng nói với nhau câu nào vẫn không cảm thấy ngại ngùng.

Một cốc nước sạch vì một giọt nước bẩn mà trở nên vẩn đục, nhưng một cốc nước đục không thể vì một giọt nước sạch mà trở nên tinh khiết.

Trên đời không có sự phân biệt rõ ràng giữa bị kích và hỉ kích, nếu ai có thể bước ra từ bị kích thì đó là hỉ kích. Nếu ai chìm đắm mãi trong hỉ kích thì đó là bị kích.

Nếu không đọc sách, đi vạn dặm đường chẳng qua cũng chỉ là một người đưa thư.

Cái khuy áo đầu tiên cài sai, cái sau cùng khó mà chữa được.

Nếu ai thực sự tài năng, thì người đó sẽ không sợ mình không may mắn.

Ngựa thường dễ bị khuyu chân trên những con đường đất mềm, con người dễ ngã gục trong những lời đường mật.

Đừng sợ rằng mình không biết một cái gì đó. Hãy sợ rằng mình không chịu tìm hiểu về nó.

Thời gian tốt nhất để trồng cây là vào 20 năm trước. Thời gian tốt thứ hai là ngay bây giờ.



# 7 ARTICLES' ABSTRACTS IN ENGLISH

## SOME THEORETICAL INSIGHTS ON VALUES AND VALUE SYSTEMS

Assoc. Prof. Dr. Vu Hoang Cong

**Abstract:** The article raises several questions regarding the concepts, characteristics, and formation processes of values and value systems. After presenting the approaches to the concept of value, the process of value formation, and value systems, along with the important characteristics of value and value systems such as similarities and differences, stability and change, the article emphasizes the necessity of filtering and supplementing value systems, and outlines the role of subjects in filtering and supplementing values and value systems.

**Keywords:** Concept of value, Value System, value formation, role of subjects

## THE IMPACT OF THE TRADITIONAL VALUE OF PATRIOTISM ON LEADERSHIP AND MANAGEMENT CADRES IN THE CURRENT CONDITION OF VIETNAM

Dr. Nguyen Thi Thu Huong

**Abstract:** Patriotism is a treasured traditional value of the Vietnamese people and a fundamental ethical quality of the revolutionary. In the current context of rapid development and international integration, this value is even more significant for leadership and management cadres. Patriotic leaders and managers continuously cultivate revolutionary ethics, lead modest lives, and maintain close ties with the people. The patriotism drives them to work with their utmost dedication, always prioritizing the interests of the nation and people above personal interests. They consistently fulfill their assigned duties with excellence, take responsibility in serving the people, and devote themselves to the nation, contributing to building a stronger, more prosperous, and civilized Vietnam..

**Keywords:** patriotism, traditional patriotic values, leadership, management.

## THE IMPACT OF DIGITAL MEDIA ON VIETNAM'S TRADITIONAL CULTURAL VALUES: CURRENT SITUATION AND SOLUTIONS NGO THI NHAM

Dr. Pham Dinh Khue

**Abstract:** This paper examines the impact of digital media on traditional cultural values in Vietnam, including family values, customs, festivals, and lifestyles. Digital

media, encompassing social networks and online platforms, is gradually transforming the way people approach, perceive, and participate in traditional cultural activities. By synthesizing data, insights from cultural management experts, and key policy documents of the Party and the State, this study provides an in-depth view of changes in traditional cultural values and offers directions to preserve and promote national cultural identity. Additionally, the paper proposes solutions to balance the development of digital media with the preservation of Vietnam's traditional cultural values.

**Keywords:** digital media, traditional culture, family values, festivals, customs, cultural identity, content management, cultural education.

## THE ENLIGHTENMENT FROM BERDYAEV'S PERSPECTIVE

Dr. Phan Thanh Nham; Dr. Le Thi Vinh

**Abstract:** Nikolai Berdyaev (1874-1948) was a renowned Russian philosopher of the 20th century. He offered profound insights into the Enlightenment and its impact on modern individuals and society. Exploring Berdyaev's views on the Enlightenment provides a critical perspective on the values typically associated with the Enlightenment, often celebrated for their contribution to social progress. At the same time, it underscores the importance of preserving spiritual and metaphysical values in the holistic development of humanity. Based on a thorough examination of Berdyaev's works, particularly *The Meaning of History*, this article will analyze the following key points: (1) The nature of the Enlightenment from Berdyaev's perspective; (2) The limitations of the Enlightenment; (3) Berdyaev's proposed solution for reconciling the progressive values of the Enlightenment with the need for metaphysical foundations and spiritual life, aiming to create a society that achieves a balance between reason and spirituality.

**Keywords:** Berdyaev, Enlightenment, reason, intellect.

## SOME THEORETICAL ISSUES ABOUT SOCIAL JUSTICE IN EDUCATION

Dr. Doan Thị Quy

**Abstract:** Social justice in general, and justice in education in particular, are always values that every civilized society aims at them. The more developed a society is, the more people appreciate justice in education. It can be said that social justice is one of the important criteria of several (philosophical) schools today. However, although it has been mentioned a lot in political philosophy and educational philosophy's works, not all schools clearly explain what social justice is? Which social justice theories that schools base on to make their commitments to justice in education? In this article, the author points out some definitions of social justice in education, several ways to classify justice theories in education and denotes some theories of social justice in education that are considered prominent today. These are the theories: distributive justice theory and relational justice theory.

**Keywords:** social justice, social justice in education; distributive justice theory; relational justice theory

## THE INFLUENCE OF NGHE CULTURAL SPACE ON THE FORMATION OF JUNIOR DOCTOR NGUYEN SINH SAC'S CHARACTER

Dr. Dinh Quang Thanh

**Abstract:** Junior Doctor Nguyen Sinh Sac (1862-1929) is a symbol of patriotism, dedication to the people, innovation, and resilience of the Vietnamese people in their struggle for national liberation. With his noble character, Junior Doctor Nguyen Sinh Sac left a significant mark on the nation during the late 19th and early 20th centuries. Therefore, the study of Junior Doctor Nguyen Sinh Sac's character contributes to illuminating the unique values he left in the historical flow of the nation.

**Keywords:** Nguyen Sinh Sac, Nghệ culture, Nghe cultural space, Nguyen Sinh Sac's character formation.

## FROM THE GENERAL CONCEPT OF CULTURE TO THE CONCEPT OF POLITICAL CULTURE AND ITS STRUCTURE AND FUNCTIONS

M.A. Pham Thi Thuy An

**Abstract:** Discussing political culture means addressing an aspect of culture that reflects the typical/particular way of philosophizing, understanding of power, and the ways power is exercised by ruling subjects. It shows the distinct characteristics of the political and social understanding and activities of people in a certain society. Based on the general concept of culture, this article clarifies the content of the concept of political culture, as well as its structure and functions in building a clean and strong rule of law state in Vietnam.

**Keywords:** Culture, political culture, structure of political culture, role of political culture

## PROMOTING THE ISLAMIC RESOURCES IN THE CHAM ETHNIC COMMUNITY IN THE SOUTHERN REGION

M.A. Bui Thi Huong

**Abstract:** Promoting the cultural and moral values, as well as the resources of religions, plays a crucial role in the economic and social development of each region and locality. Based on the analysis of the situation of promoting Islamic resources in the economic, cultural, and social development of the Cham community in the Southern region, this paper evaluates the achievements and limitations. The author proposes some solutions to enhance the effectiveness of promoting Islamic resources within the Cham ethnic community in the Southern region today.

**Keywords:** Islam, Islamic resources, Cham ethnic group, Cham ethnic group in the Southern region.

## EXPLANATION OF THE WORLD AND HUMAN BEINGS IN THE FUNERAL RITUALS OF CAO DAI RELIGION

Dr. Nguyen Huu Thu; Nguyen Quang Vinh

Funeral rites are one of the important rituals of ethnic groups. They not only reflect the religious life, beliefs, and cultural practices of the living toward the deceased but also express the community's philosophy of human existence. Cao Dai is a homegrown Vietnamese religion founded in 1926 in the Southern region of Vietnam. It is one of the major religions in Vietnam, playing a significant role in the cultural, economic, and socio-political life of

the country. This article seeks to explore the philosophy of human life - the views on the world and human beings - as expressed in the funeral rituals of the Cao Dai religion.

**Keywords:** Philosophy of human life; Cao Dai religion; Cao Dai funeral rituals.

## TRADITIONAL DANCE OF THE CHAM ETHNIC GROUP IN THE DEVELOPMENT OF CONTEMPORARY CULTURE AND TOURISM IN NINH THUAN

Dr. Nguyen Khanh Ngoc, Dr. Nguyen Thi Tuyet Nhung and Dr. Dang Ha Chi

In the context of globalization and modernization, the traditional dance of the Cham ethnic group is facing significant challenges, ranging from preserving its unique cultural identity to connecting with new cultural elements. The intrusion of modern cultural trends, along with changes in the lifestyle and entertainment demands of the younger generation, has created considerable pressure on traditional art forms in general, and Cham traditional dance in particular. This not only affects the survival of Cham dance but also increases the risk of diminishing the distinctive cultural values of the community. Researching Cham dance in contemporary cultural life helps to clarify the positive transformations made by Cham traditional dance in adapting to modern times, thereby facilitating a deeper understanding of Cham dance within the community. Moreover, analyzing the challenges faced by Cham dance opens up opportunities to propose solutions for preserving and developing this art form. These solutions may include integrating Cham dance into educational programs, developing community cultural activities, and leveraging cultural tourism potential to attract public attention. Through this, the study contributes to both the preservation of cultural heritage and the creation of new directions for Cham dance in the modern cultural environment.

**Keywords:** traditional dance, Cham dance art, tourism development in Ninh Thuan

## DEVELOPMENT OF BORDER TOURISM IN QUANG NINH WITHIN THE MODERNIZATION TRENDS: VIETNAM - CHINA

Dr. Nguyen Thu Thuy

**Abstract:** The development of border tourism between Vietnam and China leverages the potential of border localities in both countries, gradually fostering comprehensive cooperation that aligns with the demands of international integration in the modernization era. Recently, challenges such as complex customs procedures, inadequate infrastructure and accommodations, lack of distinctive tourism products, and risks in building a sustainable tourism environment have hindered border tourism from reaching its full potential.

The involvement of authorities, including Quang Ninh Province's People's Committee, the provincial Department of Tourism, and travel companies, in upgrading transport services, streamlining customs processes, and developing thematic tours (e.g., historical and cultural sites) promises to attract a growing number of tourists interested in this sector. Such efforts contribute to enhance economic, cultural, and political exchanges between Vietnam and China.

**Keywords:** border tourism, travel companies, Quang Ninh border gates, tourism products.

## THỂ LỆ GỬI BÀI TẠP CHÍ

1. Tạp chí Nghiên cứu Triết học đăng các bài nghiên cứu thuộc lĩnh vực triết học và các lĩnh vực chuyên môn có liên quan đến triết học. Tác giả chịu trách nhiệm về nội dung cơ bản cũng như các trích dẫn được sử dụng trong bài.
2. Bài viết cần ghi rõ họ và tên, chức danh khoa học, địa chỉ, điện thoại, email của tác giả.
3. Bài viết được soạn theo phong chữ Times New Roman; có độ dài không quá 6.000 từ; tóm tắt không quá 300 từ; từ khóa 3-5 từ.
4. Nội dung bài viết gồm 4 phần: Giới thiệu (mở đầu hoặc đặt vấn đề), nội dung, kết luận.
5. Tài liệu trích dẫn sắp xếp theo thứ tự tiếng Việt - tiếng nước ngoài - các trang website có đường dẫn cụ thể; Trình tự: 1. Tên tác giả, năm xuất bản, tên sách hoặc tên tài liệu, nhà xuất bản, nơi xuất bản. Ví dụ: 1. Hồ Chí Minh (2011): Toàn tập, t.4, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội. Trích dẫn tiếng Việt xếp theo tên tác giả (thứ tự A, B, C); tiếng nước ngoài xếp theo họ (ví dụ: Các Mác xếp theo M).
5. Nguồn của trích dẫn được đặt trong ngoặc vuông, số đầu là số thứ tự tài liệu trích dẫn, tiếp theo là số trang của tài liệu. Ví dụ: [1, tr.10].
6. Bài gửi đến Tòa soạn, chấp nhận đăng hay không đăng, Tòa soạn không trả lại bản thảo cho tác giả.
7. Bài viết được gửi theo hộp thư điện tử: tapchincthv@gmail.com  
Điện thoại liên hệ: 098 983 4161 hoặc: 094 214 8999.





# MẸ VIỆT NAM GIA ĐÌNH VIỆT NAM

Đoàn kết một lòng vì dân tộc Việt Nam

Dòng chảy của văn hóa bắt nguồn từ Mẹ Âu Cơ cùng truyền thuyết “trăm trứng đẻ trăm con”. Cùng với cha Lạc Long Quân, mẹ Âu Cơ được xem là tổ tiên của dân tộc Lạc Việt - khởi nguồn của đất nước Việt Nam chúng ta ngày nay.

Theo truyền thuyết, Mẹ Âu Cơ chính là người đã dạy dỗ và truyền lại nhiều kỹ thuật quan trọng cho người nông dân Việt Nam như trồng trọt, chăn nuôi, quản lý mùa màng, phòng chống thiên tai... Không chỉ đảm bảo cho người nông dân một cuộc sống sung túc, Mẹ còn phát triển văn hóa qua việc định hình các phong tục tập quán đầu tiên của người Việt. Hình ảnh Mẹ Âu Cơ gắn liền với văn minh nông nghiệp lúa nước, tạo nên một niềm tự hào về bản sắc văn hóa và cũng khẳng định giá trị không thể thay thế của người phụ nữ trong gia đình, cộng đồng. Các câu chuyện về bà được lưu truyền qua các thế hệ, nhắc nhở chúng ta về những giá trị của gia đình, lòng yêu nước và sự gắn kết trong cộng đồng.

Là một dân tộc gắn liền nền văn minh lúa nước đã hàng nghìn năm chăm chỉ cày sâu cuốc bẫm, “bán mặt cho đất, bán lưng cho trời”, thế nhưng, xã hội hiện đại đã khiến những người con, người cháu sớm rời xa cánh đồng lúa, con trâu để đến với nhịp sống công nghiệp hóa nơi thị thành. “Quê nhà” chỉ còn là nơi để về thăm trong những dịp đặc biệt như Lễ, Tết. Những làng nghề truyền thống dần dà bị mai một, bởi những người trẻ đã không còn mấy ai mặn mà với việc sống ở quê, kế thừa và nối nghiệp gia đình. Những bữa cơm canh nóng hổi được nấu từ vườn rau, vườn cây ăn quả của bà và từ tình yêu của mẹ đã nhường chỗ cho những suất ăn công nghiệp.



Với tình yêu thương và trách nhiệm trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam, Halotimes mong muốn phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; lấy việc bảo tồn và phát triển các giá trị văn hoá truyền thống làm trọng tâm, từ đó mang lại sự thịnh vượng cho những gia đình Việt Nam.

Trong tương lai, khi những người nông dân có thể làm giàu trên đất quê hương, kế thừa và phát triển từ những công việc, nghề nghiệp mà cha ông để lại thì cũng chính những gia đình ấy tạo nên một gia đình Việt Nam đoàn kết và thịnh vượng.

Đó cũng là lý do chiến dịch “Mẹ Việt Nam - gia đình Việt Nam” ra đời.

ĐƠN VỊ ĐỒNG TỔ CHỨC

<https://mevietnam.vn>

Du lịch



Soctrip

KHUA HẠC

YOIO.VN

Tap chí điện tử  
GIA ĐÌNH MỚI